

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phạm Thái (II)

Tiêu sơn tráng sĩ



### Mục Lục

Tiêu sơn tráng sĩ – Thụy Khuê – 2
<b>Sư ông - 5</b>
Xu hướng Khai Hưng – Nhật Thịnh – 8
<b>Rượu tiên chưa tàn - 21</b>
Tiêu Sơn tráng sĩ: Tiểu thuyết dã sử nổi tiếng của Khai Hưng – Trọng Đạt - 23

\*\*\*

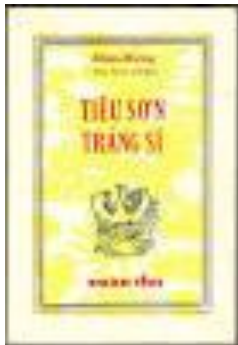
### Tiêu sơn tráng sĩ – Khai Hưng

Hồi 1: Người khách lạ - 31
Hồi 2: Bền lo - 36
Hồi 3: Sư ông - 39
Hồi 4: Tiêu Sơn kết nghĩa - 42
Hồi 5: Trên lầu Tiêu Lĩnh - 45
Hồi 6: Quan quân - 52
Hồi 7: Bà hoàng phi họ Nguyễn - 55
Hồi 8: Cửa Bắc - 58
Hồi 9: Trong rừng Đình Bảng - 61
Hồi 10: Chín và sống - 66
Hồi 11: Cái võng thịt - 70
Hồi 12: Tờ phả khuyến - 73
Hồi 13: Quân sự tụ hội - 77
Hồi 14: Cái trống lớn - 80
Hồi 15: Ai lên xứ Lạng cùng anh - 83
Hồi 16: Sông nước - 87
Hồi 17: Một nhà ẩn sĩ - 89
Hồi 18: Sấm - 92
Hồi 19: Đả lô đài - 96
Hồi 20: Vua Chiêu Thống - 99
Hồi 21: Thanh Xuyên hầu - 102

- Hỏi 22: Tâm sự - 103  
Hỏi 23: Cái cũ người - 106  
Hỏi 24: Nguyễn công tử - 108  
Hỏi 25: Tướng ấy là ai? - 111  
Hỏi 26: Mưu mô - 113  
Hỏi 27: Bại lộ - 115  
Hỏi 28: Đường hầm - 116  
Hỏi 29: Ma hiện hồn - 118  
Hỏi 30: Việc lớn - 122  
Hỏi 31: Chùa Non Nước - 124  
Hỏi 32: Bi ai - 128  
Hỏi 33: Kiến Xuyên hầu - 130  
Hỏi 34: Long Cơ - 133  
Hỏi 35: Thử tài - 135  
Hỏi 36: Rượu tiễn chửa tàn - 138  
Hỏi 37: Cảnh đều tàn - 140  
Hỏi 38: Quán Bạch Phụng - 143  
Hỏi 39: Cô hàng trâu nước - 146  
Hỏi 40: Chủ quán - 149  
Hỏi 41: Hành hình - 152  
Hỏi 42: Thầy tướng số - 154  
Hỏi 43: Tìm bạn đồng chí - 156  
Hỏi 44: Sơ kính tân trang - 159  
Hỏi 45: Quyển phóng - 161  
Hỏi 46: Kén rẽ - 164  
Hỏi 47: Nói chuyện văn chương - 170  
Hỏi 48: Khóc Trương Quỳnh Như - 172  
Hỏi 49: Trên đường thiên lý - 173

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Tiêu sơn tráng sĩ Thụy Khuê



Tại sao Khải Hưng viết *Tiêu sơn tráng sĩ*? Một câu hỏi cần thiết. Khải Hưng viết *Tiêu sơn tráng sĩ* để kiện toàn một đời người, một đời văn, một cuộc đấu tranh giành độc lập, thất bại. Nếu không có *Tiêu sơn tráng sĩ*, chúng ta sẽ chỉ biết có Khải Hưng nhà văn. Nhờ *Tiêu sơn tráng sĩ* mà chúng ta biết được con người toàn diện của Khải Hưng và hiểu

được sự thất bại của Tự Lực văn đoàn trong những hoạt động chính trị của đảng Hưng Việt, Đại Việt dân chính, Việt Nam quốc dân đảng.

*Tiểu sơn tráng sĩ* là cuốn tiểu thuyết lịch sử duy nhất, lạc loài trong tủ sách Khái Hưng gồm những chuyên đề xã hội, nghệ thuật, tình yêu... *Tiểu sơn tráng sĩ* như một mảnh vườn riêng mà nhà văn giấu giếm mộng phiêu lưu của mình trong tình thế nhiễu nhương của đất nước.

*Tiểu sơn tráng sĩ* in năm 1940, có thể viết khoảng 39-40. 1939 là mốc quan trọng: Tự Lực văn đoàn bước vào chính trị. Nguyễn Tường Tam lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. 1940, Khái Hưng và Hoàng Đạo sang Tàu tìm hậu thuẫn của các đảng phái cách mệnh khác.

Tình hình Việt nam thập niên 1930-1940, thời Nguyễn mất có những nét tương tự như thập niên cuối thế kỷ XVIII, thời Lê tàn, Tây Sơn mất, Nguyễn hưng, trong sự tranh chấp bá quyền giữa các đảng phái: mỗi đảng hùng cứ một phương với những chính nghĩa khác nhau. Đảng Tiêu Sơn chủ trương phủ Lê, diệt Tây Sơn, đền ơn vua, nợ nước, một thứ chính nghĩa trong số những chính nghĩa có giá trị hàng đầu của thế kỷ XVIII. Đại Việt Dân Chính, chủ trương chống Pháp, giành độc lập dân chủ cho đất nước, một trong những chính nghĩa hàng đầu của thế kỷ XX. Đảng Tiêu Sơn phải chăng là tiền thân của Việt Nam Quốc Dân Đảng?

Thành phần nhóm Tiêu Sơn có Trần Quang Ngọc, Nhị Nương, Phạm Thái, Lê Báo... các tráng sĩ cậu ấm, con nhà, xoay trở trong một cuộc nước, vận cờ không lối thoát. Họ có những nét lãng mạn đáng yêu, họ đã tiên tri, tiên nghiệm cho vận thế của dòng họ Nguyễn Tường và Tự Lực Văn Đoàn trong những ngày sóng gió: đảng trưởng bên ba hải ngoại, đảng viên, gồm những sinh viên, nhà văn trong Tự Lực, lui quân, lui quân dần mãi đến biên thùy rồi phải lưu vong sang Trung Quốc. Nguyễn Tường Bách trong *Việt Nam những ngày lịch sử* đã ghi lại những đoàn khúc, những nhịp vận hành của các «tráng sĩ Tiêu Sơn» Việt quốc, với những mưu đồ nghiệp lớn chưa thành đã nếm mùi thất bại.

Trong *Tiểu sơn tráng sĩ*, Khái Hưng đã viết rõ quan niệm chính trị của mình, về chủ trương chống Pháp: “*Ta chỉ nên trông cậy vào sức ta, chứ đừng tưởng mong chờ ai hết*” (Lời Trịnh Đán, con thứ Trịnh Bồng, trong buổi đại hội đảng Tiêu Sơn, trang 147); về quan niệm đảng: “*Nếu không có lòng yêu nước thương dân, chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình mình, của một đảng mình, thì dẫu có lên làm vua chúa nữa cũng chẳng ra gì, hưởng chi nhiều khi còn phạm thêm cái tội rước voi về dày mỏ*” (văn lời Trịnh Đán, trang 146). Khái Hưng gián tiếp cảnh cáo những ai chủ trương cầu cứu nước ngoài, cả quốc gia lẫn cộng sản.

Phạm Thái biết trước “mệnh yếu” của đảng mình, nhưng vẫn quả quyết: “*Người anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tùng số mệnh? Chỉ biết một việc là hành động, hành động cho đến giờ cuối cùng.*” (Lời Phạm Thái, trang 174).

Trần Quang Ngọc phải là Nhất Linh. Khái Hưng phải là Phạm Thái. Khái Hưng chính là Phạm Thái. Nói những lời hào hùng thì dễ, nhưng khi bắt tay vào việc, mới nhận ra “việc lớn” không dễ dãi gì. Ngay “việc nhỏ” là đánh tháo cho bà hoàng phi Lê Thị Kim, vợ vua Chiêu Thống, bị quan quân Cảnh Thịnh bắt, đã khó. Nói chi đến việc lật đổ triều đình Quang Toản, mặc dù nội bộ Tây Sơn đã mục rữa. Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền, Võ Văn Dũng diệt cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở. Trần Quang Diệu đem quân chống lại Võ Văn Dũng.

Thừa dịp Tây Sơn nội loạn, Phạm Thái bàn với Trương Đăng Thụ, hiệp trấn Lạng Sơn, cựu thân nhà Lê, mượn cớ dẹp loạn, đem quân qua Kinh Bắc hợp cùng đảng Tiêu Sơn kéo về triều. Mưu cơ bại lộ. Trương Đăng Thụ bị đầu độc chết. Đảng Tiêu Sơn thanh thế mỗi ngày một yếu, sau tan rã.

Đường lối của đảng Tiêu Sơn, chủ chốt ở Trần Quang Ngọc, đảng trưởng, nhưng hành động của đảng do Nhị Nương đảm trách. Nhị Nương chính là Hoàng Đạo. Cô gái Kinh Bắc, người yêu của đảng trưởng, đã gác gánh tình sang một bên để đóng vai tráng sĩ, trả thù cha, đền ơn vua. Tất cả những khó khăn của đảng Tiêu Sơn trên bước đường cùng đều do Nhị Nương giải quyết. Khái

Hưng một lần nữa, vẫn tin vào khả năng xoay chuyển thời thế của người phụ nữ, và dường như chưa bao giờ nhà văn đoạn tuyệt với niềm tin nữ quyền trong tác phẩm của ông.

Còn Phạm Thái? Chàng là nhà thơ, là một gã si tình, Phạm Thái là tráng sĩ của thi ca và tình yêu như Khái Hưng. Khái Hưng làm chính trị vì tình bạn với Nhất Linh, hầu như tất cả bạn bè thân thuộc khi viết về Khái Hưng đều biết chuyện đó. Tình bạn giữa Khái Hưng và Nhất Linh không giải thích được, như có sự hoà tan giữa hai tâm hồn: khi họ viết chung một quyển sách thì không biết đoạn nào của Khái Hưng đoạn nào của Nhất Linh. Khái Hưng không có con, Nhất Linh «cho» bạn một đứa con trai. Họ lại có «chung» với nhau một đứa con, như thể cùng tiếp chung một dòng máu. Tất cả công việc của đảng mà Nhất Linh giao phó, Khái Hưng đã làm, làm đến phút chót, như lời Phạm Thái, khi mọi người đi hết, vẫn ở lại, làm một mình.

Cuối cùng cuộc “cách mạng” còn lại gì? Còn lại mối tình Phạm Thái - Trương Quỳnh Như với những tuyệt tác thi ca của Phạm Thái. Và sự gặp gỡ giữa hai thiên tài Nhất Linh - Khái Hưng để tạo ra Tự Lực văn đoàn và thời kỳ vàng son của văn chương Việt nam trong thế kỷ XX.

*Tiểu sơn tráng sĩ* xác định giá trị vĩnh cửu của văn chương trước giá trị nhất thời của chính trị: giả sử Phạm Thái có thành công với Trần Quang Ngọc và Nhị Nương trong cuộc khởi nghĩa Tiều Sơn thì tên tuổi cũng lắm chỉ được vài dòng trong lịch sử.

Và Nhất Linh cũng xác định như thế trong *Dòng sông Thanh Thủy*. Họ lại gặp nhau một lần nữa trong tư tưởng.

*Tiểu sơn tráng sĩ* là cuốn tiểu thuyết lịch sử hay nhất của văn học Việt Nam từ *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736), *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái đến ngày nay. Tiểu thuyết lịch sử luôn luôn lôi cuốn, làm cho chúng ta thích thú, bởi các biến cố dồn dập, các tác động vũ bão, các nhân vật từ trong chính sử bước ra với *những cử chỉ, ngôn ngữ của một thời khác*, được sinh động lại dưới mắt ta. Sự thành công đầu tiên của một tiểu thuyết lịch sử là gây lại được *không khí lịch sử* của thời mà truyện xảy ra. Trong những tác phẩm kinh điển như *Đông Chu Liệt Quốc*, *Tam Quốc Chí*, của Tào, hoặc *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của ta, các tác giả xây dựng *không khí* ấy bằng ngôn ngữ và hành động của nhân vật. Đối thoại và hành động rất cần thiết nhưng chưa đủ để tạo dựng lại một triều đại, còn phải nhờ vào tình tiết éo le, và nhất là phải biết cách ép thời gian lại, tức là dồn rất nhiều biến cố chặt ních trong một trang sách. Nói tóm lại tiểu thuyết lịch sử cổ điển dựa trên ba nguyên tắc: tình tiết ly kỳ, đối thoại đốp chát và hành động xuất thần.

Trong *Tiểu sơn tráng sĩ*, Khái Hưng cũng chỉ dùng những nguyên tắc ấy: ông dựng không khí tiểu thuyết bằng ngôn ngữ Việt cuối thế kỷ XVIII, bằng những nhân vật tiêu biểu của thời đại, nhưng trái với kỹ thuật của người xưa, ông không ép thời gian lại mà *kéo thời gian giãn ra*. Ông kéo thời gian giãn ra, để cho nhân vật sống những giây phút lãng mạn, với những cô đơn, những nghiệm suy, với tình yêu, với nghệ thuật. Ông cũng không dùng tình tiết ly kỳ để lôi cuốn, mà mê hoặc độc giả bằng tính trinh thám, bằng không khí âm u của núi rừng, bằng phong cảnh thần tiên của vùng Từ Sơn Kinh Bắc. Trong *Tiểu sơn tráng sĩ*, văn thơ Phạm Thái gắn liền với đồi núi trữ tình từ trung du đến Lạng Sơn. Trong hành tung của các tráng sĩ Tiều sơn có bí mật *Thế Lữ vàng và máu*. Dưới tấm áo nâu sồng có rùng rợn của các ác tăng, có vương giả của hoàng phi, có xuất quỷ nhập thần của Nhị Nương tráng sĩ. Dưới gia trang binh dị của Kiến Xuyên Hầu, có tiết liệt của Long Cơ, có đam mê của Quỳnh Như đến chết. Tác phẩm hội tụ nhiều khía cạnh của Khái Hưng trong một, thể hiện *tâm hồn cao thượng* và tình yêu nghệ thuật của Khái Hưng, chứng tỏ địa bàn sâu rộng của ngòi bút Khái Hưng về lịch sử, văn hoá, địa lý, đất nước và con người.

Khái Hưng luôn luôn đi trước định mệnh, đã nhìn thấy hành trình của đảng Hưng Việt, từ khi vừa thành lập, đã đoán được những thất bại chua cay, đã nhìn thấy sự bất lực của chủ nghĩa trong một đảng ái quốc bạo động. Khái Hưng thấy mình trong Phạm Thái.

Tác phẩm vượt khỏi tầm tiểu thuyết lịch sử, để đến với văn chương và tư tưởng. Dựng lại khung cảnh và không khí đất Bắc dưới thời Lê mạt với những hạng người đủ mặt từ thảo khấu đến anh

hùng, từ văn nhân tài tử đến lớp cùng đỉnh, từ người hiền ở ẩn đến trí thức hành động, từ tráng sĩ đội lốt nhà sư đến bọn hồ mang râu sồng hành thích... một quần thể nhân dân đủ mọi hạng người, đều có mặt, đều sống cái đạo riêng của mình, đều phô bày tư cách và tâm hồn dưới ngòi bút Khái Hưng, tài tình và điêu luyện trong nghệ thuật mô tả lẫn nghệ thuật tâm lý, hai yếu tố chính của tiểu thuyết lúc bấy giờ. Bí mật trinh thám liên kết với hành tung xuất quỷ nhập thần, can trường nhưng vô hiệu của đám thanh niên tráng sĩ, thắm nhuần văn hoá dân tộc, qua bàn tay phù thủy chữ nghĩa của Khái Hưng, trở thành một bức họa hoành tráng về sự thất bại của bạo lực cách mạng, về *tâm hồn cao thượng* của văn chương.

Paris tháng 11/2008- tháng 2/2009  
© Copyright Thụy Khuê 2008

## Sư ông

(Tiêu Sơn tráng sĩ của Khái Hưng – Hồi 3)

Đã luôn ba hôm nay, sư ông đóng cửa chùa trên, cả ngày cặm cụi làm việc. Làm việc gì? Trong chùa không một ai hay. Chỉ biết rằng đã sáu bữa nhà sư bỏ cơm, và mỗi lần có ai vào khiến đàn chó sủa ầm ĩ, thì trên chùa lại nghe có tiếng mõ đều đều và tiếng tụng kinh sang sáng. Mãi cho đến lúc một chú tiểu thân cận đến gõ cửa và báo cho nhà sư biết người mới đến là ai.

Lần này cũng vậy, đàn chó vừa im sủa thì người ta nghe thấy tiếng tụng kinh du dương huyền bí ở trong chùa đưa ra, lẫn trong mùi trầm, mùi hương phảng phất. Nhưng chú tiểu vừa bạch có cô hàng nôi đất ở Kinh Bắc đến, thì nhà sư vội vã mở cửa bảo đưa cô ta lên ngay.

Công việc của cô hàng chỉ có giao tận tay cho sư ông một bức thư mật. Đoạn, nàng hấp tấp xin đi ngay. Muốn tránh sự ngờ vực, nhà sư lớn tiếng bảo chú tiểu mua hai cái niêu thổi cơm.

Đóng cửa cải then xong, nhà sư đến chỗ bệ gạch bày tượng. Tức thì hở ra một khe. Khi ấy lại mảnh tường để lấp cái khe đi, không ai có thể nhận thấy dấu vết được, nhất là chỗ đó lúc nào cũng tối như ban đêm.

Cổ nhiên cái bệ ấy rỗng, và tuy ở trong có thấp đèn, thờ cũng vẫn dễ, vì có nhiều lỗ thông hơi đục qua thân bụt gỗ khổng lồ.

Ở một góc buồng nhỏ hẹp ấy có một bàn gỗ trên khắc chữ nôm. Bên cạnh, một tập giấy vừa in xong. Thì ra luôn ba hôm nay, sư ông bận khắc bản gỗ ấy. Chẳng nói thì độc giả cũng thừa biết công việc bí hiểm của nhà sư quan trọng là chừng nào.

Nhưng có lẽ nhà sư cho bức thư kia còn quan trọng hơn nhiều, nên mới bỏ dở việc in giấy mà vội vàng xé phong bì ra xem.

Bức thư vẫn tắt như sau này:

*Phạm quý hữu nhã giám.*

*Bạn đồng chí chúng ta mới thêm được một người văn võ kiêm toàn. Người ấy là Lê Báo công tử con cả quan Thiên thư khu mật viện sự Lê Ban. Lê Báo hiện ẩn núp ở bản am, khao khát được gặp mặt quý hữu lắm. Vậy quý hữu nên sang ngay Tiêu Sơn hội viện để bàn một điều rất là cần trọng, cần gấp.*

*Phổ Tĩnh tiên sư kính thư.*

*Niên hiệu Chiêu Thống (Đảng Tiêu Sơn vẫn giữ niên hiệu cũ của nhà Lê không chịu dùng niên hiệu Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn) thứ mười một năm Bình Thìn tháng chạp ngày mồng bốn.*

Xem xong thư, Phạm Thái - vì sư ông chính là Phạm Thái tức Phạm Phụng - vội vàng thu xếp bản in giấy má gọn gàng, rồi ra ngoài đóng cửa phòng bí mật lại.

Sau khi đã cặn kẽ dặn các tiểu trông nam chùa, chàng buộc hành lý vào trong một cái tay nải nâu, vắt lên vai đi.

Vì có gì Phạm Thái vội vàng thế?

Có lẽ cũng vì một phần việc đảng bộ, nhưng nhất vì tính tò mò muốn biết Lê Báo là ai, là người thế nào võ nghệ cao siêu lạ thường như thế?

Nguyên sáng sớm hôm nay, thám tử của chàng về báo cho biết tối hôm trước, có một người trẻ tự xưng là Lê Báo vào uống rượu ở một tửu quán phố Từ Sơn rồi trong khi bất ngờ giết bọn lính canh trong quán và cướp một nhà sư trốn biệt.

Phạm Thái vừa rảo bước trên con đường Từ Sơn vừa lẩm bẩm: "khó hiểu? Chẳng nhẽ nhà sư ấy lại là Phổ Tĩnh? Vô lý! Trí dũng như anh Trần Quang Ngọc, còn ai bắt cóc nổi. Mà dù bắt cóc, dù cướp đi nữa, sao lại đến Tiêu Sơn?"

Câu chuyện xảy ra năm trước, chàng còn nhớ rành mạch, và khiến chàng không thể nào tin được sự bắt cóc kia là có thực.

Hồi ấy Nguyễn Đoàn vừa bị giết, đồ đảng vờ lơ tán loạn, sào huyện bị phá tan hoang. Phạm Thái phải lang thang, lẩn lút quanh vùng, luôn luôn bị quân lính của quan hiệp trấn Kinh Bắc và viên phân phủ Từ Sơn tróc nã.

Một hôm chàng đến chùa Tiêu Sơn ngủ trọ. Thấy cảnh chùa hùng vĩ độc chiếm một trái đồi, chàng mừng thầm rằng chốn ấy có thể nương thân được chờ vận mà đi tìm kiếm, tụ hội các nhân tài trong nước. Lòng sốt sắng báo thù cho cha và cho chủ đảng bị hại bởi tay Tây Sơn làm cho chàng trở nên tàn ác. Đối với chàng, chỉ một mục đích chàng đương theo đuổi là đáng kể. Chàng không kiêng nể một sự gì để đi tới mục đích ấy, dù phải quả quyết hung bạo cũng đành.

Bởi vậy chàng có manh tâm muốn giết nhà sư Tiêu Sơn để chiếm giữ ngôi chùa làm một nơi sào huyệt. Chàng cho đó là một việc rất dễ dàng và giản dị. Sau khi chàng cạo tóc đầu và thắng bộ quần áo nâu vào thì còn ai nhận được chàng là Phạm Thái nữa; người ta sẽ gọi chàng là sư Tiêu Sơn và không bao giờ dám ngờ rằng chàng đã kế nghiệp nhà sư chân tu kia một cách võ đoán.

Nhưng Phổ Tĩnh thiền sư trụ trì ở chùa Tiêu Sơn há phải là một thầy tu tầm thường mà chàng có thể giết như giết con gà mái non! Vì thế vào khoảng giờ Tý, Phạm Thái vừa lên vào nhà trai, nơi túc phòng của Phổ Tĩnh, định giờ tay, thì dưới ánh lù mù một ngọn đèn dầu, hai người liền đánh nhau một trận kịch liệt.

Ý chừng đều biết sức nhau, nên sau khi đã giở mấy miếng võ ra, đôi bên cùng lùi lại và cất tiếng cả cười. Nhà sư khinh bỉ hỏi Phạm Thái:

- Có sao ta đã cho nhà ngươi ngủ trọ, nhà ngươi lại trả ơn ta một cách xứng đáng thế?

Phạm Thái đáp vấn tất:

- Không lời thôi! Trong hai ta chỉ một người được sống.

Rồi chàng lại sẵn tay giơ dao chém. Nhà sư né người sang một bên mà nói rằng:

- Khoan! Phòng này chật hẹp quá, không phải nơi đái võ. Vả như ngươi có dao mà ta tay không. Chẳng lẽ nhà ngươi lại hèn nhất đến thế. Có giỏi hãy đi ngủ một giấc cho khoẻ khoắn đã rồi sáng mai lên ngọn đồi sau chùa, cùng ta tỉ thí. Ngươi có ưng thế không, Phạm Thái?

Phạm Thái nghe nhà sư đọc đến tên mình thì giật mình kinh hãi. Phổ Tĩnh liếc mắt thấy vậy liền bắt thỉnh linh nháy lại giật phắt lấy con dao rồi mỉm cười bảo:

- Phạm Thái, chú có dao còn không làm gì nổi ta, bây giờ con dao ấy đã sang tay ta, vậy chú nghĩ sao?

Phạm Thái cũng mỉm cười:

- Điều đó không cần biết vội, hãy hỏi nhà sư điều này: Sao nhà sư nhận được tôi là Phạm Thái?

- Hỏi dở, một nghìn quan tiền thưởng của triều đình, ngươi bảo để không đáng khiến ta lưu ý đến diện mạo nhà ngươi chẳng?

Phạm Thái không nén được tức giận, thét mắng:

- Thằng sư hổ mang kia! Tao cho phép mày bắt tao đem nộp mà lĩnh thưởng.

Nhà sư lạnh lùng bừ môi, đáp:

- Nhưng ta đã trót hứa với nhà ngươi rằng mai lên đòi đầu võ mất rồi!

- Ta không thèm đầu võ với quân khốn nạn đội lốt sư để đi do thám cho giặc của nhà Lê!

- Khá đấy! Phạm Thái anh hùng đấy! Còn kẻ đang đêm lẻn vào phòng này để giết trộm thì Phạm Thái liệt vào hạng gì?

Phạm Thái phần xấu hổ, phần căm tức, sấn lại đánh nhà sư, nhưng nhà sư nhanh nhẹn tránh sang một bên mà lớn tiếng hỏi:

- Thong thả, Phạm Thái có biết ông Trần Quang Châu là ai không?

- Sao ta không biết? Bậc trung thần ấy là bạn của thân phụ ta khi xưa, sao ta lại không biết?

Nhưng ta căm thằng ác tăng kia không được đọc đến tên ngài.

Phạm Thái bỗng kêu rú lên:

- Trời ơi! Anh Trần Quang Ngọc!

- Chính ta là Trần Quang Ngọc.

Phạm Thái vội sụp lạy xuống đất, tạ tội:

- Anh tha chết cho em, vì em thật đáng chết.

Trần Quang Ngọc đỡ Phạm Thái dậy mà nói rằng:

- Chúng ta quen biết nhau từ thuở nhỏ. Ngày nay anh còn nhận sao được mặt tôi, nhất tôi lại ẩn núp trong bộ thiên phục.

Hai người mừng rỡ đem truyện riêng ra kể cho nhau nghe. Phạm Thái nói:

- Chẳng hay sau khi bác đốc trấn bị mắc mẹo lừa ở Chí Linh rồi ra sao?

Trần Quang Ngọc ứa nước mắt trả lời:

- Khi ấy thân phụ bị bắt giải về Phú Xuân, Quang trung dụ thân phụ quy hàng, thân phụ nhất định không chịu nghe, nên đã bị hấn hại rồi, còn đâu.

- Thằng giặc già! Cha chúng mình cùng chết về tay nó. Nhưng đại huynh còn cặm cụi chống chọi mãi với quân Tây Sơn kia mà?

- Phải, được gần một năm. Và hiện giờ đồ đảng của tôi còn tới hơn nghìn, tản mạn khắp các trấn, nếu cần dùng đến, có thể có ngay. Nhưng còn hiền hữu, nay định đi đâu?

- Tôi cũng chẳng biết đi đâu.

- Ngày hiền hữu ở bên Nguyễn Đoàn, tôi vẫn có ý muốn sang theo, nhưng sau biết Nguyễn Đoàn không phải tay làm nổi việc lớn, nên lại thôi.

- Thế thì đại huynh có con mắt tinh đời lắm. Quả thực, Nguyễn Đoàn là một tay chủ trại tầm thường, chẳng qua chỉ sai khiến nổi một bọn lâu la ô hợp mà thôi, hiểu làm sao được chí lớn của anh em mình. Nếu hấn biết theo bài quân yếu về mấy yếu chiến công của tôi thì đâu đến nổi.

Quang Ngọc cười, hỏi:

- Tôi nghe nói bài quân yếu của hiền hữu có thể so sánh với những binh thư có tiếng của cổ nhân như Lục Thao Tam Lược của Thái Công, Thập Tam Thiên của Tôn Tử...

Phạm Thái gạt đi mà rằng:

- Đại huynh nói quá. Tôi tài hèn đâu dám ví với các bậc đại tướng xưa.

Hai người chuyện trò với nhau mãi đến sáng về binh lược, võ nghệ. Hôm sau Trần Quang Ngọc khuyên Phạm Thái thế phát quy y để dễ trốn tránh, rồi nhân chùa Liên Đài ở xã Nghiêm Xá chưa có ai trụ trì (vì vùng ấy loạn lạc không nhà sư nào dám ở tu) Phổ Tĩnh thiền sư liền cất Phạm Thái về đó lấy đạo hiệu là Phổ Chiêu thiền sư.

Phạm Thái vừa đi vừa ôn lại trong trí quăng đời dĩ vãng. Chàng lấy làm lạ rằng Phổ Tĩnh thiền sư tức Trần Quang Ngọc là một tay võ nghệ cao cường mà còn bị Lê Báo bắt thì không hiểu Lê Báo sức khỏe đến bậc nào. Mà nếu Phổ Tĩnh đã bị bắt cóc, sao lại còn có bức thư gọi mình sang hội diện. Hay là bức thư man trá?

Nhưng chính tay Nhị Nương đưa cho ta kia mà. Và xét tự dạng thì đích thư của Phổ Tĩnh rồi, chắc có điều gì bí mật chi đây.

Phạm Thái mãi suy nghĩ đến nỗi tới dò Thọ Khê mà vẫn không biết. Mãi lúc bị lính giữ lại hỏi, chàng mới giật mình như choàng thức dậy:

- Nhà sư kia đi đâu?

Một viên đội cười bảo tên lính của mình:

- Sư ông Phổ Chiêu ở chùa Nghiêm Xá mà chú không biết hay sao?

Liên vẫy tay cho phép nhà sư xuống đò.

Thấy sự canh phòng nghiêm mật, Phạm Thái càng nóng ruột về câu chuyện xảy ra ở tửu quán... Vì thế, trước khi đến Tiêu Sơn, chàng đi thẳng tới hàng nhà Ngõng (bạn đồng chí của chàng thường hội họp ở đấy) để dò tin tức.

Thấy cửa quán đóng im ỉm, chàng liền gõ năm tiếng, đó là hiệu riêng của đảng. Người chủ quán thì thềm mấy câu rồi đóng sập cửa lại. Trong lòng mừng rỡ, Phạm Thái thông rong bước lên chùa Tiêu Sơn.

## Xu hướng Khái Hưng Nhật Thịnh

Ngoài xu hướng tâm lý (Nhật Thịnh, Nghệ thuật Khái Hưng, Đất Đứng số 513, ngày 8.6.2012), Khái Hưng còn nổi tiếng về tiểu thuyết dã sử, điển hình truyện *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* viết năm 1940 [có tài liệu nói 1936] được coi như tác phẩm dài trên 400 trang và công phu nhất của Khái Hưng, làm sống dậy một giai đoạn lịch sử, thời Lê mạt Nguyễn sơ. Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, Lê Chiêu Thống cùng Tôn Sĩ Nghị chạy sang Tàu, Nguyễn Huệ lên ngôi trị vì được 5 năm thì mất vào năm 1792, Nguyễn Quang Toàn lên thay, lấy hiệu Cảnh Thịnh. Truyện diễn ra dưới thời Cảnh Thịnh năm thứ 5 (1797), lý tưởng hóa đám thanh niên quý tộc đời Lê mạt chống nhà Tây Sơn, được viết bằng một bút pháp hấp dẫn. Khái Hưng khơi dậy những hình ảnh hào hùng về tổ chức và hoạt động của đảng Tiêu Sơn phò Lê, chống triều đình Tây Sơn, gồm các chiến sĩ gan dạ: Trần Quang Ngọc, 25 tuổi, con Trần Quang Châu, trung thần nhà Lê, đảng trưởng, Phạm Thái con quan cự thần Thạch Trung Hầu, phó đảng trưởng, Nhị Nương con gái quan bộ binh thượng thư Nguyễn Đình Giản, Lê Báo con quan Thiên thư Lê Ban...đều thuộc dòng dõi cự thần nhà Lê...

*Tiêu Sơn Tráng Sĩ* ra đời trong bối cảnh thực dân Pháp bại trận đầu hàng, Khái Hưng dấn thân vào cách mạng, gia nhập đảng Đại Việt Dân Chính do Nhất Linh làm Tổng thư ký năm 1940, lợi dụng tình hình quốc tế có biến chuyển để chống thực dân Pháp. Khái Hưng ca ngợi những chiến sĩ xả thân vì đại nghĩa, sự nghiệp cách mạng, hun đúc cho thanh niên tinh thần ái quốc. Khái Hưng không đề cao triều đại nhà Lê, không kết án Tây Sơn, chỉ ca ngợi tinh thần cách mạng, chí khí anh hùng của các tráng sĩ đảng Tiêu Sơn mưu lược, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng để mưu đồ đại sự, khôi phục triều đình nhà Lê. Những nhân vật Quang Ngọc, Phạm Thái, Nhị Nương...biểu hiện các anh hùng hào kiệt xưa như Kinh Kha, Lưu Bang, Hạng Võ, Tống Giang, Triệu Cái...trong các truyện "*Đông Chu Liệt Quốc*", "*Hán Sở Tranh Hùng*" và "*Thủy Hử*"...Những tráng sĩ đảng Tiêu Sơn biểu hiện giấc mơ lãng mạn chống thực dân Pháp, một đi không trở lại của Việt Nam Quốc Dân Đảng, những Nguyễn Thái Học [1901-1930], Đầu Xứ Nhu [1881-1930], Ký Con [1908-1930], cô Giang, cô Bắc...

*"Quang Ngọc đỡ lấy thanh kiếm ném mạnh lên giường, cười nhạt, đi đi lại lại vừa nói dần từng tiếng:*

*-Chết! Hừ! Chết! Ngày xưa đời Trần, Trần Bình Trọng chết vì nước...bị bắt thì tìm cách tháo thân để đánh nữa, đánh mãi cho đến khi được, hay chết. Mà không có cách gì tháo thân thì chết ngay. Đời làm tướng chỉ có ba cái kết quả: Được trận, thua trận, chết trận..Hơn một trăm năm*



sau...đấng Thái Tổ nhà Lê khởi nghĩa Lam Sơn, một lần vua bị khốn ở Chí Linh, khó phá vòng vây mà trốn thoát được. Bấy giờ có ông Lê Lai...liều thân vì nước, xin nhà vua cởi áo ngự bào ra cho mình mặc, rồi cưỡi ngựa ra trận đánh nhau với quân giặc. Quân Minh tưởng đó là Bình Định Vương thật, xúm nhau vây đánh giết đi...Đó là một cái chết anh hùng, mãnh liệt, có suy xét...cái chết không có không xong. Vĩ đại thay những hành vi kín đáo, nhún nhường, xả kỷ dù hành vi ấy là sự bại trận, sự thắng trận hay chỉ là cái chết".

Đảng Tiêu Sơn gồm có một nghìn quân, đủ gươm đao, súng hỏa mai nhưng xem ra lực lượng còn yếu so với hàng vạn tinh binh của triều đình Tây Sơn, nên chưa tạo được một thành tích nào đáng kể, ngoại trừ việc cứu được bà Hoàng phi họ Nguyễn trốn tránh bẫy, tám năm đã bị bắt, giải thoát Đào Phùng, Lê Báo và Trịnh Trực trong một lần xuất trận giết được một viên tiểu quan và một bọn quân lính địa phương. Nhị Nương âm mưu xúi dục nổi loạn tại Bắc Thành thất bại nhưng đảng đã thể hiện được lòng trung thành, chí khí can trường, quả cảm của những tráng sĩ mưu đồ đại sự.

Khái Hưng ca ngợi tinh thần dấn thân của các đảng viên không chịu khoanh tay phục tùng thiên mệnh:

*"Phạm Thái thờ dài bảo Đào Phụng:*

*-Người anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tùng số mệnh? Chỉ biết một việc là hành động, hành động cho tới giờ cuối cùng...tránh sự gian nguy mà mình biết chắc chắn đương đợi mình, để được an nhàn ở một nơi dật lạc, không bận trí đến việc đời, việc nước, hạng ấy người ta cho là bậc ẩn sĩ, nhưng tôi, tôi chỉ cho là phường ích kỷ, ham sống có đáng kể chi.*

*...Tài lực của đấng anh hùng phải có đoạt nổi số mệnh; bằng không thì chết mà chết như thế còn có nghĩa lý hơn cái chết dần mòn của kẻ ẩn sĩ trong xóm tối ...Nhị Nương yên lặng đứng nghe từ này tới giờ. Bỗng nàng mỉm cười bảo Đào Phùng:*

*-Bậc hảo hán không bao giờ chịu đợi thời thế."*

Điều quan trọng đáng ca ngợi được dành cho những tráng sĩ gan dạ, can trường, xả thân vì nước, dấn thân, nhập cuộc nơi chiến trận mà không quản ngại gian nguy:

*"Nhưng ai nấy ngừng bật, vì vừa thoáng nhìn thấy hai má Hoàng Phi đã lệ. Chưa kịp hỏi duyên cớ thì bà đã lau nước mắt, buồn rầu nói:*

*-Nếu quả thực vận nhà Lê hết rồi thì các em nên thôi đi, đừng hành động nữa mà mất công vô ích.*

*Phạm Thái cúi đầu đáp:*

*-Tâu lệnh bà, đời kẻ tráng sĩ chỉ có một nghĩa là hành động. Còn sự thành bại cùng sự sống chết, không nên để trí nghĩ quá."*

"*Tiêu Sơn Tráng Sĩ*" được coi như tác phẩm của tình yêu, có nhiều tình tiết éo le, lãng mạn, những tâm tư cách mạng. Nếu cuộc tình của Quang Ngọc-Nhị Nương cao đẹp bao nhiêu thì trái lại mối tình của Phạm Thái-Quỳnh Như yếu hèn, ủy mị bấy nhiêu. Trong tiểu thuyết Anna Karenine, Léon Tolstoi cũng đưa ra hai mối tình khác biệt biểu tượng cho hai quan niệm về hạnh phúc hôn nhân: cặp Anna-Wronsky đắm đuối trong tình yêu tội lỗi, còn cặp Levine-Kitty thì êm ấm bên nhau.

Cuộc tình Quang Ngọc-Nhị Nương quá lý tưởng, hai người thành lập đảng Tiêu Sơn, yêu thương nhau nhưng vẫn đặt đại sự cách mạng lên trên hết:

*"Ngừng một lát Quang Ngọc nói tiếp:*

*-Chính nàng đã cùng ngu huynh lập nên đảng Tiêu Sơn. Nàng đã giúp đảng được nhiều việc lắm, ấy là không kể cái công cứu sống cho Ngọc đấy.*

*Lê Báo cười sảng sặc:*

*-Thế mà hai người không yêu nhau thì cũng lạ!*

*Quang Ngọc buồn rầu đáp:*

*-Nói kính trọng nhau thì đúng hơn. Đương lúc theo đuổi công cuộc lớn lao, còn bụng đâu nghĩ tới ái tình. Vả lại nhị đệ hiểu cho rằng, tuy mình không thực bụng tu hành, song đã nhờ cái áo cà sa để trốn tránh thì cũng không nên làm nhem nhọ nó.*

*Phạm Thái mỉm nụ cười ngờ vực, ngồi im. Quang Ngọc lại nói:*

*-Nàng cũng bảo ngu hữu rằng khi nào việc lớn xong xuôi đã, hai người mới cùng nhau đi chu du khắp nước Nam như Phạm Lãi-Tây Thi đời xưa, chứ nay còn ở thời kỳ nằm gai nếm mật, nghĩ chi tới hạnh phúc êm đềm của tình ái. Lời vàng ấy, ngu hữu đây đã khắc ở bên lòng, thế không bao giờ dám sai.*

*Lê Báo bông đùa một câu:*

*-Nghĩa là hai anh chị còn tạm là đôi bạn cầm kỳ để chờ ngày trở nên đôi bạn cầm sắt chứ gì?"*

Nhị Nương đã từng tâm sự với bà Hoàng Phi về tình cảm của mình với Quang Ngọc:

*"Rồi một ngày đảng một đông, một ngày em thêm mến phục Quang Ngọc, mến vì nét phục vì tài. Nhưng xin thú thực với chị rằng, ngoài sự mến phục ra không có gì nữa. Quang Ngọc coi em như một đảng viên...còn em thì mãi mê trong cuộc hành động...em không bao giờ để lòng em..."*

*...Em xin tự xử làm sao cho xứng đáng với lòng tin cậy, lòng quý mến của Quang Ngọc, của đảng trưởng. Thưa chị, em nhất định không bao giờ chịu để cho Quang Ngọc đoán biết tâm sự của em. Biết đâu ngạn ngữ "nhị nữ tình trường, anh hùng khí đoản" lại không đúng nghĩa với cả những hạng người theo đuổi việc lớn như Quang Ngọc."*

Người ta cảm thương và khâm phục Nhị Nương-Quang Ngọc qua mối tình cách mạng, họ đã kèm chế được lòng mình khi cùng theo đuổi sự nghiệp của đảng Tây Sơn:

*"Quang Ngọc không dấu nổi sự sung sướng, âu yếm đứng mỉm cười Nhị Nương...đã hơn hai tháng, ngày ngày chàng vẫn áy náy mong đợi tin tức nhất là tin Nhị Nương. Khi ở gần nhau chàng không cảm thấy chàng yêu, nhưng khi xa nhau chàng mới rõ hết nỗi khổ tâm của kẻ thương nhớ, dù có công việc đảng luôn luôn chiếm đoạt ý nghĩ của chàng."*

Hai năm sau vào một buổi chiều cuối đông, bỗng có một tráng sĩ cưỡi ngựa rong ruổi về phương Nam, ghé vào một tầu quán gặp Nhị nương...hàn huyền kể lể...đảng Tiêu Sơn đã đến lúc suy

tàn, các đồng chí tan tác, mỗi người lưu lạc một nơi, Trịnh Trực bị hành hình, Đào Phùng bị bắt, Lê Báo nay mộ đạo tựa một nhà chân tu, đến khi phải chia tay họ vẫn giữ cho mỗi tình được cao đẹp:

*"Sáng hôm sau hai người từ biệt nhau: Nhị Nương ngược Bắc thành, Quang Ngọc xuôi Nam thành, hẹn một ngày kia sẽ tái ngộ.*

*Nhị Nương kìm cương ngựa hỏi với một câu:*

*-Nhỡ không hội ngộ?*

*-Cũng chẳng sao! Vì linh hồn chúng ta bao giờ cũng ở bên nhau, một người trong bọn ta nếu làm việc trái với bổn phận, đã tưởng nghe rõ tiếng thống trách của bạn, đã tưởng nhìn thấy cặp mắt nghiêm nghị của bạn. Mà khi ta có việc đáng thi hành ngay, ta đã tưởng trông thấy cái gạt biểu đồng tình của bạn rồi. Vậy thì chúng ta có ở xa nhau đâu? Tình bằng hữu của chúng ta đã thành một sự thiêng liêng.*

*Nhị Nương chấp tay vái:*

*-Vâng tình bằng hữu của đôi ta!*

*Rồi nàng rẽ cương quay đi"*

Trái ngược cuộc tình của Quang Ngọc-Nhị Nương cao đẹp bao nhiêu thì thiên tình sử Phạm Thái-Quỳnh Như tầm thường bấy nhiêu: hỏi Phạm Thái đến dinh cơ của cụ họ Trương lần đầu, Quỳnh Như đã khuyên chàng dấn thân vào sự nghiệp cách mạng, Phạm Thái cảm phục Quỳnh Như:

*"Thực ta đoán không sai, nàng là bậc cân quắc anh hùng, nàng khuyên ta làm việc lớn, rong ruổi bước đường gió bụi, chờ lúc hát khúc khai hoàn trở về, nàng ước hẹn cùng ta. Âu yếm biết bao! Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh."*

Phạm Thái nhớ lại thời kỳ theo Nguyễn Đoàn gian nan, nguy hiểm, cưỡi con ngựa hồng, xông pha tên đạn, giáo gươm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và khi già từ họ Trương, Phạm Thái cho rằng mình đã thoát nạn:

*"Chàng coi như vừa thoát được tai nạn ghê gớm hơn cả những tai nạn trong rừng gươm đao. Trời ơi mình mà chìm đắm vào bể tình, thì bao giờ báo đền được ơn vua, trả thù cho nhà, cho đảng."*

Phạm Thái được giao cho trọng trách đi trấn Sơn Nam quyền giáo, không tìm được chí sĩ nào đành quay về nhà họ Trương đóng vai thầy đồ để chờ thời cơ, bởi Tây Sơn xem ra còn mạnh, sự thực Phạm Thái nhớ đến "đôi mắt mỹ nhân":

*"Thực ra đó chỉ là một câu nói, một ý nghĩ của kẻ anh hùng đã bắt đầu thoái chí, đã bắt đầu hơi chán nản thời thế. Thường họ tự an ủi như thế. Rồi dần dần họ quên việc lớn, trong chén rượu nồng hay trong lòng một người thiếu nữ. Trời ơi! Cái tuổi mới ngoài hai mươi, hăng hái thì hăng hái thực. Nhưng đến lúc nguội lạnh thì nguội lạnh hơn tro tàn. Lúc bấy giờ họ sẽ đem chủ nghĩa yếm thế vờ ra mà che đậy một tâm hồn hèn yếu."*

Phạm Thái và Quỳnh Như lén lút thư cho nhau, cho thấy tình thế khó khăn của đảng, quý ngày một cạn, sự thất bại đã thấy...thực ra Quỳnh Như đã nói không đúng, cái dáng mỹ nhân thấp

thoảng trong hoa, giọng nói vắng vắng chốn khuê phòng đã khiến cho tráng sĩ mơ mộng:

*"Mơ mộng đến nỗi viết nên những bài thơ đầy tính ủy mị như bài thơ độc vận sau này:*

*Chơi hoa nay đã biết danh hoa  
Nhưng nghĩ tình hoa thẹn với hoa  
Rất réo chiều xuân oanh hót liễu  
Càng thêm ngao ngán khách tìm hoa*

*Ý tứ bài thơ trên không tả một chút tâm trạng gì gọi là tâm trạng một nhà sư hay tâm trạng một danh sĩ có chí khí. Đó chỉ hoàn toàn là tâm tình một anh chàng mê gái."*

Quỳnh Như để lộ chân tướng một tiểu thư tình cảm dạt dào, không bao lâu họ yêu nhau, say mê nhau và xướng họa thơ:

*"Lúc ấy còn đâu là chí phấn đấu, còn đâu là tình khuyến khích."*

Phạm Thái tặng cho khách má hồng một cuốn tiểu thuyết bằng thơ mang tên *"Sơ Kính Tân Trang"* do mình sáng tác, dùng truyện xưa tích cũ để nhắc nhở những tráng sĩ không quên trách nhiệm:

*"Cho hay ái tình có sức mạnh đến thế. Xưa kia theo đuổi việc lớn, Phạm Thái chưa làm nổi một công trình gì có kết quả mỹ mãn như việc soạn sách này.*

*Truyện "Sơ Kính Tân Trang" đã làm cho tên Quỳnh Như bất hủ. Nhưng nó sẽ mãi mãi răn bảo những bậc anh hùng ái quốc rằng chớ nên tạm bước vào vòng tình ái để cố quên hay an ủi một sự thất bại, ái tình sẽ chiếm lấy cả tâm hồn ta, không nhượng cho việc lớn ta đang theo đuổi một chỗ còn con."*

Một ngày trời mưa to gió lớn, sấm chớp đầy trời, Phạm Thái hồi tưởng thời oanh liệt, liên tưởng các đồng chí đang xông xáo tìm cái chết, cái chết thì xa, mà tình yêu ở kề bên, đổ dành, dẫn dụ Phạm Thái vào cõi mộng...biết tội bỏ đảng của mình và cảm thấy xấu hổ:

*"Rồi chàng giật mình kinh hãi, nhắm ôn lại những điều lệ nghiêm khắc của đảng Tiểu Sơn đối với các đảng viên. Phải, bị triều đình Tây Sơn truy nã thì có thể trốn tránh được, chứ bị đảng Tiểu Sơn kết án thì chỉ có việc chờ chết.*

*Hôm nay Phạm Thái càng lo sợ và toan bỏ đi ngay. Chết chàng không quản. Nhưng vì một người con gái mà sao nhãng chí lớn, dù sao nhãng trong một thời kỳ ngắn ngủi, chàng lấy thế làm xấu hổ với lương tâm"*

Quỳnh Như treo cổ chết bằng chiếc dây lưng nhiễu, tự vẫn vì bị ép duyên, ngay hôm ăn hỏi, bỗng một kỵ sĩ phi ngựa tới, ghì cương bên cây liễu cạnh mồ, nhảy xuống, nằm lăn ra đất khóc lóc thật thảm thiết.

*"Người ấy chính là Phạm Thái, cựu quân sư của Nguyễn Đoàn, phó đảng trưởng kiêm chức quân sư của đảng Tiểu Sơn. Người ấy đã bao phen xông pha trong rừng gươm giáo, nay chỉ còn là một kẻ tầm thường, không còn một chút nghị lực để phấn đấu. Vì người ấy yêu. Nằm khóc một hồi lâu, Phạm Thái ngời dậy lau nước mắt, mở đẫy lấy hương và sấp ra thắp. Rồi quỳ bên mộ đọc bài điệu văn sau này:*

"Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nọ, thu lẫn trắng rằm! Lại có điều đau đớn thế! Nhà huyền ví có năm có bảy, mà riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội, nước voi còn có lẽ. Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vầng, mây có một đóa. Thân là thân hiếm hoi chùng ấy, nữ nào lấy đời mười năm làm một kiếp, mà ngơm ngợn chốn non Bồng nước Nhược, đĩnh gì không đoái đến cỗi phù sinh.

Vì dù kiếp mà tiên thù với tục, sao xưa kia vãng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện thân này cho vẹn kiếp thì cũng trọn ba vạn sáu ngàn ngày cho đủ lệ: nợ xuân huyền, kia phụ tử góp với trần gian không chút bận, rồi sẽ rong chơi chín suối, có gì riêng, bỗng vội vàng chi?

Ôi! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sã, những như thân gia ấy, tình cảnh ấy ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, nay chẳng thân kia thích nợ, nhưng tình duyên là chùng ấy, cũng là một chút cương thường: dẫu chẳng kẻ đây người đấy, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự!

Ta hăm hồ chí trai hồ thi, bởi đợi tình cho nấn ná nhân duyên: mình long đong thân gái liễu bỏ, vì giận quá ngang tàng tính mệnh.

Cho đến nỗi hoa roilá rụng, ngọc nát châu chìm: chua xót cũng vì đâu?

Nay qua năm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sùi sụt hai hàng tình lệ, giải bày một bức khóc văn : đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử "

Đọc xong, Phạm Thái vừa khóc, vừa châm lửa đốt bài điệu văn. Rồi chàng lên ngựa đi"

Nhị Nương, Quang Ngọc ra chiều coi nhẹ Phạm Thái, Nhị Nương đưa cho Quang Ngọc truyện Sơ Kính Tân Trang, nói:

"Đây tác phẩm của anh chàng mê gái mà ngu hữu đã sưu tầm được, tuy còn khuyết điểm nhiều. Quang Ngọc đọc sơ một lượt , rồi buồn rầu, giận dữ ném tập thơ xuống giường."

Từ đấy, Phạm Thái chán đời, say rượu, thất tình, lang thang câu cá, có lần thốt lên:

"Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đặng đầy một hồ rượu".

Nghĩ một lát chàng lại nói:

"Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đặng đầy hai con mắt mỹ nhân."

"Tiêu Sơn Tráng Sĩ", một tác phẩm cách mạng được Khái Hưng viết năm 1940 sau khi dẫn thân vào Đảng Đại Việt Dân Chính của Nhất Linh thành lập, tranh đấu giành độc lập, tự do, lấy chuyện xưa che mắt thực dân Pháp, khơi dậy tinh thần yêu nước của thanh niên, đưa ra hình ảnh Phạm Thái sa ngã tình yêu để cảnh tỉnh họ không vấp phải. Câu "Than ôi! Chí lớn trong thiên hạ đong không đầy đôi mắt mỹ nhân" được truyền tụng sâu rộng trong dân gian như một danh ngôn, người ta cảm thương cho tâm sự của kẻ thất thời lỡ vận.

Dưới ngọn bút nghiêm khắc, và nhãn quan của một nhà cách mạng, Khái Hưng đã kích Phạm Thái, là một kẻ yếu hèn, chỉ bởi một người đàn bà mà để mất hết nghị lực, nhân cách. Từ một tráng sĩ kiêu hùng một thời ngang dọc, làm quân sư, phó đảng trưởng, múa gươm trên lưng ngựa vào sinh ra tử chốn ba quân, xông pha...giữa tiếng chuông trống rầm trời, mù mịt bụi

bay...nay thất tình, chán đời, say sưa, bỏ đảng, giã từ vũ khí, rũ bỏ hết lý tưởng cao xa, báo đền ơn vua, trả thù cho nhà, cho đảng, chôn vùi sự nghiệp chỉ vì... "*đôi mắt mỹ nhân*". Thật thâm tâm phẫn một tráng sĩ khét tiếng ngày nào.

Không chỉ đam mê khi cầm bút, mọi nhân vật ngoài xã hội hể hợt qua cái nhìn của Khái Hưng là được đưa ngay vào tác phẩm, tựa như nhân vật Vội trong *Trống Mái* được hình thành do một chuyến đi tắm biển Sầm Sơn mà nên. Buổi sáng, đứng xa xa nhìn hình tượng những người dân chài cời trần trông giống những bức tượng đồng đen vạm vỡ dưới nắng sớm, họ sống cực nhọc, kham khổ, quanh năm vật lộn với sóng gió, ngoài đời Khái Hưng có một phong cách sống riêng rẽ.

Năm 1932, Khái Hưng làm việc tại báo Phong Hóa, 80 phố Quan Thánh, ngay góc đường Quan Thánh và Hàng Bún, trước cổng con đường xe điện Bưởi chạy ngang. Tòa nhà hai tầng có sân rộng bao bọc. Ở giữa bước lên thêm là phòng trị sự và nhà in. Muốn lên tòa soạn trên gác, rẽ sang bên cạnh, qua một khóm tre Đàng Ngà thân màu vàng, chỗ này người ta thường bắc ghế ngồi truyện trò, hay chơi bóng bàn. Phía sau có thang lên gác, bên trái phòng riêng của Khái Hưng và vợ, gian giữa dành cho tòa soạn làm việc, gian bên phòng tiếp khách. Trong cùng có hai phòng nhỏ để tài liệu, máy móc cần thiết. Khi tiếp khách, Khái Hưng bắt tay rất chặt, không hơi hợt như một số người, chúng tỏ một con người có nhiệt tình, cho dù đối tượng tiếp xúc còn rất trẻ. Khái Hưng có đôi mắt lạnh lợi, cặp môi hơi trễ xuống, nhưng cười nói có duyên. Dáng người nhỏ nhắn, môi hơi thâm, nên đã có người võ đoán Khái Hưng kết bạn nàng tiên nâu, thực tai họa lớn lao. Nguyễn Tuân [10.7.1910-28.7.1987] thường bỡn cợt rằng Khái Hưng trông giống Thạch Lam tức Nguyễn Tường Lân [7.7.1910-28.6.1942], Tú Mỡ tức Hồ Trọng Hiếu [14.3.1900-13.7.1976] và Thế Lữ tức Nguyễn Thứ Lễ [6.10.1907-3.6.1989] có bộ ngực Oméga, nghĩa là bộ ngực lép kẹp như chiếc đồng hồ đeo tay mỏng dính. Tuy nhiên đặc điểm này xem ra không phải độc quyền của họ, Vũ Trọng Phụng [1912-1939], Vũ Hoàng Chương [1916-1976]...đều như vậy, đủ rõ thời đó họ sống thế nào.

Năm 1933, vào một ngày nắng đẹp, Khái Hưng rủ Nhất Linh, Thế Lữ, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách đi thăm phong cảnh tỉnh Bắc Ninh, đặc biệt viếng mấy ngôi chùa cổ có tiếng như Bút Tháp, Phật Tích. Họ đáp xe hỏa đến một ga gần chùa Bút Tháp, có tháp cao cổ kính nhiều tầng, thuê một con thuyền xuôi giòng sông đào giữa hai cánh đồng dâu đến miền đồi Lim. Thấy không ai tức cảnh làm thơ, Khái Hưng bèn đem ngâm hai câu thơ của Lý Bạch [701-762]:

*"Cô phàm viễn ảnh bích không tận,  
Duy kiến Trường giang thiên tải lưu"*

Chùa Phật Tích được dân chúng địa phương dựng trên một sườn đồi, nóc, tường rêu phủ. Sau chùa rải rác nhiều tháp lớn nhỏ, chúng tỏ đã bao đời có nhiều nhà sư tu hành ở nơi vắng lặng này.

Theo con đường nhỏ họ rẽ sang chùa Bạch Môn gần đồi Lim. Chùa cũng nằm trên sườn đồi, có đường rộng dẫn vào, tuy kém phần cổ kính, có nhiều cửa to nhỏ ra vào nhưng đếm đi đếm lại vẫn không tới một trăm cửa như lời đồn đại.

Khái Hưng để ý đến ngôi chùa này và chọn nơi đây cho Ngọc - một thanh niên Tây học về thăm bác là sư cụ trụ trì chùa - gặp chú tiểu Lan gái giả trai đi tu, ở nhà kho, tối ngủ cài then kỹ lưỡng, trong mối tình lãng mạn của cuốn tiểu thuyết đầu tay "*Hồn Bướm Mơ Tiên*". Liên tưởng đến truyện xưa, Lê Thánh Tôn gặp một nàng tiên tại một ngôi chùa nào đó, câu thơ còn được truyền tụng trong dân gian đến ngày nay:

"Gió thông đưa kệ tan niềm tục  
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời."

Dân chúng còn truyền tụng sự tích lý thú về ngôi chùa này. Nguyên về đời nhà Lý, công chúa Văn Khôi, nhan sắc diễm lệ, không biết vì lý do gì, hay hồn duyên tử phạm, đã bỏ trốn cung điện đến chùa xin thụ pháp. Nhà vua cho người đón về, công chúa không chịu. Thấy thế nhà vua tỏ ra tức giận, bèn cho phóng hỏa ngôi chùa, bỗng nhiên có con rồng vàng hiện ra phun nước dập tắt lửa, vì thế chùa được đặt tên là Long Giáng.

Do đó, có cuốn tiểu thuyết "*Hồn Bướm Mơ Tiên*", được Khái Hưng sáng tác để hiện đại hóa và lãng mạn hóa cuộc gặp gỡ đó.

Không những vậy, họ còn tỏ ra ưa thích nhạc Tây phương, hơn những âm điệu cải lương Nam Kỳ, và những điệu ca Huế nghe buồn ử rữ như tiếng khóc thương mất nước của Chiêm Thành. Mỗi người trong số họ chơi đàn theo sở thích riêng, không mấy quan tâm đến vấn đề chơi cho đúng nốt hay đúng điệu. Hồi bấy giờ nhạc Tây phương rất phổ biến với các nhạc sĩ có tên tuổi như Mozart, Schubert, Schumann, Toselli hay điệu valse của Strauss. Nhất Linh, không ai rõ đã học thổi hắc tiêu [clarinette] từ hồi nào mà xem ra khá thành thạo. Đến mười lăm năm sau, khi lánh nạn sang Quảng Châu, Nhất Linh thường mỗi buổi chiều lại ra trước cửa nhà, thổi hắc tiêu đã thu hút được nhiều người đến nghe. Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo dạo đàn mandoline, banjo, họa với nhau những nhạc phẩm thịnh hành thời đó như *Senerata, La Paloma, C'est à Capri, J'ai deux amours* [Tôi có hai mối tình] hay những nhạc phẩm của Tino Rossi...

Thời kỳ này coi như đỉnh cao của Tự Lực Văn Đoàn, lần lượt cho chào đời nhiều tác phẩm đa dạng. *Nửa Chừng Xuân* coi như sáng tác tiêu biểu của Khái Hưng, về sau với những tác phẩm như *Những Ngày Vui* viết năm 1941, *Thoát Ly* viết năm 1939, *Gia Đình* viết năm 1938... Khái Hưng được coi như người viết tiểu thuyết phong phú nhất, đặc biệt được phái nữ rất yêu chuộng.

Tác phẩm gây ảnh hưởng sôi động nhất, tiêu biểu cho quan niệm xã hội của Tự Lực Văn Đoàn, có lẽ là *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh sáng tác năm 1935, đã làm sống lại một xã hội hủ lậu, hà khắc thời phong kiến với tấn thảm kịch đầy nước mắt của một người đàn bà nạn nhân tàn bạo của chế độ nô lệ, tàn dư phong kiến đã tác yêu tác quái xã hội lúc bấy giờ. *Đoạn Tuyệt* có công lớn trong công cuộc đấu tranh cho tự do, nhân phẩm và quyền sống của con người, *Đoạn Tuyệt* đầy giá trị nhân bản và tình người, diễn tả hận thù mới cũ, bắt đầu bằng hận thù và kết thúc trong tình thương.

Trong *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng, mâu thuẫn mới chỉ được đưa ra và giải quyết nửa chừng, cuộc xung đột của hai phái mới và cũ về vấn đề tự do hôn nhân. Do sự xung đột đó, hai nhân vật chủ động trong tiểu thuyết là Lộc và Mai tuy đã yêu nhau và lấy nhau, nhưng vì bà Án - mẹ của Lộc - bất đồng chính kiến phát xuất từ vấn đề "*môn đăng hộ đối*", đã dồn mọi nỗ lực để phá hoại khiến họ phải chia rẽ nhau. Tuy vậy, *Nửa Chừng Xuân* lại giải bày một lý tưởng về hạnh phúc của con người trên đời, muốn được sung sướng, không có gì bằng hy sinh cá nhân hạnh phúc của mình để mưu hạnh phúc cho người khác. Vì thế, sau khi bỏ Lộc, Mai vì biết tự hy sinh cho em trai và cho con mà thấy đời mình sung sướng.

Đến *Đoạn Tuyệt*, mới thực sự đoạn tuyệt. Nhất Linh có đầu óc quyết liệt với cái cũ hơn Khái Hưng. Bi kịch trong cuộc hôn nhân Loan-Thân đương nhiên là sản phẩm của đầu óc đó. Xã hội diễn ra sự xung đột giữa thế hệ mẹ chồng nàng dâu phát xuất từ quan niệm "*quân thân phụ tử*" và "*tam tông tứ đức*", một quan niệm bóp nghẹt quyền tự do được sống, được phát triển của con người, đặc biệt đối với phụ nữ, ép buộc họ phải chịu đựng đau khổ trong một khuôn khổ thoái hóa mà đã có người cho là đạo lý, luân thường bất khả di dịch.

*Đoạn Tuyệt* đã như một bản tuyên ngôn ly kỳ, thêm một mối tình dang dở lãng mạn với một nhân vật "cách mạng" nên được quần chúng chú ý nhiều hơn. Một nhân vật chính trong *Nửa Chừng Xuân* : cặp Xuân-Lộc lại hiện thân một quan huyện, nên có người tỏ ra không ưa lắm, mặc dù Dũng trong *Đoạn Tuyệt* hoạt động có vẻ tài tử giang hồ hơn một chiến sĩ cách mạng thực sự, có vẻ hợp thời hơn.

Tất nhiên, không tránh khỏi có những đối tượng công kích, còn nặng đầu óc cổ xưa, cho rằng Tự Lực Văn Đoàn phá hoại truyền thống, tôn ti trật tự. Những sự công kích đó không chỉ đến từ người già nua, mà còn xuất phát từ số người tự nhận là mình tiến bộ như Trương Tửu [18.10.1913-16.11.1999], Nguyễn Công Hoan [6.3.1903-6.6.1977]. Trong *Cô Giáo Minh* của Nguyễn Công Hoan, viết năm 1935, luận đề mang nặng tư tưởng bảo thủ, chủ trương giải quyết xung đột "mới cũ" bằng sự thỏa hiệp, thực chất "phái mới" đầu hàng "phái cũ", trái ngược giải pháp "đoạn tuyệt" đại gia đình phong kiến để giải phóng cá nhân trong *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh, kể chuyện một người đàn bà vì không thể chịu nổi sự áp bức của chế độ đại gia đình và của tập tục đã phải "đoạn tuyệt" gia đình để thoát ly sự áp bức kia.

Tiểu thuyết của Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo [1907-1948], một mặt phê phán lễ giáo và phong tục đại gia đình phong kiến hủ bại trong một loạt tiểu thuyết phong tục có giá trị hiện thực rõ rệt [*Thoát Ly*, *Gia Đình*, *Thừa Tự*, [Khái Hưng] *Lạnh Lùng* [Nhất Linh] và đi sâu vào tình yêu, lối sống cá nhân chủ nghĩa [*Trống Mái*, *Đẹp*, *Dưới Ánh Trăng* [Khái Hưng], *Đời Mưa Gió* [Khái Hưng viết chung Nhất Linh], mặt khác đưa ra chủ đề cải cách xã hội trong những tiểu thuyết luận đề, dựng lên những đôi vợ chồng điền chủ trẻ tuổi, có văn hóa, chăm lo "làm giảm bớt đau khổ" cho tá điền bằng các việc từ thiện [*Gia Đình* [Khái Hưng], *Con Đường Sáng* [Hoàng Đạo].

Trong giai đoạn những năm 1932-1939, coi như thời gian tập trung tinh lực và tâm huyết của Tự Lực Văn Đoàn, được thể hiện nhiệt thành và nhất quán. Những tác phẩm tiêu biểu như *Nửa Chừng Xuân* [đăng báo năm 1933, xuất bản năm 1934], *Gia Đình* [đăng báo năm 1936, xuất bản năm 1937], *Thoát Ly* [đăng báo năm 1936, xuất bản năm 1937] *Thừa Tự* [đăng báo năm 1938, xuất bản năm 1940] của Khái Hưng, *Đoạn Tuyệt* [xuất bản năm 1935], *Lạnh Lùng* [đăng báo năm 1935, xuất bản năm 1936] của Nhất Linh, một mặt phơi trần thực chất xấu xa, nhơ nhớp của chế độ phong kiến trên nhiều lãnh vực: từ lễ giáo, tập tục, luân lý đến những mối mâu thuẫn, giằng xé trong quan hệ đại gia đình, đến đầu óc xôi thịt, danh vị, quan trường với những đại diện lớn nhỏ khác nhau, mặt khác đưa ra hình ảnh người đàn bà bị kim hãm trong vòng tăm tối đến tuyệt vọng hay kiên quyết đấu tranh để tự giải phóng mình, bảo vệ đến cùng quyền tự do yêu đương và hạnh phúc cá nhân.

Một số tác phẩm khác như truyện ngắn *Anh Phải Sống* [Khái Hưng viết chung Nhất Linh, 1934], nhiều truyện ngắn trong tập *Tối Tăm* [Nhất Linh, 1936], *Gió Đầu Mùa* [Thạch Lam, in rải rải trên báo năm 1935-1936, in thành sách năm 1937], các tiểu thuyết *Đôi Bạn* [Nhất Linh, 1938], *Con Trâu* [Trần Tiêu, 1939], tập luận thuyết *Bùn Lầy Nước Đọng* [Hoàng Đạo, đăng báo năm 1937, in sách năm 1938]... hướng về phía bình dân với thiện chí rõ rệt, diễn tả những cảnh đời cùng khổ, quần quật làm lụng mà vẫn không thoát khỏi cơ cực, lam lũ, ẩn sâu trong tâm hồn họ là những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý, đồng thời - trong *Bùn Lầy Nước Đọng* - Hoàng Đạo còn đưa ra biện pháp cải thiện đời sống cho dân nghèo.

Về mặt lễ sống một số tác phẩm như *Gia Đình* của Khái Hưng [viết năm 1938], *Ngày Mới* của Thạch Lam [viết năm 1937, in năm 1939], *Con Đường Sáng* của Hoàng Đạo [in báo năm 1938, in sách năm 1940] diễn tả hình ảnh những thanh niên thuộc thế hệ mới không chấp nhận cuộc đời trường giả, hoặc trở về mở đồn điền, tự mình tham gia cày cấy, mong thay đổi phần nào thân phận người nông dân khổ cùng, hay cố giữ niềm vui trong cái nghèo lương thiện, thì một số tác



phẩm khác như *Đoạn Tuyệt*, *Đôi Bạn* của Nhất Linh, tiểu thuyết lịch sử *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* của Khải Hưng [đăng báo năm 1934, in sách năm 1935], truyện ngắn *Thế Rồi Một Buổi Chiều* của Nhất Linh [1936] lại diễn tả hình ảnh những thanh niên dấn thân vào con đường gió bụi để tìm lẽ sống. Họ chưa xác định rõ lý tưởng của mình là gì nhưng người ta thấy ẩn trong sâu kín tâm hồn họ nỗi mặc cảm đau xót của người dân mất nước, thêm những thao thức dày vò của lớp thanh niên thuộc thế hệ mới không chấp nhận cuộc sống tẻ nhạt, cũ kỹ, có niềm say mê lãng mạn được sống cảnh phiêu lưu, "*mê man trong hành động*", bất chấp mọi hiểm nguy.

Tuy nhiên, những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn lại bị những người Mác-xít soi xét dưới một con mắt khác, cho rằng lãng mạn, ủy mị, tiểu tư sản, xa rời quần chúng và đưa quần chúng vào con đường xa lánh đấu tranh. Người cộng sản có cái nhìn cực đoan, phủ nhận tất cả những thứ văn chương không đúng theo đường lối đấu tranh giai cấp như họ chủ trương, cho nên họ đã phủ nhận giá trị nhân bản, tiến bộ và giá trị văn học của Tự Lực Văn Đoàn, đặc biệt về sau này, khi một số trong nhóm gia nhập những đảng phái quốc gia như Khải Hưng, Hoàng Đạo, họa sĩ Nguyễn Gia Trí...

Trước năm 1945 Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội ở Trung quốc bồng biển đầu mất, chỉ còn độc nhất Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Chí Minh về nước, chạy hỏa tốc về hang Pắc Bó cùng đồng bọn lập chiến khu, cướp thời cơ độc chiếm giành chính quyền cho Việt Minh tức cho cộng sản Việt Nam. Năm 1946, chính phủ Liên hiệp Kháng chiến do Hồ Chí Minh khởi xướng hay Hồ Chí Minh lay lục các chính đảng quốc gia thuận tình thành lập, để sau đó không lâu, ào ào hội họp thành Quốc hội Liên hiệp ở Hà Nội, phải chăng đây là cái bình phong che đậy hàng vạn vụ thảm sát công khai như Khải Hưng hay âm thầm các chiến sĩ Việt quốc, Việt cách, Đại Việt...từ Nam chí Bắc, khắp thành thị đến thôn quê? Người cộng sản Việt Nam đội lốt Việt Minh dùng chiêu bài kháng chiến chống Pháp để tiêu diệt các đảng quốc gia.

Hồi tỉnh vì sự sai lầm đã cộng tác với cộng sản và trước đó được Hồ Chí Minh ôm mình khóc sụt sùi vì những giọt nước mắt cá sấu đầy kịch biến ấy. Năm 1946, cụ Huỳnh Thúc Kháng tức tối đã bất thần phản ứng khi cùng phái đoàn Việt Minh công du miền Nam ở Quảng Nghĩa. Lời phát ngôn cương trực của cụ chống Việt Minh trong cuộc biểu tình dưới chân núi Thiên Ân làm Việt Minh giật mình, và đang tay giết cụ tinh vi và âm thầm bằng cách đầu độc cụ ở ngay Quảng Nghĩa.

Quan điểm đánh giá văn học của cộng sản đầy những sai lầm, phiến diện. Họ không có ý niệm rõ ràng về sự khác nhau giữa văn học và chính trị, lược qui giá trị văn học vào giá trị chính trị, mà quan niệm chính trị của họ thì quá hẹp hòi, cứng nhắc. Đồng nhất phạm trù chính trị và phạm trù văn học là một việc làm thô bạo. Chính trị có tiêu chuẩn của chính trị, và văn học có tiêu chuẩn của văn học. Lẫn lộn văn học và chính trị, đặc biệt thứ chính trị giáo điều, chật hẹp của mình là hành động hủy diệt văn học.

Khuynh hướng tư tưởng và nghệ thuật của Tự Lực Văn Đoàn, trong đó Khải Hưng là một thành viên nòng cốt, nhìn chung có sự thống nhất, mặc dù cách xem xét các vấn đề đời sống cụ thể và bút pháp của mỗi người khá đa dạng - nó biểu hiện ý thức tôn trọng quyền sáng tạo cá nhân mới mẻ trong tôn chỉ Tự Lực Văn Đoàn theo đuổi - nhưng gần về cuối, do biến động chính trị của những năm thế chiến 2, đã có sự phân hóa ít nhiều.

Người đứng đầu Nhất Linh có tài, có tâm và có tầm nhìn, biết đoàn kết cả nhóm trong ý hướng chung, biết khơi gợi đúng thiên hướng của từng người để trở thành ngòi bút chuyên biệt, nổi danh về một thể loại. Khải Hưng được động viên chuyển từ lối viết luận thuyết trên báo Duy Tân ký bút hiệu *Bán Than*, sang viết tiểu thuyết, Tú Mỡ được Nhất Linh gợi ý làm thơ trào phúng và sau trở nên nổi danh, Trọng Lang [2.10.1906-?] tên thật Trần Tấn Cử, được cổ vũ đi vào thể loại

phóng sự, trái lại Thế Lữ dưới cái nhìn của Nhất Linh thấy có xu hướng khai phá, tạo dựng nên phong trào thơ mới... Thơ mới ngay từ buổi khởi đầu cho đến lúc toàn thắng trên văn đàn.

Khái Hưng cũng như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam có tài sáng tác, tác phẩm viết hấp dẫn, thu hút được mọi người nhờ có sức truyền cảm, khi diễn tả thái độ khéo gọt ghém trong tư tưởng luận đề nên rất thực tiễn, khiến đã có người cho rằng tiểu thuyết đã có người thể hiện, mà người viết là người đã sống hay mục kích sống. Người ta không thể nào rời bỏ tác phẩm đang xem đó. Có đôi khi ngưng lại đôi ba phút, hoặc giả xem gần hết tác phẩm, mà vẫn còn thấy tiếc rẻ là chóng đi đến kết thúc.

Khái Hưng làm say mê độc giả đặc biệt về truyện ngắn. Trong *Đợi Chờ* cho người ta mục kích kết thúc tác phẩm bất độc giả sửng sờ. Hoặc giả trong *Tương Tri* trong tập *Hạnh* người ta đọc xong, cảm thấy buồn man mác như đã gặp thiên thần qua cơn ác mộng tuyệt đẹp. Tính chất mơ mộng của tiểu tư sản đã bộc lộ tuyệt đích ở đây. Cốt chuyện như : Khái Hưng quen cụ Tú Trường Lệ. Mỗi khi qua đó, cụ mời Khái Hưng đánh cờ cho bằng được mới nghe. Nhà cụ đẹp như động tiên, mỗi khi cụ rẽ vào dựng phi lao ngan ngát gió ngàn là mắt bóng. Và quen lệ, năm sau Khái Hưng chờ mong cụ lại để hầu cờ thì vắng bóng. Không hay cụ đi đâu, nhà cửa chuyển đi từ hồi nào không ai hay và không để lại một vết tích nào. Khái Hưng nhớ lại và diễn tả nỗi nhớ ấy qua những giòng văn bóng bẩy đẹp vô cùng:

*"Năm ngoái, chờ mong mãi mà không thấy cụ Tú ra đánh cờ...tôi mò mẫm về tận trái núi bình phong nhưng cũng không tìm được di tích cụ Tú kỳ dị ấy..."*

Thật bay bướm, đẹp tựa giấc mộng: Thần tiên hay người trần tục đã về tiên cảnh. Cảm giác buồn đẹp xâm chiếm tâm hồn người, cảm giác xao động phát xuất từ đó, thì chính sự gây đọc một thái độ ở độc giả là thành công của Khái Hưng. Trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan nhận định Khái Hưng có lập ý cao như Anatole France, Hofmann, Edgar Poe chủ trương thuyết hoài nghi.

Đến *Đợi Chờ*, nghệ thuật lịch lãm của truyện ngắn rõ rệt hơn: Thanh niên thiếu nữ mấy ai không yêu ở tuổi hoa niên, và dễ mấy ai đã yêu lại không vương vấn *"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ"*, gặp người đẹp giữa đường trong cuộc du lịch, nàng hết ét-săng đỗ vào xe hơi, nên vay chàng thanh niên đó. Người đẹp hứa hẹn mai một gặp gỡ thì dễ gì không gần ngày tái ngộ. Nhưng người thanh niên chờ đợi đã mấy mùa thu mà vẫn bật âm tín. Diễn tả thái độ nhớ nhung, buồn sầu đó, Khái Hưng viết:

*"Và trên bờ sông cao, khóm cây vẫn yên lặng nghiêng mình soi bóng xuống mặt nước rêu xanh không động, những bụi lau lá sắc và nhọn vẫn đứng thẳng hàng, bông trắng loáng thoáng lẫn trong không. Và trên ngọn đồi xa, làn mây bạc vẫn ngập ngừng dừng lại... Cùng chàng mong ngóng người năm ấy, vạn vật trầm ngâm mong ngóng xuân về..."*

Nghe thuật viết truyện dài của Khái Hưng, đặc biệt những tác phẩm về sau như *Bản Khoảnh* chẳng hạn, từ tiểu thuyết lý tưởng như *Hồn Bướm Mơ Tiên*, hay *Nửa Chùng Xuân* bắt nguồn rất nhanh tới loại truyện phân tích tâm lý, mổ xẻ tinh vi hình tượng con người, sống trong cùng một khoảng thời gian, không gian với tác giả, khiến người đi sau xếp Khái Hưng vào loại bất tử. Từ *Hạnh* đến *Đẹp*, *Bản Khoảnh* đi sâu vào tâm lý với một kỹ thuật viết trưởng thành.

Người ta nhớ đến những nhà văn quốc tế thời nay, Constantin Virgil Gheorghiu có một lối viết tiểu thuyết hấp dẫn, nội dung vẫn mang vết tích đời sống cá nhân, bối cảnh xã hội, triết lý theo đuổi bằng hình tượng, thái độ cảm giác. Người nào cũng có thể say sưa với *Hạnh* [1940], *Bản Khoảnh* [1943], *Đẹp* [1940]; cũng như với *La vingt cinquième heure*, *La Seconde Change*, *L'homme qui voyagea seul*. Tình tiết sắp đặt mới, không cần dùng khung cảnh lãng mạn hoặc tầm thường

không dính líu, hoặc cần thiết cho cốt chuyện để thu hút độc giả mà nghệ thuật diễn đạt được lồng vào hơi văn đặc biệt của tác giả.

Cũng là một loại tiểu thuyết chính trị của Khái Hưng như *Lời Nguyên*, *Nhung* hoặc của Gheorghiu, Ehrenbourg, nhưng họ khác nhau ở lập trường chính trị. Tiểu thuyết của Khái Hưng diễn tả sự hòa đồng cách mạng của nhược tiểu quốc của mình với hoàn cảnh chính trị năm 1945, Gheorghiu lên án tư bản, cộng sản, phát-xít, độc tài, dân chúng Do Thái là nạn nhân của mọi chế độ; nhưng Gheorghiu đề cao thánh đường và nhận định chỉ có thánh đường và thi sĩ là có thể cứu nhân độ thế ở thời tao loạn - cõi thức của tôn giáo, lương tâm của thi sĩ. Ehrenbourg viết tiểu thuyết với nghệ thuật tham lam cho chủ nghĩa; nên đôi khi Ehrenbourg bất chấp cả diễn tiến tâm lý, tình cảm hình tượng, giác quan con người hôm nay, tự tạo một mẫu người anh hùng, rồi đề cao nhân vật đó, bắt buộc con người cùng thời thể hiện. Chính vì thế, tiểu thuyết cải luận của Ehrenbourg là bản án quá thiên về một chủ nghĩa để giải quyết và kết thúc; khiến người ta không còn khách quan theo dõi. *La Tempête*, *La Chute de Paris* khác hẳn các tiểu thuyết căn bản của Dostoievski, Leon Tolstoi...

Nghệ thuật viết tiểu thuyết, thiết tưởng không thể nhà văn nào hướng dẫn nhà văn nào nên đi theo đường lối này hay đường lối kia. Mỗi nhà văn có một hoàn cảnh và mỗi hoàn cảnh ấy tạo cho mỗi nhà văn một thế giới riêng. Nếu chỉ khai thác theo một con đường, đó là văn nghệ bị trói chặt theo một đường lối, như vậy có hại cho sự khai thác mọi ngành trong xã hội. Người ta không thể động viên Khái Hưng viết như Vũ Trọng Phụng [1911-1939] hoặc trái lại. Cũng không thể như Andre Maurois cho rằng viết tiểu thuyết thì không nên bày tỏ chủ nghĩa chính trị hay triết học. Andre Maurois quan niệm chủ nghĩa chính trị hay triết học đó nên xếp vào một ngành văn nghị luận. Nói thế là lý luận của bọn người chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật [art pour art] không phù hợp với trình độ đòi hỏi của con người hôm nay. Phê bình một tác phẩm chỉ nên nhận định tác phẩm ấy có nghệ thuật cao so với cùng loại truyện ấy không, bởi khi viết được một truyện có hình tượng thời thế, có nghệ thuật đã là một trình độ cao, một thái độ biết đem đời sống vào văn chương, như quan niệm của Bertrand Russell là ghi chép đời sống và mở đường cho triết lý nhân sinh.

Khái Hưng thấm nhuần tư tưởng Tây phương, cách hành văn trong tiểu thuyết chứng tỏ điều đó. Không phải lối văn dài giòng, khúc trắc, khó hiểu, lồi thoi, kể lể như loại tiểu thuyết vào thời kỳ phôi thai của Hồ Biểu Chánh [1885-1959] tên thật Hồ Văn Trung, tác giả của hơn 100 tiểu thuyết, hay Tố Tâm [1925] của Hoàng Ngọc Phách [20.8.1896-24.11.1973]. Khái Hưng có cách hành văn sáng sủa, kết thúc truyện đột ngột, phù hợp với giác quan và tâm lý chuyển biến của lớp người đương thời. Đọc văn Khái Hưng, đặt biệt truyện ngắn, người ta cảm thấy một hương vị buồn thoáng nhẹ, nói riêng, và truyền cảm, nói chung, thoáng như hoa thơm trong truyện tình *Premier d'Amour* [=Tình đầu] của Tourguenieff, đôi khi dài điếm, cao sang như *Anna Karenine* của Leon Tolstoi.

Khái Hưng sinh trong gia đình trường giả, nên trong tiểu thuyết của Khái Hưng không thể bình dân hay đi vào từng lớp người đang sống ngụp lặn nơi hang cùng ngõ hẻm, bùn lầy nước đọng. Cho nên đôi khi Khái Hưng có mô tả hình ảnh nông thôn thì những cảnh tượng đó không hoàn toàn thoát khỏi hình tượng của một chiếc máy ảnh chỉ thu hình được những gì khách quan hay dưới nhãn quan của một người xa lạ với nông thôn. Tuy nhiên, Khái Hưng có một lối tả cảnh phải công nhận đẹp. Nhờ có thiên phú tiểu thuyết, giàu óc tưởng tượng, nghệ thuật trình bày, nên khi nói về cuộc sống trường giả, thị thành được dựng thành truyện đã rất sống động và có chiều sâu.

Những nhân vật trong *Bản Khoản* chứng tỏ Khái Hưng sống trong lòng trường giả rất nhiều. Tâm tính của Nghị Hách trong *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng chỉ có Vũ Trọng Phụng mới diễn tả nổi, do sống trong lòng bọn cuồng loạn, ảnh hưởng những tiểu thuyết của Jack London và Maxime

Gorki. Nhân vật Nam trong *Đẹp* của Khái Hưng chỉ có Khái Hưng mới làm trọn phận sự của mình.

Khái Hưng có giọng văn đều đều, ít bộc lộ tư tưởng cách mạng trong tiểu thuyết như Nhất Linh. Khái Hưng khác Nhất Linh ở điểm, giữa lúc chính phủ bảo hộ Pháp còn hồng hách, bọn tay sai thư lại, phong kiến, thực dân chà đạp, a tòng, thì Nhất Linh dám lên án chúng trong *Đôi Bạn* [1938]. Tác phẩm được dư luận chung đánh giá là một tiểu thuyết nhẹ nhàng, tế nhị diễn tả những tấn bi kịch xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc với những thanh niên thoát ly gia đình, dấn thân vào cuộc đời gió bụi, làm cách mạng, những cảnh đời bi thảm lồng trong những mối tình lãng mạn, éo le, ngang trái, vấn đề giai cấp, bất công xã hội. *Đôi Bạn* tả chân hiện thực một giai đoạn của lịch sử cận đại Việt Nam với những thành kiến xã hội hủ lậu, độc đoán trói buộc một thế hệ thanh niên. *Đôi Bạn* làm sống lại một xã hội thoái hóa, tàn ác, bất công dưới thời Pháp thuộc, một cái hố sâu thăm ngấn cách giữa tầng lớp cai trị ăn trên ngồi chốc và những người khổ rách áo ôm. Trái lại, Khái Hưng đi vào chiều sâu con người hơn vận mệnh, con người về mặt cải cách. Nhưng không thể trách Khái Hưng tại sao lại không hành động như Nhất Linh. Tư tưởng con người, đặc biệt nhà văn không dễ gì gò bó vào một khuynh hướng nào khi họ không đam mê thích thú. Nhất Linh nuôi chí anh hùng tạo thời thế, còn Khái Hưng thì nhờ thời thế thay đổi mình. Nói thế tất có người cho rằng đã phủ nhận tập *Tiểu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng xuất bản năm 1940 : một tác phẩm nuôi dưỡng cách mạng trước giờ khởi điểm. Sự thật, không ai có thể chối bỏ giá trị nuôi dưỡng cách mạng của Khái Hưng, nhưng Khái Hưng không có thái độ và ý chí như *Đôi Bạn* của Nhất Linh. Vì thế *Tiểu Sơn Tráng Sĩ* chỉ có giá trị ở tư tưởng thúc đẩy gián tiếp.

Khái Hưng nhà tiểu thuyết có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện. Từ những năm 1932, 1933, trong những tiểu thuyết đầu tay của mình - *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân* - Khái Hưng đã xây dựng cốt chuyện theo đường lối mới, giản dị, gần gũi con người, bắt nguồn từ cuộc đời thật, linh hoạt, bố cục chặt chẽ, hợp lý. Năm 1934, khi viết *Tựa* cho tập *Vàng Và Máu* của Thế Lữ, Khái Hưng trình bày cho thấy quan điểm của mình, rằng truyện phải "*gần sự thật*", "*trong truyện không sự gì đưa ra mà không hợp lẽ, không một cái kết quả nào không có nguyên nhân chắc chắn vững vàng*". "Nhà văn không thể "*dễ dãi quá*", không thể "*đem trí tưởng tượng ra mà bịa đặt, có khi không cần hợp lý chút nào*". Trong thực tế, Khái Hưng nỗ lực xây dựng cốt truyện theo tinh thần đó. *Hồn Bướm Mơ Tiên* diễn tả một cô gái vì trốn sự gả bán của gia đình đến nương nhờ cửa Phật, nhưng lại yêu giữa chốn từ bi. Dù vẫn mộ đạo Phật mà tâm trí vẫn lẫn sự đời. Những truyện *Nửa Chừng Xuân*, *Gia Đình*, *Thừa Tự*, *Thoát Ly*... diễn tả sự xung đột giữa phái trẻ và già trong các gia đình quyền thế. Thời thế thay đổi, các thế hệ cha chú và con cháu không còn cùng chung một quan niệm sống. Giữa họ diễn ra cuộc xung đột về tư tưởng, tình cảm, lối sống mà trở nên gay gắt, khó hàn gắn. *Nửa Chừng Xuân* diễn tả cuộc xung đột giữa cha mẹ và con cái, giữa trẻ và già về quan niệm hôn nhân và gia đình. *Thoát Ly và Thừa Tự* mô tả cuộc xung đột giữa mẹ ghẻ và con chồng. Những người con chồng khi thức tỉnh sâu sa ý thức cá nhân, quyền sống của con người thì sự mâu thuẫn đó trở nên quyết liệt hơn. Đó mới đúng là truyện, Khái Hưng của cuộc đời thật, cảm nghĩ về cuộc sống thật, bình thường, giản dị, chứ không vay mượn, khuôn sáo, ly kỳ, ngoắt ngoéo.

Khái Hưng lấy miêu tả, khẳng định cái tôi cá nhân, cá thể làm cảm hứng chủ đạo, thường xây dựng những cốt truyện chú trọng đến tâm lý. Khái Hưng đi sâu miêu tả thế giới bên trong của nhân vật, thế giới cảm giác, cảm xúc phong phú của con người trước thiên nhiên, cảnh vật, con người và với chính mình. Trong nhiều truyện khi xây dựng cốt truyện, Khái Hưng sử dụng kết cấu đi thẳng vào những bản khoăn, thắc mắc, gây cản trở tâm lý của nhân vật, sau đó mới hồi cổ, miêu tả quãng đời dĩ vãng của họ. Ngay những cuốn tiểu thuyết ở thời kỳ đầu như *Hồn Bướm Mơ Tiên*, *Nửa Chừng Xuân*, *Trống Mái*, *Tiểu Sơn Tráng Sĩ*, *Gia Đình*, *Thừa Tự*, *Thoát Ly*... cốt truyện đều chú trọng nhiều đến tâm lý, điều này bây giờ không mấy ai ngạc nhiên, nhưng ở thời đại của Khái Hưng, đây coi như một bước ngoặt so với truyện thơ Nôm thời trung đại và tiểu thuyết 30

năm đầu thế kỷ 20.

Ở giai đoạn cuối, Khái Hưng thay đổi rõ rệt về cốt truyện, không chỉ đi sâu vào tâm lý nhân vật mà còn có xu hướng rời lỏng, quan niệm tiểu thuyết phải gần cuộc sống. Tiểu thuyết nếu xếp đặt, bố trí chặt chẽ quá thì có nguy cơ xa rời cuộc đời. Qua nhân vật Nam trong tập *Đẹp*, Khái Hưng cho thấy rõ quan niệm của mình:

*"Tôi định viết một quyển tiểu thuyết thực dày, dày ít ra là một nghìn trang chữ corps. Một quyển tiểu thuyết không có chuyện. Trong đó tôi sẽ ném vào từng nắm việc thường xảy ra hàng ngày, và từng nắm tư tưởng lạt lẽo và đậm đà, giả dối và thành thực, y như những việc làm, những lời nói ở cửa hàng bán đồ nấu... còn chuyện, nếu có chuyện, thì tôi cho nó đi như nó đi, nghĩa là nó muốn đi thế nào mặc nó, quí hồ nó đến được chỗ kết cục."* Xây dựng cốt truyện, Khái Hưng đi sâu vào trần thuật diễn biến tâm lý, đi sâu vào ý thức, nhưng Khái Hưng không đi sâu vào thế giới tiềm thức, vô thức, những giấc mơ, ẩn ức, những việc ngẫu nhiên, bất thường. Truyện ở đây dường như không có chuyện, đó hành trình của thế giới bên trong phong phú, đa dạng, phức tạp khôn lường cứ kéo dài, nở rộng theo nhân vật.

## Rượu tiễn chưa tàn

(Tiêu Sơn tráng sĩ của Khái Hưng – Hồi 36)

Nửa đêm Phạm Thái thức giấc, thấy mình nằm ngay ở sập rượu. Mâm và các thức đã cất hết cả rồi, chỉ còn trơ cây sập cháy trên cái đài làm theo hình hoa sen và lá sen.

Phạm Thái ngồi vỗ trán nghĩ mãi mới nhớ ra rằng buổi chiều có ngồi uống rượu với Kiến Xuyên hầu. Chàng cũng chỉ nhớ thế thôi, còn mọi sự xảy ra trong bữa tiệc, chàng quên hết.

Bỗng chàng nhác trông thấy bức tranh treo trên vách cạnh bàn, liền cầm đài sập ghé gần lại xem. Đọc bìa vịnh mỹ nữ, chàng vụt nhớ đến truyện đề thi và hơn nữa, đến bức rèm rung động trước cửa buồng bên. Ngẫu nhiên, chàng quay lại nhìn: Cánh cửa buồng đóng chặt, mà hai cánh rèm the màu xanh đã mắc lên đôi móc bạc.

Phạm Thái mỉm cười, chống tay vào cằm ngồi mơ màng tưởng tới những truyện Liêu Trai đầy tiên cô và yêu quái. Chàng đăm đăm nhìn về phía buồng ngâm lại bài thơ nôm, và ao ước hão huyền rằng đến câu "Nguyệt bên rèm tỏ để si tình", thì tự nhiên cánh cửa buồng sẽ mở tung ra để đón mời chàng vào.

Tiếng gà gáy nửa đêm làm chàng giật mình. Chàng sợ mướt mồ hôi, đưa tay lên vuốt xoa đầu.

Lúc bấy giờ chàng mới kịp nhớ ra rằng mình là sư, và hơn nữa là đảng viên, một đảng Lê thần.

Chàng lấy làm tự thẹn và tự giật mình: "Chẳng lẽ nào mình lại thế được." Rồi dần dần, trí chàng trở nên sáng suốt. Chàng cố ôn lại những lời bàn với Kiến Xuyên hầu trong bữa tiệc. Chàng nghĩ thầm: "Chẳng biết mình có vô ý để tiết lộ những điều bí mật của đảng không?"

Chàng lo lắng và hồi hận vô cùng. Nhác thấy một tờ giấy hoa tiên màu xanh lá mạ, gấp trong gói xếp và để thò ra một nửa, hình như cốt để chàng lưu ý đến.

Chàng rút ra xem, thì đó là một bài thơ thất ngôn bát cú. Liền ghé vào ánh sáng cây sập, lẩm nhẩm đọc:

Véo von bên liễu liếc cng hoàng oanh,  
Khuyên khắc đừng quên chí chiếu n tranh.  
Giữa lúc nước nhà đang họa nạn,  
phải khi tráng sĩ vương tơ tình?  
Sông trôi đất Bắc in giòng đỏ,  
Núi đứng trời Nam nhuộm vẻ thanh.

Khúc khải hoàn ca rồi mạnh mẽ,  
Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh.

Phạm Thái sung sướng mỉm cười:

- Bài thơ họa không có lạc khoản, nhưng còn ai vào đây nữa? Kín đáo và tình tứ, mà lắm liệt biết bao, tuy viết vội, nên lời thơ không được chuốt.

Chàng tưởng tượng ra một cảnh lặng lẽ, khi mâm rượn bưng đi rồi, Trương Quỳnh Như từ khuê phòng rón rén bước ra.

Bức vẽ dần dần hoạt động. Phạm Thái mơ màng thấy một thiếu nữ mặt trắng như ngà, giơ bàn tay xinh xắn vén cánh rèm the ngó nhìn quanh phòng một lượt. Rồi hai bàn chân nhỏ nhắn trong đôi hài con phượng nhẹ nhàng khoan thai đặt trên nền gạch Bát tràng to bản, một bước một ngừng vì sợ chàng nghe tiếng động giật mình thức dậy.

Thiếu nữ lại gần sập ngắm chàng say mềm nằm gục đầu vào gối xếp, rồi thong thả bước lên sập, đứng đọc bài thơ đề trên tranh, vừa mỉm cười, Phạm Thái như còn ngửi thấy mùi hương phảng phất trong phòng và nghĩ thầm vợ vẫn: "Biết đâu cô Quỳnh Như không lay mình dậy, như vì mình say quá, không hay".

Chàng lắc đầu nghĩ tiếp: "Không, chắc không thể thế được!"

Giấc mơ tỉnh của Phạm Thái vẫn đi. Chàng thấy Quỳnh Như quay về phòng khuê lấy bút mực để họa bài thơ của chàng, rồi lại như lần trước, rón rén bước ra nhà ngoài khẽ đặt tờ giấy hoa tiên vào trong gối xếp.

Một tiếng gà gáy làm tan giấc mộng. Chàng cầm bài thơ đọc lại một lượt: "Nàng khuyên ta nên đi Kinh Bắc để dần thân vào nơi nguy hiểm: Sông trôi đất Bắc in dòng đờ. Sao nàng biết ta... biết chí lớn của ta? Thôi, chỉ vì trong khi ta quá chén, ta thốt hết tâm sự ra với Kiến Xuyên hầu. Nàng đứng nấp sau bức rèm đã nghe rõ câu chuyện."

Chàng sung sướng thì thầm:

- Thực ta đoán không sai, nàng quả là một bức cân quắc anh hùng. Nàng khuyên ta làm việc lớn, rong ruổi bước đường gió bụi, chờ lúc hát khúc khải hoàn trở về Nàng ước hẹn cùng ta. ầu yếm biết bao?... Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh.

Một bức tranh khác kế tiếp hiện ra: Bức tranh náo động vẽ một bãi chiến trường: Cả một thời kỳ theo Nguyễn Đoàn, thời kỳ đầy nguy hiểm, gian lao.

Chàng cười con ngựa tía phi trong đám dáo, gươm, tên, đạn, coi cái chết nhẹ như chiếc lông hồng. Cái chí nguyện bình sinh của chàng là được da ngựa bọc thây chôn trên cồn cát trắng.

Ngẫu nhiên, chàng ngâm khẽ mấy câu thơ trong truyện Trinh phụ của bà Thị Diễm.

Chàng trẻ tuổi vó hn giòng hào hệt,

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Thành liền mong tiến bệ rồng,

Thước gươm thề quyết chẳng dong giặc trời.

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,

Giao Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Dã nhà đeo bức ch iểun bào...

Phạm Thái cười chua chát, ngừng lại "mình làm gì có chiến bào chỉ có tấm áo cà sa. Còn nhà thì chẳng còn nhà đâu mà dã, họa chẳng dã cô Quỳnh Như... Nhưng chẳng hay cô có... đưa chàng lòng dằng dặc buồn không?"

Chàng ngẫm nghĩ một lát rồi quả quyết đứng dậy, dáng bộ hùng dũng. "Phải đi, phải đi ngay!"

Tiếng gà gáy ran nghe như tiếng giục quân.

Quên hẳn rằng mình đương ở đâu, Phạm Thái cất tiếng ca đồng dặc:

Bóng cờ tiể nng trống xa xa.

Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Nghiên mực và quản bút vẫn còn để trên một tủ trè. Chàng tìm giấy không thấy, liền xé nửa mảnh hoa tiên không có chữ và viết mấy câu sau này:

"Xin kính chào tướng công cùng phu nhân.

Vì có việc khẩn cấp phải hấp tấp ra đi, nên không hp bái biệt, xin tướng công cùng phu nhân tha tội.

Phổ Chiêu thiên sư bái bút."

Chàng đã toan thêm một câu chào cô Quỳnh Như và nàng Long Cơ, nhưng nghĩ kỹ thấy không tiện, chàng lại thôi.

Ra sân chàng ngửa mặt nhìn trời: Trời đầy sao lấp lánh, nên chàng trông cũng rõ lối đi Chàng sung sướng nghĩ đến anh em đồng chí nhất là Trần Quang ngọc, Lê Báo, Nhị nương mà chàng xa cách đã bao lâu, không biết tin tức ra sao. Chàng coi như vừa thoát được tai nạn góm ghê hơn cả những tai nạn trong rừng gươm đao! "Trời ơi, mình mà chìm đắm vào bể tình, thì bao giờ báo đền được ơn vua, trả thù cho nhà, cho đảng?"

Đến cổng, chàng đã tưởng cổng đóng, và phải trèo qua để vượt ra ngoài.

Nhưng lạ thay, cánh cửa hé mở. Chàng vừa ra khỏi, quay đầu nhìn lại thì chẳng hiểu ai đã đóng sập lại rồi, hình như để bảo cho chàng hay rằng đừng do dự nữa.

Chàng còn bỡ ngỡ chưa biết tiến về phương nào. Bỗng bên bờ tre trong bóng tối có tiếng lạt sạt. Chàng định thần trở mắt nhìn kỹ, thấy một con ngựa, thảng yên cương đứng ngoạm lá tre. Giữa lúc ấy, một người ở trong nếp nhà tranh bên đường chạy ra hỏi:

- Có phải sư ông Phổ Chiêu đó không?

Phạm Thái kinh ngạc hỏi lại:

- Ai biết bản tăng thế?

- Chúng tôi chờ thiên sư ở đây từ giờ Hợi, để dâng thiên sư con ngựa này, với cái roi này.

Người lạ mặt vừa nói vừa đưa cho Phạm Thái một cái tay nải nâu:

- Xin mời thiên sư khoác khăn gói vào vai, lên ngựa đi ngay cho, kéo trời sắp sáng rồi. Thiên sư không cần sang đò, cứ rẽ bờ sông bên này đi chừng tờ mờ sáng thì ra tới đại lộ.

Phạm Thái càng kinh ngạc:

- Nhưng tôn ông là ai?

- Thiên sư không cần hỏi điều ấy. Mời thiên sư lên ngựa ngay đi cho.

Phạm Thái theo lời, khoác tay nải, nhảy phắt lên yên, nói:

- Đa tạ tôn ông, tôn ông đã muốn giữ bí mật không cho bản tăng rõ tung tích thì bản tăng cũng chẳng biết làm thế nào, chỉ xin cầu Phật tổ phù hộ cho tôn ông mà thôi.

Dứt lời, chàng ra roi, Vẳng theo sau lưng câu dặn với:

- Không cần phải trả lại ngựa. Các thứ nhu dụng đã có đủ cả trong gói.

Phạm Thái rẽ ngựa qua cánh đồng khô vừa gặt hái xong, còn lờm chờm những chân rạ, và theo ven bờ sông, trông phía Tây Nam thẳng tiến. Nắm tay nải, thấy có nhiều vật rắn và nặng, chàng đoán chắc đó là những nén bạc.

## Tiêu Sơn tráng sĩ: Tiểu thuyết dã sử nổi tiếng của Khái Hưng Trọng Đạt

"Than ôi! Chí lớn trong thiên hạ dựng không đầy đôi mắt mỹ nhân"

Phạm Thái

Tiêu Sơn Tráng Sĩ, viết 1940 (có tài liệu nói 1936), là tác phẩm dài nhất của Khái Hưng, trên bốn trăm trang và cũng là tác phẩm công phu nhất của ông, nó đã làm sống lại một giai đoạn lịch sử

cách đây hai trăm năm, thời Lê mạt Nguyễn sơ, dưới triều Cảnh Thịnh năm thứ năm (1797), tức Nguyễn quang Toàn lên ngôi 1792.

Tiểu thuyết dã sử dựa theo sử viết thành truyện đã có cách đây hàng nghìn năm tại Trung hoa như Tam Quốc Chí, Đông Chu Liệt Quốc . . . Mặc dù chịu ảnh hưởng hoàn toàn của văn học Trung Hoa, trong nền văn học Hán Nôm Việt Nam, chúng ta không thấy thể loại này, có chăng trong nền văn học mới gần đây như Nguyễn Quỳnh với Chuông Nhà Hồ, Đội Cấn Khởi Nghĩa . . . Tiêu Sơn Tráng Sĩ được coi như truyện dã sử nổi tiếng nhất của nền văn học nước nhà.

Đây cũng là một trong những tác phẩm thành công nhất của Khái Hưng, nó đã diễn lại bằng những hình ảnh hào hùng về tổ chức và hoạt động của đảng Tiêu Sơn phò Lê, chống lại triều đình Tây Sơn với những tráng sĩ gan dạ, anh hùng như Phạm Thái, Nhị Nương. Tác phẩm ra đời trong lúc tình hình quốc tế đang có biến chuyển, nước Pháp bại trận đầu hàng. Khái Hưng dấn thân vào công cuộc cách mạng giành độc lập, ông gia nhập Đại Việt Dân Chính do Nguyễn Tường Tam làm ông thư ký, thành lập 1940, lợi dụng các biến chuyển quốc tế để hoạt động chống thực dân, áp bức. Tiêu Sơn Tráng Sĩ với trên bốn trăm trang giấy là nơi mà tác giả gửi gắm tâm tình của ông, Khái Hưng ca ngợi những chiến sĩ gan dạ, xả thân vì đại nghĩa vì sự nghiệp cách mạng để khơi dậy trong tâm hồn giới thanh niên một tinh thần hy sinh, ái quốc.

### **Sơ lược truyện.**

Bối cảnh lịch sử thời Hậu Lê: Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, Lê Chiêu Thống cùng Tôn sĩ Nghị chạy sang Tàu, Nguyễn Huệ lên ngôi trị vì được năm năm mất 1792 Nguyễn quang Toàn lên thay, hiệu Cảnh Thịnh, truyện diễn ra dưới thời Cảnh Thịnh năm thứ năm, tức 1797.

Nhân vật chính gồm: Trần quang Ngọc con Trần quang Châu, trung thần nhà Lê. Phạm Thái con quan cựu thần Thạch Trung Hầu, Nhị Nương con gái quan bộ binh thượng thư Nguyễn đình Giản, cựu thần, Lê Báo con quan Thiên thư Lê Báo. . họ đều là giòng dõi cựu thần nhà Lê, Trần quang Ngọc, hai mươi lăm tuổi, đảng trưởng, Phạm Thái phó đảng, Nhị Nương, Lê Báo . . đều ở lứa tuổi đôi mươi.

Quang Ngọc, Phạm Thái, Lê Báo. . khoác áo cà sa, nương nhờ chùa Tiêu Sơn để che mắt quan quân Tây Sơn, ba người kết nghĩa anh em cùng mưu đồ đại sự, lập đảng Tiêu Sơn phò nhà Lê chống triều đình Tây Sơn.

Bà Hoàng phi họ Nguyễn trốn tránh bảy tám năm, nay bị bắt, Quang Ngọc và đồng đảng âm mưu giải cứu bà Hoàng phi nhưng Đào Phùng cũng giòng dõi cựu thần đã giải thoát cho bà. Các tráng sĩ Tiêu Sơn tưởng là bọn cướp bắt bà đem đi bèn vào rừng Đình Bảng đuổi theo chúng, gặp Đào Phùng và bà Hoàng phi. . mới biết Đào Phùng là giòng dõi cựu thần nhà Lê, đồng chí hướng. Đào Phùng bị bắt, viên quan phân xuấ,t phân phủ cho lính tra tấn dã man, Đào Phùng không chịu hé răng khai. Các tráng sĩ Tiêu Sơn giả làm bọn mãi võ đến múa kiếm ca hát rồi giải thoát cho Đào Phùng.

Đào Phùng mới thoát ngục ra đã đi in những tờ hịch, truyền đơn hô hào nổi dậy chống nhà Tây sơn. Chùa Tiêu Sơn làm lễ dâng sao, khách thập phương kéo đến rất đông, các tráng sĩ lấy cớ làm lễ để tụ họp, tan lễ họ đóng cửa chùa, mấy trăm sư giả tụng niệm kinh sám hối, đảng trưởng Quang ngọc cho biết lực lượng đảng có năm mươi cây súng hỏa mai và đạn dược, mấy nghìn giáo mác, một nghìn quân . . nhưng đảng chưa muốn, hành động chờ Nguyễn Ánh khởi sự ở phía Nam.



Nhị nương cùng Phạm Thái đưa Hoàng phi lên Lạng sơn ẩn náu, đi dò qua sông lại gặp Đào Phùng làm lái đò. Đến Lạng Sơn tại chùa Tam Thanh, họ được Phổ Mịch cho biết vua Lê Chiêu Thống đã mất mấy năm ở bên Tàu.

Thanh xuyên Hầu Trương đăng Thụ, con quan Kiến xuyên Hầu, trấn Sơn nam. Thời nhà Lê, Đăng Thụ làm Hiệp trấn Lạng Sơn, Tây Sơn để Thụ nhậm chức cũ và còn được cất lên Trấn thủ nhưng không còn binh lực trong tay, viên hiệp trấn mới là tướng thân tín của Tây sơn, Thụ chán nản, vẫn cảnh chùa Tam Thanh, tâm sự với nhà sư Phổ Mịch và gia nhập đảng Tiêu Sơn.

Lê Báo, Trịnh Trực ra tay giết giặc, Lê Báo còn trẻ nóng nảy cho người nhốt mình vào cũi đem nộp viên phân xuất, giả làm Phạm Thái, quan quân Tây Sơn rượu chè mừng rỡ, quân lính của đảng Tiêu Sơn giả làm phường chèo, ca hát rồi tuốt gươm giết quan quân Tây Sơn, mở cũi cho Lê Báo tháo chạy.

Triều đình tức giận đem quân khám chùa Tiêu Sơn. Lê Báo, Quang Ngọc, Trịnh Trực trốn xuống đường hầm. . Nhị Nương giả làm ma hiện hồn lên qua cửa hầm đem đồ ăn cho các tráng sĩ .

Phạm thái lên chùa Tam Thanh gặp Thanh xuyên Hầu bàn việc đại sự: đem quân về triều hỏi tội gian thần rồi cùng hơn nghìn quân Tiêu Sơn lật đổ nhà Tây Sơn. Sáng hôm sau Thanh xuyên Hầu bị quan hiệp trấn đầu độc chết, Phạm Thái vô cùng căm giận.

Kiến xuyên phu nhân cùng con gái (Trương quỳnh Như) đi lễ chùa Non Nước. Trịnh Nhị một công tử giàu có nhất trong vùng, biết phu nhân và Quỳnh Như đến chùa bèn thuê thuyền tới, ăn mặc sang trọng làm thơ để lấy lòng người đẹp, phu nhân muốn kén Trịnh Nhị làm rể nhưng Quỳnh Như chê chàng kém chữ nghĩa.

Trên thuyền về nhà, giữa sông gặp thuyền Phạm Thái và Long Cơ (vợ Thanh xuyên hầu) Thanh xuyên Hầu là con Kiến xuyên Hầu, là anh của Quỳnh Như. Kiến xuyên Hầu đoán Phạm Thái là giòng hào kiệt, giả tu.

Phạm Thái gặp Quỳnh Như mê mẩn trước sắc đẹp của nàng. Long Cơ, vợ lẽ Thanh xuyên hầu treo cổ tự vẫn, Phạm Thái trèo lên cây gỡ xuống cứu mạng Long cơ , gia đình Kiến xuyên hầu biết ơn Phạm Thái. Quỳnh Như nói với cha (Kiến xuyên hầu ) Phạm Thái giả sư , cha nàng tin vậy , đãi tiệc Phạm Thái cùng bàn bạc văn thơ, sáng hôm sau, Phạm Thái ra đi, Quỳnh Như ngầm sai người đem ngựa đến cho chàng. Phạm Thái đi bốn hôm tới Bắc Thành (Thăng Long).

Tại các phố Bắc Thành nay rất náo nhiệt vì kỳ thi tuyển cống sinh sắp bắt đầu. Quang Ngọc và Nhị Nương bị truy nã trốn lên Bắc thành mở quán Bạch Phượng, Nhị Nương bán trà nước. Nhị Nương dụ các thầy khóa, thí sinh phản đối kỳ thi và cả viên quản cơ cũng theo Nhị Nương bại lộ, quản cơ và bốn viên đội bị xử trảm, Nhị Nương trốn thoát ra ngoại thành giả làm thầy bói, gặp Phạm Thái.

Phạm Thái đi quyền giáo trấn Xuyên nam mấy tháng rồi quay về Thanh Nê gặp Kiến xuyên hầu và Trương quỳnh Như. Kiến xuyên hầu nhờ Phạm Thái dạy mấy đứa cháu học, chàng bắt đầu thoái chí, muốn nán lại đây nghỉ ngơi ít lâu. Phạm Thái và Quỳnh Như căm mến nhau, trao đổi thư từ, văn thơ, chàng soạn truyện “Sơ Kính Tân Trang” để mô tả thiên tình sử hai người. Kiến xuyên hầu (Trương Công) và phu nhân chưa ngờ vực gì hai người.

Gia đình Trịnh Nhị nhờ người mai mối hỏi Trương quỳnh Như, phu nhân ý muốn gả vì Trịnh Nhị giàu nhất phủ. Kiến xuyên hầu đãi tiệc Trịnh Nhị và cả Phạm Thái. Quỳnh Như tái mặt suyết chết giấc vì biết Trịnh

Nhị đốt nát lại sắp thành hôn phu, trong tiệc Phạm và Trịnh làm thơ đối đáp, Kiến xuyên hầu thấy Trịnh Nhị đốt nát, Phạm Thái học rộng tài cao.

Quỳnh Như bị ép duyên tự vẫn, Kiến xuyên hầu muốn gả cho Phạm Thái nhưng phu nhân đòi gả cho Trịnh Nhị, Phạm Thái về thăm mộ nàng khóc vật vã.

Hai năm sau Quang Ngọc gặp Nhị Nương ở tửu quán bên đường, họ nói chuyện Phạm Thái mê gái. Về việc đảng, chưa gặp vận, các đồng chí tan tác cả. Phạm Thái thất tình say rượu.

Tiêu Sơn Tráng Sĩ là tác phẩm dài nhất công phu nhất của Khái Hưng, để viết truyện này ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng lịch sử, địa lý, phong tục, thi ca, văn chương nước ta thời Tây sơn, nghiên cứu những danh từ cổ xưa để dựng lại cả một xã hội phong kiến xa xưa y hệt như một nhà làm phim ảnh vậy, có thể nói nó là cuốn tiểu thuyết dã sử công phu nhất của văn học Việt Nam cận đại và hiện đại.

Chúng ta không thấy tác giả đề cao triều đại nhà Lê, cũng không thấy kết án Tây Sơn mà chỉ diễn tả ca ngợi tinh thần cách mạng, chí khí anh hùng của các tráng sĩ trong đảng Tiêu Sơn, những chiến sĩ gan dạ, mưu lược quả cảm coi cái chết nhẹ tựa lông hồng để mưu đồ đại sự, khôi phục lại triều đình nhà Lê. Các nhân vật Quang Ngọc, Phạm Thái, Nhị Nương... gọi lại cho chúng ta hình ảnh những vị anh hùng hào kiệt xa xưa như Kinh Kha, Lưu Bang, Hạng Võ, Tống Giang, Triệu Cái... trong Đông Chu Liệt Quốc, Hán Sở Tranh Hùng và Thủy Hử Truyện...

“Quang Ngọc đỡ lấy thanh kiếm ném mạnh lên giường, rồi cười nhạt, đi đi lại lại vừa nói dần từng tiếng:

- Chết! hừ! chết! ngày xưa đời Trần, Trần bình Trọng chết vì nước... bị bắt thì tìm cách tháo thân để đánh nữa, đánh mãi cho đến khi được, hay chết. Mà không có cách gì tháo thân thì chết ngay. Đời làm tướng chỉ có ba cái kết quả: Được trận, thua trận, chết trận...

Hơn một trăm năm sau... đảng Thái Tổ nhà Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn, một lần vua bị khốn ở Chí Linh, khó phá vòng vây mà trốn thoát được. Bấy giờ có ông Lê Lai... liều thân vì nước, xin nhà vua cởi áo ngự bào ra cho mình mặc, rồi cưỡi ngựa ra trận đánh nhau với quân giặc. Quân Minh tưởng đó là Bình định Vương thật, xúm nhau vây đánh giết đi... Đó là một cái chết anh hùng, mãnh liệt, có suy xét... cái chết không có không xong. Ví đại thay những hành vi kín đáo, nhún nhường, xảo kỹ dù hành vi ấy là sự bại trận, sự thắng trận hay chỉ là cái chết”

Đảng Tiêu Sơn có một nghìn quân, đầy đủ gươm đao và súng hoả mai, nhưng còn quá yếu so với hàng vạn tinh binh của triều đình Tây Sơn. Đảng chưa lập được thành tích lớn lao đáng kể ngoài việc cứu được bà Hoàng phi, giải thoát Đào Phùng, Lê Báo và Trịnh Trực nóng tính xuất trận giết một viên tiểu quan và một bọn quân lính địa phương... Nhị nương âm mưu xúi dục nổi loạn tại Bắc Thành... thất bại nhưng đảng đã thể hiện được lòng trung thành, chí khí can trường quả cảm của những tráng sĩ mưu đồ đại sự.

Tác giả ca ngợi tinh thần dấn thân của các đảng viên, không chịu khoanh tay phục tùng thiên mệnh.

“Phạm Thái thở dài bảo Đào Phùng:

- Ngươi anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tùng số mệnh? chỉ biết một việc là hành động, hành động cho tới giờ cuối cùng... tránh sự gian nguy mà mình biết chắc chắn đương đợi mình, để được an nhàn ở một nơi dật lạc, không bận trí đến việc đời, việc nước, hạng ấy người ta cho

là bậc ẩn sĩ, nhưng tôi, tôi chỉ cho là phường ích kỷ, ham sống có đáng kể chi.

. . Tài lực của đảng anh hùng phải cố đoạt nổi số mệnh; bằng không thì chết mà chết như thế còn có nghĩa lý hơn cái chết dần mòn của kẻ ẩn sĩ trong số tối . . .

. . Nhị Nương yên lặng đứng nghe từ nãy tới giờ. Bỗng nàng mỉm cười bảo Đào Phùng.

- Bậc hào hán không bao giờ chịu đợi thời thế”

Tác giả ca ngợi tinh thần dân thân, nhập cuộc, cho đó là việc quan trọng.

“ Nhưng ai nấy ngừng bật, vì vừa thoáng nhìn thấy hai má Hoàng Phi đầm lệ. Chưa kịp hỏi duyên cớ thì bà đã lau nước mắt, buồn rầu nói:

-Nếu quả thực vận nhà Lê hết rồi thì các em nên thôi đi, đừng hành động nữa mà mất công vô ích.

Phạm Thái cúi đầu đáp:

- Tôi lệnh bà, đòi kẻ tráng sĩ chỉ có một nghĩa là hành động. Còn sự thành bại cùng sự sống chết, không nên để trí nghĩ quá ”

Tiêu Sơn Tráng Sĩ cũng là tác phẩm của tình yêu, Khái Hưng đưa vào những tình tiết éo le Lãng mạn để thu hút quần chúng , rồi diễn đạt tâm tư cách mạng của mình. Cuộc tình của Quang Ngọc, Nhị Nương thật là cao đẹp và mầu tình Phạm Thái Quỳnh Như yếu hèn uỷ mị. Cũng y như Leon Tolstoi trong Anna Karenine đã đưa ra hai mối tình khác biệt để diễn đạt quan niệm về hạnh phúc của mình: cặp Anna và Wronsky đắm đuối trong tình yêu tội lỗi, cặp Levine, Kitty êm ấm bên nhau.

Cuộc tình Quang Ngọc Nhị Nương thật là lý tưởng, hai người lập đảng Tiêu Sơn, yêu thương nhau nhưng cách mạng đại sự vẫn là trên hết:

“Ngừng một lát Ngọc lại nói tiếp:

- Chính nàng đã cùng ngu huynh lập nên đảng Tiêu Sơn. Nàng đã giúp đảng được nhiều việc lắm, ấy là không kể cái công cứu sống cho Ngọc đây.

Lê Báo cười sảng sặc:

- Thế mà hai người không yêu nhau thì cũng lạ!

Quang Ngọc buồn rầu đáp:

- Nói kính trọng nhau thì đúng hơn. Đang lúc theo đuổi công cuộc lớn lao, còn bụng đâu nghĩ tới ái tình. Vả lại nhị đệ hiểu cho rằng, tuy mình không thực bụng tu hành, song đã nhờ cái áo cà sa để trốn tránh thì cũng không nên làm nhem nhọ nó.

Phạm Thái mỉm nụ cười ngờ vực, ngồi im. Quang Ngọc lại nói:

Nàng cũng bảo ngu hữu rằng khi nào việc lớn xong xuôi đã, hai người mới cùng nhau đi chu du khắp nước Nam như Phạm Lãi Tây Thi đời xưa chứ nay còn ở thời kỳ nằm gai nếm mật, nghĩ chi

tới hạnh phúc êm đềm của tình ái. Lời vàng ấy, ngu hữu đây đã khắc ở bên lòng, thề không bao giờ dám sai.

Lê Báo bông đùa một câu:

- Nghĩa là hai anh chị còn tạm là đôi bạn cầm kỳ để chờ ngày trở nên đôi bạn cầm sắt chứ gì?”

Chính Nhị Nương cũng đã tâm sự với bà Hoàng Phi về tình cảm của nàng với Quang Ngọc:

“Rồi một ngày đảng một đông, một ngày em thêm mến phục Quang Ngọc, mến vì nét phục vì tài. Nhưng xin thú thực với chị rằng, ngoài sự mến phục ra không có gì nữa Quang Ngọc coi em như một đảng viên . . . còn em thì mãi mê trong cuộc hành động . . . em không bao giờ để lòng em . . .

Em xin tự xử làm sao cho xứng đáng lòng tin cậy, lòng quý mến của Quang Ngọc , của đảng trường .Thưa chị em nhất định không bao giờ chịu để cho Quang Ngọc đoán biết tâm sự của em . Biết đâu ngạn ngữ ‘nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản’ lại không đúng nghĩa với cả những hạng người theo đuổi việc lớn như Quang Ngọc”

Khái Hưng gọi cho độc giả sự cảm thương và khâm phục Nhị nương, Quang Ngọc qua mỗi tình cách mạng, cả hai đã kèm chế lòng mình khi cùng theo đuổi sự nghiệp của đảng Tây Sơn.

“Quang Ngọc không dấu nổi sự sung sướng, âu yếm đứng mỉm cười nhìn Nhị Nương . . . đã hơn hai tháng, ngày ngày chàng vẫn áy náy mong đợi tin tức nhất là tin Nhị Nương, Khi ở gần nhau chàng không cảm thấy chàng yêu, nhưng khi xa nhau chàng mới rõ hết nỗi khổ tâm của kẻ thương nhớ, dù có công việc đảng luôn luôn chiếm đoạt ý nghĩ của chàng”

Tại chương cuối cùng “Trên đường thiên lý”, hai năm sau một buổi chiều trời đông, một tráng sĩ cưỡi ngựa rong ruổi về Nam, chàng ghé vào tửu quán nhắm rượu, gặp Nhị Nương . . . đôi bạn hàn huyên kể lể . . . đảng Tiêu Sơn đến lúc suy tàn , các bạn đồng chí tan tác, Trịnh Trực bị hành hình, Đào Phùng bị bắt, Lê Báo nay mộ đạo như một nhà chân tu, cho tới lúc chia tay họ vẫn giữ được mối tình cao đẹp.

“Sáng hôm sau hai người từ biệt nhau: Nhị Nương ngược Bắc thành, Quang Ngọc xuôi Nam thành, hẹn một ngày kia sẽ hội ngộ.

Nhị Nương kìm cương ngựa hỏi với một câu:

- Nhớ không hội ngộ?

- Cũng chẳng sao! vì linh hồn chúng ta bao giờ cũng ở bên nhau, một người trong bọn ta làm việc trái với bổn phận, đã tưởng nghe rõ tiếng thống trách của bạn, đã tưởng nhìn thấy cặp mắt nghiêm nghị của bạn . Mà khi ta có việc đáng thi hành ngay, ta đã tưởng trông thấy cái gạt biểu đồng tình của bạn rồi. Vậy thì chúng ta có ở xa nhau đâu? tình bằng hữu của chúng ta đã thành một sự thiêng liêng.

Nhị Nương chấp tay vái:

- Vâng tình bằng hữu của đôi ta! . .

Rồi nàng rẽ cương quay đi “

Cuộc tình Quang Ngọc, Nhị Nương cao đẹp chừng nào, thiên tình sử Phạm Thái, Quỳnh Như tầm thường yếu hèn chừng nấy: hồi chàng mới đến dinh cơ của họ Trương lần đầu, nàng khuyên chàng nên dấn thân vào sự nghiệp cách mạng, chàng cảm phục Quỳnh Như:

“Thực ta đoán không sai, nàng là bậc cân quắc anh hùng, nàng khuyên ta làm việc lớn, rong ruổi bước đường gió bụi, chờ lúc hát khúc khải hoàn trở về, nàng ước hẹn cùng ta. Âu yếm biết bao! phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh”

Chàng nhớ lại thời kỳ theo Nguyễn Đoàn gian nan nguy hiểm, cưỡi con ngựa hồng, sông pha tên đạn, giáo, gươm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và khi giã từ họ Trương, chàng cho là thoát nạn:

“Chàng coi như vừa thoát được tai nạn ghê gớm hơn cả những tai nạn trong rừng gươm đao ‘Trời ơi mình mà chìm đắm vào bể tình, thì bao giờ báo đền được ơn vua, trả thù cho nhà cho đảng?’”

Và rồi được đảng trưởng giao cho đi quyền giáo trong trấn Sơn Nam, chẳng tìm được bậc chí sĩ nào, Phạm Thái lại quay trở về nhà họ Trương làm thầy đồ chờ thời vì nay Tây Sơn còn mạnh, kỳ thực chàng nhớ đến đôi mắt mỹ nhân:

“Thực ra đó chỉ là một câu nói, một ý nghĩa của kẻ anh hùng đã bắt đầu thoái chí, đã bắt đầu hơi chán nản thời thế. Thường họ tự an ủi như thế. Rồi dần dần họ quên việc lớn, trong chén rượu nồng hay trong lòng một người thiếu nữ. Trời ơi! cái tuổi ngoài hai mươi, hăng hái thì hăng hái thực. Nhưng đến lúc nguội lạnh thì nguội lạnh hơn tro tàn. Lúc bấy giờ họ sẽ đem chủ nghĩa yếm thế vẫn vơ ra mà che đậy một tâm hồn hèn yếu”

Chàng và Quỳnh Như lại lén lút gửi thư cho nhau, chàng cho biết tình thế của đảng khó khăn, quỹ ngày một cạn, sự thất bại gần kề. . sự thực chàng nói dối, cái dáng mỹ nhân thấp thoáng trong hoa, giọng nói du dương vắng vắng chốn khuê phòng khiến cho tráng sĩ hóa ra mơ mộng.

“Mơ mộng đến nỗi viết nên những bài thơ đầy tình uỷ mị như bài thơ đọc vận sau này:

*Chơi hoa nay đã biết danh hoa,  
Nhưng nghĩ tình hoa thẹn với hoa,  
Rất réo chiều xuân oanh hót liễu  
Càng thêm ngao ngán khách tìm hoa*

Ý tứ bài thơ trên không tả một chút tâm trạng gì gọi là tâm trạng một nhà sư hay tâm trạng một danh sĩ có chí khí. Đó chỉ hoàn toàn là tâm tình một anh chàng mê gái”

Và rồi Quỳnh Như cũng lộ chân tướng: một tiểu thư dạt dào tình cảm, chẳng bao lâu chàng và nàng yêu nhau, say mê nhau, trao đổi văn thơ xướng họa:

“Lúc ấy còn đâu là chí phấn đấu, còn đâu là tình khuyến khích”

Chàng soạn xong một thiên tiểu thuyết bằng thơ “Sơ kính tân trang” để tặng khách má hồng. Khái Hưng lấy truyện xưa tích cũ để nhắc nhở các chiến sĩ cách mạng như sau:

“Cho hay ái tình có sức mạnh đến thế. Xưa kia theo đuổi việc lớn, Phạm Thái chưa làm nổi một công trình gì có kết quả mỹ mãn như việc soạn sách này.

Truyện Sơ kính tân trang đã làm cho tên Quỳnh Như bắt hủ. Nhưng nó se ồm ồm mãi răn bảo

những bậc anh hùng ái quốc rằng chớ nên tạm bước vào vòng tình ái để cố quên hay an ủi một sự thất bại ái tình sẽ chiếm lấy cả tâm hồn ta, không nhường cho việc lớn ta đang theo đuổi một chỗ cõn con.”

Một hôm mưa to gió lớn, sấm chớp đầy trời, Phạm Thái nhớ tới thời oanh liệt, nghĩ tới các anh em đồng chí đang dấn thân sông sáo tìm cái chết, cái chết thì xa, tình yêu ngay bên cạnh, nó dễ dàng an ủi dẫn dụ chàng vào cõi mộng . . . chàng cũng biết tội bỏ đảng của mình và biết xấu hổ:

“Rồi chàng giật mình kinh hãi, nhắm ôn lại những điều lệ nghiêm khắc của đảng Tiêu Sơn đối với các đảng viên. Phải, bị triều đình Tây Sơn truy nã thì còn có thể trốn tránh được, chứ bị đảng Tiêu Sơn kết án thì chỉ có một việc chờ chết.

Hôm nay Phạm Thái càng lo sợ và toan bỏ đi ngay. Chết chàng không quản. Nhưng vì một người con gái mà sao nhãng chí lớn, dù sao nhãng trong một thời kỳ ngắn ngủi, chàng lấy thế làm xấu hổ với lương tâm”

Quỳnh Như treo cổ tự vẫn vì bị ép duyên ngay hôm ăn hỏi, Phạm Thái phi ngựa Đến cạnh mồ, nằm vật ra khóc thảm thiết. Tác giả nhìn Phạm Thái bằng cặp mắt rỏ rúng như sau:

“Người ấy là Phạm Thái, cựu quân sư của Nguyễn Đoàn, phó đảng trưởng kiêm chức quân sư của đảng Tiêu Sơn. Người ấy đã bao phen xông pha trong rừng gươm đao, nay chỉ còn là một kẻ tầm thường không còn một chút nghị để phấn đấu.

Vì người ấy yêu.

Nằm khóc một hồi lâu, Phạm Thái ngồi dậy lau nước mắt, mở đũa lấy hương và sáp ra thắp.

Rồi quỳ bên mồ đọc bài điếu văn sau này:

Nương tử ơi! chớ oán căn ấy bởi vì đâu? oan thác bởi vì đâu? cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lẫn trắng rằm... nay qua năm cỏ xanh , tưởng người phận bạc, xui xýt hai hàng tình lệ, giải bày một bức khóc văn; đốt xuống tuyên đài tỏ cùng nương tử”

Lúc cuối truyện, Nhị Nương, Quang Ngọc ra chiều khinh miệt Phạm Thái, Nhị Nương đưa cho Quang Ngọc truyện Sơ kính tân trang và nói:

“-Đây tác phẩm của anh chàng mê gái mà ngu hữu đã sưu tầm được, tuy hãy còn khuyết điểm nhiều.

Quang Ngọc đọc sơ một lượt, rồi buồn rầu, giận dữ ném tập thơ xuống giường”

Từ đấy Phạm Thái chán đời, say rượu, thất tình lang thang câu cá, có lần chàng thốt lên:

“Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu!

Nghĩ một lát chàng lại nói:

“ Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ nhân!”

Tiêu Sơn tráng sĩ, một tác phẩm cách mạng được viết năm 1940 khi Khái Hưng dấn thân vào đảng Đại Việt tranh đấu giành độc lập, tự do, ông lấy truyện xưa che mắt bọn thám tử thực dân

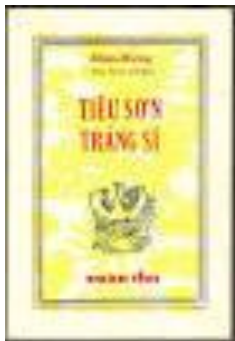
để khơi dậy lòng yêu nước của các thanh niên và cũng đưa ra hình ảnh Phạm Thái sa ngã vào bể tình yêu để họ thấy cái gương xấu mà tránh xa.

Câu “Than ôi! Chí lớn trong thiên hạ đong không đầy đôi mắt mỹ nhân” đã được truyền tụng sâu rộng trong dân gian như một danh ngôn bất hủ vì người ta cảm thương cho tâm sự của kẻ thất thời lỡ vận.

Nhưng dưới ngọn bút nghiêm khắc của Khái Hưng, một nhà cách mạng đáng kính, Phạm Thái chỉ là kẻ yếu hèn không còn nghị lực, nhân cách. Từ một tráng sĩ kiêu hùng đã một thời ngang dọc, làm quân sự, phó đảng, đã từng múa gươm trên lưng ngựa vào sinh ra tử giữa chốn ba quân, sông pha rừng gươm, đao, tên, đạn . . giữa tiếng chuông trống rầm trời, bụi bay mù mịt . . . nay chán đời, thất tình, say rượu, bỏ đảng, giã từ vũ khí, bỏ hết tất cả mọi lý tưởng cao xa, báo đền ơn vua, trả thù cho nhà cho đảng, bỏ hết mọi sự nghiệp lớn lao chỉ vì...đôi mắt mỹ nhân.

\*\*\*

### Phụ đính:



Tiêu Sơn Tráng Sĩ, viết 1940 (có tài liệu nói 1936), là tác phẩm dài nhất của Khái Hưng, trên bốn trăm trang và cũng là tác phẩm công phu nhất của ông, nó đã làm sống lại một giai đoạn lịch sử cách đây hai trăm năm, thời Lê mạt Nguyễn sơ, dưới triều Cảnh Thịnh năm thứ năm (1797), tức Nguyễn quang Toản lên ngôi 1792.

\*\*\*

## Sơ Kính Tân Trang

### Khái Hưng

### Người khách lạ

Tuy mới vào khoảng đầu giờ Dậu, nhưng về tiết mùa đông, trời đã nhá nhem tối. Các nhà, các hàng xén ở phố Từ Sơn đều đóng cửa. Chỉ trừ một hàng cơm là có ánh sáng. Và luôn luôn ở trong đưa ra tiếng cười nói âm ỹ.

Một trang thiếu niên kỵ sĩ, từ phía Nam tới, kìm ghì cương ngựa trước cửa hàng. Chàng y phục nai nịt gọn gàng, đầu đội nón lông đen, chân đi hia chến, cổ quấn một cái khăn lụa trắng thắt lỏng, mỗi bỏ rử sau lưng. Con ngựa của chàng sắc nâu xẫm, và tuy nhỏ thon, nhưng có dáng mạnh mẽ và khoẻ dai. Trời lạnh buốt căm căm mà mình nó ướt đẫm mồ hôi, xem đó đủ đoán biết chủ nó đi từ xa lại. Thế mà mũi nó hục hặc thờ ra hai luồng hơi khói, bốn giò nó cuốc xuống đất

như gõ nhịp, để tỏ ý muốn là còn thừa sức chạy một thôi dài nữa. Kỵ sĩ lấy tay vỗ khế vào cổ ngựa nói:

- Hãy thông thả, tuần mã, đi đâu mà vội thế? Thầy trò ta nghỉ chân ăn lót dạ đã.

Chàng vừa toan xuống ngựa, thì mắt chàng ngẫu nhiên để tới một cái bảng gỗ vuông quét vôi trắng, trên viết những chữ nôm thật to, to đến nỗi trời đã gần tối hẳn mà chàng còn lơ mơ đọc được...

Nhưng giữa lúc đó, sau một tiếng hét của con ngựa thì tiếng ồn ào cười nói trong hàng cơm im bật. Rồi cánh cửa hé mở, một người thò đầu ra hỏi:

- Ai?

Không trả lời, thanh thiên võ sĩ nhnh nhẹn nhảy ngoắt xuống đất, kéo và vuốt áo cho hết nếp răn vì ngồi trên yên, chàng đã giắt vạt cả vào trong chiếc giầy lưng điều. Đoạn, thông thả, đồng dạc, chàng bảo người vừa hỏi:

- Chú còn đợi đến bao giờ mới ra giắt ngựa của ta vào tàu?

Ý chừng cho là lời nói đó hỗn xược, người kia mở mạnh cánh cửa bước ra đường đứng phưỡn ngực chống tay vào sườn, gật gù hỏi lại:

- Anh co biết tôi là ai không mà dám nói xách mé như thế?

Người khách mới đến mỉm nụ cười khinh bỉ thân nhiên đáp:

- À, ra tôi lắm! Ý chừng chú không phải là chủ quán hay người nhà hàng cơm.

Rồi, sau khi đã buộc giầy cương vào đầu một cái kèo ở mái hiên, chàng đi thẳng vào trong hàng, lớn tiếng gọi:

- Chủ quán!

Nghe tiếng chàng sang sảng, ngấm thân thể chàng cao lớn, mạnh mẽ, nhất lại nghe lách cách cái võ kiếm chàng đeo bên sườn đập vào ngưỡng cửa, người chủ hàng cơm hốt hoảng chạy ra húm núm chào và lễ phép hỏi:

- Bẩm quan lớn truyền...?

- Sắp rượu làm một con gà nhám. Đoạn ra giắt ngựa vào tàu cho nó ăn thóc.

- Dạ

Bốn người ngồi quây quần đánh tam cúc ở một cái phản bên ượng mắt ngạc nhiên, yên lặng nhìn. Người ở ngoài đường quay vào nói to bảo bọn họ, có lẽ cốt để võ sĩ vừa tới nghe rõ:

- Lệnh trên ban xuống cho anh em mình canh phòng ở đây, các chú phải cẩn mật, nếu vô ý để phạm nhân trốn thoát thì đầu anh em mình chẳng còn đâu!

Dứt lời, bác cai - vì bọn đó là một viên cai và bốn tên lính - trèo lên ngồi chễm chệ trên một cái phản cao kê liền bên.

Người trẻ tuổi mới đến tò mò đưa mắt quanh phòng rồi mỉm cười hỏi bọn lính:

- Đây các chú, có xảy ra việc gì mà việc canh phòng cẩn mật thế?

Một người lính trở lên cái bảng cũng giống cái bảng treo ở ngoài cửa mà nói rằng:

- Đọc đó sẽ hiểu.

Trong khi người khách lạ đứng lên cái ghế đầu vuông để xem bảng, thì viên cai và mấy chú lính nháy nhau thì thầm:

- Khả nghi!

- Đề phòng!

- Tôi hỏi tin bài hán nhé?

- Hãy thông thả. Nhưng phải luôn luôn để ý đến hán. Mà khí giới để đâu cả?

- Để cả dưới gầm phản.

- Đeo dao ngay vào thắt lưng. Còn mã tấu, đoản kích thì của người nào, người ấy đặt ngay bên mình để phòng biến. Mà se sẽ chứ chẳng hán biết. Nghe chừng hán ta cũng không phải tay vừa đâu.

Người trẻ tuổi vẫn đứng trên ghế lẩm nhẩm đọc:

" Quan trấn thủ trấn Kinh Bắc Nguyễn Mỗ có lời yết thị như sau này:



" Từ khi đức Thái tổ Võ Hoàng đế đánh đuổi quân Tôn Sĩ Nghị như đàn chuột về Tàu, và trừ tiệt giặc giã quấy nhiễu trong nước, thì trăm họ đều được an cư lạc nghiệp. Nhưng gần đây một tên công cuồng dấy loạn để làm rối cuộc thái bình, nhân dân đều oán coi như kẻ thù chung. Tên ấy là Nguyễn Đoàn người hạt Từ Sơn. Than ôi! Lưới trời tránh sao cho thoát, nhờ oai hoàng đế, bản chức đã bắt sống được tên phản quốc và đã hành hình nó rồi. Song dư đảng bọn giặc còn lẩn quẩn vùng này, mà trong bọn có một tên rất nguy hiểm ấy tên là Phạm Thái tức Phạm Phụng con tên nghịch tặc Thạch Trung Hầu, quán thôn Yên thị, xã Yên Thượng, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn.

" Phạm Thái vào trạc hai mươi tuổi, người vừa tầm, nhưng rất khỏe, rất giỏi võ. Dưới đây có phác bức hình, họa theo những lời trình bày của các thám tử...

" Ai bắt sống được Phạm Thái sẽ thưởng tiền một nghìn quan. Ai giết chết hắn sẽ thưởng tiền năm trăm quan.

" Nhận được giấy yết thị này, các viên phân tri phải dán ở các ngã ba cùng các tửu quán có đông người lai vãng. Lại cho lính ngày đêm canh phòng ở các nơi mà quân gian có thể tụ họp được.

" Niên hiệu Cảnh Thịnh, Năm thứ năm, tháng chạp, ngày mồng ba "

Ở một góc báng, có vẽ rất sơ sài diện mạo một người đàn ông và chừng mấy hàng chữ sau này:

" Mặt trái soan, miệng rộng, mắt hơi xếch lông mi rậm, tai to, có một nốt ruồi ở sau tai bên phải "

Chàng trẻ tuổi bỗng nhiên cất tiếng cười vang. Bọn lính cơ ngạc nhiên nhìn nhau, rồi một người mạnh bạo hỏi:

- Có sao đọc tờ yết thị của quan trấn thủ, nhà ngươi lại dám chế nhạo?

Chàng kia quay lại đáp:

- Không, ta có chế nhạo ai đâu? Ta chỉ tức cười chết đi vì câu: " Có một nốt ruồi sau tai phải "

Thiết tưởng nếu tráng sĩ Phạm Thái là người rất khỏe, rất giỏi võ như tờ yết thị đã nói, thì còn ai dám đến gần vạch tai hắn ra mà xem nốt ruồi? Thành thử câu chỉ thị đó là thừa.

Dứt lời, chàng lại cười, lấy làm thích chí lắm:

- Trời ơi? Sao không chua: Phạm Thái có cái mũi ở giữa mặt, có cáo cảm ở dưới mũi, có phải dễ nhận hơn không?

Viên cai đứng dậy quát:

- Anh không được hỗn xược với quan trấn thủ!

Chàng trẻ tuổi vờ nhún nhường đầu cúi:

- Sao chú vội giận thế? Nào tôi có hỗn xược gì đâu! chẳng qua bản một câu cho vui đấy thôi chứ.

Vừa nói chàng bước xuống đất, rồi như quên hẳn câu chuyện vừa xảy ra, chàng gọi:

- Chủ quán!

- Dạ

Một người to béo mặc áo cánh bông, đầu chít chéo vuông khăn nhuộm nâu, nặng nề đi lại gần, chấp tay chờ lệnh.

- Chủ mi đâu?

- Bẩm quan lớn! Chủ con đương làm nhắm hầu quan lớn.

- Sao rượu ta gọi từ nãy vẫn chưa đem ra?

- Bẩm, con, tưởng còn chờ nhắm.

- Cứ đem rượu ra trước đã.

- Bẩm có hâm nóng không?

- Không cần. Mau lên!

- Dạ! Nhưng ngài soi rượu gì?

- Rượu Cúc! Mau!

- Dạ!

Tức thì tên hầu rượu vào buồng lấy ra đặt lên bàn một cái nậm và một cái chén vại mà hỏi:

- Bẩm công tử ngồi giường hay ngồi bàn?

- Ngồi bàn được rồi. Mà sao đèn lù mù thế này. Chập ba sợi bấc vào, rồi đi lấy thêm dầu rót cho đầy bát.

- Dạ

Chàng trẻ tuổi uống luôn ba chén rượu đầy, chép miệng liếm môi chau mày nói lớn:

- Hừ! Rượu thẳng cha pha nước lã nhiều quá, uống chẳng mùi mẫn gì!...Quán!

- Dạ

Tên hầu sợ hãi bước tới, vì hắn đã nghe rõ lời chê bai của ông khách. Nhưng ông khách ôn tồn hỏi:

- Có mực không?

Tên kia vui mừng đáp:

- Bẩm công tử, có mực Bắc Hải ngon lắm.

- Bậy đi sắp cho ta cái hỏa lò than hồng với lại đem lên đây mười con mực.

Một lát sau, mùi mực nướng thơm phức bay khắp gian phòng. Và ông khách đã dùng đến nậm rượu thứ ba.

Viên cai bấm bọn lính ra hiệu thì thầm:

- Thằng này tôi xem chừng nó là Phạm Thái. Mặt trái soan thì đích rồi. Lòng mày tuy không rậm nhưng không thưa. Còn miệng hắn như thế cũng có thể cho là rộng được.

- Vâng, có lẽ đích rồi.

- Giá bây giờ ai lên đến sau lưng lật trái tai hắn ta lên xem có nốt ruồi không, thì mới biết chắc chắn được.

Mọi người im lặng nhìn nhau, có ý lo sợ. Viên cai ngẫm nghĩ rồi nói:

- Các chú ạ, ta nói phải dùng mưu...Thế này này: Bây giờ ta nói phỉnh cho nó uống thật nhiều rượu. Khi nào nó say mềm, ta chỉ việc trói gô lại là xong.

- Nhớ nó không phải Phạm Thái.

- Thì thả nó ra.

- Vậy được rồi.

Người trẻ tuổi thấy bọn kia ở ngoài đi vào, nét mặt ai nấy có vẻ bí mật, thì vui cười hỏi:

- Các chú đi tìm Phạm Thái về đây à?

Viên cai cơ đáp:

- Phạm Thái hẳn ẩn núp ở nơi rừng rú, chứ dám bén mảng về đây.

- Phải, hẳn ta đại gì mà về chứ để người ta bắt.

Nói dứt câu, chàng thích chí cười khanh khách. Rồi chàng nâng chén rượu nốc một hơi cạn. Viên cai tấm tắc khen:

- Giỏi thực! Từ lượng công tử ít người sánh kịp. Thưa công tử, công tử uống nổi mấy nậm?

- Cái đó tùy! Rượu ngon thì mười nậm cũng là ít. Chứ rượu thẳng cha này nhạt thếch uống chán phê. Nhưng kìa, sao các chú không uống rượu với tôi?

Nghe người ta gọi mãi mình bằng chú, viên cai căm tức muốn sinh sự ngay, nhưng lại nghĩ đến mưu sâu đã sắp thành, nên cố nén lòng nhẫn nại và phỉnh thêm một câu:

- Vâng, rượu này chỉ bọn anh em chúng tôi uống, chứ công tử thì phải sợi những thư rượu hoàng cúc, thanh mai, hay ngũ da bì chính hiệu kia.

Chàng tuổi trẻ cười:

- Nhưng thôi, các chú ạ, người quân tử không nên nghĩ đến cái an, cái uống tha thiết quá. Tối nay ta có thứ rượu cúc khổ này của anh quán khổ thì ta hãy tạm thích nó vậy.

- Dạ, ngài nói phải lắm.

- Vậy bây giờ tôi mừng các chú mỗi người một chén để các chú tỉnh ngủ mà canh phòng nhé?

- Dạ, đa tạ công tử.

Chàng tuổi trẻ liền đập mạnh cái nậm thiếc xuống bàn gọi:

- Bớ quán!

- Dạ

- Lấy thật nhiều rượu ra đây để ta thết lính nhà vua.

- Dạ

Tức thì chủ quán mang ra đặt lên bàn năm cái chén lớn và một cái bình thiếc to gần bằng cái hũ... Chàng trẻ tuổi quay về phía bọn lính:

- Các chú lại cả đây cùng uống cho vui.

- Dạ

Tức thì chủ quán mang ra đặt lên bàn năm cái chén lớn và một cái bình thiếc to gần bằng cái hũ... Chàng trẻ tuổi quay về phía bọn lính:

- Các chú lại cả đây cùng uống cho vui.

- Dạ, chúng tôi không dám.

- Thì cứ dám đi mà!

Vừa nói, chàng vừa rót sáu chén rượu đầy. Lúc bấy giờ có lẽ đã cuối giờ Tuất. Phố phủ im vắng. Chỉ thỉnh thoảng có tiếng trống trong phủ và tiếng mõ ở các điểm cầm canh mà thôi. Bọn lính thì thăm bảo nhau:

- Ta cứ lại xem sao.

- Nhớ mời nó uống thật say nhé?

- Mà đừng quên dao đấy.

Chàng trẻ tuổi cười, nói:

- Có thể mà cứ bàn tính mãi.

- Dạ, chúng tôi xin lại đây.

Sáu người vừa uống cạn chén thì phía ngoài có tiếng gọi. Chủ quán ra mở cửa. Một nhà sư khoác tấm mền ướt nâu cúi chào:

- A - di đà phật!

- A - di đà phật!

Nhà sư đi thẳng vào một góc phòng ngồi xếp bằng trên phản, miệng lầm rầm như đọc kinh. Viên cai hỏi chàng tuổi trẻ:

Chẳng hay nhà sư có biết uống rượu không nhỉ?

Sao lại không?

Nhưng chúng tôi chưa chúc mừng công tử chén nào.

Vừa nói vừa rót đầy chén rượu nâng lên mời:

- Xin chúc công tử vạn sự như ý.

Lần lượt năm người mời chàng tuổi trẻ luôn năm chén. Thấy chàng uống rượu như uống nước lã, bọn lính đưa mắt nhìn nhau. Rồi một người nói:

- Bây giờ ta chúc thọ thiên tử một chén.

Chàng tuổi trẻ đáp:

- Ừ, thì chúc thọ thiên tử. Nhưng con gà của ta nó đã mang lên kia.

Uống cạn chén rượu chúc thọ thiên tử, chàng tuổi trẻ lại bàn uống một chén để mừng cho linh hồn con gà thiến đã được siêu tục qui tiên. Rồi lần lần họ chúc thọ quan Thái sư Bùi Đắc Tuyên, quan Thái úy Phan Côn Hưng, quan Đại tư khấu Trần Quang Riệu, quan Đại tư mã Ngô Văn Sở, quan trấn thủ, quan phân tri. Khi chúc thọ đến chủ quán thì chàng tuổi trẻ đã say mềm, mặt đỏ gay, đầu lảo đảo lươi cứng đờ, nói dúi lại không ra câu nữa.

- Này các...chú...nhắm đi chứ...rồi ta còn chúc thọ...nhiều...Ừ! Sao các chú không...chúc thọ tôi....

- Dạ, vậy xin công tử cho biết quý tính phương danh.

- Quý..tính phương danh à? Tên ta...à...! Ta là Ngang...tàng công tử....Lê Báo...người trấn Sơn Nam.

Bọn lính đưa mắt phân trần thăm với nhau rằng đó là một câu nói dối. Nhưng viên cai cũng vờ nâng chén rượu chúc tụng:

- Ngang tàng công tử Lê Báo thiên tuế!

Cả sáu người giốc cạn chén rồi cùng cất tiếng cười vang. Ngó thấy nhà sư vẫn ngồi ở cái phản đầu bên kia, co ro, ủ rũ trong chiếc mền nâu, có vẻ rét mướt ốm yếu lắm, một chú lính đã hơi chuech choáng mời đùa:

- Sư cụ sơi rượu.

Nhà sư có dáng sợ hãi, chấp tay se sẽ đáp:

- Xin mời các thầy, bàn tăng không dám.

Nhưng lúc bấy giờ, chàng tuổi trẻ càng say lắm, không nghĩ đến giữ gìn nữa, bạ câu gì nói câu ấy. Nhân bàn chuyện đến quan trấn thủ và quan phân tri, chàng vừa cười vừa mắng:

- Dốt! dốt tệt!

Chùng đã muốn dở mặt, người cai sùng sộ hỏi lại:

- Công tử bảo ai dốt?

- Dốt! Dốt...cả lũ.

- Nhưng ai dốt mới được chứ?

Như không nghe rõ câu hỏi...chàng kia nói luôn:

- Hừ! Không dốt...mà lại phải dùng...chữ nôm.Đời thuở nhà ai...lại yết...thị...bằng chữ nôm..bao giờ không...Cha mách qué...Đồ mách qué?

Người cai sấn đến tận mặt:

- Anh này bảo ai là đồ mách quá? Anh phải biết tiên đế đã xuống chỉ cấm tiệt chữ Ngô...Thi cũ, tờ bối dùng toàn tiếng, toàn chữ nước nhà...Tiên đế làm thế là để gây lấy một thứ chữ riêng cho người mình, sao lại dám ngạo mạn, khi quân....

Chàng trẻ tuổi cười phì cả rượu ra:

- Tiên đế... các...chú à?

- Của cả nước Nam, chứ của riêng gì ai!

Chàng kia lại cười:

- không...phải...của..ta...Ta chỉ biết...có nhà Lê.

Tức thì viên cai hô lớn một tiếng, bốn tên lính rút cả dao ra chĩa vào mặt chàng tuổi trẻ.

Chàng chợt hiểu, đứng dậy lùi lại mấy bước, rút gươm ra đối địch. Nhưng vì chàng say quá, chân tay run lẩy bẩy, vừa bị viên cai đẩy mạnh cái bàn vào người đã ngã quay ra. Bọn lính cười ầm lên xúm lại toan trói, thì một tiếng hét sau lưng khiến mọi người kinh hoàng:

- Bay! Không được vô lễ với công tử.

Nhà sư lù rù ban nãy tung cái mền nâu xuống phản đã vụt trở nên võ sĩ lắm liệt oai phong, tay cầm kiếm xông vào. Bọn lính bỏ chàng say rượu quay lại chống cự với nhà sư. Nhưng chống cự sao nổi? Lưỡi kiếm đi đến đâu, máu chảy đến đấy, chỉ trong khoảnh khắc, năm thầy đã nằm ngổn ngang dưới đất.

Nhà sư liền giơ kiếm vọt mạnh một cái vào cây đèn dầu lạc cho tắt, rồi xốc chàng trẻ tuổi sau rượu cấp nách ra sân vào tàu giắt ngựa, nhảy vót lên yên trông thẳng phía tây bắc, phi nước đại.

## Bến lo

Trên con đường từ thành Kinh Bắc đến huyện Đa Phúc, buổi sáng hôm ấy. Những người lái buôn nói với nhau câu chuyện sờ gáy, rùng mình.

Trong bọn có bác gánh một nôi đồng nặng là nhất gan hơn cả. Mới tới cầu Dọi, bác đã hoảng hốt hết vía vì một câu chuyện vừa được nghe và nhất định đòi lại trấn lý, không đi nữa. Một cô hàng nôi đất, người bé nhỏ xinh xắn đưa con mắt sắc sảo liếc chàng và mỉm cười nói:

- Ví bằng bác chẳng chịu hộ vệ chúng em qua khỏi bến đò Lo thì cũng xin bác đưa chúng em đến chợ Chờ để chúng em bán mấy gánh nôi đất này chứ.

Một cô khác cũng thêm một câu:

- Đàn ông các ông mà sợ hãi thế, thì bọn đàn bà con gái chúng em còn đi buôn bán làm sao?

Một anh chàng trẻ tuổi làm nghề hoạn lợn, tay vác cái cần dài đầu có thòng lọng, nghe chùng cảm động và mạnh bạo vì những đôi mắt đưa tình, những cặp môi tươi thắm. Chàng bàn:

- Thì ta hãy vào trong cầu ngòi nghỉ mệt đã nào.  
- Phải đấy, trời mưa bay cũng có vẻ đẹp, nhưng chúng ta chẳng khỏi rét muốt đến xương. Vậy còn gì hơn là vào ẩn dưới mái cầu, trú mưa một lát.

Giọng bình tĩnh của cô hàng nồi đất trẻ tuổi khiến mọi người phải nể phục và lấy làm thẹn cho cái tính nhút nhát của mình. Vì thế, ai nấy vui vẻ cười nói đi vào trong cầu, đặt gánh hai bên lan can, kẻ ngồi người đứng, góp câu chuyện gẫu. Anh chàng hoạn lớn đứng phải chỗ mái cầu giột liền nói đùa:

- Rõ may ! Đương khát lại với được chỗ có nước.

Rồi anh thọc tay vào gánh hàng của cô xinh xắn kia lấy ra một cái niêu nhỏ hứng nước mưa. Cô hàng cũng chẳng phải tay vừa:

- Se sẽ chứ không vỡ cả của em đấy.

Mọi người cất tiếng cười vang. Cô hàng lại tiếp luôn:

- Cười vừa chứ, chẳng lẽ sụt mái cầu thì chết cả lũ bây giờ.

Lúc bấy giờ nàng mới kịp lưu ý đến một người đàn ông vào trạc ba mươi ngòi bên hai cái tay nải này to kèch, vẻ mặt lo lắng, sợ hãi. Nàng liền quay lại hỏi:

- Bác gánh vải sợi đi đâu đấy?

Người kia se sẽ đáp:

- Không, cô ạ, tôi gánh tơ sang bán bên chợ Phù Lỗ.

- Ô thế thì hay quá nhỉ, em cũng đi chợ Phù Lỗ. Vậy ta phải lên đường thôi, chẳng trễ quá thì bán cho ai.

- Tôi đợi trời sáng hẳn mới dám đi. Nghe nói vùng này loạn lạc ghê gớm lắm.

Cô kia cười:

- Bác cả lo quá, từ khi nhà Nguyễn ta nổi nghiệp nhà Lê thì giặc giã còn đâu cơ chứ.

Anh hoạn lớn gia sản mang theo có mỗi một cái thòng lọng. Vì thế, anh ta chẳng lo ngại gì cho tính mệnh anh ta, dù có giữa đường có gặp cướp đi nữa, nên anh ta càng bình tĩnh bao nhiêu, anh ta lại muốn mọi người lo sợ bấy nhiêu, nên gặp bác hàng tơ và vài hàng vải, hàng xén đứng trong cầu, anh ta rắp kể cho nghe câu chuyện mà anh ta đã thuật với mọi người trên quãng đường từ trấn lỵ tới đó. Anh ta kiên vờ giọng đạo đức bảo cô hàng nồi đất:

- Cô ác lắm. Nói thế nhờ bác ta tưởng thực thì sao? Không đâu, bác ạ, vùng ta nhộn lắm kia đấy.

Bác hàng tơ run lập cập:

- Vâng, tôi cũng nghe thấy người ta đồn thế. Hình như tối hôm qua, quân của Nguyễn Đoàn hạ... mất Phủ Từ Sơn rồi thì phải.

Cô hàng nồi đất cười ròn:

- Nguyễn Đoàn bị xử tử rồi còn đâu.

Anh hoạn lớn bĩu môi:

- Xử tử hấn, nhưng dư đảng của hấn liệu có xử tử hết được không? Phạm Thái còn đáng ghê sợ gấp mấy Nguyễn Đoàn.

Cô hàng, giọng khinh bỉ:

- Nhưng đảng họ chống cự với vua Tây Sơn, chứ có phải bọn giặc cướp tầm thường đâu mà đi bóc lột bọn con buôn như chúng mình.

- Không ! Cứ một việc xảy ra ở một trấn quán phố Từ Sơn tối hôm qua cũng đủ hiểu bọn họ chỉ là một bọn giết người lấy của.

Người hàng tơ nhớn nhác hỏi:

- Vậy à? Câu chuyện thế nào, bác cho chúng tôi nghe với.

Anh hoạn lớn ra bộ ta đây thành thạo việc thạo đời, hấn giặng hai, ba tiếng lấy giọng rồi kể:

- Nguyên tôi có người anh con nhà bác đóng đội cơ tại dinh quan Hiệp trấn Kinh Bắc. Tối hôm qua, tôi ở chơi đặng nhà bác đợi. Cơm nước xong đi ngủ như thường..

Cô hàng nồi đất cười và ngắt lời:

- Bác nên kể tóm tắt thì hơn. Chúng ta còn phải lên đường chớ. Kia bác coi, đã sáng rõ rồi, phương đông đã đỏ ửng ánh sáng mặt trời. Mưa thì cũng đã tạnh.

Anh chàng kể chuyện kiếc cô một cái rất tình:

- Sao mà cô táo cấp thế? Vâng thì kể tóm tắt. Chúng tôi đi ngủ... Vào khoảng cuối giờ Sửu sang đầu giờ Dần, có tin cấp báo ở Từ Sơn đưa lên. Một người lính cưỡi ngựa truy phong phi thẳng vào dinh quan Hiệp trấn báo có giặc ở Từ Sơn.

Tên giặc ấy chẳng phải ai ca lạ, chính là Phạm Thái tức Phạm Phụng mà quan quân vẫn tróc nã bấy lâu nay. Đầu đuôi việc ấy như thế này: Chập tối, một nhà sư vào một hàng cơm ở phố Từ Sơn ngủ trọ để sáng hôm sau lên chùa Phật tích sớm. Nhà sư đem theo nhiều đồ thờ quá giá lắm, ấy là không kể tiền bạc gói chặt trong một chiếc mền nâu. Tức thì Phạm Thái đã nắp sẵn đầu đó tiến theo vào liền sau. Hắn ăn vận chừng chạc, nai nịt gọn gàng; khi lính canh trong tửu quán hỏi tín bài thì hắn giơ tay ra một cái tín bài giả cũng có khắc bốn chữ "thiên hạ đại tín" y như trong những tín bài của triều đình. Nhưng tên tuổi quê quán thì hắn chu man là Lê Báo, người trấn Sơn Nam. Tuy thế lính vẫn chú ý đề phòng vì thấy hắn ta có dáng khả nghi lắm. Quả không sai. Vào khoảng nửa đêm, tên Lê Báo giả tử Phạm Thái, chém giết hết bọn lính đông đến ngót ba chục, rồi cướp nhà sư với các bảo vật kim ngân nhảy phắt lên ngựa trốn mất. Bây giờ nghe đầu hắn ta vẫn còn lẩn quất ở vùng ta thì phải.

Bác bán tơ run như cây sậy, hỏi lại:

- Hắn ta còn lẩn quất ở vùng này?

Cô hàng nồi đất cất tiếng cười khanh khách nói bông:

- Bác hoạn lợn kể chuyện hay nhỉ, nghe như truyện Tam Quốc vậy. Nhưng anh em chị em đừng tin bác ta, cứ mạnh bạo lên đường là hơn hết.

Dứt lời, nàng nhanh nhẹn quẩy gánh và giục mọi người ra đi. Muốn ai nấy quên câu truyện ghé góm nàng cất tiếng hát một bài quan họ có ý tứ bốn cột, trêu ghẹo, lẳng lơ:

" Đêm qua em mơ gặp chàng,

Đòi ta tạc nghĩa đá vàng cùng nhau.

Ước gì anh trước em sau,

Đi chợ Phú Lỗ trao cầu kết duyên ".

Hát xong, nàng lại cười ròn như nắc nẻ, anh hoạn lợn nghe nàng nói đùa bác bán tơ thì tỏ vẻ tức tối, hậm hực. Ý chừng nàng cũng biết vậy, nên lại hát luôn câu nữa để lấy lòng anh ta.

" Anh thợ hoạn ơi,

Anh về gánh đất nặn nồi,

Đề em đem bán cho người nấu cơm ".

Những người đàn ông ôm bụng cười ngất. Mấy cô hàng nồi đất xấu hổ đỏ mặt. Nhưng ai nấy hầu như đã quên bằng câu chuyện cướp bóc và đề cất gánh lững thững đi theo cô hàng lém lỉnh.

Lúc bấy giờ, mưa bay đã tạnh hẳn và mặt trời đã ló trên phía thành quách, chiếu xuống một làn ánh sáng dịu dàng.

Bọn lái buôn vừa trai vừa gái, vừa nhà quê vừa thành thị độ hơn mười người, gồng gánh, đội vác đi trên bờ đê nhỏ hẹp, bên con sông Dọi, nước về mùa đông, hầu cạn hẳn. Họ xúm xít đi sát vào nhau, hình như để đỡ lo sợ. Lòng lo sợ gầy nên quang cảnh quanh vùng, tiêu điều, xơ xác, vớ những cây trơ trụi, khẳng khiu, trên những mồi đất rải rác trong một cánh đồng rộng đầu nước, bát ngát, mênh mông trắng xoá tới tận rặng tre xanh xa tắp.

Đi nửa giờ tới huyện lỵ Đông Ngàn. Viên phân tri đã nhận được giấy sức tróc nã phạm nhân ngay từ buổi sớm tinh sương, nên sự canh phòng ở đây rất cẩn mật. Viên phân xuất thân ra công huyện xem xét kỹ lưỡng tín bài. Song chỉ một mình anh hoạn lợn là phải giữ lại, vì tín bài của anh thiếu điểm chỉ.

Trước khi đến chợ Chờ, ai nấy còn phải dừng bước ở một cái quán con lợn cói, mà người ta gọi là cầu Chờ, để làm việc thiện: Nghĩa là lần lượt mỗi người kính cẩn đến trước cái nong, để trên mặt đất, trong có cắm mấy nén hương, và bỏ vào đó từ mười tới ba mươi đồng tiền trinh, tùy theo

tài sản từng người mang theo. Ai đáng cúng hai mươi đồng mà chỉ cúng mười đồng thì sẽ gặp sự nguy biến ngay.

Vì đâu có sự cúng tiền như thế?

Nguyên ở vùng ấy, trong vòng ba, bốn năm, một bọn cướp những hiệp tróc nhân dân hai bên ven sông Cà Lồ, nhất là ở gần bến đò Kim Lũ, Quan hiệp trấn đã cho quân lính về tuần phòng nhưng vẫn vô công hiệu. Đến nỗi bến đò Kim Lũ khách vắng lại đã đặt cho cái tên "bến Lo". Mà cũng vì thế mới có tên "cầu Chờ": Ai ai đi đến đây đều phải nghỉ lại để chờ cho thực đồng người mới dám cùnh nhau sang sông.

Một đêm, một nhà sư qua đò. Bọn cướp đến vây bắt, bị nhà sư đánh một trận chạy tán loạn. Rồi luôn mấy đêm liền, nhà sư vô danh kia đem đồ đảng đến Kim Lũ trừ tiệt bọn cướp. Từ đó, nhân dân đi lại được như thường và sự thương mại đã kém sút lại trở nên phồn thịnh như xưa.

Nhưng đảng cướp vừa trừ xong thì một tục lệ bỗng thành lập, không rõ do một tay kỳ dị nào. Người ta chỉ biết rằng ai đi đến cầu Chờ mà không lễ phép bỏ vào cái nong một số tiền để cúng nhà chùa thì sẽ bị bóc lột một cách chắc chắn khi qua bến đò. Cúng vào chùa nấp, và bi, ai bóc lột? Còn ai biết. Hình như có một đảng bí mật nã tiền phái nộp, không hề ta oán, kêu ca hay thóc mách báo quan, hay tỏ mò tìm biết tung tích người tung tích người đứng thu thuế một cách trái phép như thế.

Người ta đồn rằng - nhưng đó chỉ là một lời đồn phỏng - quan trấn thủ, quan hiệp trấn và viên phân tri Đông Ngàn đã rõ có sự nã tiền ấy, song vì không ai tố cáo, nên cũng làm ngơ để khỏi lôi thôi đến mình: Các quan cũng thừa biết trong hạt có một đảng bí mật rất đáng sợ, kiêng nể, nên các quan định sẽ dùng mưu kế, chứ không thể dùng sức mạnh mà trị được.

Bọn lái buôn trên kia khi đến cầu Chờ đã biết sự lệ. Ai nấy đặt gánh cõng hầu bao, khi thấy cô hàng nòi đất vui vẻ bỏ vào nong năm mười đồng tiền trinh mà nói rằng:

- Anh em ạ, việc nghĩa ta nên rộng rãi một chút.

Cố nhiên nhiều người lấy làm khó chịu về cử chỉ của nàng, nhưng không ai dám cúng ít, vì phần sợ xấu hổ với cô hàng nòi đẹp đẽ, phần lo đáng bí mật trị tội. Ở khắp vùng, họ đồn đại rằng tuy chung nong tiền không có người trông coi, nhưng chẳng một cử chỉ, chẳng một lời nói của khách qua đường là không bị một người nấp đó ghi chép.

Làm xong việc thiện - việc thiện miễn cưỡng - bọn lái buôn vội vã gánh gồng hoặc đến chợ Phú Mẫn bán hàng, hoặc đến Kim Lũ để qua đò sang sông. Một mình cô hàng nòi đất còn ngồi lại nghỉ mệt một lát.

Bỗng nhón nhác trông trước trông sau không thấy ai, nàng háng dặng một tiếng. Tức thì ở cửa buồng nhỏ bên cánh, tường vách xiêu đổ như một nơi bỏ hoang, một chú tiểu thò đầu ra giơ một ngón tay trở lên trời rồi biến mất.

Cô hàng liền rẽ bờ ruộng vào làng Ngô Xá, vừa đi vừa rao: "Có ai mua nòi đất ra mua?"

Một lát sau, nàng dừng bước ở cổng chùa Liên Đài làng Nghiêm Xá, một ngôi chùa nhỏ không có chi khiến ai lưu ý tới. Cổng chùa đóng, nàng ghé mồm vào giậu rau lớn:

- "Ai mua nòi đất ra mua? Trong chùa có mua nòi đất không?"

Đáp lại lời rao hàng, một đàn chó vừa sủa vừa chạy ủa ra. Đi liền theo sau, một chú tiểu y phục tụy màu nâu sồng, nhưng hẹp chẹn gọn gàng. Vuông khắn nâu chú chít chéo trên đầu tựa cái đầu mâu của chiến tướng đời cổ khi ra trận càng làm tăng vẻ mảnh liệt của chú lên lắm. Chú cầm cái roi tre đuổi đàn chó to lớn, dữ tợn rồi ra mở cổng mà hỏi rằng:

- Cái gì thế?

- Ai đi đò Phật. Nhà chùa có mua nòi đất không?

Chú tiểu nhìn cô hàng nòi, nói khẽ:

- Có, vào nhà oản ngồi chờ một lát.

Cô hàng có dáng lo lắng:

- Không thể ngồi chờ được, việc cần gấp lắm.

- Nhưng ông sư đã truyền không ai được lên chùa trên trong khi sư ông làm việc...

Cô hàng giọng quả quyết nhắc lại:

- Không thể chờ được.
- Vậy để tôi lên chùa xem.

## Sư ông

Đã luôn ba hôm nay, sư ông đóng cửa chùa trên, cả ngày cặm cụi làm việc.

Làm việc gì? Trong chùa không một ai hay. Chỉ biết rằng đã sáu bữa nhà sư bỏ cơm, và mỗi lần có ai vào khiến đàn chó sủa ầm ĩ, thì trên chùa lại nghe có tiếng mõ đều đều và tiếng tụng kinh sang sảng. Mãi cho đến lúc một chú tiểu thân cận đến gõ cửa và báo cho nhà sư biết người mới đến là ai.

Lần này cũng vậy, đàn chó vừa im sủa thì người ta nghe thấy tiếng tụng kinh du dương huyền bí ở trong chùa đưa ra, lắng trong mùi trầm, mùi hương phảng phất. Nhưng chú tiểu vừa bạch có cô hàng nôi đất ở Kinh Bắc đến, thì nhà sư vội vã mở cửa bảo đưa cô ta lên ngay.

Công việc của cô hàng chỉ có giao tận tay cho sư ông một bức thư mật. Đoạn, nàng hấp tấp xin đi ngay. Muốn tránh sự ngờ vực, nhà sư lớn tiếng bảo chú tiểu mua hai cái niêu thổi cơm.

Đóng cửa cải then xong, nhà sư đến chỗ bệ gạch bày tượng. Tức thì hở ra một khe. Khi ấy lại mảnh tường để lấp cái khe đi, không ai có thể nhận thấy dấu vết được, nhất là chỗ đó lúc nào cũng tối như ban đêm.

Cổ nhiên cái bệ ấy rỗng, và tuy ở trong có thấp đèn, thờ cũng vẫn dễ, vì có nhiều lỗ thông hơi đục qua thân bụt gỗ không lồ.

Ở một góc buồng nhỏ hẹp ấy có một bàn gỗ trên khắc chữ nôm. Bên cạnh, một tập giấy vừa in xong. Thì ra luôn ba hôm nay, sư ông bận khắc bản gỗ ấy. Chẳng nói thì độc giả cũng thừa biết công việc bí hiểm của nhà sư quan trọng là chừng nào.

Nhưng có lẽ nhà sư cho bức thư kia còn quan trọng hơn nhiều, nên mới bỏ dở việc in giấy mà vội vàng xé phong bì ra xem.

Bức thư vẫn tắt như sau này:

*Phạm quý hữu nhĩ giám.*

*Bạn đồng chí chúng ta mới thêm được một người văn võ kiêm toàn. Người ấy là Lê Báo công tử con cả quan Thiên thư khu mật viện sự Lê Ban. Lê Báo hiện ẩn núp ở bản am, khao khát được gặp mặt quý hữu lắm. Vậy quý hữu nên sang ngay Tiêu Sơn hội viện để bàn một điều rất là cần trọng, cần kíp.*

*Phổ Tĩnh tiền sư kính thư.*

*Niên hiệu Chiêu Thống (Đảng Tiêu Sơn vẫn giữ niên hiệu cũ của nhà Lê không chịu dùng niên hiệu Cảnh Thịnh nhà Nguyễn Tây Sơn) thứ mười một năm Bính Thìn tháng chạp ngày mồng bốn.*

Xem xong thư, Phạm Thái - vì sư ông chính là Phạm Thái tức Phạm Phụng - vội vàng thu xếp bản in giấy má gọn gàng, rồi ra ngoài đóng cửa phòng bí mật lại.

Sau khi đã cận kề dặn các tiểu trông nam chùa, chàng buộc hành lý vào trong một cái tay nải nâu, vắt lên vai đi.

Vì có gì Phạm Thái vội vàng thế?

Có lẽ cũng vì một phần việc đảng bộ, nhưng nhất vì tính tò mò muốn biết Lê Báo là ai, là người thế nào võ nghệ cao siêu lạ thường như thế?

Nguyên sáng sớm hôm nay, thám tử của chàng về báo cho biết tối hôm trước, có một người trẻ tự xưng là Lê Báo vào uống rượu ở một tửu quán phố Từ Sơn rồi trong khi bất ngờ giết bọn lính canh trong quán và cướp một nhà sư trốn biệt.



Phạm Thái vừa rảo bước trên con đường Từ Sơn vừa lẩm bẩm: "khó hiểu? Chẳng nhẽ nhà sư ấy lại là Phổ Tĩnh? Vô lý! Trí dũng như anh Trần Quang Ngọc, còn ai bắt cóc nổi. Mà dù bắt cóc, dù cướp đi nữa, sao lại đến Tiêu Sơn?"

Câu chuyện xảy ra năm trước, chàng còn nhớ rành mạch, và khiến chàng không thể nào tin được sự bắt cóc kia là có thực.

Hồi ấy Nguyễn Đoàn vừa bị giết, đồ đảng vờ lờ tán loạn, sào huyện bị phá tan hoang. Phạm Thái phải lang thang, lẩn lút quanh vùng, luôn luôn bị quân lính của quan hiệp trấn Kinh Bắc và viên phân phủ Từ Sơn tróc nã.

Một hôm chàng đến chùa Tiêu Sơn ngủ trọ. Thấy cảnh chùa hùng vĩ độc chiếm một trái đồi, chàng mừng thầm rằng chốn ấy có thể nương thân được chớ vận mà đi tìm kiếm, tụ hội các nhân tài trong nước. Lòng sốt sắng báo thù cho cha và cho chủ đảng bị hại bởi tay Tây Sơn làm cho chàng trở nên tàn ác. Đối với chàng, chỉ một mục đích chàng đương theo đuổi là đáng kể. Chàng không kiêng nể một sự gì để đi tới mục đích ấy, dù phải quả quyết hung bạo cũng đành.

Bởi vậy chàng có manh tâm muốn giết nhà sư Tiêu Sơn để chiếm giữ ngôi chùa làm một nơi sào huyệt. Chàng cho đó là một việc rất dễ dàng và giản dị. Sau khi chàng cạo trọc đầu và thảng bộ quần áo nâu vào thì còn ai nhận được chàng là Phạm Thái nữa; người ta sẽ gọi chàng là sư Tiêu Sơn và không bao giờ dám ngờ rằng chàng đã kế nghiệp nhà sư chân tu kia một cách võ đoán.

Nhưng Phổ Tĩnh thiền sư trụ trì ở chùa Tiêu Sơn há phải là một thầy tu tầm thường mà chàng có thể giết như giết con gà mái non! Vì thế vào khoảng giờ Tý, Phạm Thái vừa lên vào nhà trai, nơi túc phòng của Phổ Tĩnh, định gỡ tay, thì dưới ánh lù mù một ngọn đèn dầu, hai người liền đánh nhau một trận kịch liệt.

Ý chừng đều biết sức nhau, nên sau khi đã gỡ mấy miếng võ ra, đôi bên cùng lùi lại và cất tiếng cả cươi. Nhà sư khinh bỉ hỏi Phạm Thái:

- Cớ sao ta đã cho nhà ngươi ngủ trọ, nhà ngươi lại trả ơn ta một cách xứng đáng thế?

Phạm Thái đáp vấn tất:

- Không lỗi thôi! Trong hai ta chỉ một người được sống.

Rồi chàng lại sấn tới giơ dao chém. Nhà sư né người sang một bên mà nói rằng:

- Khoan! Phòng này chật hẹp quá, không phải nơi đái võ. Vả như ngươi có dao mà ta tay không. Chẳng lẽ nhà ngươi lại hèn nhất đến thế. Có giỏi hãy đi ngủ một giấc cho khoẻ khoắn đã rồi sáng mai lên ngọn đồi sau chùa, cùng ta tỉ thí. Ngươi có ưng thế không, Phạm Thái?

Phạm Thái nghe nhà sư đọc đến tên mình thì giật mình kinh hãi. Phổ Tĩnh liếc mắt thấy vậy liền bắt thỉnh linh nhảy lại giật phắt lấy con dao rồi mỉm cười bảo:

- Phạm Thái, chú có dao còn không làm gì nổi ta, bây giờ con dao ấy đã sang tay ta, vậy chú nghĩ sao?

Phạm Thái cũng mỉm cười:

- Điều đó không cần biết vội, hãy hỏi nhà sư điều này: Sao nhà sư nhận được tôi là Phạm Thái?

- Hỏi dở, một nghìn quan tiền thưởng của triều đình, ngươi bảo để không đáng khiến ta lưu ý đến diện mạo nhà ngươi chẳng?

Phạm Thái không nén được tức giận, hét mắng:

- Thằng sư hổ mang kia! Tao cho phép mày bắt tao đem nộp mà lĩnh thưởng.

Nhà sư lạnh lùng bĩu môi, đáp:

- Nhưng ta đã trót hứa với nhà ngươi rằng mai lên đồi đấu võ mất rồi!

- Ta không thèm đấu võ với quân khốn nạn đội lốt sư để đi do thám cho giặc của nhà Lê!

- Khá đấy! Phạm Thái anh hùng đấy! Còn kẻ đang đem lên vào phòng này để giết trộm thì Phạm Thái liệt vào hạng gì?

Phạm Thái phần xấu hổ, phần căm tức, sấn lại đánh nhà sư, nhưng nhà sư nhanh nhẹn tránh sang một bên mà lớn tiếng hỏi:

- Thong thả, Phạm Thái có biết ông Trần Quang Châu là ai không?

- Sao ta không biết? Bậc trung thần ấy là bạn của thân phụ ta khi xưa, sao ta lại không biết?

Nhưng ta cấm thằng ác tăng kia không được đọc đến tên ngài.

Phạm Thái bỗng kêu rú lên:

- Trời ơi! Anh Trần Quang Ngọc!

- Chính ta là Trần Quang Ngọc.

Phạm Thái vội sụp lạy xuống đất, tạ tội:

- Anh tha chết cho em, vì em thật đáng chết.

Trần Quang Ngọc đỡ Phạm Thái dậy mà nói rằng:

- Chúng ta quen biết nhau từ thuở nhỏ. Ngày nay anh còn nhận sao được mặt tôi, nhất tôi lại ẵm núp trong bộ thiên phục.

Hai người mừng rỡ đem truyện riêng ra kể cho nhau nghe. Phạm Thái nói:

- Chẳng hay sau khi bác đốc trấn bị mắc mẹo lừa ở Chí Linh rồi ra sao?

Trần Quang Ngọc ứa nước mắt trả lời:

- Khi ấy thân phụ bị bắt giải về Phú Xuân, Quang trung dụ thân phụ quy hàng, thân phụ nhất định không chịu nghe, nên đã bị hấn hại rồi, còn đâu.

- Thằng giặc già! Cha chúng mình cùng chết về tay nó. Nhưng đại huynh còn cặm cụi chống chọi mãi với quân Tây Sơn kia mà?

- Phải, được gần một năm. Vả hiện giờ đồ đảng của tôi còn tới hơn nghìn, tản mạn khắp các trấn, nếu cần dùng đến, có thể có ngay. Nhưng còn hiền hữu, nay định đi đâu?

- Tôi cũng chẳng biết đi đâu.

- Ngày hiền hữu ở bên Nguyễn Đoàn, tôi vẫn có ý muốn sang theo, nhưng sau biết Nguyễn Đoàn không phải tay làm nổi việc lớn, nên lại thôi.

- Thế thì đại huynh có con mắt tinh đời lắm. Quả thực, Nguyễn Đoàn là một tay chủ trại tầm thường, chẳng qua chỉ sai khiến nổi một bọn lâu la ô hợp mà thôi, hiểu làm sao được chí lớn của anh em mình. Nếu hấn biết theo bài quân yếu về mấy yế chiến công của tôi thì đâu đến nổi.

Quang Ngọc cười, hỏi:

- Tôi nghe nói bài quân yếu của hiền hữu có thể so sánh với những binh thư có tiếng của cổ nhân như Lục Thao Tam Lược của Thái Công, Thập Tam Thiên của Tôn Tử...

Phạm Thái gạt đi mà rằng:

- Đại huynh nói quá. Tôi tài hèn đâu dám ví với các bậc đại tướng xưa.

Hai người chuyện trò với nhau mãi đến sáng về binh lược, võ nghệ. Hôm sau Trần Quang Ngọc khuyên Phạm Thái thể phát quy y để dễ trốn tránh, rồi nhân chùa Liên Đài ở xã Nghiêm Xá chưa có ai trụ trì (vì vùng ấy loạn lạc không nhà sư nào dám ở tu) Phổ Tĩnh thiền sư liền cất Phạm Thái về đó lấy đạo hiệu là Phổ Chiêu thiền sư.

Phạm Thái vừa đi vừa ôn lại trong trí quăng đời dĩ vãng. Chàng lấy làm lạ rằng Phổ Tĩnh thiền sư tức Trần Quang Ngọc là một tay võ nghệ cao cường mà còn bị Lê Báo bắt thì không hiểu Lê Báo sức khỏe đến bực nào. Mà nếu Phổ Tĩnh đã bị bắt cóc, sao lại còn có bức thư gọi mình sang hội diện. Hay là bức thư man trá?

Nhưng chính tay Nhị Nương đưa cho ta kia mà. Vả xét tự dạng thì đích thư của Phổ Tĩnh rồi, chắc có điều gì bí mật chi đây.

Phạm Thái mãi suy nghĩ đến nỗi tới đờ Thọ Khê mà vẫn không biết. Mãi lúc bị lính giữ lại hỏi, chàng mới giật mình như choàng thức dậy:

- Nhà sư kia đi đâu?

Một viên đội cười bảo tên lính của mình:

- Sư ông Phổ Chiêu ở chùa Nghiêm Xá mà chú không biết hay sao?

Liên vẫy tay cho phép nhà sư xuống đờ.

Thấy sự canh phòng nghiêm mật, Phạm Thái càng nóng ruột về câu chuyện xảy ra ở tửu quán... Vì thế, trước khi đến Tiêu Sơn, chàng đi thẳng tới hàng nhà Ngổng (bạn đồng chí của chàng thường hội họp ở đấy) để dò tin tức.

Thấy cửa quán đóng im ỉm, chàng liền gõ năm tiếng, đó là hiệu riêng của đảng. Người chủ quán thì thềm mấy câu rồi đóng sập cửa lại. Trong lòng mừng rỡ, Phạm Thái thông rong bước lên chùa Tiêu Sơn.

## Tiêu Sơn kết nghĩa

Đã lâu nay cửa tam quan chùa Tiêu Sơn rào kén hẳn hàng ba, bốn lần tre, hóp và chông chà. Khách thập phương phải đi qua một con đường vòng chạy theo chu vi trái đồi, rồi rẽ ngoặt ra phía bên. Ở đó có một cái cổng nhỏ hẹp nhưng xây rất kiên cố. Qua lần cổng, một hàng bậc gạch cao và giốc đưa đến nhà trai. Như thế, đứng trên ngòi đồi hay trong lầu Tiêu Lĩnh nhìn xuống có thể biết ai sắp đến chùa, nhất là có một cái lạch nước rất sâu ngăn chặn đồi ra với con đường vòng. Cái lạch ấy, sư Phổ Tĩnh cho đào để lấy đất đắp tường dài bao bọc quanh đồi. Và cũng nhờ việc to tát ấy mà nhà sư đã được dân làng nức nở ca tụng công đức. Họ cho nhà sư đắp tường đào hào như thế không những chỉ có một mục đích giữ chùa, mà còn có mục đích che chở cho dân quanh vùng trong khi nhiễu loạn, vì hạt ấy, họ sợ hãi bọn Nguyễn Đoàn, Phạm Thái lắm, tuy chỉ sợ bóng sợ gió.

Ý chừng Phổ Tĩnh thiền sư cũng biết vậy, nên ngay ở cửa tam quan, có dán một tờ yết thị nói cửa từ bi không hẹp, ai sợ quân cường đạo cướp bóc cứ vào chùa nương náu ít ngày, nhà chùa sẵn sàng lòng dung nạp.

Kỳ thực chỉ có đồ đảng của Phổ Tĩnh là hay lui tới cửa chùa và tờ yết thị kia không có mục đích gì khác là để che mắt quan quân. Chẳng thế có khi trong chùa tụ họp đến hàng trăm người mà viên phân phủ Từ Sơn vẫn không lưu ý tới, cho rằng đó toàn là những bọn què mùa yếu hèn, nhút nhát đến ần núp. Không những thế, viên phân phủ còn nhân tờ chiếu của vua Quang Trung bắt bỏ chùa nhỏ trong các làng để dựng một ngôi chùa lớn ở mỗi phủ, mỗi huyện, mà đệ tử bầm lên quan trấn thủ xin lấy chùa Tiêu Sơn làm chùa chính thức được trụ trì, ở chùa ấy. Tuy việc tư xin bị đình bãi, vì từ khi vua Quang Trung thăng hà, vua Quang Toàn và thái sư Bùi Đắc Tuyên không còn lưu gì đến công việc cải cách thiền học nữa, nhưng lòng tín nhiệm của quan quân hạt Kinh Bắc đối với Phổ Tĩnh thiền sư, nhờ việc đó mà ngày một thêm vững chặc.

Lòng tín nhiệm hầu hoàn toàn ấy đã giúp đồ đảng bí mật của Quang Ngọc hoành hành dễ dàng ở vùng Kinh Bắc, vì những viên kiện tướng của chàng đều là các sư ông, sư bác mà tay quan trọng nhất là Phạm Thái tức sư ông Phổ Chiêu chùa Linh Đài, làng Nghiêm Xá.

Chiều hôm trước nhân sư bác chùa Bình Bảng đến báo có một bà hoàng phi bị bắt giải về giam ở phủ Từ Sơn, Quang Ngọc liền hốt hoảng chít vội cái khăn vuông xuống tận mắt và khoác vội vào mình cái mền nâu cũ, cho người ta không nhận được ra đi.

Nguyên chàng vẫn biết rằng từ khi thành Thăng Long mới vỡ, người em thứ ba vua Lê là Lan quận công Duy Chí đem bà hoàng phi họ Nguyễn chạy lên Tuyên Quang rồi chiêu dụ những người thổ hào cùng nhau lo toan việc hưng phục. Nhưng Duy Chí mới chống chọi với quân Tây Sơn được vài tháng ở Bắc Lạc thì bị bắt bỏ cũi giải về Phú Xuân đầu hàng cùng với hết thầy các tướng tá. Hoàng Phi liền rời Tuyên Quang trở về hạt Kinh Bắc ần núp ở trong các nhà bình dân. Quân Tây Sơn thường đi lùng bắt mà không được, vì người Kinh Bắc vẫn còn mến tiếc nhà Lê, không ai chịu tố cáo nơi hoàng phi trú ẩn.

Khi đã dò biết đích xác rằng hoàng phi bị bắt, Quang Ngọc vào hàng cơm nhà Ngõng ở phố phủ, định sai chủ quán, một đảng viên của đảng Tiêu Sơn, đưa ngay tin đến Nghiêm Xá cho Phạm Thái. Chẳng ngờ gặp giữa lúc Lê Báo đang uống rượu và nói nhiều câu khảng khái. Chàng liền dón ngồi lại để xem ông khách trẻ tuổi kia là người thế nào, nhất chàng lại như bị cái sức vóc vạm vỡ và nét mặt tươi như hoa của kẻ kia lưu luyến.

Việc cần kíp thứ nhất của Quang Ngọc khi đã đưa Lê Báo về tới chùa là viết thư sai người tức tốc đến Kinh Bắc giao Nhị Nương đem về Nghiêm Xá cho Phạm Thái. Chàng biết tất có binh mã đuổi theo con đường Từ Sơn - Kim Lũ, nên chàng không cho người mang thư đi lối ấy. Chàng lại

biết đàn bà, con gái ít khi bị ngờ vực, khám xét, nên việc thông tin tức chàng thường giao cho bọn họ.

Vào khoảng cuối giờ Ty, Phạm Thái tới chùa Tiêu Sơn. Quang Ngọc đã đứng chờ ở chân đồi. Hai người lớn tiếng chào nhau: "A di đà phật!"

- Lê Báo đâu?

Quang Ngọc cũng khe khẽ đáp lại:

- Trong chùa.

- Có việc gì quan hệ nữa không?

- Có, chốc nói chuyện.

Lên đến đầu bậc thang gạch, nghe có tiếng mõ lớn thưa thớt rời rạc. Phạm Thái mỉm cười, theo Quang Ngọc qua cái cửa nách bước vào chùa trên. Một nhà sư đầu mới cạo nhẵn thín, khoác áo cà sa ngồi ở cái bực gỗ trước bàn thờ, miệng lầm nhảm đọc kinh, tay uể oải gõ mõ. Hình như nhà sư chú hết tinh thần vào sự tụng niệm, nên không biết có hai người vừa vào, tuy họ cất tiếng đã cất tiếng chào: "A di đà phật!"

Thấy người kia không nhúc nhích, Quang Ngọc đưa mắt liếc Phạm Thái, mỉm cười rồi lại gần bàn thờ gọi:

- Lê Báo?

Lê Báo vờ không nghe rõ, vẫn ngồi đọc kinh, mắt chăm chăm để vào quyển sách lớn mở đặt trên giá. Quang Ngọc cúi tiết, đến sau lưng ghé vào tai nói:

- Mới tu được một buổi mà đã mộ đạo thế ư?

Bấy giờ Lê Báo mới rời quyển kinh, ngước mắt nhìn lên, nhoèn miệng cười:

- Không, đệ có đọc kinh đâu, đệ ngâm thơ đó chứ!

Cả ba người cùng cười ồ. Bỗng một chú tiểu ở ngoài đi vào để thắp hương. Các nhà sư lại im bật, nét mặt người nào người ấy đều có vẻ thành kính, nhu mì, kín đáo. Phổ Tĩnh vờ hỏi Lê Báo:

- Sư cụ bên ấy vẫn được mạnh đấy chứ?

Lê Báo hấp tấp đáp lại:

- Thừa ngài....

Phổ Chiêu vẻ mặt nghiêm trang vội đỡ lời:

- Bạch sư ông, cụ Phổ Mịch nhờ ơn Phật tổ vẫn được như thường.

Phổ Tĩnh mỉm cười rồi quay ra bảo chú tiểu, ý chừng mới tu ở chùa này:

- Gọi chú Mộc!

Một lát sau, bước vào một người to lớn, gân cốt nở nang, cặp mắt tròn xoe, da dẻ hồng hào.

Phổ Tĩnh hất hàm hỏi:

- Nó mới đến, chú đã biết tâm địa ra sao mà dám cho lên chùa trông nom việc đèn nhang?

- Bạch sư ông, nó ở trong bọn thủ túc chân thành của đệ tử. Đệ tử xin cam đoan chịu hết trách nhiệm.

Phổ Tĩnh hơi gắt:

- Đành vậy, nhưng cứ phòng bị trước thì vẫn hơn. Tiệc đã sửa soạn xong chưa?

- Bạch sư ông đã.

- Có nhiều rượu ngon đấy chứ?

- Bạch sư ông đủ cả. Đệ tử đã cho xong đâu đấy ở trên lầu Tiêu Lĩnh.

- Được, ta không cần đến chú nữa.

Chú tiểu lễ phép cúi đầu chào, đi ra. Phổ Tĩnh đóng cửa cẩn thận mà nói rằng:

- Thôi, bây giờ chúng ta không còn lo sợ điều gì, cứ việc bình tĩnh mà đánh chén, vì muốn lên Tiêu Lĩnh tất phải qua chùa, mà cửa chùa thì đóng khóa kiên cố lắm.

Thấy Phạm Thái thì thầm nói chuyện với Lê Báo, Quang Ngọc quay lại hỏi hai người:

- Chỗ quen biết cả đấy. Mà dù chưa quen biết thì rồi cũng phải quen biết. Anh hùng trong thiên hạ phỏng được bao người, sao không cùng nhau làm việc đại nghĩa.

Phạm Thái đáp:

- Ngu đệ vẫn được nghe đại danh của quan Thiên thơ khu mật viện sự. Nay được gặp ngài thực lấy làm hân hạnh.

Quang Ngọc thẳng thắn cười lớn:

- Ngài! Cái tiếng xưng hô ấy không được ổn bỏ nó đi.

Lê Báo cũng nói:

- Phải, chỗ anh em sao lại gọi thế?

Quang Ngọc bàn:

- Muốn chính kỳ danh, trước hết phải chính kỳ vị. Ngày xưa anh em Lưu, Quan, trương kết nghĩa tại vườn đào, rồi lập nên cơ nghiệp kinh thiên động địa. Vậy ngày nay, sao chúng ta không theo gương ấy mà cũng kết nghĩa làm anh em?

Lê Báo vỗ tay, hét vang như tiếng lệnh:

- Ô! Phải đấy! Hay! Hay! Ý đại huynh hay lắm!

Phạm Thái mỉm cười:

- Trong ba anh em mình chẳng biết có ai giống Lưu Huyền Đức, Quan Vân Trường không, như giống Trương Dực Đức thì Lê hiền hữu là giống như đức.

Vậy đệ xin làm em út chứ sao?

Quang Ngọc hỏi:

- Hiền hữu niên canh bao nhiêu?

Mười chín tuổi.

- Thế thì hiền hữu là em út hẳn đi rồi, vì Phạm quân hơn hiền hữu một tuổi.

Phạm Thái khiêm tốn:

Nhưng Lê hiền hữu giọng dõng dạc thốt nhà Lê, ngu đệ xin nhường làm anh.

Phổ Tĩnh vội gạt:

- Không được, chỉ có một điều đáng kể: Ai hơn tuổi là anh.

- Hiền huynh đã dạy như thế, thì hai em hẳn phải vâng theo. Vậy bây giờ chúng ta phải thế ra sao?

Lê Báo hỏi:

Ở chùa này cũng có thờ Quan Công đấy chứ?

Quang Ngọc cười:

- Chùa nào lại chẳng thờ đức Thánh Quan.

- Thế thì hay lắm. Chúng ta cứ đến trước bàn thờ ông ấy mà thề.

- Phải đấy, phải đấy!

Ba người liền cùng nhau lại bàn thờ Quan Công. Lê Báo bảo hai bạn:

- Trông Quan Vân Trường lắm liệt oai phong lắm nhỉ! Có lẽ về lắm liệt oai phong ấy là nhờ ở bộ mặt đỏ, mà muốn có một bộ mặt đỏ tất phải uống nhiều rượu. Vậy trước khi phát thệ, sao ta không đem rượu lên dâng ngài rồi cùng nhau uống thực say đã?

Quang Ngọc cười:

- Vì say rượu hiền hữu suýt bị thiệt mạng ở tửu quán, thế mà vẫn không chừa?

Lê Báo lấy làm xấu hổ với Phạm Thái, nói chữa thẹn:

- Hiền huynh ngu đệ say à? Ngu đệ uốn gập năm, gập mười thế cũng chẳng thấm vào đâu.

Chẳng qua giữa lúc bất ngờ bị chúng nó đẩy cái bàn vào người, nên ngu đệ ngã đó mà thôi.

Phạm Thái vốn thích rượu mà uống bao nhiêu cũng không say, liền đỡ lời bạn:

- Lê hiền hữu nói rất đúng. Lễ phát thệ long trọng này không có rượu sao được?

-

## Trên lầu Tiêu Lĩnh

Dứt lời, Quang Ngọc đi thẳng lên lầu Tiêu Lĩnh. Ở lại trước bàn thờ Quan Công, Phạm Thái sẽ bảo Lê Báo:

- Nghe nói tửu lượng hiền hữu khá lắm.

- Vâng, cũng khá. Hôm nay xin uống thi.
- Thi cái gì chứ thi uống rượu thì không bao giờ ngu để dám nhận lời.
- Sao vậy?
- Vì kẻ tu hành phải giới tửu.
- Thế thì buồn lắm nhỉ?

Quang Ngọc bê xuống một bình rượu lớn và hỏi hai người:

- Ngân này đã đủ chưa?

Lê Báo đáp:

- Cũng tiêm tiêm. Nhưng rượu có ngon không đấy? Chứ rượu của thằng cha chủ quán, ngu để uống hôm qua không thể nuốt được.

Phạm Thái cười:

- Ấy là không thể nuốt được thì không biết hiền hữu say tới đâu?

Quang Ngọc cũng cười:

- Hai chủ không ngại. Rượu đây tôi thừa mãi tận ở Thủ Khôi chính hiệu hoàng cúc. Nhưng ta làm lễ đã rồi hãy hay.

Quang Ngọc nói:

- Bây giờ mỗi người thề một câu. Tôi hơn tuổi hai hiền đệ tôn làm anh xin thề trước.

Chàng liền quỳ trước bàn thờ Quan Công và đồng dục khẩn rằng:

- Ngày xưa Quan thánh để có kết nghĩa với Lưu Huyền Đức, Trương Dực Đức tại vườn đào, thề cùng chết để cùng nhau phò nhà Hán, cứu giúp muôn dân. Ngày nay ở nước Việt Nam chúng tôi trăm họ loạn lạc, bị làm than chẳng kém đời hậu hán, hai anh em lũ giặc Tây Sơn đem quân đi ăn cướp phá đánh đuổi vua chúng tôi phải chạy trốn sang bên quý quốc, giết cha chúng tôi, giết họ hàng chúng tôi, vậy trước bàn thờ ba chúng tôi là Trần Quang Ngọc, hai mươi năm tuổi, Phạm Thái hai mươi tuổi, Lê Báo mười chín tuổi, xin theo gương ngài cùng họ Lưu, họ Trương, kết nghĩa anh em, trước là để phò nhà Lê, sau nữa là để rửa thù cho cha chúng tôi. Tôi thề rằng tôi coi Phạm Thái, Lê Báo như hai anh em ruột, cũng hai người sống chết có nhau. Nếu tôi ở không đúng lời thề xin chết như thế này.

Đứt lời chàng bẻ hương ra làm hai đoạn mà vút xuống đất. Phạm Thái thề cũng như Quang Ngọc. Đến lượt Lê Báo. Chàng rót thêm vào chén rượu thờ, rồi tự rót cho mình một chén đầy giốc một hơi cạn. Đoạn chàng bảo hai người:

- Hai hiền huynh thề như thế không được, nghe ngu đệ đây nè.

Tức thì chàng vào quỳ trước bàn thờ và lớn tiếng khẩn:

- Tôi đây Lê Báo tuy mới mười chín tuổi đầu nhưng trong ba năm nay tôi đã đi chu du khắp nước, vì vậy tôi biết dân tình rất khổ sở. Tôi nhớ sách Mạnh Tử có câu: dân vì quý, xã tắc thứ chi, quân vì khinh. Thế mà họ coi nước như tư sản của họ, không tưởng gì đến dân, đến xã tắc nữa. Vì vậy ba chúng tôi là Trần Quang Ngọc, Phạm Thái, Lê Báo cùng nhau kết anh em để ra tay tồn phò một vị nhân quân biết coi dân làm trọng. Tôi thề rằng (vừa nói vừa rót rượu vào chén) tôi xin giữ trọn đạo làm em út dốc lòng tuân theo mệnh lệnh của đảng trưởng là ông anh cả Trần Quang Ngọc của tôi, nếu tôi trái lời thề ấy thì nguồn ngày xanh của tôi cũng cạn như chén rượu này.

Cùng với câu thề, chén rượu cùng hết. Quang Ngọc và Phạm Thái đưa mắt nhìn nhau mỉm cười.

Rồi Quang Ngọc rót ba chén rượu đầy mà nói rằng:

- Xin uống cạn chén rượu để chúc cho tình huynh đệ chúng ta ngày thêm bền chặt với non sông Nam Việt.

Uống xong Phạm Thái khen:

- Rượu của hiền huynh ngon lắm.

Lê Báo nghĩ thầm: "Đã giới tửu mà còn biết rượu ngon?"

Quang Ngọc mời hai bạn lên lầu Tiêu Lĩnh dự tiệc. Lê Báo sợ bỏ quên mất bình rượu, vội vàng bê theo.

Trên lầu tiêu lĩnh

Vừa ngồi yên chỗ, Phạm Thái hỏi Quang Ngọc:

- Có việc gì quan trọng thế? Hiền huynh?
- Việc nào đi việc ấy. Bây giờ hãy chén đã.

Lê Báo cười hỏi rớn Phạm Thái:

- Sư ông giới tửu chứ?

Phạm Thái làm thinh, miệng lâm râm cầu nguyện, khiến Quang Ngọc cái kính gắt:

- Thôi, xin thầy tu hãy tạm cất cái lòng mộ đạo của thầy đi cho chúng tôi nhờ.

Phạm Thái ung dung đáp:

- Ngu đệ đọc bài kinh sám hối để cầu nguyện Phật tổ xá cho anh em mình cái tội sắp ăn thịt lợn.

Lê Báo cười:

- Chúng mình có sát sinh đâu mà sợ, còn như ăn thì ai không ăn. Không ăn, sống sao được!

Quang Ngọc khen:

- Chú ba nói phải lắm. Và Phật tổ khi xưa cũng ăn thịt kia mà. Trong thánh kinh có chép rằng vì ăn thịt lợn rừng của một chú tiểu phu kính dâng mà Phật tổ hóa ở giữa đường.

Lê Báo reo mừng:

- Ô! thế thì hay lắm nhỉ! Hôm nay không có thịt lợn rừng, anh em chúng ta ăn thịt lợn nhà vậy. Cũng là một cách kỷ niệm ngày Phật tổ hoá chứ sao.

Quang Ngọc cất tiếng cười vang. Còn Phạm Thái thì chàng có vẻ mặt buồn rầu, nghĩ ngợi, tâm trí như để cả đầu đầu. Song tuy chàng làm ra không tưởng tới ăn uống, mà chàng ăn rất khỏe, uống rất nhiều có phần gấp rưỡi hai người kia. Khi ai nấy rượu ngà ngà say. Lê Báo thấy chàng vẫn ngồi ngây như người mất linh hồn liền bảo Quang Ngọc:

- Phạm hiền huynh sao hôm nay nhạt nhẽo thế? Hay vì co em đây, nên không được vui?

Quang Ngọc đáp:

- Phạm hiền đệ vẫn thế đấy, càng say càng lỳ. Chẳng thế đã không nổi danh là Chiêu Lý?

Lê Báo cười hỏi:

- Chiêu là Phở chiêu hay là cậu chiêu đấy?

Phạm Thái gật gù đáp:

- Cả hai.

Rồi chàng khoan thai ứng khẩu đọc:

*Có ai muốn biết tuổi tên gì?*

*Vừa chẵn hai mươi, gọi chú Lý*

*Năm, bảy bài thơ ngâm lếu láo,*

*Một vài câu kệ tụng a ê.*

*Tranh vờn sơn thủy màu nhem nhuộm.*

*bầu giốc kiền khôn giọng bét be.*

*Miền được ngày nào ngang dọc đã.*

*Sống thì nuôi lấy chết chôn đi.*

Lê Báo khen lầy khen để. Quang Ngọc thì chau mày tỏ vẻ không bằng lòng mà cự rằng:

- Hay thì có hay, nhưng ý chưa được rồi rào lại kém khí phách anh hùng.

- Vậy xin đại huynh phủ chính cho. Hay hơn nữa xin hiền huynh, hiền đệ mỗi người họa lại một bài cho bữa tiệc này thêm vui.

Lê Báo nhanh nhẩu đáp:

- Ô! Phải đấy!

Quang Ngọc mỉm cười:

- Vậy xin nhường chú ba họa lại. Còn Ngọc này thì đành thú thực rằng văn thơ rất kém, dịch sao nổi tài Chiêu Lý.

- Hiền huynh nhún nhường quá!

Nhưng Lê Báo đã cầm thìa gõ vào miệng bát, đọc luôn:

*Anh Phạm làm như chẳng biết gì,*

*Hỏi anh, anh cứ giả ù lì.*

*Trông thì có vẻ nhà nhân đạo,*

*kỳ thực ra tuồng loại xú ê.  
Thơ thánh ngâm nga không thiếu vận,  
Rượu thần nốc cạn kể hàng be,  
Đương trai sao đã lo khi chết  
Còn tám mươi năm hãy sống đi.*

Quang Ngọc cười ngất, nhưng Phạm Thái lặng lẽ rót đầy chén rượu mà nói rằng:

- Ba chữ "loại xú ê" thì phải phạt đủ tam bôi.

Lê Báo chữa then:

- Phạt gì chớ phạt rượu thì ngu đệ không lo lắm. Nhưng vận "ê" của hiền huynh cũng xét lại cho ngu đệ được nhờ.

Tuy nói vậy mà chàng cũng uống luôn ba hơi vận ba chén rượu phạt.

Quang Ngọc bảo Phạm Thái:

- Thơ Lê hiền đệ tuy không được hay, nhưng mà có hậu. Hai câu kết thực đã làm cho bài thơ của Phạm hiền đệ bớt sai: "Còn tám mươi năm hãy sống đi" là phải lắm, chứ sao lại nói gỡ" chết chôn đi" được?

Phạm Thái mỉm cười:

- Vậy xin phép hiền huynh trường cho chú ba sáu chén rượu nữa.

Lê Báo chau mày xoa tay:

- Thường với phạt sao lại giống nhau thế được. Hoạ chẳng có phạt Trần đại huynh ba chén về tội không hoạ thơ thì còn có lý.

Phạm Thái hỏi Quang Ngọc:

- Vậy Trần đại huynh nghĩ sao? Chẳng lẽ lại trốn rượu phạt. Hay là thế này này, câu chuyện tức cười mà hiền huynh chưa bao giờ chịu kể cho ngu đệ nghe, nay nhân tiện có Lê hiền đệ đây, đại huynh đem thuật ra mà thế vào bài thơ là ổn.

Lê Báo vui mừng hỏi:

- Truyện gì mà bí mật thế, Phạm đại huynh?

- Truyện tu hành của một vị sư ông.

Quang Ngọc cười đáp:

- Xin hiền đệ đừng tưởng Quang Ngọc này không làm nổi thơ. Chẳng qua chí ngu huynh còn để cả chỗ khác, có tinh tâm mới làm được thơ hay, chứ làm bậy làm bạ chỉ tổ bị phạt rượu!

Lê Báo thấy Quang Ngọc riếu mình thì tức giận nói bướng:

- Chẳng qua hiền huynh nói khoác. Có giỏi cứ hoạ thơ đi đã nào?

Phạm Thái mỉm cười:

- Lại xin phạt Lê hiền đệ một chén rượu về tội xúc phạm huynh trưởng.

- Có phải nhị vị đại huynh về bè nhau để công kích ta chẳng?

Phạm Thái vẫn tươi cười:

- Lê hiền đệ có lẽ say rượu.

Thấy Lê Báo có tính lỗ mãng, Quang Ngọc liền giải hoà:

- Thôi xin hai hiền đệ, lỗi tại ngu huynh cả. Vậy cố nhiên là ngu huynh phải kể câu chuyện đã hứa.

Lê Báo hết giận, vỗ tay reo:

- Ừ, có thể chứ! Nếu không, ta bắt đầu võ liền, mà đấu võ thì ta chấp hai anh một bên.

Quang Ngọc biết Lê Báo say lắm rồi, liền vui vẻ cười vang nói đùa:

- Lê hiền đệ nên để dành lực lượng với võ nghệ, có lẽ tối hôm nay phải dùng đến. Bây giờ hãy xin lắng tai nghe câu truyện khôi hài của ngu huynh.

Lê Báo cười:

- Truyện khôi hài chắc là nhạt thếch.

Phạm Thái đỡ lời:

- Thì cứ để Trần đại huynh kể đã nào.



Quang Ngọc giốc cạn chén rượu đầy, rồi nói rằng:

- Ba năm trước đây, một khách chinh phu niên thiếu lang thang trên con đường gió bụi. Chàng ta đi xa cửa xa nhà tìm chốn trú thân.

"Cha chàng vừa qua đời, mà lúc qua đời, chàng không gặp mặt, qua đời một cách thảm khốc đầu bị rời mình nơi pháp trường....

Lê Báo ngắt lời:

- Thì cứ nói ngay là bị chém có giản dị hơn không!

Nhưng thấy Quang Ngọc ngồi yên, cặp mắt đỏ ngầu dữ tợn, dăm dăm nhìn nơi chân trời xa tắp, thì chàng lấy làm sợ hãi im ngay. Bỗng Quang Ngọc cười sảng sặc một hồi, rồi kể tiếp:

- Một buổi chiều, tâm hồn ngây ngất, chàng thiếu niên bỏ lỏng dây cương để mặc ngựa theo con đường hẻm, cỏ rậm, muốn mang đi đâu tùy ý. Chàng đưa cặp mắt mỗi một nhìn sắc trời tà đỏ mà đoái tưởng lại thời oanh liệt theo cha tung hoành trong hai trấn Đông, Bắc.

"Cái võ kiếm lách cách đập vào yên ngựa lại nhắc tới những bài ca chàng thường hát để tự phấn khởi tâm hồn trong khi thất vọng. Chàng liền kim cương. Rút thanh kiếm báu giơ lên múa. Toan cất lời ca thì xa xa có tiếng chuông rời rạc, buồn tẻ, như gieo vào lòng chàng sự hư vô chán nản. Chàng thông thả tra kiếm vào vỏ rồi theo tìm nơi có tiếng chuông.

"Trời nhá nhem tối, thiếu niên tới chân một quả đồi. Ở lưng chừng có một ngôi chùa. Tiếng chuông đổ hồi từ trên cao gieo xuống, gieo vào lòng khách chinh phu, làm cho tắt hẳn ngọn lửa đương bùng bùng cháy.

"Thiếu niên xuống yên, buộc ngựa ở cửa tam quan. Chờ lâu vẫn không thấy có người ra, mà gọi cửa cũng không ai thưa. Mãi sau, khi chàng quay đi mới có một nhà sư ở gian phòng trai bước tới. Người ấy nói mình chỉ là sư bác, còn sư cụ thì chơi vắng phương xa. Chàng liền nhờ sư bác cho ở trú một đêm, sáng hôm sau lại xin đi sớm, nhưng sư bác nhất định không thuận, nói không có phép sư cụ thì không thể tự tiện để khách thập phương ngủ trọ trong chùa được. Ngôn ngữ, cử chỉ, nhất là sức vóc của nhà sư khiến chàng trẻ tuổi phải nghĩ thầm: "Quái! Sao đi tu mà hỡn xược dữ tợn đến thế?"

"Chàng muốn nói khó, chàng tuổi trẻ lẳng lặng xuống đồi, ra cửa tam quan. Nhưng, ôi thôi! Con ngựa buộc đó đã biến đâu mất, mà lạ nữa, nghe xa xa có tiếng ngựa phi nước đại về phía làng Nổi duệ. Chàng biết kẻ trộm vừa trốn thoát. Bực tức uất người, nhất là từ trên chùa lại ném xuống những tiếng cười mai mỉa. Chàng lộn tiết chạy một mạch lên đồi, lại gần sư bác sừng xộ hỏi:

- "Sao người biết ta mất ngựa lại cười?"

- "Ta cười thì có can dự gì đến ai?"

"Chàng tuổi trẻ mắ mồi trợn mắt, giọng đe dọa:

- "Có can dự đến ta. Nếu người không bảo cho ta biết đứa nào bắt trộm ngựa của ta thì ta thề xin đưa linh hồn người lên Nát bàn ngay lập tức.

"Nhà sư cười ha hả đáp lại:

- "Mi làm như Nát bàn của nhà mi gần lắm! Dẫu sao, xuống địa ngục vẫn dễ dàng hơn, vậy nếu mi muốn xuống thì cứ việc ồm ờ đứng lại.

"Chẳng nói chẳng rằng, chàng tuổi trẻ tuốt ngau kiếm ra. Nhà sư ý chừng đã phòng bị trước, cũng giơ ngay câu búa dẫu sẵn trong vạy áo ra. Hai người đánh nhau được một hồi, thì nhà sư biết sức không chống nổi quay đầu chạy. Chẳng may chân vướng cỏ khô, vấp ngã bổ chửng. Chàng trẻ tuổi liền nhanh nhẹn dẫm chân lên ngực rồi dí mũi kiếm vào ngực hắn mà dọa rằng:

- "Ai lấy trộm ngựa ta?"

"Bất giác nhà sư kêu rống lên. Tức thì ba chú tiểu lực lưỡng ở nhà trai chạy ra. Chàng tuổi trẻ cả tiếng hét lớn:

- "Nếu chúng mày lại gần hay kêu cần cứu thì trước hết tao hãy thí cho thầy chúng mày một mũi kiếm đã, rồi tao giết chết hết chúng mày như tao giết một đàn ghé.

"Bọn tiểu thất kinh quỳ cả xuống lạy van xin"công tử" xá cho sư bác. Còn lão sư thì luôn mồm kêu: "Nam vô a di đà phật! Lạy ngài tha tội cho bản tăng, bản tăng thứ hết, Nam vô a di đà phật!"

"Chàng tuổi trẻ lộn ruột vì mấy tiếng Nam vô a di đà phật của lão ác tăng, đã toan đưa lưới kiếm vào cổ hắn, nhưng nghĩ đến con ngựa bị mất trộm chàng lại thôi..."

Lê Báo vui vẻ giốc cạn chén rượu rồi vỗ tay reo:

- Ô! Ngộ lắm nhỉ! Ngu đệ tưởng như trông thấy ở trước mắt một tráng sĩ dẫm chân lên ngực một nhà sư, gần đấy, ba chú tiểu quý gối chấp tay van lơn. Thực là một bức tranh linh hoạt của một họa sĩ đời Chiến quốc.

Phạm Thái thì lâm râm cầu nguyện, có vẻ cảm động xót thương. Mãi sau, chàng mới ôn tồn bảo Quang Ngọc:

- Nếu trang thiếu niên kia không là hiền huynh thì ngu đệ xin bảo chàng ta là một người lỗ mãng, dám quý con ngựa hơn mạng một nhà sư, dù là một nhà sư ăn trộm.

Quang Ngọc cười đáp:

- Nhưng hắn ta có lấy trộm ngựa của chàng tuổi trẻ đâu?

- Vậy ai lấy?

- Không ai lấy cả. Nhà sư sợ hãi thú thật với chàng tuổi trẻ rằng giữa lúc chàng lên chùa thì sư cụ đi ra cửa sau vòng ra tam quan thấy có con ngựa tốt liền mượn tạm vì có chút việc cần. Nhà sư lại mời chàng tuổi trẻ hãy vào nghỉ trong phòng quan cư để chờ một lát nữa sư cụ về.

"Chàng tuổi trẻ đoán rằng nhà sư muốn cạm bẫy mình để trả thù cho bỏ ghét, nhưng đáng trượng phu ngang tàng há sợ chi? Và chàng cũng muốn dò xét ngôi chùa còn giấu diếm những sự bí mật ghê gớm gì nữa chẳng, vì cứ ngấm cái cử chỉ bất chính của vị sư cụ mượn ngựa bằng một cách khác thường để đi chơi đêm, chàng cũng đoán biết rằng chùa này không phải là một nơi tu hành của các bậc đồ đệ tôn sùng đức Thích Ca.

"Chàng bèn theo sư bác vào phòng trai. Tức thì các chú tiểu xúm xít hầu hạ, kẻ lấy thau, người pha nước. Nhưng chàng không dám uống nước, sợ trong đó có thuốc mê. Và lúc nào chàng cũng nhắm nhắm cầm thanh kiếm tuốt trên ở tay để phòng ngừa sự phản trắc.

"Chờ mãi tới cuối giờ Tuất cũng không thấy gì, chàng liền đóng cửa phòng tắt đèn đi ngủ. Kỳ thực chàng vẫn thức, nằm nghe ngóng..."

"Bỗng vào khoảng nửa đêm, nghe có tiếng ngựa hí. Chàng rón rén đứng dậy, ghé mắt nhòm ra cửa, thấy dưới ánh trăng suông lờ mờ hiện ra hai cái bóng đen từ chân đồi đi lên: một bóng nhà sư lưng lưỡng và một bóng người thiếu nữ rất yếu điệu, thướt tha..."

Lê Báo vỗ tay cười:

- Sư cụ hổ mang, tới rước gái về chùa rồi!

Phạm Thái buồn rầu chấp tay nói:

- Nam Vô a di đà phật, nhưng rồi sao nữa, thưa hiền huynh?

Quang Ngọc kể tiếp:

- "Chàng tuổi trẻ toan cầm kiếm xông ra thì lại nghe có tiếng - tiếng sư cụ - hỏi một người thứ ba vừa đi tới:

- "Hắn ta ra sao?"

"Tiếng trả lời của sư bác:

- "Bạch cụ, hắn ta nằm trong buồng quan cư. Xin cụ nên đề phòng, hắn ta giỏi võ lắm kia đấy!"

"Hai người còn nói nhiều, chàng tuổi trẻ không nghe rõ, vì họ nói nhỏ, nhưng ý chừng sư bác thuật lại cuộc đánh nhau vừa xảy ra, vì thấy người thiếu nữ khúc khích cười có dáng chế nhạo.

Bỗng sư cụ lớn tiếng:

- "Được! Để nó đấy, ta đây sẵn lòng đưa nó về cực lạc thế giới.

"Bấy giờ ba người đi ngay sát cửa phòng chàng thiếu niên. Sư bác thì thăm bảo sư cụ:

- "Hắn ta ở trong này, nhưng chắc đương ngủ say.

"Thiếu nữ không biết thích chí điều gì, vỗ tay cười vang, cười ngã cả vào cánh cửa phòng đến rầm một tiếng. Sư bác vội vàng xua tay bảo:

- "Se sẽ chứ! Hắn ta thức dậy thì nguy bây giờ.

"Thiếu nữ vẫn cười:

- "Sư cụ sợ gì thằng nhãi ranh ấy, phải không bạch sư cụ?"

"Sư cụ được gái khen, phỗng mũi:

- "Phải, ái khanh nói phải. Ngũ ấy vị tất đã chịu nổi nửa chùy này.

"Vừa nói vừa giơ ra một cái chùy đồng nặng. Sư cụ lại nói:

- Nhưng ái khanh ạ, bây giờ ta hãy cùng nhau hưởng cuộc ái ân đã..."

"Thiếu nữ nũng nịu:

- "Không. Bao giờ sư cụ giết được tên hồn xược ấy, em mới chịu nghe lời.

"Tức thì cánh cửa phòng mở toang, chàng trẻ xông ra, tay múa kiếm, miệng thét:

- "Có ta đây!

"Sư cụ cũng khoa chùy lên đối địch. Trong khi ấy thì, lạ lùng xiết bao, thiếu nữ nhân lúc bất ngờ rút ngay dao dấu trong bọc ra thí cho sư bác một nhát trúng ngay cửa họng, nằm vật xuống đất chết tươi. Rồi nàng quay lại giúp sức chàng tuổi trẻ. Thấy nàng trong tay chỉ có một cây đoản đao, không đỡ nổi cái chùy nặng của sư cụ, chàng tuổi trẻ vội kêu:

- "Cô lùi ra, cứ một mình tôi cũng đủ giết nổi thằng sư hổ mang này rồi.

"Nhân lúc chàng để ý đến thiếu nữ, giữ mình không được kín, nhà sư nhằm trúng thanh kiếm chàng cầm, giáng xuống một chùy hết sức mạnh, khiến kiếm văng ra. Tính mệnh chàng sắp bị nguy thì thiếu nữ đã múa tít lưỡi đoản đao xông vào cứu viện. Cử chỉ hào hiệp ấy giúp chàng tuổi trẻ đủ thời giờ nhặt thanh kiếm sắc lại đánh nhà sư. Chàng tức vì đã bị nhà sư làm mất thể diện ở trước mặt má hồng, nên chàng rán hết sức bình sinh, giở hết võ nghệ ra đối địch. Bởi thế, chẳng bao lâu thiếu nữ nghe thấy chàng thét lên một tiếng rất lớn, rồi nhảy bổ vào đâm nhà sư một nhát xiên từ ngực sang lưng".

Lê Báo cười the thé:

- Thế là cả sư cụ, lẫn sư bác cùng được lên Nát bàn châu Phật.

Quang Ngọc cũng cười:

- Họa chẳng xuống địa ngục châu vua Diêm vương.

Phạm Thái mơ màng đăm đăm nhìn, hỏi:

- Còn người thiếu nữ?

Quang Ngọc thần nhiên đáp:

- Tức Nhị Nương.

Phạm Thái kinh ngạc:

- Nhị Nương?

- Phải, Nhị Nương. Mà người thiếu nữ là Nhị Nương thì có chi lạ.

Lê Báo ngờ ngác hỏi:

- Nhị Nương là ai?

- Rồi hiền đệ ắt biết.

- Vậy bây giờ ta hãy uống mỗi người hai chén rượu để chúc thọ Nhị Nương đã!

- Lê hiền đệ nói rất phải.

Ba người cùng vui vẻ nâng chén. Lê Báo lại hỏi:

- Thế rồi sao nữa.

Quang Ngọc mỉm cười:

- Rồi chàng trẻ tuổi trở nên sư ông...

Phạm Thái nói tiếp:

- Đạo hiệu là Phổ Tĩnh thiên sư, phải không bạch sư ông?

Trần Quang Ngọc vẫn mỉm cười:

- Ý thế, giết xong hai tên ác tăng, Nhị Nương cùng ngu hữu xục xạo đi tìm bọn tiểu, thì chúng, - tất cả năm tên - đều ra quỳ xuống van lạy xin tha. Ngu hữu liền sai chúng khiêng hai cái thầy đem chôn ở phía bên kia đồi. đoạn ai nấy lại đi ngủ, tuy lúc đó gà đã bắt đầu gáy sáng.

"Từ hôm sau, Ngọc đã nghiễm nhiên dùng đạo hiệu của nhà sư đã tịch một cách phi thường, nghĩa là hiệu Phổ Tĩnh thiên sư. Ở vùng này, nhiều người không ngờ rằng có xảy ra sự biến gì hết. Một ít người biết chuyện thì lại làm ngơ, vì họ rất ghét, rất sợ lão ác tăng kia, nên biết hẳn bị

giết, họ rất đổi vui mừng. Bởi vậy, ngu huynh đây, nhờ trời, nhờ phật tổ được yên lành mà tu đạo nhiệm màu..."

Phạm Thái từ nãy vẫn theo đuổi ý nghĩ về Nhị Nương, tò mò hỏi:

- Thế còn Nhị Nương? Nàng không nói chuyện vì sao nàng lại để tên ác tăng bắt về chùa? Hình như nàng cũng thông võ lược kia mà?

- Phải, nàng rất tinh thông võ nghệ. Cứ kể tay đôi đánh nhau, nhà sư hổ mang kia cũng chưa dễ làm gì nổi, nhưng vì nhiều lẽ, nàng muốn dùng mưu giết tên ác tăng một cách kín đáo, không để thiết lộ cho ai biết.

"Nguyên nàng là con gái quan binh bộ thượng thư Nguyễn Đình Giản. Khi Nguyễn Huệ lên chiếm ngôi nhà Lê, quan thượng thư vì theo không kịp đức Chiêu Thống, đành phải quay về ẩn núp ở vùng huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây, Bắc bình vương dụ mãi ngài ra làm quan không được, liền sai người đến Thanh Hoá bắt Nhị Nương - khi ấy mới mười lăm tuổi - cho vào hậu cung, tưởng làm thế thì thường con, thế nào ngài cũng phải ra hàng. Chẳng dè được tin, ngài rùng rúng như không, cười gằn mà nói rằng:

- "Con ta không biết chết đi để làm nhục môn hộ nhà ta, chẳng vì tình phụ tử nhỏ mọn mà bỏ đại nghĩa đâu".

"Nguyễn Huệ biết không dụ nổi, mới dùng mẹo bắt sống đem về. Nguyễn thượng thư không chịu khuất phục mà chết, Nhị Nương, bên thây cha không kêu khóc nửa lời, chỉ thì thầm khấn thề với linh hồn cha rằng: "Thù này xin trả".

"Nhân xin được phép đi đưa đám cha, nàng thừa lúc bối rối trốn thoát, rồi đi chu du khắp đó đây, tìm đến những chỗ quen thuộc để cầu học nghề võ. Ba, bốn, năm trời, nàng lẩn lút trong vùng quê các trấn Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn Nam, Kinh Bắc, cho đến hôm gặp nhà sư hổ mang, mê cái sắc đẹp của nàng, thả lời chọc gheo. Nàng đã sắp ra tay cự địch, nhưng khốn nỗi một sự ngẫu nhiên lạ lùng! Tên sư kia lại là người đồng hương với nàng: Sáu năm trước hẳn trụ trì ở chùa làng.

"Hắn dọa nếu không bằng lòng hắn, thì hắn tố cáo tung tích, nàng với quan phân phủ Từ Sơn. Bất đắc dĩ nàng phải giả ưng thuận, cùng định chờ đêm khuya ra tay trừ khử tên cường bạo hoang dân cho bỏ ghét..."

Ngừng một lát Quang Ngọc lại nói tiếp:

- Chính nàng cùng ngu huynh đã lập nên đảng Tiêu Sơn. Nàng đã giúp đảng được nhiều việc lắm, ấy là không kể cái công cứu sống cho Ngọc đây.

Lê Báo cười sảng sặc:

- Thế mà hai người không yêu nhau thì cũng lạ!

Quang Ngọc buồn rầu đáp:

- Nói kính trọng nhau thì đúng hơn. Đương lúc theo đuổi công cuộc lớn lao, còn bụng đau nghĩ tới ái tình. Vả lại xin nhị đệ hiểu cho rằng, mình tuy không thực bụng tu hành, song đã nhờ cái áo cà sa để trốn tránh thì cũng không nên làm nhem nhọ nó.

Phạm Thái mỉm cười ngờ vực, ngồi im. Quang Ngọc lại nói:

- Nàng cũng bảo ngu hữu rằng khi nào việc lớn xong xuôi đã, hai người mới cùng nhau đi chu du khắp nước Nam như Phạm Lãi, Tây Thi đời xưa chứ nay còn ở thời kỳ nằm gai nếm mật, nghĩ chi tới hạnh phúc êm đềm của tình ái!...Lời vàng ấy, ngu hữu đây đã khắc ở bên lòng, thế không bao giờ dám sai.

Lê Báo bỗng đùa một câu:

- Nghĩa là hai anh chị còn tạm là đôi bạn cầm kỳ để chờ ngày trở nên đôi bạn cầm sắc chứ gì.

Quang Ngọc quát mắt lườm, rồi giữ vẻ mặt trang nghiêm chàng nói:

- Thôi! Đã quá dài lời nói chuyện phiếm. Bây giờ rượu cạn nhắm đã hầu tàn, xin mời nhị hiền đệ đi nghỉ một giấc cho thực ngon, tối hôm nay ngu huynh cần đến lòng can đảm đến hai cánh tay cứng cáp của nhị đệ lắm đấy.

Lời nói rần rở như câu hô binh, khiến hai người vâng lời ngay.

## Quan quân

Chiều hôm ấy, trước trại lính phủ Từ Sơn, người lính, nón sơn, quần áo chèn, mỗi người cầm một cây tre dài bịt vải đứng xếp hàng chữ nhất. Khi đã tập một lúc về đủ các miếng đâm trên, đánh dưới, phật ngang thì người đội chọn từng cặp sức tương đương cho ra dấu với nhau.

Biết rằng có viên phân suất đứng trên mặt thành nhìn xuống, thầy đội, làm ra bộ ta đây giỏi võ, nắm tay người này, kéo chân kẻ khác hò hét, dạy bảo, mắng nhiếc luôn miệng:

- Chú đứng tẩn trống quá. Mũi roi chúc xuống thế này thì người ta khễ bầy một cái cũng băng cả roi đi, còn đánh chác gì....

Viên phân suất từ trên thành đi xuống, lại gần đội cơ ban lời khen ngợi. Được thế, đội ta càng lên mặt:

- Bẩm ông lớn, với năm mươi tên lính giỏi võ, tôi có thể chống nổi mấy trăm quân ô hợp, chẳng nói đâu xa, giá tối hôm qua năm người canh phòng trong tửu quán đều là lính tôi luyện tập thì có đâu đến nỗi bị giặc giết như ngoé thế? Đấy, ông lớn cứ tinh lính trấn giữ!

Phân suất hỏi:

- Ngày mai bản chức thân giải Thị Kim lên trấn ly, vậy anh tính nên cho bao nhiêu lính hộ tống cũ tội nhân?

- Bẩm chỉ cho mười tên đi là chắc chắn lắm rồi - mười tên với tôi nữa là mười một thì dẫu giặc mang trăm binh đến đánh giải vây cũng không lo.

Phân suất gật đầu, mỉm cười:

- Anh nên hết lòng làm việc quan. Thế nào ta cũng tự thăng thưởng cho...À! Hai mươi tên lính mới mộ này đã biết gì chưa?

- Bẩm ông lớn, khá lắm rồi, xin ông lớn đừng coi.

Liên hô cho bọn lính tập các miếng trông rất đều và ngoạn mục. Phân suất vẫy tay cho bọn lính vào trại nghỉ, rồi hỏi đội cơ:

- Anh có dạy tập đoàn côn, đoàn đao đấy chứ?

- Bẩm, có cả. Cả bắn cung nữa. Còn bắn súng hoả mai thì vì ở phủ này quan hiệp trấn phát cho có năm cây, nên tôi đã chọn mười người giỏi nhất, nhanh nhẹn nhất mà dạy tập thôi.

Phân suất mỉm cười:

- Ta cũng không tin gì ở hiệu quả súng hoả mai. Trong trận Tiên đế đánh nhau với Tôn Sĩ Nghị, bên địch có tới hàng nghìn cây súng còn bên ta chỉ dùng toàn đao dài, mã tấu, thế mà quân kia thua chạy không còn một mảnh giáp thì đủ biết đoàn binh vẫn lợi hại hơn trường binh nhiều.

- Bẩm ông lớn, nhưng giữ thành thì súng hoả mai được cái lợi bắn xa lại trúng hơn cung, nổ nhiều. Còn như bắn cây súng thần công đặt bốn góc thành, thì thực là vô ích, xoay xở đã chậm mà bắn lại không trúng. Chỉ được cái tiếng to để dương oai với bên địch.

- Kể ra khi có quân giặc kéo đến hàng nghìn vạn thì súng thần công cũng có lợi: Bắn bừa vào đám đông người, thế nào chẳng trúng. Nhưng phủ này thì trừ khi trấn Kinh Bắc có thất thủ, địch quân mới kéo binh đến vây. Mà nếu Kinh Bắc đã thất thủ, thì Từ Sơn cũng chẳng cố thủ với ai được. Thành thử súng thần công có đó cũng như không. Còn như súng hoả mai thì một trận Ngọc Hồi đủ chứng tỏ rằng đó là những binh khí vô dụng.

- Bẩm, nghe đâu ông lớn cũng có dự chiến trận ấy?

- Có. Ta theo Tiên đế ngay sau trận Cẩm Thủy. Bấy giờ, ta ở trong toán nghĩa quân của nhà Lê. Tiên đế vừa sang sông thì quân nhà Lê vỡ lở ngay. Ta cùng vài bạn đồng chí đến xin hàng Tiên đế mà bấy lâu nay ta vẫn mộ tiếng anh hùng, ao ước được gặp long nhan, nhất từ ngày ta đem lòng khinh bỉ Chiêu Thống đã rước quân ngoại quốc về giày xéo người đồng bang. Thế là ta theo Tiên đế đến đánh Phú Xuyên, đến vây Hà Hồi. Trận Hà Hồi cũng như trận Phú Xuyên không có chi là đáng kể. Tiên đế đến, giặc trông bóng cờ là đem hết quân lương, binh khí ra hàng rầm rập, chẳng phải đánh chác gì.

- Bẩm, còn trận Ngọc Hồi? Nghe nói trận ấy đánh hăng hái lắm.

- Phải, hăng hái lắm là vì quân Tàu có rất nhiều súng hoả mai.

Đôi cơ mỉm cười:

- Đó, ông lớn coi, súng hoả mai vẫn lợi hại.

Phân suất cau mày:

- Ta đã bảo không ăn thua gì mà lại. Sáng tờ mờ ngày mồng năm, quân ta tiến lên tới làng Ngọc Hồi, quân tàu bắn súng ra như mưa. Đến đây, anh mới nhận thấy mưa lược Tiên đế. Ngài sai lấy những mảnh ván, ghép ba bốn mảnh vào làm một, quán một lần rơm ướt ở phía ngoài rồi truyền một toán quân kiêu dũng, cú hai mươi người khiên một bức, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại hai mươi người cầm khí giới theo sau. Ta cũng tình nguyện nhập bọn này nên mới biết rất tường tận. Đạn bên địch bắn ra vẫn vun vút rào rào, nhưng chỉ trúng bồm bộp vào ván quán rơm chứ không thiệt một mạng người. Anh coi đó, súng có ích lợi gì đâu. Khi đến gần cửa đồn toán quân ta liền bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xong lại chém giết, quân đi sau kéo ùa vào trợ lực, còn vua ta thì cưỡi voi theo sau đốc chiến. Quân Tàu địch không nổi, vứt cả súng mà chạy tán loạn. Quân ta thừa thế đánh tràn đi, lấy được đồn, giết quân Thanh, thầy rải khắp đồng. Sau điểm binh khí bắt được thì số súng hoả mai có trên năm trăm cây.

Lúc đó, một tên lính lệ hầu trà chạy ra nói với phân suất:

- Bẩm, phủ đường cho ra mời đại nhân vào phòng khách xơi nước.

Phân suất lật đật theo tên lính đi vào nhà trong. Sau khi vui vẻ chào mời, hỏi thăm qua loa về cách việc binh lương, phân phủ truyền cho hết cả người nhà ra ngoài rồi thì thăm bảo phân suất:

- Về việc bắt được Lê hoàng phi họ Nguyễn, ngài có ý kiến gì không?

Phân suất ngẫm nghĩ, trả lời:

- Thừa ngài, không. Vả ta chỉ việc giải tù nhân lên trấn lỵ là xong.

Phân phủ mỉm cười:

- Thế thì ngài thiên cận quá. Ngài nên biết tù nhân nào phải người tầm thường. Nàng Nguyễn thị Kim này xưa kia được Chiêu Thống sủng ái vì có tầm nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành. Buổi sinh thời đức Tiên đế ta nóng đánh trấn Tuyên Quang làm loạn biết đâu không phải vì ở đó có bực mỹ nữ ấy ẩn núp. Nhưng khi ngài bắt được Duy Chí thì Lê hoàng phi lại trốn được. Nay viên ngọc quý ấy lọt vào tay, mà ta không biết lợi dụng thì thực cũng uổng.

- Vậy ý ngài tính ra sao?

- Tôi thiết tưởng chúng ta đã trải qua bao khó nhọc mới tới được chức này, tôi thì nhờ có Bình phái hầu Ngô Thị Lang tiến cử, còn ngài thì nhờ sự xông pha mũi tên hòn đạn tại trận tiền. Thế mà dịp này còn bằng mấy lời tiến cử cùng là những sự hiếm nghèo ở nơi chiến địa, có thể nhảy ngay đến chức trấn thủ, hiệp trấn cũng chưa biết chừng. Nhưng...

- Nhưng sao nữa, thưa ngài?

- Nhưng nếu chúng mình chỉ sơ ý một tí là làm cỗ sẵn cho kẻ khác ăn mà thôi. Thí dụ bây giờ chúng mình nộp tù nhân lên trấn lỵ để quan trấn thủ áp giải về kinh, thì thế nào họ chẳng nhận hão rằng chính họ đã bắt Lê hoàng phi mà bao nhiêu công trạng họ nghiễm nhiên toạ hưởng kỳ thành. Chi bằng một mặt ta hãy bí mật giam Lê hoàng phi vào một nơi, một mặt sai một tên cận tính tức tốc mang tờ sớ về kinh tâu rằng hai chúng ta đã lao tâm khổ tứ bày mưu lập mẹo trong nửa năm trời mới bắt nổi Lê hoàng phi Nguyễn thị Kim. Việc này là việc rất quan trọng nên có sớ về triều để hỏi xem phải Thị Kim tới trấn Lỵ hay về kinh đô, như thế thì huân nghiệp của mình không ai làm mai một nổi.

Phân suất cả mừng:

- Ngài thực có mưu trí hơn người.

- Lại còn điều này nữa: Ta đệ mật thư lên thái sư, ca tụng cái nhan sắc tuyệt thế của Lê hoàng phi. Thái sư vốn...

Phân suất cười:

- Tôi hiểu rồi. Vậy ngài nên thảo ngay sớ viết kíp thư đi mới được.

- Việc đó tôi xin cáo đáng, nhưng việc giải Lê hoàng phi ngài chưa tiết lộ cho ai hay đấy?

- Tôi mới ngộ với tên đội Nhất, nhưng hẳn là tay tùy tùng trung thành của tôi, tôi bảo được hẳn giữ bí mật.

- Thế thì được rồi. Vả lại không cứ người ngoài mà ngay trong phủ cũng ít người biết rằng ta bắt được hoàng phi, vì lúc giải nàng về đây, đêm đã khuya lắm. Mà tôi lại giam nàng ở một cái buồng nhỏ trong tư thất, chẳng ai biết hết...Kể nàng đẹp lắm đấy chứ, ngài nhỉ.

Hai người đương nói chuyện, bỗng một tên lính ở ngoài chạy vào có vẻ hấp tấp, kinh hãi. Viên phân suất đứng dậy hỏi:

- Có việc gì thế bầy?

Tên lính cất giọng run run nói:

- Bẩm...Yên Phụ đến báo có giặc.

Phân suất tỏ vẻ sợ, chau mày gắt:

- Sao nó không báo ở trấn lý? Đâu? gọi nó vào đây.

Một lát sau, tên lính đưa tới một người nhà quê hiền lành, thực thà, run như cầy sấy và nói lắp bắp không ra tiếng, lí nhí không ra hơi.

Phân suất thét lớn hỏi:

- Mà ở đâu? Ở đâu? Ở làng nào? sao hỏi lại không nói?

Tên kia chớp mắt luôn, đưa tay lên gãi mang tai, luống cuống đáp:

- Bẩm...Bẩm quan lớn, con người làng Yên Phụ ạ

- Tín bài đâu?

Người nhà quê quay ra phía ngoài, vắt vạt áo nâu lên vai, rồi thông thả cời hầu bao lần mãi mới lấy ra được một cái bìa nhỏ bằng bàn tay và cuộn tròn. Trong khi ấy phân suất thì thăm bảo phân phủ:

- Phải cẩn thận lắm mới được. Biết đâu nó không là một tên trong bọn cướp.

Phân phủ phì cười:

- Cướp! Thằng ốm kia mà là cướp được. Ngài đa nghi quá đấy.

Người nhà quê cúi đầu, hai tay dâng tín bài, phân suất đỡ lấy ngắm nghía, xem xét từng ly, từng tí, rồi khi áp ngón tay người kia thấy đúng vạch điểm chỉ, liền giao trả cái thẻ mà nói rằng.

- Mà trình gì?

- Bẩm...Bẩm hai quan lớn, có một bọn cướp đông lắm đến đóng ở bến đò Kim Lũ.

- Đông độ bao nhiêu?

- Bẩm con không đếm, nhưng đông lắm, mà hình như tên đầu đảng là một...nhà sư

Phân suất kinh hãi:

- Bẩm...Vâng...Một nhà sư khoẻ lắm.

Phân suất nói khẽ với phân phủ:

- Tôi nghe dân sự đồn đại rằng ở vùng bến đò Kim Lũ vốn có một tên cường đạo mặc giả sư đến quấy nhiễu.

- Để bọn nó hoành hành mãi vùng này, nhờ đến tai Thái sư thì chúng mình cũng khó lòng ngồi yên mà hưởng phú quý. Chi bằng ta đánh rớt cho chúng nó một trận để chúng nó lẩn đi địa hạt khác mà bóc lột. Hiện phủ ta có hơn hai trăm lính, tôi đã luyện tập trong luôn mấy tháng nay cũng chỉ vì một mục đích ấy. Vậy đêm nay xin lưu lại năm tên giữ súng hoả mai lòn bao nhiêu binh lính, tôi đem theo hết để trị cho bọn giặc kia một mẻ. Phen này mà tóm được tên sư bí mật giả mạo kia thì thực tiếng tăm chúng ta lừng lẫy.

Phân suất quay ra bảo người nhà quê:

- Mà dẫn đường cho quan quân, nghe!

Tên kia chùng hoàn hồn, trả lời trơn chu:

- Dạ, nhưng con sợ bọn giặc báo thù đốt nhà giết vợ con con mất. Bẩm chúng nó ghê gớm lắm cơ, ở vùng chúng con ai cũng phải kiêng nể...Vì sáng hôm nay chúng đốt nhà con, lai bắt mất trâu, mất lợn, gà của con mổ ăn thịt nên tình con oan ức con mới liều đến kêu quan lớn, xin quan

lớn thương tình...Chẳng nhẽ giữa đời thái bình mà chúng nó cứ hiếp tróc, lấn áp, bóc lột mãi lương dân, chẳng coi phép nước vào đâu như thế.

Phân phủ nghe người nhà quê nói lý, mà lại hơi xúc phạm tới oai quyền vua, quan thì cả tiếng mắng át:

- Không được hỗn! Tên kia hãy xuống tại ngòi chờ lệnh.

Rồi bàn nhau với phân suất đi kiểm điểm cơ đội để tức khắc cất quân.

## Bà hoàng phi họ Nguyễn

Lúc bấy giờ trùng vào cuối giờ Dậu. Những tiếng huyền não nhộn nhịp cất quân hồi nửa giờ trước đã im bặt. Mấy toà nhà trong phủ như ngủ say dưới lớp màn đen tối yên lặng. Vì đêm hôm ấy là một đêm thượng tuần tháng chạp, mưa phùn gió bắc, rét buốt đến xương.

Trong một gian phòng tư thất, phòng chứa lương thực và khí cụ và sửa sang thành nơi ngục thất tạm thời, bà Lê hoàng phi họ Nguyễn ngồi ủ rũ nghĩ ngợi ở bên một ngọn đèn dầu lạc lù mù.

Bà bình tĩnh nhớ lại những sự xảy ra từ hôm trước. Bà không khỏi lấy làm lạ: Trong vòng bảy tám năm, bà trốn tránh ở hạt Từ Sơn, trừ những bức cựu thần trung nghĩa nhà Lê, thường bí mật lui tới thăm bà, thì không một ai trong đám dân gian để ý dò la tung tích bà hết. Họ coi bà như những người sinh trưởng ở vùng này, hay ít ra cũng như một người đến ngụ cư không biết từ bao giờ. Bà lại khéo theo phong tục ngôn ngữ, y phục dân quê và đi lại chơi bời với những bà chánh tổng, lý trưởng để làm thân với họ.

Ở cùng nhà với bà chỉ có một viên quan già mà bà nhận là cha, và người con trai viên quan ấy mà bà nhận là em. Người ta cho rằng bà goá bụa về ở cùng với cha mẹ, thủ tiết thờ chồng, vì gia đình chồng bà trong thời loạn lạc bị giặc giết chết sạch và đốt phá mất cả cửa nhà.

"Thế mà hôm qua sao bỗng dưng...!"

Bà thở dài, ngược nhìn ngọn đèn sắp tắt đặt trên cái giá cao. Thong thả, bà đứng dậy cầm cái que khêu bấc, rồi đưa mắt ngắm người thị tì theo hầu nằm co ro gối đầu lên hai viên gạch, tiếng ngáy nghe se sẽ, đều đều.

Hoàng phi vừa buồn rầu vừa kinh hãi, vẫn vợ, rón rén lại gần lay thị tì dậy:

- Này em sao ngủ nhiều thế?

Thị tì choàng thức giấc, mở mắt nhìn ngơ ngác rồi nhớ lại cảnh bị tù, oà lên khóc, Hoàng phi dỗ:

- Lan ơi, khóc lóc như thế có ích chi? Chẳng qua số mệnh thầy trò ta đến lúc gặp nạn, nên nó xui ra như vậy.

Lan nức nở:

- Bẩm bà...Số mệnh gì!...Con biết....Con biết đưa nào...Tổ giặc rồi.

Hoàng phi vội gạt:

- Đừng ngờ oan cho ai hết, tội nghiệp con ạ.

- Còn ngờ gì nữa, bẩm bà..Chính..Thằng....

Bỗng một người lính mở cửa vào bảo:

- Quan truyền im ngay! Phải biết, người ta cho phép cùng ở một buồng với nhau như thế không phải để mà than vãn...Nếu không tuân lệnh, thì ta tống cổ con bé kia ra ngoài tức khắc.

Dứt lời, hần bước ra, đóng sập cửa phòng lại.

Hoàng phi buông một tiếng thở dài nhìn theo, Lan thì ngồi xuống ôm lấy chân chủ mà nức nở.

Hoàng phi ghé vào tai thì thầm:

- Em Lan, em nín đi kéo chúng nó kéo vào chia rẽ thầy trò mình ra bây giờ...Em có đói không?

Lan sụt sịt:

- Khốn nạn! Con còn...Bụng đói...Tuồng tới ăn?

- Nhưng em cũng cố gượng mà ăn một tí chẳng lẽ...Còn nắm cơm với ít muối vừng ta để phần em đấy.

- Thôi, mời bà soi...Con không đói.



- Từ tối hôm qua đến bây giờ chưa có một hạt cơm lót dạ lại còn không đói?

Tiếng người lính canh ở ngoài thét:

- Im ngay!

Dưới ánh đèn lờ mờ, hoàng phi và người thị tỳ nhìn nhau, ứa hai hàng lệ. Rồi muốn giữ không nói chuyện nữa để khỏi bị xa chủ, Lan ra chỗ cũ nằm ngủ, kéo chiếu đắp trùm kín đầu.

Hoàng phi ngồi lại một mình trên cái giường tồi tàn xiêu vẹo, không dám động đậy, sợ tiếng lát tre kêu lạch cạch, khiến tên lính canh nghe thấy lại mở cửa vào chằng.

Rồi yên lặng, bà để tư tưởng lặng lẽ theo giòng. Sự ngờ vực của thị tỳ Lan khiến bà không thể không nghĩ tới lòng phẫn trác của những người sống quanh mình bà. Bà tự nhủ thầm:

- Nguyễn ngự sử thì chắc không phải rồi. Bạc lão thần ấy, ta kính trọng như người cha già, khi nào lại nỡ hại ta. Hay con trai ngự sử? Ủ, biết đâu! Bấy lâu ta thấy tính nết hắn biến cải đi nhiều lắm. Mà con người hay nhìn trộm thì cũng khả nghi lắm đấy. Ngoài hai cha con hắn ra thì chẳng còn ai. Hay Đào Phùng ở Phù Lưu?...Có lẽ nó chẳng? Trời ơi, ta là một món hàng cao giá lắm kìa mà! Bất được ta đem nộp bán cho bọn Nguyễn Quang Toản, Bùi Đắc Tuyên thì làm gì không được dăm nghìn quan tiền hay ít cũng được bỏ đi phân tri, phân suất ở một hạt béo bở.. Chúng nó chỉ vì lợi tuốt, chứ trung nghĩa gì?

Bà chép miệng:

- Thôi! Mỗi cái ta chẳng nên oán trách nghi hoặc ai là hơn hết: Có sao ta không đủ cam đảm mà yên lặng chờ chết?...

Hoàng phi lim dim cặp mắt nhìn vào xó tối như thấy hiện ra thanh mã tấu của tên đao phủ. Bà mỉm cười khinh bỉ:

- Chẳng lẽ chúng nó lại xử trảm một người đàn bà, một vị hoàng phi? Chà! Nếu chúng nó giết cho ta chết? Ta cũng chẳng còn mong sống!...Nhưng ta sợ chúng nó không giết, mà lại chỉ làm như nhuốc tẩm thân ta..

Bà nghiêng răng nguyên rủa:

- Ba đời bọn giặc cổ...

Rồi bà cúi xuống ngắm cái dây lưng nghĩ đến sự tự ại. Gian phòng bỗng tối sầm lại. Thì ra mãi tư lự, bà không để ý đến bát dầu cạn từ bao giờ. Bà sợ hãi đưa mắt cố nhìn bốn phía, nhưng chẳng thấy gì hết, lắng tai nghe tiếng dế kêu ngoài hiên.

Nhớ rằng ở một phía tường có cái cửa sổ, rào chắn song sắt, bà rón rén đứng dậy lần mò ra cửa. Nhưng vừa khê hé thì theo luồng gió lạnh và giọt mưa nhọn hoắt tạt vào mặt, tiếng quát lớn của tên lính đứng canh bên ngoài:

- Ai?

Hoàng phi vội đóng sập cửa lại lên giường cuộn thân trong tấm chăn màu nâu mốc, sặc mùi hôi hám, và vờ ngủ say, vì bà chắc thế nào tên lính kia cũng sắp sửa vào phòng để thốt lời quở mắng hỗn xược. Chờ mãi không thấy gì, bà mới hoàn hồn.

Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng kiêng mỗi lúc một thưa. Hình như vì đêm lạnh quá, các chú lính không buồn cầm canh nữa...

Sang canh hai được một lúc lâu, thốt có tiếng ầm ầm ở ngoài cổng phủ. Tiếp tiếng ngựa hí, người kêu. Hoàng phi hoảng hốt lo sợ, đoán chắc rằng đội binh kéo đi chinh phạt buổi chiều đã trở về. Xót cảnh mình, bà nghĩ ngay tới số phận ngưỡng người đàn bà nào đó có lẽ vừa bị toán quân kia bắt giam như bà.

Nhưng đội binh về thì sao lại huyền não, rối loạn đến thế được? Mà hình như họ đánh nhau chí mạng thì phải, vì nghe có tiếng loảng xoảng của gươm, giáo đụng chạm nhau, và súng hoả mai nổ đến hơn mười phát.

Tiếng hò hét mỗi lúc một gần chỗ bà nằm. Thị tỳ Lan thức giấc thấy tối mịt thì sợ hãi, vừa khóc vừa hỏi:

- Cái gì thế bà?

Hoàng phi cố tự trấn tĩnh, trả lời:

- Ta cũng không rõ em ạ.

Lan lại bên giường:

- Bà đâu? Bà đâu?

- Ta đây, em đừng lo.

Bỗng bà thấy rung mình, vì nghe có kẻ thét ngay ở gian nhà bên cạnh, nói tư thất của viên phân phủ.

- Đừng để nó trốn thoát! Trói gò lấy nó! Còn vợ con nó thì không được đụng tới.

Lan ghé mắt nhòm qua khe cửa, rồi quay lại giọng run run bảo Hoàng phi:

- Bẩm bà, có lẽ cướp! Họ đốt đuốc sáng trưng.

Lại có tiếng thét:

- Nó trốn rồi à? Hãy để nó đấy! Ta đến phá cửa phòng chứa lương thực kia đã. Việc ấy cần kíp hơn.

Lan tru lên khóc:

- Bà ơi! Bà có nghe thấy không? Họ sắp đến phá buồng này bây giờ...Tính mạng bà...Con lo lắm.

Lan định đi tìm bàn ghế, đồ đạc để chặn lại, nhưng trong phòng tối đen như mực không trông rõ một vật gì. Mà ở ngoài thì người ta đã bắt đầu phá cửa, mỗi tiếng đập như đấm mạnh vào trái tim hai người bị giam. Xen lẫn với tiếng phá phách có tiếng đàn bà, trẻ con khóc như gì và tiếng một tên lính van lơn:

- Lạy các quan, tha cho con, con xin nộp chìa khoá buồng để các quan khỏi phải phá.

- Vậy chìa khoá đâu? Đưa mau.

Hoàng phi biết rằng sắp có sự biến cố xảy ra. Song bà cố giữ hết can đảm ngồi im, chờ đợi. Lan thì lăn ra đất khóc thảm thiết...

Cánh cửa mở tung. Ánh sáng hai cây đuốc ủa vào trong phòng. Hoàng phi đứng phất dậy, dăm dăm nhìn ra phía ngoài. Một võ tướng chạy thẳng lại gần nói lớn:

- Bà đi ngay cho.

Hoàng phi trợn mắt, đồng dục hỏi:

- Đi đâu? Chúng mày định bắt ta đi đâu?

Võ tướng có vẻ lo lắng:

- Trời ơi, xin bà đừng trừng trừng nhìn nữa, đi ngay cho kẻo lỡ việc bây giờ.

Hoàng phi vẫn cương quyết:

- Ta thà chết ở trong phòng này, chứ không đi đâu hết.

Lan thì vừa níu lấy vạt áo chủ vừa nói:

- Lạy các ông, các ông tha cho bà tôi.

Võ tướng lại gần. Lan tưởng chàng sắp ra tay làm ác, kêu hét lên. Nhưng võ tướng chỉ nắm lấy cánh tay nàng và ghé vào tai thì thầm mấy câu. Nghe dứt lời nàng vui mừng quay lại nói với Hoàng phi:

- Xin mời bà đi.

Hoàng phi cũng chẳng hiểu ra sao, song nghĩ bụng thử cứ liềm xem, chết với bọn lạ mặt này, hay chết ở trong phủ thì phỏng có khác gì nhau. Bà liền lạnh lùng đi theo bọn kia. Khi mọi người đã ra ngoài, võ tướng đẩy cả gia đình viên phân phủ cùng người lính canh vào trong phòng, khoá trái cửa lại. Đoạn chàng lớn tiếng dặn:

- Hễ kêu, ta giết chết, nghe!

- Dạ.

Ở sân phủ đã có một toán binh đứng tề chỉnh sắp hàng. Võ tướng mời Hoàng phi lên ngựa, rồi cùng ba võ tướng khác đi kèm chung quanh kéo quân lên đường.

## Cửa bắc

Cũng chiều hôm ấy, vùng Vĩnh Kiều, Tiêu Niệm, nhân dân nhón nhác nhìn nhau kinh ngạc. Họ vừa nghe thấy chuông chùa Tiêu Sơn giống giả oang oang từ trên cao gieo xuống. Trước đình xóm Dương một ông già bảo mọi người đứng xúm xít chung quanh:

- Có tiếng chuông.

Mọi người trả lời:

- Vâng, chùa Tiêu Sơn.

- Ủ. Lạ nhỉ!

Thôi chắc chú tiểu Mộc lú ruột rồi, đã thỉnh chuông mà còn tưởng là chưa thỉnh.

Chuông đổ hồi, rồi im bặt. Ai nấy cất tiếng cười. Có người nói:

- Biết ngay mà! Đích thực chú Mộc lú lấp rồi. Chẳng thế lại thỉnh có một hồi chuông.

- Thì ra đứt hồi chú mới nhớ ra rằng nhầm nên thôi không thỉnh nữa.

Kỳ thực chú Mộc không lầm, mà ở chùa Tiêu Sơn cũng không ai lú ruột cả. Buổi chiều hôm ấy có hồi chuông thứ hai, hồi chuông bất thường, là chỉ vì sư Phổ Tĩnh dùng cách báo hiệu ước định ấy để gọi đồng đảng đến tụ hội ở chùa Tiêu Sơn.

Nguyên sau bữa tiệc trên lầu Tiêu Lĩnh, Quang Ngọc, Phạm Thái, Lê Báo đều đi ngủ, vì cứ lời Quang Ngọc thì tối hôm ấy bọn họ cần phải ra tay làm một việc khó khăn gì đó. Chẳng nói thì chúng ta cũng đoán được là việc đi cứu bà Lê hoàng phi, mà tối hôm trước nhà sư Phổ Tĩnh đã lần mò tới phủ nha dò xem tung tích rất tường tận.

Quang Ngọc lập chiến lược như thế này:

Buổi trưa hôm ấy cho Nhị Nương quẩy gánh nôi đất đến phố phủ bán và lảng vảng qua phía cửa Bắc rao to ba câu liền: "Nôi đất ai mua?" Tức thì sẽ có người trong phủ đi ra. Người ấy chính là cai lệ Tảo, một thám tử mà đảng Tiêu Sơn đã cho vào phủ làm lính. Nhị Nương sẽ đưa cho Tảo một phong thơ trong đó Quang Ngọc dặn đêm nay phải xoay hết cách để canh hai được coi giữ phòng bà hoàng phi. Vào khoảng cuối canh hai, ba tráng sĩ họ Trần, họ Phạm, họ Lê, cùng hiệp nữ họ Nguyễn sẽ do cửa Bắc vào phủ, vì cửa Bắc đổ nát đã lâu ngày mà vẫn chưa sửa sang lại, khiến người nào biết rõ, chỉ lấy cái gậy bẩy mạnh lên là cánh cổng mở ra tức khắc. Vào trong phủ rồi, công việc giết tên lính canh bên cửa sổ cố nhiên sẽ rất là dễ dàng lặng lẽ, vì đêm hôm ấy trời tối đen như mực, hai người giáp mặt mới trông thấy nhau. Bấy giờ Phạm Thái sẽ bắt chước tiếng mèo để báo cho Tảo biết mà mở cửa phòng ngục. Chỉ còn một việc mời hoàng phi ra cửa Bắc lên ngựa phóng nước đại. Có điều này Quang Ngọc hơi ngại, là sợ hoàng phi không chịu đi trốn, vì bà chưa biết mặt ba tráng sĩ. Bởi vậy chàng mới nghĩ đến đem Nhị Nương đi theo: Nhị Nương thường vẫn lại thăm hoàng phi và hai người chơi với nhau thân mật lắm.

Chiến thuật xếp đặt xong đâu đấy, Quang Ngọc đi ngủ để lấy sức, một nụ cười sung sướng nở trên cặp môi khi chàng thức giấc, vì chàng biết chắc rằng thế nào chàng cũng sẽ hoàn toàn đắc thắng. Chàng liền gọi Phạm Thái và Lê Báo dậy bàn việc. Lê Báo hậm hực, trách:

- Sao bây giờ đại huynh mới bảo cho hai em biết?

Quang Ngọc nghiêm sắc mặt dõng dạc hỏi:

- Lê hiền đệ còn nhớ lời thề không?

Giọng rần rỏi, quả quyết làm cho Lê Báo sợ hãi đứng im. Muốn nhân thể luyện tính nét của Lê Báo bớt cương ngạnh, Quang Ngọc rút kiếm chém xuống bàn nói:

- Quân lệnh truyền ra, không ai tuân, ta sẽ chặt đầu ngay lập tức.

Phạm Thái và Lê Báo chấp tay cúi đầu chờ lệnh. Quang Ngọc cặp mắt tròn xoe, có vẻ oai phong凛冽.

Lúc bấy giờ vào khoảng giờ Dậu, vì chùa vừa thỉnh chuông chiều xong, mà chuông chiều chưa bao giờ cũng thỉnh vào cuối giờ Thân. Bỗng một chú tiểu háp tấp chạy lại thưa:

- Bạch sư ông, có một công tử cười ngựa cùng đi với ba kỵ sĩ theo hầu, nói xin lễ phật. Quang Ngọc tra kiếm vào vỏ, mỉm cười đáp:

- Được, cứ mời công tử lên nói có ta chờ đây.

Phạm Thái vội giữa chú tiểu lại bảo Quang Ngọc:

- Đại huynh nên hãy cho mời người ta ngồi lại phòng trai đã.  
Nhưng khách đã bước tới, lễ phép chấp tay chào. Lê Báo trừng mắt đăm đăm nhìn, vì khách là một trang thiếu niên, mắt sắc như nước, miệng tươi như hoa, mặt trái xoan, xinh xắn và da trắng phớt hồng hồng. Thực là một trang điển lệ công tử.

Lê Báo thì thầm bảo Phạm Thái:

- Hấn đẹp như con gái đẹp!

Quang Ngọc nói với khách:

- Mời công tử vào lễ phật.

Khách yên lặng bước thẳng tới lầu Tiêu Lĩnh, Lê Báo kinh ngạc nhìn Phạm Thái. Nhưng thầy Quang Ngọc đi theo, nên hai chàng không dám hỏi, cũng bước theo lên.

Tới lầu, Quang Ngọc hỏi:

- Thế nào?

Khách đáp:

- Xong.

- Lành, dữ ra sao?

- Tốt, tốt lắm!

Quang Ngọc vui mừng, quay lại giới thiệu với Lê Báo:

- Hiền đệ khao khát được biết mặt Nhị Nương. Vậy Nhị Nương đây.

Phạm Thái sửng sốt:

- Nhị Nương?

Rồi chàng nhìn kỹ lại và bật cười:

- Trời ơi! Quý nương khéo cải trang quá chính Thái này cũng không còn nhận ra được.

Lê Báo làm bộ ra thạo xem tướng:

- Thảo nào tôi ngờ ngộ. Nam tử gì mà cặp mi lại thanh như lá liễu thế!

Quang Ngọc cười lớn:

- Nói hậu thì ai nói không được. Nhưng ta hãy để Nhị Nương thuật lại cuộc do thám đã /

Nhị Nương trở Lê Báo hỏi Quang Ngọc:

- Đây là công tử mắc nạn ở tửu quán tối hôm qua?

- Thừa hiền muội chính đó. Công tử đã làm lễ tuyên thệ nhận Ngọc này với Phạm Thái là anh.

Ý chừng để đáp lại cái nụ cười chế nhạo của Nhị Nương, Lê Báo hồn xược nói lời Quang Ngọc:

- Vậy cố nhiên Báo đây phải nhận tiểu thư là chị.

Nhị Nương chẳng chút e lệ, ung dung nói:

- Nhị Nương xin vui lòng nhận, Lê Báo là em.

Rồi nàng cười nói tiếp:

- Bọn ta kết làm anh em, chị em là phải lắm. Có thứ giầy liên lạc thiêng liêng hơn tình huyết giàng buộc chúng ta lại với nhau...Giầy liên lạc ấy là sự phục thù.

Vâng chúng ta tuy không cùng một huyết thống, nhưng giòng máu ở bốn cái đầu của bốn người cha bị chém đã cùng phung vào mặt chúng ta khiến cho chúng ta phải trở nên ruột thịt.

Lê Báo nghe mấy lời khẳng khái ở miệng xinh xắn một thiếu nữ thốt ra mà lấy làm cảm động. Nhị Nương lại nói:

- Trần đại huynh cùng nhị vị công tử đã làm lễ tuyên thệ kết làm anh em, chớ như thôn nữ này thì chỉ xin nhận miệng mà thôi, thiết tưởng như thế cũng đủ lắm rồi, lo là còn phải thề thốt nặng lời.

Rồi nàng mỉm cười nói bông đùa:

- Thừa trần hiền huynh, năm nay em hai mươi ba tuổi, vậy tùy hiền huynh đặt đâu em xin ngồi đấy.

Quang Ngọc cũng cười:

- Còn phải đặt đâu nữa. Nguyễn hiền muội hai mươi ba tuổi thì cố nhiên phải là em hai, vì nhờ trời Ngọc này ra trước hiền muội hai năm, còn hai nhị đệ đây lại ra đời sao hiền muội ba năm, một người bốn năm.

Lê Báo hậm hực, tức tối, cố nói châm chọc một câu:

- Thừa hiền huynh, đối với hai em, Nguyễn Nhị Nương là chị, thì đã hẳn đi rồi.

- Chứ sao?

Nhị Nương quắc mắt đáp lại giọng đùa rỡ của Lê Báo, rồi nàng quay về phía Quang Ngọc nói tiếp:

- Thừa hiền huynh, ban nãy ngu muội có nói kết quả công việc của ta sẽ được tốt đẹp hoàn toàn là vì ngu muội biết một sự bất ngờ vừa xảy ra...Thực có trời phạt phù hộ tính mệnh hoàng phi.

Quang Ngọc nóng ruột vội hỏi:

- Sự gì xảy ra mà may mắn đến thế?

- Phủ Từ Sơn chỉ còn độ một chục tên lính ở lại canh giữ, mà trong số đó có cai Tảo.

Ngọc kinh ngạc:

- Vậy hơn hai trăm lính đi đâu cả?

- Ngu muội gặp trên con đường Thọ Khê.. Chừng họ đi Kim Lũ.

- Thế thì hồng phúc nhà Lê còn to.

- Nhưng hiền huynh đừng vội mừng.

- Sao vậy?

- Vì ta chưa biết hơn hai trăm quân đó kéo đi đâu Nghiêm Xá, Ngô Xá, Phú Mẫn, Yên Phụ, Kim Lũ đều là những nơi sào huyệt của đảng ta. Thế mà bọn kia sắp sửa sang đồn Thọ Khê.. Hiền huynh thử nghĩ xem ta có đáng lo không?

- Cũng có lý.

Dứt lời, Quang Ngọc ra lệnh thỉnh một hồi chuông. Vì thế mà nhân dân vùng Vĩnh Kiều, Tiêu Niệm đã hai lần nghe thấy tiếng chuông.

Một lát sau, đồ đảng Tiêu Sơn lục tục kéo đến có tới vài chục. Quang Ngọc phân phát cho mỗi người đi một ngả để do thám sự hành động của đội quân Từ Sơn, và cấp báo cho các nơi căn cứ của đảng biết mà phòng bị.

Phạm Thái cũng xin đi, nói mượn Kim Lũ, Nghiêm xá thuộc quyền hộ vệ của mình. Nhưng Quang Ngọc giữ chàng lại để cùng đi cứu hoàng phi đã, rồi đến giờ Tý xong công việc, chàng sẽ về Nghiêm xá cũng kịp:

- Vì quan quân đi chinh phạt bao giờ cũng chậm như sên, ta không vội lo ngại. Giá ở thời Quang Trung thì cũng sợ đấy. Nhưng ngày nay thì chỉ là thời Bùi Đắc Tuyên.

Mọi người cười rộ.

Bàn định, cất đặt xong đầu đấy, thì đêm đã khuya. Vào khoảng nửa giờ Hợi, ba tráng sĩ nai nịt gọn gàng, đội mũ đầu mâu để che cái đầu trọc, rồi cùng Nhị Nương lên ngựa (bốn con ngựa ấy chinh Nhị Nương đã đem đến chùa).

Tới cửa Bắc phủ Từ Sơn, bốn người kìm giây cương đứng lại nghe ngóng, và lấy làm lạ rằng trong phủ không có một tiếng động đưa ra. Trống, mõ cầm canh đều im phăng phắc.

Nhưng bọn họ cũng vượt qua hào và bầy cánh cổng mà vào.

Quang Ngọc bảo ba người hãy ở lại sau để một mình chàng đi do thám động tĩnh ra sao đã.

Chàng rón rén đến bên cửa sổ: Tên lính canh không có ở đấy, chàng liền bắt chước tiếng mèo: Vẫn không ai ra. Mấy nếp nhà như bỏ hoang đã lâu ngày.

Quang Ngọc quay ra thuật lại sự thể với mọi người rồi bàn cùng vào cả trong tư thất xem sao.

Lê Báo hăng hái xin đi trước dẫn đường, tay nắm nắm cầm thanh kiếm tuốt trần.

Hai địch thủ thứ nhất mà chàng lại gặp hai người bị trói gò vào hai cột nhà. Ở giữa hai cột ấy có cắm một ngọn đuốc cháy đã gần tàn, và chiếu ánh sáng le lói lên mặt hai người khổ nạn. Quang Ngọc cời giây cho họ mà hỏi rằng:

- Vì sao hai người lại bị trói?

Một người - người lính - thuật lại những sự đã xảy ra. Quang Ngọc kinh hãi, sửng sốt hỏi:

- Vậy ra chúng nó cướp mất bà hoàng phi đi rồi?

- Vâng.

- Chúng nó đi về ngã nào?

- Thưa, tôi không được biết.  
Dứt lời, tên lính ôm đầu chạy mất. Quang Ngọc tức thì ra lệnh đuổi theo bọn cướp.

## Trong rừng Đình Bảng

Quang Ngọc đi trước dẫn đường, rẽ cương lượn qua cửa Tây, tức cửa chính phủ Từ Sơn.

Lê Báo cho ngựa chạy ngang hàng và hỏi:

- Sao đại huynh lại cho ngựa chạy về phía này?

Nhưng Quang Ngọc không trả lời, im lặng cho ngựa phi thật nhanh mãi khi tới chỗ ngã ba mới kìm cương nhảy xuống đất. Nhị Nương cũng nhanh nhẹn nhảy ngoắt theo xuống, hỏi:

- Đại huynh dừng lại làm gì vậy?

- Hiền muội không biết đây là ngã ba ư?

Thấy ở bên đường có một người bắt ếch giơ cao bó đuốc nửa đứng nhìn. Quang Ngọc gọi lại bảo soi ánh lửa xuống đường xem. Chàng chau mày chép miệng lẩm bẩm nói:

- Thế thì lạ quá nhỉ? Cả hai ngã cùng có vết móng ngựa...Hay họ đến một lối mà đi một lối...Cũng vô lý, vì xét kỹ thì vết chân ngựa đều đi tán ra hai phía.

Lê Báo thấy Quang Ngọc loay hoay tìm đường thì cười bảo:

- Sao hiền huynh không hỏi ngay tên bắt ếch xem họ chạy đường nào?

Người bắt ếch ngựa ngạc:

- Thưa ai cơ?

Nhưng Quang Ngọc đã theo ý Lê Báo và lớn tiếng hỏi:

- Tên kia, vừa giờ có một bọn qua đây. Vậy họ chạy về ngã nào?

Người bắt ếch chỉ con đường Kim Lũ:

- Có hơn mười người cưỡi ngựa đi về ngã này.

- Đã bao lâu?

- Họ đi chưa xa đâu. Nhưng các ông làm gì mà cưỡi ngựa đi chơi khuya thế? Những ông ban nãy cũng vậy, làm ếch của tôi sợ trốn biệt.

Phạm Thái chú mục nhìn thẳng vào mặt người bắt ếch thấp thoáng dưới ánh lửa. Thì thầm chàng bảo Nhị Nương:

- Thằng này không phải làm nghề bắt ếch đâu, trông dữ tợn lắm, mà ngôn ngữ, cử chỉ của nó có vẻ bướng bỉnh, tuy nó cố làm ra vẻ rù rờ, ngớ ngẩn, sợ hãi:

Có lẽ Quang Ngọc cũng cùng một ý nghĩ, nên chàng vặn.

- Anh nói láo....

Chàng ngừng bật, rồi nhảy phắt lên mình ngựa vẫy mọi người theo đường Phù Lưu, Đình Bảng thẳng tiến. Lê Báo hỏi:

- Sao người ta nói ngã kia, hiền huynh lại đi ngã này?

Quang Ngọc cười đáp:

- Thế thì hiền đệ thật thà quá. Hiền đệ phải biết ban chiều khi viên phân suất rầm rộ dẫn quân đi, thế nào bọn kia chẳng rõ. Nhất họ lại đã sắp định đêm nay đến phủ cướp hoàng phi thì họ càng phải xem xét binh thế trong phủ lắm. Thế mà họ còn đi cùng một đường với quan quân, thì hoá chẳng họ không óc mà ngu huynh thì chắc rằng họ có óc. Đó là một lẽ. Lẽ nữa là trước đây một lát ở trong phủ có đánh nhau. Vậy thì tên bắt ếch kia, nếu là một tên bắt ếch, sao còn đủ can đảm ở lại đây bắt ếch. Nó đứng ngay chỗ ngã ba, há không phải chỉ cốt để trở đường láo cho quan quân đuổi theo. Nó có ngờ đâu quân đuổi theo lại chính là bọn ta, nghĩa là bao giờ cũng không ngoan hơn quan quân.

Chàng thích chí cười ha hả. Mọi người cũng cất tiếng cười theo. Lê Báo hỏi:

- Còn vết chân ngựa sao lại có ở cả hai ngã đường?

- Điều ấy thì phỏng khó gì. Cho ngựa phi về đường kia, rồi khi trở lại thì rẽ xuống ruộng. Hiền đệ không thấy ruộng khô à?

Bọn kỵ sĩ vượt qua làng Đình Bảng, Quang Ngọc kim cương lại bảo mọi người:

- Bây giờ cho ngựa đi bước một, vì đây gần đến nơi rồi.

Phạm Thái kinh ngạc hỏi:

- Sao đại huynh biết?

Quang Ngọc cười:

- Làm một ông tướng phải biết địa thế khắp vùng mình hoạt động. Ta xét ra gần đây có hai nơi hiểm trở, nếu ban ngày cũng ít người lai vãng: một là rừng Sặt ở mạn Trảng Liệt, hai là rừng Bát Đé ở sau làng Đình Bảng. Rừng Sặt ở gần đường Thọ Khê, chắc họ không đến. Còn rừng Bát Đé thì họ có thể giấu người trong đó được. Thực là một nơi thâm u. Nguyên cùng vua chúa đời Lý đến nghỉ mát, bỏ hoang lâu ngày cây cối mọc um tùm thành rừng. Lại thêm có hào chung quanh khiến khó ai tìm được lối vào, chắc thế nào bọn kia chẳng có thuyền chờ sẵn trước cửa đền Lý Bát Đé!

Mọi người đều phục tài xét đoán của Quang Ngọc. Nhưng Lê Báo cười thầm, chỉ mong Quang Ngọc đoán sai để sau này chế riếu chơi. Quang Ngọc lại nói:

- Còn một điều ngu huynh nghĩ mãi không ra. Là bọn kia cướp hoàng phi làm gì? Hay là lũ trung thần nhà Lê đến cứu bà? Phải chờ khi nào gặp nhau mới biết rõ được.

Bấy giờ chỉ còn cách đến Lý Bát Đé độ vài trăm bước, Phạm Thái bàn buộc ngựa một nơi, rồi đi bộ lại đền. Chàng nói:

- Ngày theo Nguyễn Đoàn, ngu đệ cũng đã nhiều lần trốn ở đó. Quả thực là một nơi bí hiểm nhưng ngu đệ thuộc đường lối trong rừng như đường lối chùa Tiêu Sơn, vậy xin đến dò thám trước đã, rồi hãy kéo đại quân đến sau.

Lê Báo cười:

- Đại quân có tất cả bốn người.

Nhị Nương khàng khái nói:

- Bốn người này lại không địch nổi một trăm quân ư? Vậy thì Phạm hiền đệ cứ đi trước xem binh thế họ ra sao, rồi về báo, dẫu họ đông đến đâu ta cũng không sợ.

Phạm Thái tuân lời đi thẳng. Biết chắc thế nào bên địch cũng có quân canh trên con đường tới rừng, chàng rẽ xuống ruộng đi vòng về phía sau đền rồi quay lên mạn Nam. Chàng biết ở đó có một quãng hào vừa hẹp vừa nông, nước chưa tới thất lưng.

Đến đó Phạm Thái cởi quần áo lội qua để vào rừng. Trời rét, nước giá buốt, nhưng chàng chẳng coi vào đâu. Cái thân chiến sĩ phiêu lưu đã từng xông pha tên đạn, đã từng làm quen với cái chết giữa đám can qua, có quần gì một dòng nước lạnh.

Tới rừng, chàng se sẽ mặc lại quần áo vào, rồi cúi lom khom, tay cầm kiếm, rón rén đi quanh bờ hào một vòng để dò xem trong rừng có ánh lửa không. Khi đến mạn Bắc khu rừng, và nghe có tiếng sột soạt rảng rặc như tiếng bàn chân đi lên đám cành lá khô, chàng vội nằm rạp xuống, vì chàng sợ ở trong rừng nhìn ra, bên địch sẽ thấy bóng chàng thấp thoáng in trên nền trời.

"Đích là họ núp ở đây rồi, vì rõ ràng có tiếng nhiều người nói chuyện. Trần đại huynh thực đoán việc như thần", Phạm Thái vừa nghĩ vậy, vừa men bờ hào, vòng sang phía đông rừng.

Bỗng chàng mừng quýnh, suýt buột miệng kêu lên. Một chiếc thuyền buộc ở gốc cây si cổ, dưới đám lá rườm rà phủ xuống che lấp.

Chàng bước vào thuyền cầm bơi chèo nhẹ nhàng chở sang bờ bên kia rồi hấp tấp về chỗ cũ báo tin cho anh em biết. Tức thì cả bọn kéo đến thuyền bơi sang bên rừng. Vừa bước chân lên đất thì một bọn đông ẩn sau khóm cây xổ ra ai nấy tay cầm khi giới. Một người hỏi:

- Các người đến đây tìm cái chết, phải không?

Chẳng nói chẳng rằng anh em Quang Ngọc xông vào múa kiếm đánh liền. Bên địch, có ai thét:

- Khoan! Đánh nhau phải có cớ. Vậy vì cớ gì chúng ta đâm chém nhau?

Lê Báo hùng hổ cầm thanh kiếm dài vẫn đứng giữ miếng. Nghe bọn kia hỏi, chàng liền trả lời:

- Chẳng vì cớ gì hết.

Người kia cười, ôn tồn nói:

- Xin tiểu tướng đừng vội giận. Ta hỏi thế là vì trước ta vẫn tưởng chư tướng là quân trong phủ đi đuổi bắt chúng ta. Nhưng thiết tướng đội binh trong phủ khi nào lưng biết mà đến đây. Mà dù có đến đây nữa cũng chẳng có đủ can đảm dám lợi qua hào để vào tới rừng. Vậy ta hỏi, sao chư tướng lại lần mò theo chúng ta?

Lê Báo nóng nảy thét:

- Vì bọn người cướp bà hoàng phi đem đi, ta hãy hỏi: Có phải các người định đem bà giải nộp để lĩnh thưởng chăng?

Người kia mắng:

- Đồ hỗn xược! Nếu ta không thương người còn nhỏ dại, thì ta đã thí cho một mũi kiếm.

Lê Báo nổi thịnh nộ xông vào đánh, Quang Ngọc phải lùi bạn mà bảo rằng:

- Sao hiền đệ hấp tấp thế?

Rồi chàng nói với bên địch?

- Tôi xem ra các ông đều là tay khảng khái có dũng cảm. Chắc không phải là bọn cướp tầm thường. Vậy sao chúng ta không đem lễ nhượng ra đổi đũa nhau, dù vì việc nghĩa phải đánh nhau đi nữa.

Một người bên địch đáp lại:

- Ủ, ông này biết điều đấy, chớ như cái ông kia thì hung hăng quá. Các ông phải biết, đánh nhau thì chúng tôi cũng vui lòng đánh nhau với các ông. Nhưng bên các ông có bốn người mà bên chúng tôi những hơn hai chục, chẳng lẽ lấy nhiều lấn ít, e không tiện.

Lê Báo thét:

- Anh em ta không sợ nhiều đâu. Đánh thì đánh ngay, không cần phải trì hoãn.

Người kia giọng chế nhạo:

- Hãy khoan! Can gì mà vội thế? Đến sáng cũng không muộn kia mà..Bây giờ các ông đã đến đây, chúng tôi hãy xin lấy địa vị chủ nhân mời các ông lại đằng nhà xơi chén rượu với chúng tôi cho vui...

Thấy anh em Quang Ngọc do dự, người kia cười:

- Các ông đừng ngại, chúng tôi không coi các ông như bọn tù binh vô giá trị đâu.

Lê Báo hầm hầm nổi giận.

- À bọn này láo, dám bảo chúng ta là tù binh.

Người kia giọng bình tĩnh ôn tồn:

- Gớm! Ông này sao mà nóng như Trương Phi thế?

Phạm Thái từ nãy vẫn đứng im. Chàng bỗng thủng thỉnh tiến đến gần bên địch, dõng dạc nói:

- Các ông đã lấy lễ độ chủ nhân mà đón tiếp chúng tôi lẽ nào chúng tôi lại không lấy lễ độ tân khách mà nhận lời. Vậy thanh kiếm của tôi đây xin gửi các ông (vừa nói chàng vừa tháo kiếm đưa cho bọn kia). Sau khi cùng nhau hội ẩm, mà chúng tôi cần phải đấu gươm, thì lại xin các ông trả kiếm tôi. Còn như nếu các ông không phải là tay hảo hán mà nhất định đoạt thanh kiếm của tôi, thì lúc đó ta hãy nói chuyện. Xin các ông dẫn đường cho chúng tôi theo về nhà, chẳng trời sáng thì lỡ mất cả công việc của chúng tôi.

Cảm động vì khí phách anh hùng, vì sự thành thực và nhã nhặn của Phạm Thái, bên địch lễ phép đưa anh em chàng tới một nếp nhà tranh làm ở giữa mấy khóm cây đầy lá che kín mít tứ phía, sau khi đã đi quanh co trong rừng rậm.

Vừa bước chân vào trong nhà, Nhị Nương khinh hoảng kêu:

- Trời ơi! Bà hoàng phi!

Quả thực, trên một cái ổ rơm giải chiếu, bên ngọn đèn dầu ánh sáng lờ mờ, hoàng phi đang ngồi hơ hai bàn tay trên than hồng dựng trong cái nồi đất. Bà ngược mắt đăm đăm nhìn mấy người lạ mặt có vẻ lo lắng.

- Ai đấy?...nghe tiếng hình như quen quen.

- Em đây mà! Em Nhị Nương mà bà không nhận ra sao? (Trong khi trốn tránh, hoàng phi thường xưng chị với Nhị Nương, và gọi Nhị Nương bằng em).



Hoàng phi mừng quýnh, đứng dậy ôm lấy Nhị Nương vừa khóc nước nỡ vừa kể lễ:

- Em Nhị Nương ơi...Chị đã tưởng không bao giờ còn nhìn thấy mặt em nữa...

Nhị Nương thuật lại cho bà nghe công việc xếp đặt từ hôm trước để tối nay đến phủ phá ngục cứu bà ra, ngờ đâu khi đến nơi thì được tin một bọn đã cướp bà đem đi...

Một người đứng gần đấy cười có vẻ tự phụ nói riếu:

- Hừ! Trâu chậm uống nước đục!

Hoàng phi trở người ấy bảo Nhị Nương:

- Đây là Đào Phùng, người làng Phù Lưu. Chính Đào quân đã hợp anh em cứu chị. Ông ấy không bao giờ chị dám quên.

Đào Phùng đáp:

- Tàu lệnh bà, nhà kẻ hạ thần đời đời ơn thánh đến, nay kẻ hạ thần dẫu chết cũng chưa đủ báo đền, lệnh bà nói đến ơn huệ làm chi, khiến hạ thần thêm xấu hổ. Để lệnh bà bị quân giặc bắt được, tội kẻ hạ thần cũng đã nặng lắm rồi.

Hoàng phi rót một chén rượu đầy đưa cho Đào Phùng mà rằng:

- Đào anh hùng trung nghĩa ai bì kịp? Xin tặng anh hùng một chén rượu.

Đào Phùng đỡ lấy nói:

- Lệnh bà ban, hạ thần xin bái lĩnh.

Hoàng phi đưa mắt nhìn Quang Ngọc, Phạm Thái, và Lê Báo đứng chấp tay ở một bên và thì thầm hỏi Nhị Nương:

- Ai thế em?

- Tàu lệnh bà, đó là ba tráng sĩ, bạn thân của em, đã cùng em kết nghĩa anh em.

Hoàng phi rót ba chén rượu nữa rồi bảo Nhị Nương bưng mời ba chàng. Đoạn, bà hỏi Đào Phùng:

- Công tử đã cứu tôi thoát nạn, bây giờ công tử bảo nên đi ẩn lánh ở đâu?

Bà rơm rớm nước mắt, thở dài nói tiếp:

- Bệ hạ có rõ cảnh lưu lạc này cho thiệp không?

Quang Ngọc bàn:

- Tàu lệnh bà, bây giờ người ta đã nhận được dung nhan lệnh bà, thì lệnh bà đến nương nấu cửa thiên, thiết tưởng có phần chắc chắn hơn nhiều.

Hoàng phi vui mừng đáp:

- Phải, tướng quân bàn rất phải. Vả lại ta cũng nên thế phát quy y thôi.

Quang Ngọc lại nói:

- Tàu lệnh bà, ở làng Ngô Xá có một ngôi chùa sư nữ, vậy mai mời lệnh bà đến ẩn ở đó.

Quay ra, chàng bảo Nhị Nương:

- Ngu huynh giao cho hiền muội việc đó. Sáng mai...

Nhị Nương ngắt lời:

- Sáng mai không bằng đêm nay. Ngu muội xin phò giá lên đường ngay bây giờ.

- Thế thì càng hay lắm.

Mọi người đều lấy làm phải, liền chở thuyền đưa hoàng phi và Nhị Nương qua hào. Hai người lên ngựa đi thẳng.

Phạm Thái cũng xin đi theo. Quang Ngọc giữ lại mà rằng:

- Một mình Nhị Nương cũng đủ rồi.

- Nhưng thưa hiền huynh, ngu đệ phải về xem hạt Kim Lũ ra sao. Hiền huynh hẳn chưa quên rằng có hai trăm binh lính đang hoành hành ở đó.

- Đào Phùng hỏi:

- Phải hai trăm binh lính Từ Sơn không?

- Chính.

- Vậy thì không lo.

Chàng kể cho anh em Quang Ngọc nghe cái mưu kế của chàng. Chàng cho một thám tử giả làm người làng Yên Phụ đến phủ báo ở vùng ấy có bọn giặc rất đông, mà người đi đầu là nhà sư. Chàng bịa ra điều đó, là vì nghe người ta tuyên truyền có một nhà sư rất hung tợn thường đem đồ đảng đi tống tiền bọn nhà giàu. Chàng chắc báo có một nhà sư, mà lại nói khích thì thế nào viên phủ chỉ còn một ít lính ở lại canh và việc phá ngục cứu hoàng phi dễ như trở bàn tay.

Phạm Thái nghe truyện mỉm cười đưa mắt nhìn Quang Ngọc rồi phàn nàn:

- Tội nghiệp! Người ta đã xuất gia tu hành mà công tử còn đổ cho người ta cái tội tày trời!

Đào Phùng đáp:

- Chẳng qua cũng là một sự bất đắc dĩ. Không thế, sao cứu được hoàng phi.

Mọi người cùng cười, rồi mời nhau uống rượu cho mãi tới gần sáng mới chịu chia tay giải tán, hẹn thỉnh thoảng lại đến rừng hội họp uống rượu múa gươm.

## Chín và sống

Từ hôm đánh huyệt trận Kim Lũ thì hai viên phân phủ, phân suất đem lòng thù oán bọn cựu thần nhà Lê lắm, vì họ chắc rằng cánh quân đến phá ngục cứu Lê hoàng phi chỉ có thể là bầy tôi nhà Lê. Phân phủ bàn với phân suất:

- Việc này ta nên giữ bí mật. Quan trên với triều đình đều chưa biết tin ta bắt được Thị Kim. May mà chưa kịp cho chạy giầy về kinh đấy.

Phân suất hậm hực tức tối:

- Tôi thì không đội trời chung với bọn này. Không những chúng nó giết mất viên đội nhất của chúng ta mà chúng nó còn làm cho tôi lặn lội đêm khuya cất quân đi, rồi lại đem quân về, thực là mình làm trò múa rối cho dân vùng Kim Lũ coi.

Phân suất cười khà nói tiếp:

- Rõ đen cho mấy tên lái thuyền vô tội bị chặt đầu.

- Ngài chặt đầu?

- Vâng, Bực mình về nỗi bị lừa nên gắp mấy thằng lái đò đương họp nhau ở dưới thuyền đánh bài phỏ, tôi cầm dao khoa tay một lượt, bốn, năm cái đầu rơi xuống ván! Như thế cũng hả lòng được đôi chút.

Phân phủ ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Cái bực tức của ngài, ngài cho còn gắp năm gắp mười cái bực tức của phân suất. Đêm hôm ấy còn bao giờ ngài quên được? Trốn vào chuồng ngựa nằm ở máng ăn, lấy rơm phủ trùm kín người, rất là khó thở, lại thêm mùi phân ngựa khai quá đối, thế mà ngài phải nằm dí ở đấy cho tới sáng rõ, trong mấy canh dài đằng đẳng lắng tai nghe động tĩnh ra sao. Giữa lúc ấy thì gia quyến ngài đang bị nhốt ở trong buồng chứa, lo sợ im hơi lặng tiếng.

Nhớ lại những sự đau đớn đáng kỷ niệm ấy phân phủ mỉm cười. Đối với con nhà võ như phân suất thì cái tức giận hiện ra nét mặt, thốt lời chửi rủa thế nguyên. Nhưng đối với con nhà văn thâm nho như phân phủ thì cái tức dẫu dữ dội đến đâu cũng chỉ ngụ trong một khoé mỉm cười chua chát. Chẳng thế ngài lại thường mỉa tính võ đoán của phân suất bằng những câu thơ đại ý nói: Trăm quân hùng tráng không mạnh bằng một lời văn mát mẽ của nhà cầm bút.

Lần này lại là một dịp để ngài phô cái sức mạnh của sự giận yên lặng ngấm ngầm cháy trong lòng ngài. Ngài không làm thơ nữa. Ngài chỉ mở nắp lấy ra một cái bảng mà theo sự dò xét cẩn mật của bọn thám tử, ngài đã làm ra. Đó là bảng chứa đủ tên những bực trung thần nhà Lê trốn trong địa hạt Từ Sơn.

Phân phủ gõ xuống cái bảng ấy bảo phân suất:

- Bấy lâu tôi để bọn chúng ăn ngon ngủ yên là cũng tưởng họ hiểu thời thế, không hoạt động nữa. Ai ngờ ngày nay lại chính họ gây sự. Vậy bất đắc dĩ, ta phải mời những ông tướng đến chơi ít bữa.

Lời ngài thật ngọt như mía lùi. Ngài lại mỉm cười nhìn phân suất nói tiếp, ý chừng để được lòng ông bạn đồng thành:

- Việc đó phải nhờ đến bàn tay sắt của tướng quân.

Tướng quân phồng mũi đáp liền:

- Đại nhân cứ truyền, việc dầu khó đến đâu tôi cũng xin đảm nhận.

- Vậy chúng ta cùng bàn xem nên bắt những tay nào trước.

Tức thì phân phủ mở rộng cái bảng đẹp đẽ của ngài ra.

- Đây đại nhân coi, tất cả có bảy mươi ba tên. Nhưng xét ra chỉ có bảy tên thực lợi hại. Bảy tên đó là cho con ngựa sử Nguyễn Bắc, người chữa cháp Thị Kim. Hai tên này ta hãy để đó vì hiện tại chúng còn trốn tránh, mà trốn thì hẳn trốn ở nơi khác. Nếu ta bầm tĩnh sức giầy đi lùng thì cũng bắt được, nhưng là thế là làm cỏ sẵn cho kẻ khác ăn. Chi bằng ta cứ để yên, ít lâu thế nào chim chẳng bay về tổ, lúc ấy ta hãy mời nhẹ hai ngài vào cũi.

Phân suất cười lớn:

- Hay! mưa hay lắm! Còn ai nữa, thưa đại nhân?

- Kể đến Đào Phùng. Tên này tuy còn trẻ, nhưng đáng lo ngại lắm đấy. Nhiều bài thơ hẳn ngâm vịnh có ý nghĩa cuồng bột, phạm thượng. Mà hẳn tụ họp anh em rượu chè luôn luôn. Trong một bữa tiệc hẳn ngài ngài say có nói một câu hỗn xược mà thám tử đã chép lại đem nộp tôi. Câu ấy đây.

Phân phủ vừa nói vừa đưa phân suất một mảnh giấy. Phân suất vốn không biết chữ, cười gượng nói:

- Đại nhân đọc cho tôi nghe xem nào.

- Xin vâng. Hẳn ta nói thế này: Kẻ sĩ cúi cổ khom lưng làm tôi bọn Bùi Đắc Tuyên, Nguyễn Quang Toàn thì khác gì bán rẻ linh hồn cho bọn đồ tể.

Phân suất đập mạnh tay xuống ghế ngựa quát tháo:

- Nó bảo thế? Thực nó bảo thế? Được để nó đấy rồi ta bán rẻ linh hồn nó cho Diêm vương. Nhưng còn ai nữa?

- Còn Hoàng An ở Phù Đổng, Nguyễn Tiết ở Phù Ninh, Nguyễn Đắc ở Đồn Kỹ. Trần Xá ở Phú Xuân. Đó toàn là những tay ghê gớm cả!

- Được, đại nhân cũng nên cẩn thận, vì chúng không phải là những tay tầm thường. Mà biết đâu chúng nó lại không mật thông với đồ đảng Phạm Thái?

Phân suất lớn tiếng cười, toan nói câu gì để tỏ lòng khinh bỉ với bọn kia. Bỗng ngài ngừng bật, hoảng hốt quay ra hỏi:

- Cái gì thế?

Một tên lính mặt tái như gà cắt tiết chạy xông xộc vào trong phòng đứng thờ không ra hơi:

- Bẩm...hai ông lớn...có người...chết ở cổng phủ...

- Người chết?...Ai?

Tên lính đứng thờ một hồi nữa rồi mới thuật lại rằng một võ sĩ trông rất mạnh mẽ, dữ tợn, phi ngựa qua cổng phủ và ném xuống đó một cái xác người chết.

Phân phủ và phân suất vội vàng theo lính ra cổng. Một người trần truồng nằm sấp ở giữa đường, ngay bên cầu treo. Phân suất cúi xuống lật ngựa cái thầy lên thì thấy một con dao sáng loáng cắm trúng chỗ trái tim. Thốt nhiên phân phủ hét lớn:

- Trời ơi! Nguyễn Kha! Nguyễn Kha bị giết rồi!

Phân suất kinh hải vội hỏi:

- Nguyễn Kha là ai vậy?

Phân phủ vẫn đứng yên lặng nhìn tròn trọc vào cặp mắt trắng đã mở to của người chết và nói một mình hai, ba lần:

- Trời ơi! Nguyễn Kha bị giết! Ai giết Nguyễn Kha? Nguyễn Kha! Ai giết?

- Vâng, tôi cũng hỏi đại nhân: Ai giết người này, mà người này là ai?

Phân phủ như chợt tỉnh, quay lại bảo phân suất:

- Ngài cho lính cỡi ngựa đuổi theo lưng bắt ngay lấy nó...Mau chẳng nó trốn thoát.
- Nhưng biết nó chạy ngả nào?
- Cho mỗi người đuổi một ngả.

Phân suất ra lệnh, tức thì hai chục lính kỹ mã chia làm bốn bọn, đem theo bốn cây súng hoả mai rầm rộ kéo đi.

Phân suất theo phân phủ vào công đường và nhắc lại câu hỏi:

- Nguyễn Kha là ai vậy, thừa đại nhân?

Phân phủ có vẻ lo sợ, nhìn trước nhìn sau, rồi nói khẽ:

- Người đến báo tối hôm ấy, ngài đã quên? Hấn là một viên thám tử rất có tài của tôi?
- À? Tôi nhớ ra rồi. Chính hấn đã đến báo cho ta biết người con gái ở nhà Nguyễn Bạc làng Hà Vị là Thị Kim, vợ Lê Chiêu Thống.
- Chính hấn, Nguyên tôi sai hấn giả danh là một bậc trung thần nhà Lê đi lại chơi bời với bọn kia để dò tin tức. Nhưng không rõ sao bọn kia biết là thám tử của ta.

Nghĩ một lát, phân phủ lại nói:

- Việc này ta phải ra tay mới xong...Phiền ngài đem quân áp đến bắt ngay năm tên đầu sỏ, hiềm nghi phạm điều về phủ cho.

Phân suất tuân lời, xem lại bảng kê tên tuổi và chỗ ở của những người kia rồi điểm binh mã ra đi.

Chiều hôm ấy, quân lính khiêng về phủ ba cái củi đóng sơ sài, trong mỗi cái có một người bị trói ngồi lom khom như con khỉ lớn. Phân suất xuống ngựa vào con đường hớn hỏ bảo phân phủ:

- Tuy không bắt được đủ năm tên, nhưng trong ba tên này có tên Đào Phùng. Mời ngài ra coi.

Phân phủ vui mừng vừa theo ra sân vừa hỏi:

- Có Đào Phùng? Làm thế nào mà ngài bắt được hấn?

Có tiếng cười the thé trong một cái cũi đưa ra. Phân suất tức giận vì giọng cười chế nhạo, đập mạnh vào cái cũi làm nó đổ lăn ra. Tiếng cười càng rộn, càng to, rồi người bị nhốt dần từng tiếng hỏi phân suất:

- Ông bảo ông bắt được tôi. Vậy dám hỏi ông: Ông bắt được tôi ở đâu?

Sau một cái đập thứ hai của phân suất, người kia khẩng khái nói tiếp:

- Than ôi! Kẻ chiến sĩ anh hùng mong ước được bỏ mạng ở nơi trận địa, da ngựa bọc thây, nhưng tôi đây vô tội được người anh hùng bắt trói giữa lúc tôi yên giấc ở nơi buồng tối, nhưng tôi đây vô tội được anh hùng giơ chân đập một cái mạnh bạo, trong khi tôi bị nhốt trong cũi hẹp. Đáng kính thay cái đồng cảm của người anh hùng.

Thấy phân suất rút gươm hằm hằm xông lại, phân phủ vội ngăn cản và ung dung nói:

- Ngài cần gì phải nóng thế, cứ để Đào quân đấy cho tôi.

Rồi trở hai cái cũi khác hỏi:

- Còn hai ông này?

- Thừa ngài, đó là Nguyễn Tiết với Trần Xá. Còn Hoàng An, Nguyễn Đắc đi đâu mất từ tháng trước.

Phân phủ truyền lệnh tháo cũi ba người ra, rồi lại gần ôn tồn hỏi:

- Thừa ba ngài, nếu ba ngài làm ơn cho tôi biết ba ngài dấu bà hoàng phi ở đâu, thì tôi xin cho lính đem kiệu rước ba ngài về nha ngay.

Nguyễn Tiết và Trần Xá cùng cãi.

- Hai ngài không biết Lê hoàng phi là ai, vậy chắc ngài Đào Phùng thì hấn biết?

Đào Phùng thần nhiên đáp:

- Tôi ấy à? Có, tôi có biết Lê hoàng phi, khi ngài còn ở trong cung điện kinh thành Thăng Long. Ngài thật là bậc quốc sắc, khuynh thành.

- Vâng, ngài cũng là bậc quốc sắc khuynh thành! Bữa nọ tôi đã được hân hạnh gặp long nhan. Nhưng tôi muốn biết Đào quân giấu ngài ở nơi nào?

Đào Phùng vờ ngờ ngác:

- Giấu ngài? Chết ai giấu được ngài?

- Đào quân! Nhà tôi có quen Đào tướng công, vì thế tôi không muốn để Đào quân bị hình phạt đau đớn. Vậy Đào quân chẳng nên chối cãi. Việc này tôi biết tường tận lắm rồi.

Đào Phùng mỉm cười:

- Thưa Nguyễn đại nhân, tôi biết tường tận hơn nhiều, vì tôi biết đích xác rằng tôi không giấu hoàng phi.

- Có lẽ Đào quân không giấu thực, nhưng Đào quân biết nơi ẩn núp của Lê Hoàng phi.

Rồi nhìn thẳng vào mặt Đào Phùng, phân phủ đột ngột hỏi:

- Phạm Thái vẫn được mạnh đấy chứ?

Đào Phùng chau mày hỏi lại:

- Phạm Thái? Tôi tưởng Phạm Thái bị giết với Nguyễn Đoàn rồi?

Phân phủ cau tiết gắt:

- Chú đừng trách tôi ác nhé? Vì bọn phạm, tôi không thể không trừng phạt chú được.

Liền ra lệnh đánh mỗi người hai chục trượng. Một tên lính lực lưỡng giơ roi song ráng sức quật vào mông, vào lưng phạm nhân, khiến Nguyễn Tiết, người chịu hình phạt thứ nhất, kêu la ầm ỹ và Trần Xá một nhà văn yếu đuối mới đến roi thứ mười lăm đã chết ngất đi rồi.

Đến lượt Đào Phùng, chàng chỉ cười và cắn chặt hàm răng trên xuống môi dưới, không thốt một tiếng kêu ca, đến nỗi chú lính cau tiết, đánh thêm cho ba roi rất mạnh. Đào Phùng giơ hai tay bị trói lên lau mồ hôi, bảo tên kia:

- Chú rõ quá cẩn thận! Quan truyền đánh có hai mươi roi, chú lại ra thêm cho ba roi nữa.

Phân suất cảm tức trưng mắt nhìn, còn phân phủ thì có ý khen thầm. Trong khi ấy Trần Xá được một tên lính lấy nước phun vào mặt, đã tỉnh dậy, lim dim cặp mắt và nằm thở hổn hển. Phân suất hỏi:

- Trần Xá! Người đã chịu cung khai chưa?

- Bẩm đại nhân.. Đoái thương tôi già yếu. Tôi không biết một tí gì thì cung khai...làm sao được?

Nghe lời nói có vẻ thành thực, phân phủ xuống lệnh hãy giam Xá vào ngục, rồi quay ra bảo Nguyễn Tiết?

- Còn ông này thì nghĩ sao?

Nguyễn Tiết lại gần nói thầm mấy câu. Phân phủ vui mừng cười trối và mời vào trong nhà, Đào Phùng vội kêu:

- Hấn sợ đòn nên khai láo, ngài chớ nghe.

Phân phủ tức giận thét:

- Im ngay!

Rồi sai lính đi lấy một cái hỏa lò than hồng và hai cái kim. Một lát sau thịt đùi Đào Phùng cháy xèo xèo, xông lên mùi giẻ khét. Đào Phùng bảo phân phủ:

- Xin ngài miễn cho cái hình phạt này.

Phân phủ hớn hờ:

- Vậy ông chịu cung khai?

Đào Phùng nói luôn:

- Vì khó người lắm. Tôi đến lợm nôn vì mùi thịt cháy mất thôi.

- Bản chúa bằng lòng chuẩn lời xin của Đào quân.

Liền quay ra gọi:

- Lính đâu dùng kim và nước lạnh.

Tiếng dạ ran.. Họ lại bắt đầu kẹp đùi bên kia của Đào Phùng, hấn kim sống đau hơn kim chín nhiều, vì kẻ bị hình phạt hiến hai hàm răng vào nhau, tiếng kêu ken két, và tuy chàng cố cười gượng, nước mắt chảy ràn rụa ướt đầm hai bên má. Phân phủ bốn cợt hỏi:

- Thế nào, bây giờ thì đỡ khét chứ?

Đào Phùng muốn trả lời một câu chua chát, nhưng vì phần đau quá, phần hai hàm răng nghiến mạnh như sai khớp, chàng nói không ra tiếng nữa. Đưa hai tay bị trói lên, nắn lại hàm dưới, rồi khi đã hơi hoàn hồn, ôn tồn bảo phân phủ:

- Thưa ngài, tôi còn biết phân trần sao cho ngài tin được, vì ngài yên trí rằng tôi là đồ đảng của Phạm Thái mà tôi không biết mặt, lại buộc cho tôi cái tội tàng nặc Lê hoàng phi mà tôi tưởng đã chết. Nay đối với ngài tôi như con cá đối với người hỏa dầu, sống chết ở tay ngài. Vậy ngài muốn dùng cách hình phạt nào mà kẻ vô tội này chẳng phải chịu.

- Bào quân nói có lý lắm....Lính đâu hãy mời Đào quân vào nghỉ tạm trong ngục thất mấy bữa cho lại sức đã, rồi ta sẽ nói chuyện sau.

## Cái võng thọt

Đào Phùng bị giam đã được hơn một tháng. Trần Xá vì tuổi tác không chịu nổi hình phạt quá dã man nên đã bỏ mạng trong ngục thất. Nguyễn Tiết thì được tha ngay hôm bị bắt. Chàng hứa với phân phủ sẽ đi dò thám bọn cựu thần nhà Lê. Đó là câu nói thảm đã khiến phân phủ vui mừng truyền cởi trói cho chàng.

Còn Đào Phùng, trong thời kỳ ấy, đã năm phen bị hành phạt roi song và kim cặp mà vẫn không chịu cung khai, một mực nói mình chỉ phạm có một tội: tội làm con bạc trung thần nhà Lê.

Một buổi sáng, tiết xuân ấm áp, Đào Phùng hồi tưởng tới hồi tự do đi chơi ngoạn cảnh, cùng anh em uống rượu làm thơ, mà trong lòng sinh ra mối hoài xuân, mam mác. Mấy ngày tết nguyên đán, tiếng pháo nổ ran, chàng nghe như lời trêu ghẹo, nhưng chàng chỉ cảm tức mà không buồn rầu. Hôm nay, trong phòng ngục chật hẹp, sự yên lặng đã khiến chàng buồn rầu mà quên hẳn lòng căm tức.

Qua hàng chấn song sắt cửa sổ, màn mưa bay lờ mờ mà tăng vẻ dịu của cảnh trời muộn, Đào Phùng cúi xuống nhìn hai chân sỏ trong cùm rồi lắc đầu, thốt ra một tiếng thở dài đau đớn.

Bỗng chàng nghe có tiếng lao xao ở phòng binh lính giáp vách với ngục phòng. Chàng lắng tai nghe được câu chuyện lý trưởng sở tại với người cai lệ. Lý trưởng đem biểu quan cái thủ lợn và chú cai vôi lễ mới chịu trình quan.

Đào Phùng liền lên tiếng nói đồng:

- Lâu nay bị giam thêm rượu quá. Giá được chén một bữa thoả thích thì cung khai hết mọi điều.

Người cai nghe rõ, hấp tấp chạy lên cung trình bày cùng phân phủ. Tức thì có lệnh tháo cùm cho phạm nhân Đào Phùng và cho phép y được lên nhà trè xơi rượu.

Phân phủ thân đến mời Đào Phùng một chén đầy mà nói rằng:

- Nếu Đào quân cung khai bốn điều ấy thì không những được uống rượu mãi mãi, mà còn được cất nhắc lên làm quan nữa kia. Bốn điều ấy bản chức ôn lại để Đào quân nhớ cho. Là: Ai giết Nguyễn Kha? Lê hoàng phi hiện trốn ở đâu? Phạm Thái hiện ẩn ở đâu? Nơi sào huyệt của bọn Phạm Thái ở đâu?

- Dạ, đại nhân để tôi uống rượu đã.

- Được, xin mời Đào quân uống cho thoả thích. Hết, xin lại gọi thêm.

Hơn một giờ sau nghe tiếng ngâm thơ sang sảng ở nhà trè, phân phủ liền đi xuống, vui vẻ hỏi:

- Đào quân sơi rượu rồi?

- Bẩm đã. Đa tạ đại nhân thết đãi một tên tù quá hậu..ước gì bữa nào đại nhân cũng cho ăn uống no say như thế.

- Cái gì mà Đào quân cười dữ dội thế?

- Thưa đại nhân, tôi nghĩ đến bọn giết người lấy của mà vẫn tưởng mình là lương thiện, thì tôi tức cười đến chết.

Chàng lại cười. Phân phủ cố nén giận, ngọt ngào bảo chàng:

- Đấy ngài coi, thằng tướng cướp này giết biết bao nhiêu lương dân mà dám tự cho mình là lương thiện thì còn trời đất nào nữa!...Nhưng tôi đã có cách trừng trị..nhân tiện hiến ngài một cuộc vui hiếm có.

Rồi bảo tên cướp:

- Mày không xưng, quả thực mày không xưng?

Phân phủ cười hả hả:

- Cái đó tùy ngài cả. Cung khai sự thực xong thì muốn gì mà bản chức chẳng tâu lên thiên tử ban cho.

- Cung khai thì cố nhiên là tôi cung khai, nhưng thưa đại nhân, tôi có một tính rất xấu: cơm rượu xong cứ phải tiêu khiển một ván cờ, hoặc một hội tổ tôm. Giá đại nhân chuẩn cho sự nguyện vọng ấy thì tôi xin thú nhận hết các tội.

Phân phủ ngầm nghĩ: "Hay thằng này lại giở quẻ đây!...Được người cứ gan...Ta đến phải cho người nếm mùi vớng thịt mới xong!"

Đào Phùng cũng nghĩ thầm: "Thú nhận! Rồi mày biết tay tao thử cung khai chính mày là thủ phạm, vợ mày là đồng đảng xem mày còn giở ra thứ hình phạt gì có thể dã man hơn được nữa?"

- Đào quân nói gì tôi quên bằng mắt...Đào quân miễn chấp. Tôi đang trí lảm.

Dạ tôi đâu dám. Vừa rồi tôi xin đại nhân cho phép tôi hầu đại nhân một ván cờ hay một hội tổ tôm.

Phân phủ mỉm một nụ cười ghê gớm:

- Bản chức còn thấp lằm, dịch sao lại Đào quân lằm mưu nhiều trí. Còn như tổ tôm thì không đủ quân. Vả, thiết tưởng hai cách tiêu khiển ấy nhu nhược lằm, buồn tẻ lằm. Tôi xin hiến Đào quân một cách tiêu khiển khác hùng tráng mà cảm động hơn nhiều...

Liền gọi viên đội trưởng mà bảo thầm mấy câu. lát sau, mấy tên lính dẫn đến trước mặt hai người một tội nhân cổ mang gông nặng, tay bị trói quặt về sau lưng. Phân phủ trở tên tù, nói với Đào Phùng:

- Đây là một thằng tướng cướp rất lợi hại ở vùng này quan phân suất vừa bắt được tối hôm qua. Tôi sai nó làm trò để Đào quân coi cho đỡ buồn nhé?

Rồi quay hỏi tên kia:

- Mày đã thú nhận chưa?

Tên cướp vờ khóc:

- Bẩm ông lớn, ông lớn thương con phận nào, con được nhờ phận ấy. Quả thực con là người lương thiện.

Phân phủ quát tháo:

- Lương thiện à? Đốt nhà giết người, lấy của mà là lương thiện thì thế nào mới là tàn ác hờ tên...

Một dịp cười làm cho phân phủ ngừng bật:

- Cái gì mà Đào quân cười dữ dội thế?

- Thưa đại nhân, tôi nghĩ đến bọn giết người lấy của mà vẫn tưởng mình là lương thiện, thì tôi tức cười đến chết.

Chàng lại cười. Phân phủ cố nén giận, ngọt ngào bảo chàng:

- Đấy ngài coi, thằng tướng cướp này giết biết bao nhiêu lương dân mà dám tự cho mình là lương thiện thì còn trời đất nào nữa!...Nhưng tôi đã có cách trừng trị..nhân tiện hiến ngài một cuộc vui hiếm có.

Rồi bảo tên cướp:

- Mày không xưng, quả thực mày không xưng?

- Bẩm ông lớn, con biết điều gì mà xưng?

- Lính đâu?

Tiếng dạ ran. Mấy người lính chạy lại.

- Sắp sửa khí cụ hình phạt để làm vớng thịt hầu Đào quân coi.

Tức thì kẻ đi lấy thùng, lấy giầy đàn, bê gạch đến, rồi dùng giầy đàn buộc hai ngón tay cái hai ngón chân cái tên cướp lại với nhau. Trong khi ấy, một người lính khác đã leo lên cây bàng mắc vào một cành hai đoạn giầy thùng lớn. Xong, họ buộc hai đầu thùng vào đầu ngón chân và ngón tay người bị tròng phạt mà kéo lên cao, trông như cái võng vậy: "Võng thật".

Tên tướng cướp đã gan, cổ cấn rằng không kêu khóc. Nhưng khi người ta lạnh lùng đặt một phiến đá lên bụng hắn mà đưa người hắn như đưa võng thì hét lớn lên một tiếng: "Ói!"

Đào Phùng lại cất tiếng cười the thé.

- Ngài cười gì vậy?

- Tôi cười để khen ngợi đại nhân đó mà thôi, xin đại nhân đừng vội giận. Cách xử án của đại nhân khiến tôi nhớ tới một người hiền đời xưa.

Phân phủ, trong lòng căm tức nhưng vờ vui tươi hỏi:

- Người hiền ấy là ai thế?

- Người ấy là Triệu Công. Ngày xưa Triệu Công xử án ở gốc cây bàng. Lòng công bằng của ngài đã khiến người ta phở vào bản đàn câu hát: "Tế thể cam đường, vật tiền vật phạt.." Ngày nay đại nhân cũng xử án ở một cành bàng. Cành bàng tuy có cao hơn gốc bàng nhưng cũng thế thôi.

"Được, lát nữa xin sẵn lòng treo anh lên một cành cao hơn." Phân phủ nghĩ vậy rồi hầm hầm truyền lính lập sắp tên tướng cướp xuống và đặt trên lưng hắn ta một phiến đá nặng hơn.

Giữa lúc ấy có tiếng hát ngoài cổng.

Phân phủ lắng tai nghe và bảo một tên lính:

- Đưa nào hát ngheu ngao thế? Mà ra xem...

Một lát, tên lính trở về nói:

- Bẩm ông lớn, đó là một bọn mãi võ, đi múa kiếm ăn. Chúng xin vào hầu ông lớn.

- Đuổi cổ nó ra!

Đào Phùng vội can thiệp:

- Sao đại nhân không cho phép chúng nó vào múa gươm để tôi được coi nhờ với. Thừa đại nhân trong bọn biết đâu không có kẻ đại tài mà đại nhân có thể dùng làm thủ túc được!

Phân phủ gật gù:

- Cũng có lẽ.

Liên truyền lệnh gọi bọn kia vào. Tức thì bốn người nai nịt gọn gàng, mạnh mẽ đồng dục bước tới. Người đi đầu là một tráng sĩ vào trạc ba mươi tuổi, hai người đi kèm hai bên ý chừng là em trai và em gái tráng sĩ, vì cùng một nét mặt rắn rỏi, xương xương với cặp mắt xếch ngược và trong sáng. Theo sau, một người gánh đôi hòm lớn, trông càng lực lưỡng hơn.

Cả bốn người kính cẩn dập đầu xuống sân làm lễ. Phân phủ hách dịch hỏi:

- Chúng mày biết làm những trò gì?

Một tiếng "ái" rất lớn trả lời lại, đó là tiếng kêu của tội nhân bị treo trên cành bàng. Phân phủ quát:

- Hãy cho phép nó nằm yên đấy: Đừng đặt đá lên lưng nó vội, để ta coi mấy đứa này làm trò cùng múa võ đã.

Rồi quay về bọn mãi võ:

- Tao hỏi: chúng mày biết làm những trò gì?

Người trùm lễ phép thưa:

- Kính bẩm đại nhân chúng tôi biết đủ các món võ, biết làm, biết hát những bài ca múa gươm...

- Vừa múa gươm vừa hát có được không?

- Bẩm được lắm chứ.

- Vậy múa hát ta coi thử nào?

Chàng liền vừa múa vừa ca rằng:

Ta, tráng sĩ hề, gặp thời loạn lạc,

Như cá gặp nước hề! ta vẫy vùng,

Bỏ bút nghiêng hề! Toàn đồ vô dụng.

Một ngựa một gươm hề! một cây cung,



Với lòng dũng cảm hề! Với chí lớn,  
Ta xông xáo hề! trong đám mông lung,  
Chiếc chiến bào của ta hề! Đắm máu,  
Bên tai ta hề! Vào trong trận địa.  
Như cá trong nước hề! Ta vẫy vùng!

Đào Phùng vỗ đùi khen ngợi:

- Hay! Hay lắm!

Lần lượt bốn người kế tiếp nhau múa gươm, múa đao, múa đại đao. Sau hết, người trùm xin chia ra làm hai cánh, giả đánh nhau để hiến phân phủ một cuộc vui hiếm có. Đào Phùng lấy làm thích chí, cười nói:

- Ô, thế thì đẹp lắm nhỉ. Giá đại nhân cũng cho phép tôi múa may với họ thì vui biết chừng nào.

Phân phủ chưa kịp trả lời thì bốn người mại võ đã kẻ đao, kiếm, kẻ đao, kích đánh nhau loạn sạ. Bỗng huỳnh một tiếng, giây thừng treo tội nhân đã đứt và nhanh như cắt, một người đã cởi trói cho va, trong khi ba người sấn vào đâm chém phân phủ. Lĩnh tráng hoảng hồn vớ lấy ghế giơ lên đỡ. Nhưng bọn kia cũng chỉ đánh dọa để mở đường mà thôi. Vụt một cái cả năm người đã ra khỏi cổng chạy miết.

Nhân lúc phân phủ và binh lính chạy hỗn loạn và kêu la ầm ĩ, Đào Phùng lên được ra cổng, trốn thoát.

## Tờ phả khuyến

Trên con đường nhỏ chạy ven đê sông Cầu rẽ vào làng Vĩnh Thế, người ta thấy một nhà sư trẻ tuổi, thân thể tráng kiện tay chống gậy trúc, vừa đi vừa lâm râm niệm phật. Một chú tiểu vạm vỡ như nhà sư gánh một đôi thùng theo sau. Một bên thùng có một cái tay nải nâu, vào ở bên kia có mấy quyển kinh và nhiều giấy tờ gọi trong chiếc khăn nâu cũ. Nhà sư thông thuộc đường lối trong làng lắm, đi thẳng vào một xóm tới một toà nhà ngói, đứng ở cổng nói:

- Nam vô a di đà phật! Nghe tin ông bà đây hằng tâm hằng sản, sãi tôi đến xin ông bà mở lòng tu nhân tích đức, cúng vào việc sửa sang chùa chiền. Nguyên chùa Nghiêm Xá...

Không để sư nói dứt câu, chủ nhà quát lớn:

- Sư với mô gì! đem cho họ một đồng kẽm, một đôi kẽm thôi, rồi bảo họ đi ngay.

Nhà sư mỉm cười khinh bỉ và toan cất tiếng bá ngo lấy mấy câu. Nhưng giữa lúc ấy, ở trong nhà đi ra một thiếu nữ rất xinh tươi khiến nhà sư ngây người đứng ngẩn, không rút ra đi được.

Thiếu nữ dịu dàng bỏ vào thùng nhà sư dăm đồng tiền kẽm mà nói rằng:

- Mẹ tôi cúng xin sư ông nhận cho.

- Đa tạ thí chủ.

Rồi cất tiếng du dương trong trẻo nhịp nhàng vừa nhìn thiếu nữ vừa đọc bài sau này:

*Từng mảng rằng: Kẻ dựng phúc hẳn là gặp phúc, tên ghi muôn kiếp đã không mòn; người tìm nhân âu lại được nhân, dấu để nghìn năm gương chẳng bụi.*

*Nếu cầm thẳng chiếc bóng theo vào lệch, cân nhắc hàng mây tóc nhận không sai.*

*Đức Phật ta: chén nổi ân thiêng, tích hay phép nhiệm.*

*Lá vuồm gấm thổi gió từ bể giác, doanh mê nhẹ chở kẻ trầm luân, bóng đèn hoa lồng mây tuệ ngàn thiêng, bể khổ sáng đưa người ám muội...*

Trong nhà lại thét ra:

- Liên! Cho tiền người ta rồi bảo người ta ra, hát với xướng mãi.

Thiếu nữ có vẻ không bằng lòng đáp lại:

- Thừa mẹ, mẹ để sư ông đọc hết bài phả khuyến đã.

Nàng quay lại mỉm cười bảo nhà sư:

- Sư ông cứ đọc đi.

Sư ông cũng vui lòng chiều ý cô gái đẹp, lại cất tiếng ngâm nga đọc tiếp:

*Sãi tôi nay: gặp thuở mình thời, sinh làm nam tử.*

*Võ đẹp loạn đã không hề thao lược, văn trị yên lại chẳng biết kinh luân.*

*Tiến thì quan nghe đường ấy khó nhằm, trong thế giới ba nghìn dư, kìa trời đất xanh xanh nào có phụ; đặt mà sư, xem đạo này cũng phải, đường tu hành ba mươi sáu, với cõ hoa hơn hớn cũng là vui.*

*Làm chi tham dục để nên lòng, luống chịu kiên vưu cho lụy tiếng.*

Một tên người nhà vội chạy ra:

- Thôi nhà sư đi.

Rồi hấn chấp tay lễ phép nói với thiếu nữ:

- Bà lớn truyền cô vào ngay.

Thiếu nữ phụng phịu:

- Vào thì vào!

Ra đường, chú tiểu nói với nhà sư:

- Bạch thầy, nhà đó giàu có thế mà bần sần quá đi mất.

Nhà sư làu nhàu chửi:

- Bá ngộ nó chứ!

- Bá ngộ cả cái cô thiếu nữ đẹp ghê gớm!

- A di đà phật, chú chỉ nói bậy!...Nhưng bá ngộ nó, giá nó ở vào vùng Nghiêm Xá, Phú Mẫn thì phải biết tay ta.

- Dạ bạch thầy, có thế. Nhưng biết đâu chẳng có ngày nó phải qua đò Kim Lũ.

Giữa lúc ấy, một người to lớn ở phía sau tiến lên, lấy tay gạt mạnh bên quang cửa chú tiểu ra mà đi khiến chú căm tức, đặt gánh xuống đường, thò tay vào bọc toan rút dao đuổi theo. Nhưng nhà sư vội giữ lại thì thầm:

- Thôi, mặc kệ hấn, sinh sự với hấn làm gì?

Chú tiểu hấn học:

- Nhưng bá ngộ nó, nó khinh thần trò mình ra mặt thế này thì chịu sao nổi. Mà thầy ạ, biết đâu nó không nghe lỏm được câu chuyện của ta.

- Ờ, cũng có lý, vả thẳng cha trông dáng bộ khả nghi lắm.

Thực vậy, người ấy rất có vẻ bí mật: cái khắc nhiều tam giang quán rối sụp đến đôi lông mi rậm. Và tuy sang xuân, tiết trời ấm áp, mà chàng còn đội trùm hụp trên đầu chiếc khăn bịt lụa trắng che kín hấn nửa mặt dưới, để hở ra hai con mắt thao láo.

- Có lẽ nó ốm, thầy ạ.

- Ôm mà lại đi nhanh như thế được!

Hai thầy trò còn đường bàn bạch chưa biết xử trí ra sao thì người kia đã đi khuất sau lũy tre thôn Vạn Đình. Nhà sư bảo chú tiểu:

- Cứ coi bộ hấp tấp vội vàng của hấn thì đồ rằng hấn đến Cổ Mễ để sang đò?

- Bạch thầy, biết đâu hấn sang đò. Nhỡ hấn quay về Kinh Bắc thì sao?

- Nhưng hấn quay về trấn lỵ thì đã làm sao?

Trò lo lắng thầy ạ, trò chỉ sợ nó đã nghe lỏm được câu chuyện mình bàn tán.. Ở vùng này ít lâu nay nhan nhản những thám tử của quan trấn thủ, chắc thầy chẳng lạ.

Phạm Thái - vì nhà sư chính là Phạm Thái - giật mình nhớn nhác nhìn quanh. Rồi quay lại bảo chú tiểu:

- Chú Quế, chú cứ đi thông thả nhé.

Dứt lời chàng bước rất mau, hầu như chạy. Chú tiểu theo không kịp, đành để thầy đi trước. Một lúc lâu, Phạm Thái trở lại nói:

- Không biết nó biến đàng nào mất. Chẳng thấy bóng nó đâu nữa.

- Bạch thầy, thật là một mối họa cho thầy trò ta.

Phạm Thái đương lo lắng ngẫm nghĩ, cũng phải bật cười bảo tiểu Quế:

- Chứ nên cất kỹ cái kho "hán tự bá láp" của chú đi. Mọi gì là mối hoạ....Nhưng ta hãy vào hàng này ngồi nghỉ uống bát nước chè tươi đã, rồi muốn ra sao thì ra.

Hai thầy trò liền bước vào một cái quán bên đường ở đầu làng Ngọc Đồi. Ngày xưa đó là một bến đò sầm uất. Nhưng từ khi vua Quang Trung đắp lại con đường Bắc Thành qua Kinh Bắc đi thẳng lên Lạng Thương, Yên Thế, Lạng Sơn, thì bến đò Ngọc Đồi đã thiên đến Cổ Mễ. Dần dần, người ta rời hết hàng quán để mang lại dựng ở bến dưới, và bến cũ chẳng bao lâu đã thành một nơi bỏ hoang, còn trơ trọi mỗi một cái quán nước bán bánh. Một bà lão già ở đó với một đứa cháu gái nhỏ lên chín lên mười!

- A di đà phật! Bạch sư ông vào soi nước!

- A di đà phật!

- Trời đã xế chiều rồi, sư ông ý chừng đến chùa Cổ Mễ?

- Không đâu bà hàng ạ, sãi tôi đi khuyên giáo lấy tiền sửa chùa Nghiêm Xá.

- A di đà phật! Vậy của ít, lòng nhiều, tôi xin cúng nhà chùa.

Vừa nói, bà lão vừa moi bọc lấy hai đồng tiền kẽm bỏ vào thúng, khiến Phạm Thái cảm động đưa mắt nhìn chú tiểu:

- Phúc đức quá! Tôi xin cầu trời phật độ trì cho bà.

Bỗng chú tiểu giật mình, vì chàng vừa nhác thấy người bí mật ban nãy một mình trên chiếc thuyền nan lênh đênh giữa giòng sông, nước chảy xiết. Chàng buông một tiếng thở dài như để trút hết lòng lo sợ băn khoăn.

- Thì ra, chú ạ, người ấy không về trấn lỵ.

Hai thầy trò vui mừng từ giả bà hàng ra đi. Khi đến bến đò Cổ Mễ gặp một bọn lính ở thành Bắc cũng vừa tới. Nhân dân thất kinh giãn cả ra khi thấy một người trong bọn binh, chừng là cai đứng lên một mô đất bên sông và lớn tiếng nói:

- Có lệnh quan truyền không cho một tên lái đò nào chở sang ngang trong đêm hôm nay. Phải để mai quan quân khám tìn bài hành khách đã.

Phạm Thái đến gần người ấy và lễ phép hỏi:

- A di đà phật! Thưa thầy có việc gì quan hệ mới xảy ra mà cấm ngặt thế?

Người cai bép sếp trả lời:

- Nghe như vừa có tin ở phủ Từ Sơn báo bọn Đào Phùng phá ngục trốn thoát.

Phạm Thái sững sốt ngả đầu chào quay đi. Viên cai tướng nhà sư sợ hãi, có biết đâu rằng chàng kinh ngạc vì vừa nhớ lại vừa nhận ra người bí mật kia là Đào Phùng mà chàng đã gặp trong rừng Đình Bảng; Chàng quay lại bảo chú tiểu Quế:

- Tôi ta đi chẳng tối mắt.

Phạm Thái hấp tấp như thế là vì trong bọc chàng có nhiều giấy quan trọng và chàng sợ bọn lính đòi khám. Đi một quãng xa, chàng như không thể nhịn được nữa, ôm bụng cười rũ rượi.

Chú tiểu hỏi:

- Bạch thầy, có chuyện chi mà thầy cười góm giếc vậy?

- Còn gì đáng cười cho bằng cách đề phòng bọn bầy tôi Quang Toản.

- Đề phòng như thế thì có gì là đáng tức cười, bạch thầy?

- Lại còn không tức cười à? Việc quan trọng thế mà để tiết lộ sự bí mật! Đợi người ta sang sông rồi mới cấm thuyền. Làm hai điều vô lý ấy thì chỉ có bọn bầy tôi Quang Toản.

- Nhưng có ai sang sông cơ?

- Ai? Đào Phùng chớ còn ai nữa? Cái người mà thầy trò ta ngờ oan là thám tử chính là Đào Phùng đó.

- Sao thầy biết?

Phạm Thái ngần ngừ đáp:

- Đoán...Nhưng việc của ta, ta hãy nghĩ đến đã. Bây giờ phải đi mau tới thành Kinh Bắc.

- Đến nơi chắc cổng thành đã đóng rồi.

- Thì ta vào chùa Yên Xá.

Quả thực khi đến Kinh Bắc cầu treo đã kéo, và cổng thành đã đóng. Hai thầy trò Phạm Thái liền tìm vào chùa Yên Xá trú ngụ.

Nửa đêm chú tiểu chợt thức giấc, không thấy sư ông nằm ở giường trên. Chú đoán chừng thầy ra sau, nên chú lại ngủ ngay.

Sáng hôm sau, chú mở choàng mắt nhìn lên giường: sư ông vẫn còn ngủ, mà coi như ngủ say lắm. Yên lặng sắp sửa hành lý để chờ thầy dậy.

Bỗng chú kêu rú lên một tiếng, khiến Phạm Thái tỉnh giấc hỏi:

- Cái gì thế, chú!

- Bạch sư ông, đầu mắt bọc giấy?

- Giấy gì?

- Bạch thầy, giấy gói trong cái khăn nâu, mà thầy bảo là những bài phả khuyến... đem đi phát để quyên tiền.

Phạm Thái mỉm cười:

- Mất thì thôi.

Sau khi cùng sư ông chùa Yên Xá uống thiền trà, Phạm Thái cáo từ ra đi...

Vừa vào trong thành, chàng đã nghe thấy lời đồn huyền ảo: "Tối hôm trước có người đến dán giấy ở các cổng thành xúi giục nhân dân nổi loạn để đánh đổ nhà Tây Sơn và phò nhà Lê lên ngôi trời. Giấy ấy hiện đã bóc nộp quan trấn thủ. Nhưng ở trong thành còn nhiều người nhặt được cũng tờ giấy như thế mà không biết ai bắt từ đâu tới vì tờ nào cũng vào một cái tên. Phạm Thái hỏi một người đàn bà:

- Có thể xem được không bà?

Người kia vênh mặt bừ môi, nhieếc nhà sư:

- Xem? Có mà mắt đầu! Ai dám chữa cái của nợ ấy ở trong nhà mà xem được?

Hai thầy trò Phạm Thái ung dung đến một hàng cơm quen thuộc ở phố Tiền Môn. Chủ quán đơn đả ra cửa mời chào:

- A di đà phật! Đã lâu lắm mới thấy sư ông Phở Chiêu đến hàng. Mời sư ông vào nhà trong cho tĩnh.

Vốn biết sư ông thích rượu nhắm thịt nướng chả, chủ quán sợ để ngài ngồi ngoài hàng, ngài ngược không dám gọi những món "thiền giới", nên có nhã ý mời ngài vào một phòng vắng để ngài được tự tiện dùng thứ gì thì dùng, dầu "cầu nhục" đi nữa không sao.

Phạm Thái vừa nhấp cạn chén trà mạn tổng khẩu thì ở ngoài hàng có tiếng nguyên rửa ôm xòm.

Chàng tò mò ra xem: Một công tử cầm tờ giấy đầu chữ in báo chủ quán:

- Ta đến trước cửa hàng nhà người bắt được mảnh giấy ghê gớm này.

Phạm Thái đến gần thì vừa gặp chú tiểu tỏ vẻ kinh ngạc đưa mắt nhìn chàng.

Chàng cũng quắc mắt nhìn lại, rồi ôn tồn hỏi người vừa vào:

- Tờ giấy gì thế? Công tử đọc cho tôi nghe với.

- Một tờ giấy chữ nôm, nhà sư ạ. Chẳng biết đưa nào hỡn xược dám viết, dám in những câu phạm thượng thế này?

Rồi chàng lẩm nhẩm đọc:

*"Từ khi đức Thái tổ nhà Lê ta khởi nghĩa ở Lam Sơn đánh đuổi quân Minh mà lấy lại giang sơn gấm vóc tới nay, trải có hai mươi bốn đời vua, gần bốn trăm năm dựng nghiệp đế, thừa lệnh trời trị nhân dân trăm họ. Tuy trong khoảng vài chục năm, cha con Mạc manh tâm phản phúc thoán đoạt ngôi rồng nhưng lưới trời riết ráo kẻ thoán nghịch tránh sao cho khỏi sa vào.*

*"Nay anh em cha con Tây Sơn ngu độn, bạo ngược, chẳng hiểu lẽ mệnh trời, chẳng nghĩ tới nghĩa vua tôi, dám dấy quân phản loạn để đến nỗi hoàng đế phải phiêu lưu đất khách gần mười năm nay. Than ôi, vua bị nhục, bầy tôi phải chết! Nay vua ta bị nhục mà ta nữ sống an nhàn được ru?"*

"Hồi anh em, ta phải tỏ cho quân Tây Sơn biết rằng đất Bắc chẳng thiếu anh hùng, nghĩa sĩ. Anh em hẳn còn nhớ câu nói ngạo mạn, khinh thị của Nguyễn Huệ khi hẳn mới tới Thăng Long. Hẳn nói rằng: Ngoài Bắc Hà chỉ có mỗi một thằng Chính, nay đã theo hầu tao rồi. Còn thì toàn một giống giẻ giun, cày sậy".

"Anh em đã nghe rõ chưa?"

"Vậy, nào những ai là bầy tôi trung nhà Lê - mà ai lại không là bầy tôi trung nhà Lê, vì ông cha chúng ta đều đời đời ăn lộc nhà Lê, - hãy đem ngày lo toan việc khởi nghĩa phục thù cho nhà Lê đi. Bọn chúng tôi hợp tập được một đảng có mấy vạn người tản mát khắp các nơi, chỉ chờ anh em trong nước tiếp ứng là khởi sự đó thôi.

Ký tên:

"Những tôi trung của nhà Đại Lê

Niên hiệu Chiêu Thống thứ mười hai"

Nghe đọc xong tờ hịch Phạm Thái nói:

- A di đà phật! Lời lẽ mạnh quá!

- Nhưng ta phải mang tờ giấy này lên trình quan trấn thủ mới được.

Dứt lời, chàng hấp tấp đứng dậy đi thẳng.

Chàng công tử vừa ra khỏi thì một bọn quan võ đến hàng thét bảo chủ quán làm rượu.

Phạm Thái nghe một người nói:

- Đã biết mà! Nó chưa đi thoát vùng này mà!

- Ngài nói Đào Phùng?

- Chứ còn ai? Gớm thật! Vừa trốn ở ngục ra đã táo tợn dám đi rải hịch xúi dân làm loạn được rồi.

Một người hỏi:

- Những tờ hịch chữ in. Vậy nó khắc, nó in sao chóng thế được?

Một người khác, giọng bí mật:

- Ô phải biết, đảng nó to lắm!

Phạm Thái mỉm cười, quay vào nhà trong uống rượu.

## Quần sư tụ hội

Luôn mấy hôm chùa Tiêu Sơn làm lễ dâng sao. Khách thập phương kéo đến rất đông. Mà sư các nơi đến họp giảng kinh cũng nhiều lắm. Hai chữ "dân sao" đem dùng vào chùa Tiêu Sơn thật đúng vì đêm, người ta đứng ở các ruộng thấp chung quanh, ngược mắt nhìn lên chùa thấy quả đồi đã thành một chòm sao "tua rua" lấp lánh bên những khóm lá đen um của mấy cây thị cao ngất. Vì thế, ngoài khách đến lễ, lại còn khách đến ngắm cảnh chùa nữa, tối nào cũng người lui người tới rầm rập quá nửa đêm chưa ngớt.

Nhưng lễ dâng sao chỉ là một cớ để các tráng sĩ đảng Tiêu Sơn tụ hội đó mà thôi Tan đàn được một hôm thì chur tăng bắt đầu vào làm lễ thiên định. Suốt một ngày một đêm, mấy trăm sư nhịn ăn và chỉ uống nước lã, để được tĩnh tâm trí mà nghiền ngẫm đến chân lý của đạo nhiệm màu. Trong khi ấy, các cổng chùa đóng chặt, không để một người trần tục nào lui tới.

Hôm đó, ai đến Tiêu Sơn tất đã được mục kích một cảnh tượng rất oai nghiêm và cảm động.

Trên chùa, một dãy chiếu giải kín năm gian. Các nhà sư chia ra hai hàng, ngồi xít vào nhau, mỗi người tay cầm một quyển sổ trong có chứa những ý riêng của mình để đem ra bàn.

Một hồi chuông giống giả trong không.

Đối với nhân dân quanh vùng thì đó là hồi chuông bắt đầu vào lễ tĩnh tọa. Và những người thực mộ đạo nghe thấy tất chấp tay vào ngực mà thì thầm tụng niệm bài kinh sám hối.

Nhưng kỳ thực, đó chỉ là một hồi chuông khai mạc hội đồng bí mật. Mấy trăm thiền sư ngồi xếp bằng trên chiếu, lặng lẽ cúi đầu, trông rất có vẻ trầm tư mặc tưởng.

Dứt hồi chuông, Quang Ngọc ngồi giữa, giáp lưng vào tường, đứng dậy nói:

- Nam vô a di đà phật!

Mọi người đáp lại:

- Nam vô a di đà phật!

Quang Ngọc chờ cho ai nấy im lặng, rồi nói tiếp, tiếng nghe sang sảng:

- Đây là nơi tu hành. Anh em ta chỉ ẩn núp dưới bóng từ bi để làm việc lớn. Vì thế Ngọc này đã cùng anh em đồng chí khai mạc hội đồng bằng một câu niệm phật, tức là để dâng lời tạ tội chân thành lên đức Phật tổ Như Lai.

Chàng ngừng một phút đưa mắt nhìn mọi người:

- Bây giờ đến việc của chúng ta: việc lớn, việc nước, Những người đến bàn việc trọng đại ấy họp ở đây không phải là cách thiền sư nữa. Ngưng người ấy chỉ là một bọn đồng chí đã thề với nhau tôn phò nhà Lê. Ngưng người ấy đã cử Trần Quang Ngọc này lên chức đảng trưởng, lên ngôi minh chủ, thì trong lúc này Ngọc tôi không còn là Phổ Tĩnh thiền sư mà chỉ là Trần Quang Ngọc, tôi trung của nhà Lê.

Chàng chỉ một cái hộp đồ bên trái:

- Đây là ấn tín anh em giao cho. Cái mệnh lệnh độc đoán của nó, hẳn anh em đã rõ.

Rồi trở thanh kiếm đặt bên phải:

- Đây là thanh bảo kiếm anh em giao cho. Cái sức mạnh quả quyết của nó, anh em chẳng còn lạ. Hôm nay anh em ta họp nhau ở đây vì một việc khẩn cấp. Trước khi bàn đến việc ấy tôi xin trình bày với anh em tình hình của đảng.

Quang Ngọc tra xét các sổ sách rồi lại nói:

- Về binh khí, hiện nay ta có năm mươi cây hoả mai cướp được của các huyện, các đồn, một trăm hòm đạn, thuốc đạn, mìn, hai nghìn thanh mã tấu, hai nghìn ngọn giáo trường, hai nghìn tay cung, nỏ, một nghìn thanh kiếm. Ngựa thì mới có ba chục con thôi. Khí giới như thế kể cũng hơi ít đấy, nhưng thắng bại là nhờ về lòng dũng cảm của quân đội hơn là nhờ về sự công hiệu của khí giới.

"Về quân đội, thì hiện nay trong hạt Kinh Bắc này, ta đã có hơn một nghìn.

Hơn một nghìn quân ta phải chống nổi một vạn quân của Quang Toản.

"Về dân tình đối với đảng ta thì anh em hãy nghe tờ trình của Phạm quân đi quyên giáo các nơi về"

Quang Ngọc mở một tờ ra đọc:

"Nhân dân hạt Kinh Bắc rất mến tiếc nhà Lê. Họ bảo bọn Tây Sơn là lũ thoán nghịch. Có người lại không nhận nhà Tây Sơn là giống Annam nữa. Coi họ như một bọn giặc dị chủng ở phía Nam (để đối với bọn giặc tàu ở phía Bắc về thờ đức Thái tổ khai quốc). Hễ nhà nào mà Thái biết là bậc trung nghĩa, ngỏ lời quyên tiền, thì họ vui lòng giúp ngay. Vì thế trong có nửa tháng, mà Thái thu được vào quỹ một món tiền lớn là năm mươi lạng bạc"

Quang Ngọc nói tiếp:

- Anh em coi, ta tuy mới có hơn một nghìn tinh binh nhưng lúc ta khởi sự, số người theo ta không phải là ít. Còn như về vấn đề tài chính, thì anh em không phải lo ngại điều gì. Hiện giờ trong quỹ có tới hơn vạn lạng bạc. ấy là không kể số binh lương đã có nhân dân sẵn lòng cung đốn.

"Sau khi đã tỏ bày tình hình của đảng với anh em, minh chủ tôi xin hỏi anh em một câu rất quan hệ. Mà mục đích cuộc tụ hội này cũng chỉ có thế. Vậy xin anh em lưu ý đến câu hỏi ấy, suy nghĩ kỹ càng, rồi ai có ý kiến gì hay, mà đem ra bàn với bọn đồng chí. Câu ấy là:

"Ta đã nên khởi sự chưa?"

Quang Ngọc ngồi xuống, một lần không khí bình tĩnh bao bọc lấy mấy trăm vẻ mặt nghiêm túc, trầm hùng. Ai nấy đều cho câu hỏi kia có liên can tới vận mệnh của nước, nên không dám trả lời hấp tấp.

Một lúc sau, một nhà sư mạnh bạo đứng dậy. Một người nhìn xem ai thì chính là Lê Báo. Không để cho chàng kịp thốt ra được nửa lời, Quang Ngọc giơ tay ra hiệu bảo im rồi ôn tồn nói:

- Hiền đệ nên nghe ngu huynh, hãy nhường cho anh em đồng chí bàn trước đã.

Việc là việc nước, há phải việc riêng của anh em ta?

Lê Báo hẳn học ngồi xuống nhưng không dám cãi.

Một người đứng lên, thân thể cao lớn, mặt đen trán rộng. Có tiếng thì thầm:

"Nguyễn Đoàn Yên Thế!" Đoàn háng dựng hai, ba lần rồi nói:

- Minh chủ đã hỏi, tôi xin quả quyết thưa rằng: Nên... Xem như đức Thái tổ ta khởi nghĩa ở Lam Sơn, binh sĩ khéo lắm được trăm người theo. Thế mà nhờ về tướng tài, nhờ về bèn trí, đã lấy lại được giang san...

Một người cãi lại:

- Lam Sơn địa thế hiểm trở dễ giữ, chớ như đất Kinh Bắc ta...

Đoàn ngắt lời ngay:

- Tôi xin hiến đất Yên Thế, Hữu Luông. Thực là một nơi rừng sâu gò hiểm. Ta tiến có thể lấy Kinh Bắc dễ như chơi, ta lui có thể ẩn núp trong mạn rừng núi Thái Nguyên, Bắc Cạn. Ấy là chưa kể sau này ta có thể dụ được bọn Thổ, bọn Thái ở vùng ấy theo ta. Mà tài đánh giặc của dân Thái thì tôi đã được rõ. Vậy xin minh chủ cứ quả quyết cho. Nên khởi sự lắm. Ta mà bỏ mất cơ hội này, sợ sau không thể có nữa.

Nguyễn Đoàn vừa ngồi xuống thì một người khác đứng dậy liền. Người này trái ngược hẳn với Đoàn, thân thể nhỏ nhắn, da trắng, mắt phượng, cử chỉ khoan thai, lời nói nhỏ nhẹ:

- Thưa minh chủ, tôi là Hoàng Cân, tiểu tự Song Văn, người huyện Văn Giang, xin dâng lên minh chủ cùng anh em đồng chí mấy lời thô thiển như sau: Tôi nghe quân Tôn Sĩ Nghị năm xưa đông hơn mười vạn, từ lưỡng Quảng kéo sang như mây bay như gió cuốn, khiến bọn Văn Nhâm không dám đánh phải lui ngay. Thế mà quân Tây Sơn ở Nghệ an vừa kéo ra là toàn thắng, như thế đủ biết người ta mãnh liệt là nhường nào...

Lê Báo hung hăng đứng dậy quát mắng:

- Song Văn giỏi thực! Dám múa mép tung bốc quân Tây Sơn!

Quang Ngọc vội gạt:

- Lê hiền đệ không được vô lễ? Đê Hoàng quân bàn việc.

Hoàng Cân mỉm một nụ cười, nhìn Lê Báo rồi nói tiếp:

- Vậy tôi thiết tưởng dẫu binh đội ta có nhiều gấp mười nữa, cũng chưa chọi nổi quân Tây Sơn chứ đừng nói hơn một nghìn vội. Bây giờ chỉ nên hết đảng cho một ngày một to thù, rồi sau này hãy liệu...

Một chuỗi cười khanh khách đáp lại lời Song Văn. Quang Ngọc nhìn xem ai thì là Bùi Thành Giang tự Tiểu Kiếm Sinh, người đất Lục Nam. Người ấy có tiếng nghịch ngợm, vì say rượu lỡ giết mất một viên phân trí, nên phải trốn đến tu ở chùa MỘ THỔ. Quang Ngọc nghe tiếng Giang cười có vẻ mỉa mai, liền hỏi:

- Vậy Bùi Tiểu Kiếm cho biết ý kiến.

- Xin minh chủ cùng anh em đồng chí tha cho đệ cái tội hay cười. Nhưng lời bàn của Song Văn làm cho đệ không nhin cười được. Mỹ tự là Song Văn, thì thực là xứng đáng với cái tính nhút nhát của con nhà văn ấy. Nhưng này bác Song Văn, bác bảo quân Tây Sơn mãnh liệt, là quân Tây Sơn nào vậy? Nếu quân Tây Sơn của Quang Huệ thì ngày nay còn đâu nữa mà đáng sợ? Mà nếu quân Tây Sơn của Quang Toàn, của Bùi Đắc Tuyên thì lại càng không đáng sợ lắm. Nhiều mà làm gì, quân ô hợp thì nhiều mà làm gì?

Hoàng Cân cũng chẳng vừa, mỉm cười đáp luôn:

- Nhưng nào phải quân ô hợp. Ai bảo Bùi quân rằng đó là quân ô hợp?

- Tôi bảo.

Lê Báo đứng dậy nói tiếp:

- Tôi cũng nói thế. Đưa nào có giỏi thì cãi đi.

Sợ mấy người kia lớn tiếng quá, hoá đánh lộn nhau, bắt đắc dĩ Quang Ngọc phải rút thanh bảo kiếm ra đứng lên nói:

- Ai làm mất trật tự cuộc đàm phán này hãy trông lưỡi kiếm đây.

Phạm Thái cũng đứng lên phân giải:

- Cả hai phái chủ chiến, chủ hoà đều có lý. Vì ta nên cất quân lắm chứ, chẳng thế, ta họp nhau để làm gì nữa? Nhưng trước khi cất quân, ta hãy xem xét, so sánh tình thế bên ta với bên địch đã nào. Cứ kể nghe mình chủ, nghe đảng trưởng của ta đọc bản thống kê ban nãy thì ta ở vào cảnh trứng chọi với đá, thực đấy. Nhưng tôi hỏi anh em, liệu quân Tây Sơn có đem toàn lực ra má chống với ta được không?

Không thấy ai trả lời, Phạm Thái quay lại hỏi Hoàng Cân:

- Đại huynh đã biết tình thế quân Tây Sơn đấy chứ?

Hoàng Cân ngượng nghịu cúi đầu đáp khẽ:

- Chưa!

- Thế Bùi đại huynh?... Cũng chưa?... Vậy thì cãi lý với nhau làm gì? Thiết tưởng muốn biết nên đánh hay chưa nên đánh, thì ít ra cũng biết tình thế bên địch đã. Vậy đệ xin giúp nhị vị đại huynh điều ấy, vì nhờ trời đệ biết.

Mọi người đều nhìn Phạm Thái, tỏ ý kính phục. Chàng ung dung nói tiếp:

- Kẻ cừu địch ghê gớm nhất của Tây Sơn cố nhiên không phải là bọn ta (chàng mỉm cười) cùng là bọn Lê thần nghĩa dũng. Cũng không phải ở Bắc tới, vì Tây Sơn xưng thần với nhà Thanh rồi. Nhưng cò phía Nam? Hẳn anh em đã biết phía Nam có Nguyễn ánh là tay chẳng vừa, càng thua càng hăng.

"Mười năm trước đây khi còn Nguyễn Huệ, Nguyễn ánh thua trận không còn mảnh giáp chạy trốn sang Xiêm. Thế mà chỉ hai năm sau, năm Đinh Vị, đã có đủ sức về lấy thành Gia Định rồi. Ngày nay toàn đất Gia Định rộng bằng mấy trấn Bắc Hà, đã lọt vào tay Nguyễn ánh. Không những thế, Nguyễn ánh lại còn mộ binh lính rất kíp cùng là giao thông với một nước lớn nào đó ở phương tây, luôn luôn đem chiến thuyền, đến đánh phá Qui Nhơn. Hiện giờ, hai bên giữ nhau gắng lắ, mà cũng chưa biết bên nào thắng bên nào bại. Vậy thì cái sức mạnh của Tây Sơn ở ngoài Bắc này ta không lấy gì làm sợ.

Lê Báo vui mừng reo lớn:

- Vâng có thể.

- Anh em đã biết tình thế bên địch ra sao, vậy tôi bàn thế này: Một mặt ta cứ sửa soạn binh khí mộ thêm đảng viên; một mặt ta ra công dò la tin tức bên địch: hễ khi nào bị Nguyễn ánh đánh cho đại bại ở phía Nam, là ta khởi sự. Hơn nữa, xin cho người vào Nam hẹn Nguyễn ánh họp sức cùng đánh, thì thiết tưởng việc lớn làm gì chẳng xong.

Có tiến ai bẻ:

- Nhưng lúc bấy giờ trừ được cái nạn Nguyễn kia biết đâu lại không bị cái nạn Nguyễn nọ?

## Cái trống lớn

Quang Ngọc quay ra nhìn rồi vui cười nói:

- Trời ơi, xuýt nữa tôi quên bẵng thân vương.

Người vừa bắt bẻ Phạm Thái là Trịnh Đán con thứ Trịnh Bồng. Sau khi Trịnh Bồng rời bỏ chùa Long Tiên núi Chúc Sơn để về tranh nhau ngôi chúa với Trịnh Lệ, giết các chi nhánh họ Trịnh trốn tránh trong hạt Chương Đức, đấn mới qua sông Nhị Hà lánh sang trấn Kinh Bắc đến tu ở một ngôi chùa nhỏ tại làng Phú Cẩm. Sau nhờ có Phạm Thái giới thiệu. Trịnh đấn xin nhập đảng Tiêu Sơn.

- Xin thân vương cho biết tôn ý.

Trịnh Đán háng dạn hai ba lần rồi nói:

- Nay không còn phải lúc bàn về lịch sử, việc gì đã qua là đã qua, mà việc gì...

Lê Báo vốn không ưa họ Trịnh, riếu cợt nói tiếp:

- Mà việc gì chưa đến là chưa đến.

Quang Ngọc quát mắt, mắng:

- Lê hiền đệ coi thường lệnh của ta thực. Đây không phải là nơi để cho ai nói đùa hết.



Rồi ý chừng muốn tránh sự phá ngang của Lê Báo, Quang Ngọc bắt chàng ra ngay sân chùa để ăn năn tội lỗi... Nhìn thanh bảo kiếm rung rung ở tay ông đảng trưởng oai nghiêm, Lê Báo không dám trái lệnh, cúi đầu, thông thả đứng dậy đi ra.

- Xin thân vương tha thứ cho cái tính lỗ mãng của xá đệ.

Trịnh Đán mỉm cười:

- Những bậc anh hùng ái quốc thường có tính nóng nảy như vậy. Có hề gì điều ấy, quí hồ ai ai cũng một lòng yêu nước là được rồi. Tôi nói thế là vì tôi nhớ tới những trang lịch sử của ta: Không có lòng yêu nước thương dân mà chỉ nghĩ đến quyền lợi của một mình mình, của một đảng mình, thời dẫu có lên làm vua chúa nữa cũng chẳng ra gì, hưởng chi nhiều khi còn phạm thêm cái tội rước voi về giày mả...

Ngừng một lát đưa mắt nhìn hai hàng tráng sĩ Trịnh Đán nói tiếp:

- Đấy anh em ngắm mà xem. Họ Hồ thấy nhà Trần hèn yếu liền cướp ngôi. Nếu nhà Trần biết mình không đủ sức trị dân nữa mà chịu đi, thì có xong không. Lại không thế. Lại đi rước quân Minh về. Khốn nạn! Chỉ trông cậy vào người, để chiếm đoạt giang san chẳng coi dân nước ra gì, để đến nỗi trong mười năm, trăm họ bị giày xéo. Khác giống thì ai người ta thương hại mình kia chứ!

"Gần đây, vì việc lập chúa, quận Huy bị giết. Giá vua chúa cùng quần thần biết tìm mưu kế mà trừ bọn kiêu binh quá hống hách kia đi, thì rồi cũng êm. Khốn nỗi họ lại chia ra đảng phái, họ chỉ nghĩ đến thù riêng của họ. Rồi tên Chính nham hiểm, phản nghịch kia vào Nam rước ngay được anh em Tây Sơn ra để định trả thù cho thầy mình là quận Huy. Họ trả thù họ đấy? Họ chặt đầu mình, rở đáng kiếp, họ cướp lấy nước mình, đuổi vua chúa mình đi.

Đán háng dặng rồi lại nói:

- Vậy anh em ta trông đó làm gương, chỉ nên tin ở sức mình là hơn. Nếu mình chưa đủ sức thì hãy đợi. Mà liệu không bao giờ đủ sức thì thôi đi đừng kháng cự người ta nữa.

"Chứ đi rước kẻ thù nọ về đánh kẻ thù kia thì kẻ nào mạnh hơn nó chiếm lấy nước, mà vua chúa mình vẫn hoàn không có chỗ nương thân.

"Không những thế, dân gian lại còn bị lầm than nữa là khác. Tôi nói tóm: Ta chỉ nên trông cậy vào sức ta, chứ đừng tưởng mong nhờ ai hết. Tôi đã nói mấy lời thô thiển, xin minh chủ cùng anh em lượng xét".

Phạm Thái đứng dậy quay về phía Quang Ngọc:

- Xin đảng trưởng cho phép ngu đệ đáp thân vương một câu: Thưa vương, lời bàn của thân vương rất đích đáng. Nhưng ta có mong nhờ hẳn vào ai đâu. Ta chỉ lợi dụng sự cạnh tranh của hai bên mà thôi.

Sau khi đã bàn bạc cùng nhau đủ các lẽ, sau khi anh em đã xin đảng trưởng cho phép Lê Báo lại vào dự nghị, thì kế hoạch của đảng Tiêu Sơn định đoạt như thế này:

Một là cử những nhà sư có tài biện luận giả danh đi khuyên giáo khắp các trấn để truyền bá chủ nghĩa phò Lê và quyền tiền, rủ người vào đảng.

Hai là chọn một thuyết khách cho vào Gia Định hội nghị với Nguyễn Vương, hứa sẽ chờ dịp tốt tiếp ứng khởi binh để cùng phá Tây Sơn mà tôn phò nhà Lê.

Ba là hợp nhất với đảng "Lê thần nghĩa dũng", đảng trưởng đảng ấy hình như Đào Phùng hiện đương trốn tránh và bị trốn nã.

Quang Ngọc vừa bàn được ba điều, bỗng ngừng bật, ngoài sân chùa có tiếng ngựa hí và tiếng người ồn ào:

- Biến rồi!

Lê Báo rút kiếm đứng dậy:

- Để tôi ra xem...

Phạm Thái cũng lạnh lùng đứng dậy đi theo rồi ghé mắt nhòm qua khe cửa.

Bỗng chàng phì cười:

- Tưởng gì, chứ một anh kỵ binh vào kia thì để một mình tôi ra cũng đủ rồi.

- Nhưng cứ nên phòng bị cẩn thận thì hơn, biết đâu nó không có phụng binh.

Giữa lúc ấy, người khách lạ đi lại gần yên lặng dụi tắt bó đuốc cầm ở tay, (vì trời tối đã lâu) rồi gọi cửa:

- A di đà phật! Ngu muội đến dự lễ.

Phạm Thái vui mừng mở mạnh cánh cửa ra nói:

- Trời ơi! Hiền tử đến trễ quá!

- Nhị Nương xin chịu tội. Nhưng có việc khẩn bách, nguy kịch lắm.

Mọi người đều nhón nhác hỏi:

- Việc gì thế? Việc gì mà dữ dội thế?

- Hoàng Phi.

- Trời ơi! Sao? Lê hoàng phi sao?

- Bị bắt?

- Bị giết?

- Bây giờ đâu?

Nhị Nương để cho ai nấy hỏi xong, rồi thông thả nói:

- Cũng chưa rõ rồi ra sao. Chỉ biết trong lúc bí, ngu muội dẫu hoàng phi vào...

Nhị Nương đưa mắt nhìn mọi người, như sợ trong đám có lẫn một vài thám tử của bên địch.

Quang Ngọc vội đỡ lời:

- Hiền muội cứ nói, không lo ngại. Anh em trong đảng Tiều Sơn chúng ta toàn là bậc anh hùng hảo hán cả.

- Vậy ngu muội giấu hoàng phi ở trong đền Phú Mẫn.

- Đền thờ ông Nghè phải không?

- Vâng.

Phạm Thái bỗng phá lên nói:

- Khá đấy! Tôi biết hiền tử giấu hoàng phi ở đâu rồi.

Ai nấy đua nhau hỏi:

- Ở đâu? - Ở đâu?

Nhị Nương cũng hỏi:

- Vâng, ở đâu?

Phạm Thái vẫn cười:

- Trời ơi! Chị tôi giỏi quá... Ở trong cái trống chứ gì?

Tuy vậy vẫn chưa ai hiểu. Quang Ngọc liền bảo Nhị Nương thuật lại đầu đuôi, thì câu chuyện như thế này:

Mấy hôm trước có một người thiếu nữ ở phố Từ Sơn đến chùa Ngô Xá xin làm tiểu Người ấy trông vẻ mặt sáng sủa nhanh nhẹn và ăn nói lại dịu dàng, nên sư trưởng yêu mến ngay. Hỏi sao đi tu, thì người ấy nói giận nhà, ép gả vào nơi không xứng đáng, nên đành đến ăn mày cửa phật để quên hết nỗi trần duyên.

Sư trưởng thương tình cho ở chùa, nhưng chưa nhận cho quy y. Vả theo nhà chùa thì có khi sau mấy tháng, người xin tu hành mới được dự lễ thế phát. Sư trưởng còn xem tính nét tín nữ có thực thành tâm mộ đạo và có chịu nổi những sự khổ hạnh không đã.

Theo lệ thường, cách dăm hôm Nhị Nương lại quấy gánh nôi đất xuống chùa Ngô Xá thăm hoàng phi mà sư trưởng đặt cho cái đạo hiệu là Phổ Bác thiên ni.

Vừa đến sân nhà chùa, nàng đã để ý ngay đến người thiếu nữ. Sống cái đời giang hồ kiếm hiệp, lúc nào cũng như bị vây bọc ở giữa đám gian nguy, lừa dối, Nhị Nương không thể không ngờ vực cử chỉ nhu mì và ngôn ngữ đo đắn của người mới đến xin tu.

Nàng liền tìm cách làm quen với thiếu nữ, hỏi dò liên miên chuyện nhà cửa, rồi mời mua cho vài cái nôi. Đoạn nàng gánh hàng ra ngay không vào thăm hoàng phi nữa, vì như có tâm linh báo trước cho nàng biết sắp xảy ra chuyện chẳng lành.

Nàng còn lang thang ở bờ ruộng thì đã thấy thiếu nữ ở chùa ra đi. Đến gần, nàng vui cười chào hỏi:

- Sao cô lại về?

Người kia áp úng đáp:

- Tôi xin phép sự trưởng về qua nhà... có tý việc cần...

Nhị Nương càng ngờ:

- Cô ở tận đâu?

- Tôi ở đằng kia.

Thiếu nữ vỗ vắn trở tay về phía trước mặt rồi hỏi:

- Còn cô, cô đi đâu?

- Ấy, tôi cũng đi lang thang, bán rong... Thế mà lăm hôm may mắn gặp khách mua đông đảo để. Vội lại tôi muốn cùng đi với cô cho vui.

Đến Từ Sơn, hai người chia tay nhau, Nhị Nương chỉ kịp vội vàng quăng gánh nôi đất vào hàng Ngõng, rồi lại chạy đi theo dò người thiếu nữ bí mật kia ngay...

Thì thấy người ấy đi ngay vào phủ.

Thế là không do dự nữa, Nhị Nương quay về hàng Ngõng cải nam trang, nhảy phắt lên mình ngựa - con ngựa của một công tử thường ở trọ trong hàng, mà công tử ấy cố nhiên là Nhị Nương.

Phóng nước đại một mạch về tới chùa Linh Quang làng Ngô Xá, Nhị Nương quán quýt hỏi:

- Hoàng phi đâu? Hoàng phi đâu?

Sự trưởng hỏi lại:

- Phở Bác thiên ni ấy ư?

- Chứ còn ai nữa! Mau mau, nguy đến nơi rồi!

Vừa nói, nàng vừa chạy thẳng vào buồng hoàng phi xốc bà đặt lên mình ngựa ra roi. Đến chợ Phú Mẫn quay đầu trông lại thì ở gần lối rẽ vào làng Ngô Xá, cát bụi bay mù mịt. Nàng lên xuống ngựa dẫn hoàng phi vào ẩn trong đền ông Nghè bên cạnh chợ.

Phạm Thái nghe Nhị Nương thuật đến đây, ngắt lời:

- Vậy hiền tử giấu hoàng phi vào trong lòng trống rồi chứ?

- Vâng, tôi chợt nhớ một lần trước mặt tôi, hiền đệ đã mở cái cửa nách ở tang trống để chui vào trong giấu những giấy má quan trọng.

Song Văn kinh ngạc hỏi:

- Giấu được người vào trong lòng trống, thì hẳn cái trống ấy to lắm.

Quang Ngọc đáp:

- Phải, to lắm. Hoàng quân không nghe nói đến cái trống thờ ông Nghè bao giờ?

- Thừa không.

- Cái trống ấy, trực kính bề mặt đo được đến hơn ba thước mà bề cao đến một ngũ rười, nguyên là của hoàng đế ban thờ ông Nghè không biết từ đời nào, vì chữ khắc ở tang lâu năm đã mòn, nhẵn thín, mà người làng Phú Mẫn Sơn lại có tới bốn, năm lần rồi.. Nhưng hãy nói đến việc cứu bà hoàng phi đã. Phạm Thái!

- Dạ.

- Việc này phải hiền đệ đi mới xong.

Lê Báo đứng lên nói:

- Thừa đảng trưởng, ngu đệ xin đi cho, cứ để Phạm đại huynh ở lại mà bàn việc lớn Quang Ngọc biết tính Lê Báo hay nóng nảy liền phỉnh một câu:

- Kể Lê hiền đệ hay Phạm hiền đệ đi thì cũng thế thôi. Nhưng Phở Chiêu đã thông thuộc miền ấy thì vẫn hơn. Vậy anh em hãy nghe: Chúng ta nên thêm điều này vào ba điều ban nãy.

Nhị Nương hỏi:

- Ba điều gì thế?

- Hiền muội đến trễ nên không biết. Nhưng không sao. Hãy bàn đến việc cần kíp hơn đã. Ba điều trên kia rồi sau thuật cho Nhị Nương nghe. Bây giờ Nhị Nương cùng Phạm Thái hãy đến ngay Phú Mẫn cứu Lê hoàng phi. Còn điều thứ tu ta nói đó là: Cứu được hoàng phi thoát nạn, Phạm Thái phải đưa ngay ngài lên Lạng Sơn. ở đó bọn trung thần nhà Lê rất đông, mà biên giới, có sao

trốn sang Tàu cũng dễ. Chứ ở vùng này, họ nhắm mặt ngài rồi, thực khó lòng mà trốn tránh, ẩn núp được lâu, thế nào cũng đến bị bắt mất thôi.

Phạm Thái cúi đầu lĩnh mệnh rồi yên lặng cùng Nhị Nương ra đi. Chư tăng cũng giải tán, ai về chùa nấy, để sắp sửa theo đuổi công việc truyền bá chủ nghĩa phò Lê.

## Ai lên xứ Lạng cùng anh

Một buổi sáng mùa xuân, trên con đường Kinh Bắc, Lạng Sơn.

Bấy giờ còn sớm lắm, nên đường rất vắng và hai bên ruộng dân quê ra làm việc đồng áng cũng chưa đông.

Đạp cỏ sương, bốn người lữ khách rảo bước: Hai nhà sư, một công tử và một chú tiểu quây hành lý theo sau. Trong hai nhà sư thì một người lực lưỡng, vạm vỡ, một người bé nhỏ xinh xắn, mắt sáng, môi son, lông mày lá liễu. Thực là một trang nam nhi tuấn tú. Tuy vẻ dung nhan có kém nhà sư ấy đôi chút, chàng công tử cũng là người rất đẹp trai, với cặp mắt phượng long lanh, đôi lông mày bán nguyệt với hai má trắng hồng và cái miệng cười có duyên.

Sự đó chẳng có chi lạ vì nhà sư và công tử chỉ là hai thiếu phụ cải nam trang:

Lê hoàng phi và Nhị Nương cùng với Phạm Thái lên trấn Lạng Sơn.

Tối hôm trước, lúc Phạm Thái và Nhị Nương về tới Phú Mãn thì đêm đã khuya, các cửa đều đã đóng kín. Nhị Nương dềnh hắng hai tiếng ra hiệu. Tức thì một người núp trên gác tam bảo trèo xuống, thuật lại cho nàng biết rằng sau khi lục lọi khắp các chùa, các đền quanh vùng và không thấy gì, quan quân đã cùng Thị Lợi - tên người con gái đi báo - kéo nhau về Từ Sơn. Phạm Thái nghe nói vui mừng, đến một khe cánh cửa lách tay vào khe nâng lên. Cánh cửa từ từ mở ra.

Chàng liền cùng Nhị Nương bước vào đền, sau khi thám tử đã leo lên gác tam quan để hễ thấy động thì ra hiệu báo.

Trong đền im vắng và tối om. Le lói trên bàn thờ một cây đèn dầu nam, ngọn nhỏ bằng hạt thóc. Phạm Thái lại khêu cao bắc lên, rồi lặn vào hậu cung tìm một cây sáo mà chàng vẫn giấu ở đó để khi nào cần đến thì dùng.

Một làn ánh sáng chiếu rọi mấy gian đền. Không một tiếng động nhỏ, không một tiếng mọt kêu. Lặng lẽ như chứa bao nhiêu bí mật của ban đêm.

Phạm Thái nhìn Nhị Nương:

- Quái! Hình như hoàng phi không có đây.

Nhị Nương không đáp, lo lắng đi lại gần cái trống khổng lồ đặt trên sàn và chiêm vừa chặt một gian đền rộng. Nàng gõ vào tang trống. Không nghe thấy tiếng trả lời Hai người kinh hoảng nhìn nhau: Rồi Phạm Thái quả quyết mở cái cửa nách bí mật ở tang trống và ghé vào gọi:

- Tâu hoàng phi, tâu lệnh bà!

Vẫn không có tiếng trả lời. Chàng liền đưa cây sáo vào phía trong nhìn kỹ một lượt. Chỉ thấy ngổn ngang những giấy tờ. Chàng quay bảo Nhị Nương:

- Nguy rồi, hiền tỷ ạ, hoàng phi không có ở trong.

Hai người còn nhón nhác nhìn quanh thì hoàng phi đã đến bên. Phạm Thái và Nhị Nương phục xuống tạ tội. Hoàng phi đỡ dậy mà rằng:

- Từ nay hai em đừng lạy như vậy. Chị không muốn thế. Hai em coi chị đã là quá lắm rồi, chị đã ơn lắm rồi. Sung sướng gì mà còn rờ rõi lễ vua tôi, hai em làm chị tủi nhục lắm.

Nhị Nương sụt sịt đáp lại:

- Đề lệnh bà vất vả, gian truân thực là tội ở lũ bất trung này...

- Chị đã bảo không được nói đến vua tôi tội mà lại. Chờ khi nào lấy lại được nước hầy hay, chứ bây giờ đang lúc trốn tránh mà các em cứ kêu chị là hoàng phi với lệnh bà lờ ra khổ đến chị mà lụy đến cả các em.

Nhị Nương hỏi hoàng phi sao không nằm ở trong lòng trống, thì bà đáp lại rằng ra ngoài cho được khoan khoái, vì ở trong ấy khó thở lắm. Không ngờ vừa ra được một lúc thì nghe có tiếng người mở cửa, bà vội núp ở sau một cái cột giáp tường.

Rồi bà thuật lại cho hai người nghe việc khám xét lúc ban chiều:

- Ta nằm trong lòng trống, không dám thở mạnh. Nhị Nương đi được một lát thì bọn họ đến, rầm rầm, rộ rộ, lục soát các nơi, bắt thủ từ mở cả hậu cung ra coi.

Có hai người đứng tựa tang trống nói chuyện. Người nọ bảo người kia: "Quái! rõ ràng có kẻ trông thấy chúng nó vào đây?" Người kia đáp: "Thế này thì tức lắm nhỉ? Vừa nói vừa dấm mạnh một cái vào mặt trống, tiếng kêu inh tai, làm chị giật mình kinh hãi. Lúc quay ra người ấy nói: Hay chúng nó ẩn trong này." Hấn lại dấm vào mặt trống một cái nữa mạnh hơn. Rồi cả hai cùng cười phá lên. Đoạn, họ kéo nhau đi. Một lúc sau nghe thấy trong đền yên tĩnh, chị mới hoàn hồn. Bây giờ thì ngủ được một giấc, người đã dễ chịu, nhưng mà đói lắm, vì từ sáng đến giờ chưa có một hột cơm trong bụng.

- Tàu lệnh bà...

- Thừa chị!

- Thừa chị, em đã nghĩ đến điều ấy. Đây, oản chuối mời chị xơi. Em lại đem theo cả một thứ này mà chị không ngờ.

Vừa nói, Nhị Nương vừa mở khăn gói nâu ra. Trong có mấy bộ quần áo của sư ông, và đủ các đồ phụ thuộc. Còn oản chuối, bánh gai thì có rất nhiều.

Ba người cùng ngồi ăn. Đoạn, Nhị Nương mời hoàng phi đi nghỉ một lát để lấy sức, vì sắp sửa phải dùng sức. Hoàng Phi hỏi tại sao, thì Phạm Thái nói chàng lĩnh mệnh đảng trưởng đưa bà lên Lạng Sơn.

- Ồ! lên được Lạng Sơn thì dẫu chết chị cũng lấy làm sung sướng. Ngày theo quân vương sang Tàu, đến đây chị lạc đường. Chị vẫn ao ước được sang Trung Quốc với quân vương. Bây giờ hai em lại đưa chị lên Lạng thì sau này chị có thể trốn sang Tàu được. Ờn ấy chị biết lấy gì đền lại hai em cho xứng đáng.

- Lạy chị, chị nói chi ân nghĩa cho em thêm tủi nhục. Nhưng chỉ một mình Phạm xá đệ được lệnh hộ giá mà thôi.

Hoàng Phi tỏ vẻ kinh ngạc:

- Em không đi! Như thế sao tiện?

Chính Phạm Thái cũng nghĩ đến chỗ không tiện ấy, vì ngấm thấy hoàng phi vừa trẻ vừa đẹp quá đỗi, mà mình chỉ là một nhà sư tạm thời, hơn nữa, một tráng sĩ dôi lột thầy tu. Vẫn biết không khi nào mình phạm vào tội bất chính được, nhưng không tiện thì vẫn là không tiện. Chàng liền nói:

- Tàu lệnh bà, lệnh bà dạy chí phải.

Rồi quay sang bảo Nhị Nương:

- Hiền tỷ nên đi theo hầu lệnh bà.

- Nhưng chưa có thượng lệnh.

- Được hiền tỷ cứ ở lại đây nghỉ một lát với lệnh bà cho đỡ mệt. Ngu đệ đi Tiêu Sơn cho. Chỉ chốc nữa là ngu đệ trở về.

Giữa lúc Phạm Thái sắp nhảy ngựa để đi Tiêu Sơn một chú tiểu tiến vào đền, vai quảy một gánh hành lý.

Hỏi đến có việc gì thì chú nói Phổ Tĩnh thiền sư cho lại giục Phổ Chiêu cùng Nhị Nương phải ngay đêm nay lên đường đưa hoàng phi tới Lạng Sơn.

Phạm Thái cả mừng, đưa chú tiểu vào trong đền bái yết hoàng phi. Nhị Nương bảo Phạm Thái:

- Đảng trưởng nghĩ chu đáo đến hết mọi việc.

- Truyện! Chẳng thế mà lại là đảng trưởng!

Thế là ngay lúc ấy, hoàng phi và ba người khởi hành.

Đi được một lát thì gà ở các làng bắt đầu gáy sáng và khi đến cầu Dọi thì mặt trời mới mọc, ánh sáng đỏ rực trên đỉnh dãy núi Neo. Hoàng phi kêu mỗi, vì bà không quen đi xa. Nhị Nương đỡ ba vào nghỉ trong cầu và mỉm cười nói:

- Sư ông cố gắng đi bộ đến sông Cầu, sang bên Đạo Ngạn đã có ngựa.

Phạm Thái cũng khẽ nói:

- Sang đến bên kia sông thì không cần phòng bị lắm.

Ở trong cầu đã có hai người buồn vái ngồi nghỉ. Một người chào hỏi:

- A di đà phật! Chư tăng ở đâu đến đây? Có phải ở mạn Yên Phụ không?

Phạm Thái đáp:

- A di đà phật! Bàn tăng ở nơi xa, qua vùng này khuyên giáo để chữa chùa.

Người kia lại hỏi:

- Vậy nhà sư không biết hôm qua ở chợ Phù Mẫn có xảy ra sự gì?

- Không.

- Nghe đâu tối hôm qua quan quân đánh đuổi một toán cướp ở đây. Hôm nay có lẽ thế nào quan hiệp trấn cũng đem binh lính về tước nã.

- Thế à? Ghê sợ nhỉ!

Ba người đưa mắt nhìn nhau, lo sợ.

Phạm Thái lại hỏi:

- Sao bác biết?

- Ấy, tối hôm qua chúng tôi ngủ ở nhà trọ nghe người ta nói chuyện với nhau như thế, chẳng biết có đích xác không?

- Chào bác ngồi nghỉ, chúng tôi đi thôi.

Phạm Thái đứng dậy, hoàng phi và Nhị Nương cũng đứng dậy theo. Rồi, tuy còn mệt, ai nấy đều cố dấn bước cho mau thoát khỏi nơi nguy hiểm. Và họ rẽ đường tắt đến bến Cổ mẽ, chứ không đi qua thành Kinh Bắc.

Đến nơi, Phạm Thái trông sang bờ sông bên kia thì thầm bảo hoàng phi và Nhị Nương:

- Đã có ngựa chờ ở Đạo Ngạn. Mà từ đó trở lên Lạng Sơn, việc canh phòng không ngặt quá đâu.

Nhị Nương đáp:

- Chắc người ta chẳng ngờ đâu hoàng phi đã rời hạt Từ Sơn, Đông Ngàn.

Bổng có tiếng gọi:

- Máy nhà sư sang đò phải không?

Tưởng là lái thuyền, Phạm Thái trả lời liền:

- Phải, bác có thuyền cho chúng tôi thuê chẳng?

Người kia gất:

- Ai là lái đò? Muốn sang ngang hãy vào trình cậu tuần đã.

hoàng phi còn đương ngờ ngác nhìn Phạm Thái thì người ấy đã nói tiếp:

- Để cậu khám hành lý. Lệnh trên truyền xuống ngặt lắm, các người phải biết.

- Nhưng chúng tôi toàn là kẻ tu hành.

- Mặc! lòi thôi mãi. Lại mau!

Chẳng được, bốn người phải theo chú lính tới một cái đồn nhỏ, ngoài cổng treo một cái biển lớn đề ba chữ "Tuần Giang Nha." Thấy hoàng phi có vẻ mặt sợ hãi, Phạm Thái khẽ bảo:

- Không lo. Lệ thường vẫn khám xét như thế.

Một người ở trong đồn đi ra. Tên lính lễ phép nói:

- Bẩm cậu, mấy người này qua sông vào xin phép cậu.

"Cậu là người đường trong, trước làm lính theo vua Tây Sơn ra Bắc, nay được bổ chức tuần giang đội trưởng để canh phòng thuyền bè gian phi. Những nơi đồn lũy quan trọng cần mật như thế, nhà Tây Sơn thường giao cho người Quảng Nam coi giữ, cũng như trước kia họ Trịnh kén ưu binh ở tỉnh Nghệ An dùng làm quận túc vệ.

Sau khi đã khám xét khăn gói, tay nải, cậu tuần đã nhìn thấy Nhị Nương:

- Thầy này cũng sang sông?

- Thừa vâng.

- Vậy tín bài đâu đưa xem?

Hoàng phi tái người. Nhưng Nhị Nương rất bình tĩnh thản nhiên, thò tay vào bọc rút ra một cái thẻ đưa cho viên đội trưởng mà nói rằng:

- Thừa đây.

Viên kia đọc:

- Nguyễn Đức Minh, người làng Đông Phủ, huyện Đông Ngàn, phải không?

- Thừa vâng ạ.

- Vậy cặp chỉ xem có đúng không?

Nhị Nương đưa bàn tay trắng trẻo, mềm mại cặp ngón trỏ và ngón giữa và tờ giấy.

- Thôi được rồi. Cho đi?

Ra đến ngoài hoàng phi hỏi Nhị Nương:

- Tín bài kiếm ở đâu thế?

- Phở Bác nên cẩn thận hơn một chút. Sang bên kia sông đã hăng hay.

Rồi lặng lẽ bốn người cùng xuống thuyền sang ngang.

## Sông nước

Thuyền ra tới giữa sông, Phạm Thái trợn mắt nhìn người lái đò, trong lòng áy náy lo sợ. Vì giòng nước chảy xiết, đáng lẽ phải hết sức chèo mau để vượt qua, thì người ấy chỉ giữ tay lái cho thuyền trôi xuôi.

- Ông lái!

- Dạ.

- Chúng tôi sang ngang kia mà.

- Phải, tôi biết. Nhưng quý hồ thuyền đậu vào bờ là được, chứ gì?

Phạm Thái đoán chừng chú lái muốn sinh sự, giữ thói béc lột. Chàng nghĩ thầm: "Nếu quả thế thì thằng cha này giỏi thực! Nhưng đến bọn cướp ở bến đò Lũ, ta còn trị nổi, nữa là thứ mày!..."

Thuyền vẫn trôi phẳng phẳng. Không những thế, thỉnh thoảng chú lái lại còn bầy thêm một mái chèo nữa...

- Ô kìa! Sao thế này?

Nghe hoàng phi nhón nhắc hỏi, người lái đò lễ phép đáp:

- Tàu lệnh bà, xin lệnh bà cứ yên lòng.

Ba người đưa mắt liếc nhau khiếp sợ, người trơ như phỗng đá. Bỗng Phạm Thái thò vào trong bọc rút thanh đoản đao. Thấy vậy, Nhị Nương cũng tay trái cầm võ kiếm, tay phải nắm chuôi kiếm. Hoàng phi dăm dăm nhìn, không hiểu sao kẻ kia lại dò biết được tung tích của mình... Nhưng người lái thuyền vẫn bình tĩnh, thản nhiên.

- Nếu nhà ngươi không về lái cho thuyền vào bờ, thì ta thề rằng nhà ngươi không thể sống mà về được với vợ con tôi nay.

Vừa nói, Phạm Thái vừa dữ tợn, quả quyết giơ đoản đao lên. Người chèo thuyền không đổi sắc mặt, buông mái chèo ra mà cười phá lên, khiến thuyền không lái chòng chành ở giữa giòng sông:

- Phạm Thái giỏi đấy! Nhưng ta không có vợ, con hay chưa có vợ con thì đúng hơn.

Nhị Nương và hoàng phi nhìn nhau kinh hãi Nhưng Phạm Thái yên lặng tươi cười, tra đao vào vỏ giấu trong áo cà sa, rồi ôn tồn bảo người lái đò:

- Không cần có thông minh gớm ghiếc mới đoán được rằng tôn ông đây chẳng phải là một chú lái tầm thường. Vậy tôi xin hỏi: Tôn ông muốn gì?

Người lái đò vói vội lấy mái chèo giữ cho thuyền đi thẳng rồi cười lớn mà đáp rằng:

- Ta muốn biết Phạm Thái tức Phạm Phụng, tức Phở Chiêu thiền sư đã giết được bao nhiêu bạn đồng nghiệp của ta ở bến đò Kim Lũ?

Phạm Thái cũng cười:

- Nghĩa là tôn ông muốn trả thù cho bạn lục lâm chứ gì ? Bàn tăng đây xin sẵn lòng nghênh tiếp, nhưng...
- Nhưng sao?
- Nhưng bàn tăng vẫn không tin như thế.
- Không tin cái gì kia chứ?
- Không tin rằng tôn ông theo nghề trộm cướp. Bàn tăng đoán già rằng, tôn ông phi là thám tử của triều đình, thì là một tay hảo hán, sống một đời tự do ngang dọc. Nếu thực tôn ông là thám tử, thì bàn tăng thương hại cho cây đao đao của bàn tăng quá, vì thế nào cũng đâm trúng họng tôn ông, nhất tôn ông lại biết lai lịch của bàn tăng đây, mà xin thú thực cùng tôn ông, xưa nay chưa có kẻ thù nào biết lai lịch của bàn tăng mà thoát chết được. Còn như nếu tôn ông là tay anh hùng hảo hán thì xin mau mau cho biết đại danh, để bàn tăng thờ là quý hữu.

Hoàng phi nói thầm bảo Nhị Nương:

- Quái! Chị trông người này không quen nhưng nghe tiếng nói, thì hình như đã gặp nhiều lần.

Người lái đò vẫn cười, rồi hất hàm hỏi Phạm Thái:

- Biết bơi không?
- Ài chà! Khá nhỉ! Ý chừng chú lái có dã tâm muốn chọc thủng thuyền chăng?

Ta can, vì nhà người bị chìm chết ở đáy sông mất.

- Nhưng còn hoàng phi?

- Đã có công tử đây phò giá. Người không cần phải lo hộ.

Lúc bấy giờ thuyền trôi đã được một quãng xa. Người lái đò liền bắt mạnh cho mũi thuyền rạt vào vãi sậy bên vệ sông. Nhị Nương rút phất kiếm ra thét:

- Sao lại đưa chúng ta vào đây?

Người kia vẫn không đổi sắc mặt, ôn tồn nói:

- Tra kiếm vào vỏ!

Nhị Nương kinh ngạc, nhìn Phạm Thái, chàng bảo:

- Cứ tra kiếm vào vỏ xem hấn làm trò gì.

Người lái đò lẳng lặng cầm sào, rồi sụp xuống lạy hoàng phi:

- Đào Phùng xin khấu đầu làm lễ.

Hoàng Phi vui mừng không kịp giữ gìn:

- Trời ơi! em Đào Phùng! Thảo nào chị cứ ngờ ngờ. Nhưng mặt mũi em gớm ghiếc thế kia?

Đào Phùng quay ra hỏi Phạm Thái:

- Đạo hiệu của hoàng phi là gì?

- Phở Bác thiên sư.

- Bạch thiên sư, chẳng có gì lạ hết. Nhân được ném mùi kim chín ở phủ Từ Sơn trong ít lâu Phùng này đã nhận thấy ích lợi của thứ hình phạt ấy...

Phạm Thái vội kêu:

- Trời ơi! Dễ thường Đào quân dùng kim đốt xém da mặt chăng?

- Thừa Phạm đại huynh, khi người ta làm một tội trung thì người ta không cần có bộ mặt đẹp cho lắm. Huống chi mặt kẻ ngu si này lại bị bên địch biết nhẩn. Vậy thì có ngần ngại gì mà không vạc nó đi. Bây giờ Đào Phùng không còn là Đào Phùng nữa, mà chỉ là Nguyễn Phác làm nghề chở thuyền.

Ba người lấy làm khiếp phục cái cách trá hình phi thường của Đào Phùng, hoàng phi hỏi:

- Nhưng cứ sao, ban này em làm cho chúng ta lo sợ vì những ngôn ngữ, cử chỉ khả nghi của em?

Đào Phùng cười:

- Em xin lỗi thiên sư... Đó là em thử xem Phạm Thái có thực là đáng anh hùng như người ta đồn đại không? Nếu không thì...

- Nếu không thì sao?

- Thì em bắt Phạm Thái ở lại, để em tự đảm nhận lấy cái trọng trách phò giá hoàng phi lên trấn Lạng.



Phạm Thái kinh ngạc:

- Sao Đào quân biết ngu đệ phò giá hoàng phi lên trấn Lạng?
- Làm một đảng trưởng thì cái gì mà không phải biết? Ta còn biết nhiều.

Chẳng hạn Quang Ngọc muốn đảng ta hợp nhất với đảng Tiêu Sơn. Nhưng ta thiết tưởng cứ để hai đảng, mà cùng hành động thì vẫn lợi hơn.

Phạm Thái dăm dăm nhìn Đào Phùng.

- Có lẽ lắm. Nhưng ngu đệ xin khuyên hiền hữu hãy để việc ấy vào một bên.
- Bây giờ thì ta yên tâm rồi. Phạm quân có thể đương nổi việc, nhất lại có Nhị Nương trợ lực.

Nhị Nương cười ròn như nắc nẻ:

- Ông mà không phải là Đào Phùng thì tôi quyết tặng ông một lưỡi kiếm cho ông lộn cổ xuống sông, hết kiếp. Nhưng bây giờ thì ông đưa chúng tôi đến bến chứ?

Đào Phùng xua tay:

- Bất khả? Sáng nay một toán quân vừa sang sông để đi thủ trấn Lạng Sơn.

Vậy nên ở đồn lại cho bọn kia đi trước vài hôm đã. Ấy chỉ vì thế mà Phùng này phải đón xa giá ở bến để giữ lại.

Hoàng phi cười:

- Em Đào rõ khéo nói kiêu cách. Làm gì có xa giá kia chứ. Nhưng em định để chị ở đâu?
- Bạch thiên sư, ở dưới chân núi Yên Xá, cách đây độ một dặm nữa thôi.

Hoàng phi nhìn Phạm Thái như để hỏi dò ý kiến. Rồi không thấy chàng nói gạt, liền nhận lời và bảo Đào Phùng chở thuyền đưa về nhà.

Một lát sau, thuyền đậu bên cạnh một bãi sậy um tùm. Một con đường nhỏ lách giữa đám lá rậm đưa quanh co đến chân núi. Năm người leo tới một dinh cơ khá rộng, làm chành vênh trên sườn núi đất thoai thoải.

Chủ gọi người nhà bảo giết gà thết khách, và xin lỗi các vị thiên sư, vì không biết làm cơm chay. Nhưng các thiên sư cũng vui lòng nhận lời dùng cơm mặn.

## Một nhà ẩn sĩ

Hoàng phi, Phạm Thái và Nhị Nương ở lại nhà Đào Phùng hai hôm. Trong hai hôm ấy, mấy người luôn luôn nói chuyện với nhau về binh thư và chiến lược. Có khi lại rủ nhau lại ngọn núi Yên Xá để đấu võ. Đào Phùng lấy làm phục võ nghệ của Phạm Thái và Nhị Nương lắm.

Hôm thứ ba, bốn người từ biệt lên đường. Đào Phùng nói nên đi tắt đến Hoàng Mai, rồi từ Hoàng Mai đi tắt lên Lạng Thượng. Nhưng bốn con ngựa lại đã để chờ sẵn ở Đạo Ngạn. Đào Phùng liền cùng Phạm Thái và chú tiểu chở thuyền ngược lên đó, để đem ngựa về, một mình Nhị Nương ở nhà hộ vệ hoàng phi.

Vào buổi trưa ba người trở về, mỗi người cưỡi một con ngựa, Phạm Thái kèm thêm một con.

Nhưng khi đi đến sân, thì một cảnh tượng ghê gớm bày ra trước mắt: bốn cái cây lực lưỡng nằm sóng sượt ở bên mấy gốc thông. Phạm Thái hốt hoảng:

- Hoàng phi đâu? Thôi chết rồi!

- Hoàng phi ở đây!

Nghe tiếng Nhị Nương đáp lại Phạm Thái mới hết lo, chạy vội vào trong nhà, nói với hoàng phi:

- Để lệnh bà khiếp sợ, thực tội hạ thần to lắm.

Hoàng phi cau mày:

- Chỉ vì các em không nghe lời chị, cứ luôn miệng lệnh bà, với tâu, với hạ thần nên mới xảy ra cái họa tày trời này. May mà có Nhị Nương dấy, chứ không thì cũng chưa biết chừng chị còn sống mà ngồi đây. Chỉ thương Đào quân có bốn tên người nhà bị Nhị Nương giết mất cả... Rõ thật Đào quân làm ơn nên oán...

Đào Phùng lại phục xuống đất khóc xin chịu tội. Xong chàng quay ra hỏi Nhị Nương:

- Đầu đuôi câu chuyện ra sao, thưa quý nương?

Nhị Nương liền thuật lại cho hai người nghe:

- Mấy tên kia biết rằng trong bọn khách của chủ chúng nó có bà hoàng phi.

Nhân thấy Đào Phùng, Phạm Thái ra đi, ở nhà chỉ còn hoàng phi với một chàng công tử nhỏ, xinh xắn như con gái, chúng liền bàn cùng nhau ra tay bắt nộp quan lĩnh thưởng. Chẳng ngờ chàng công tử bé nhỏ lại có võ nghệ cao cường, chỉ đưa bốn mũi kiếm là bốn đũa hoá bốn cái thầy ma. Đào Phùng cười ha hả, nhưng tiếng cười có giấu nỗi buồn vô hạn:

- Thực đáng kiếp cho bốn thằng phản chủ? Chúng là bốn tên thuyền chài, ngu đê tuy dùng, nhưng mà cũng nơm nớp lo sợ, vì thế trong câu truyện, khi có chúng đứng hầu, ngu đê vẫn phải giữ gìn. Nhưng không biết sao chúng nó lại hay rằng Phổ Bác thiền sư là hoàng phi?

Đào Phùng ngẫm nghĩ một lát, rồi như chợt hiểu, chạy lại soát quần áo bốn đũa vừa bị giết thì trong hầu bao một thằng có một tờ giấy chữ đầy những dấu son đỏ chói. Đào Phùng kêu:

- Đã biết ngay mà! Một tên thám tử.

Vừa nói, chàng vừa đập mạnh vào cái xác, rồi gập tờ giấy bỏ vào bọc.

Cả năm người cùng có vẻ lo lắng, suy nghĩ Hoàng phi nhìn xuống chân đồi:

Con sông cầu lượn khác chảy về phía đông, giòng nước lấp lánh dưới ánh trời trưa. Bồng bà buồng một tiếng thở dài, chán ngán.

Đào Phùng cúi đầu tạ tội:

- Để lệnh bà sợ hãi, kẻ hạ thần thực đáng chết.

Hoàng phi như không nghe thấy gì hết, cặp mắt tuôn hai giòng lệ. Rồi bà thồn thức bảo Nhị Nương và Phạm Thái:

- Hay thôi, ta đừng đi Lạng Sơn nữa hai em ạ.

Nhị Nương an ủi:

- Tàu lệnh bà, không bao giờ ta nên nản lòng. Ta phải...

Không để cho Nhị Nương dứt câu, hoàng phi tiếp luôn:

- Vì, các em ạ, chị còn sống đến ngày nay là chị mong ước mai sau được gặp hoàng đế... Nhưng hoàng đế thăng hà rồi các em ơi, thì chị còn sống làm gì nữa, thà chị thác đi để dưới suối vàng được cùng hoàng đế tương kiến...

Bà bưng mặt nước nở khóc. Phạm Thái nói:

- Nhưng hoàng đế hiện còn sống, sao lệnh bà lại nói gở thế?

- Không, đích thực hoàng đế thăng hà rồi. Đêm hôm qua chị nằm mộng thấy hoàng đế khóc mà bả chị rằng "ái Khanh ơi, đôi ta ngày nay đã âm dương cách biệt. Ta không hề oán giận điều gì, ví dù có ở dương thế ta cũng chẳng hy vọng được cùng ái không hội ngộ." Rồi hoàng đế tả những cảnh khổ sở, những nỗi gian nan, các em để chị chết cho được gặp mặt hoàng đế ở dưới cửa tuyền, chứ chị sống thêm một ngày là thêm một ngày đầy đau ở dương gian...

Đào Phùng, Phạm Thái và Nhị Nương xúm lại khuyên giải, lâu dần hoàng phi cũng ngời nguôi.

Nhị Nương nói:

- Vì lệnh bà tưởng nhớ hoàng thượng quá nên hoá mộng đó thôi. chứ vừa có người ở bên Trung quốc về nước nói hoàng thượng hiện đóng ở Tràng An chờ binh cứu viện của nhà Thanh.

Nhị Nương bịa đặt ra tin ấy, để yên lòng hoàng phi mà thôi. Kỳ thực, các yếu nhân trong đảng Tiêu Sơn thừa biết rằng vua Chiêu Thống không chịu nổi những sự nhục nhã, những sự khinh mạn của người Tàu đã chết rồi, chết theo hoàng tử đã ba năm trước. Nếu trong các tờ hịch, các mật thư gửi cho nhau họ vẫn còn dùng niên hiệu Chiêu Thống là chỉ cốt để khơi náo động lòng các đảng viên và nhân dân các nước đang mến tiếc nhà Lê. Và họ cho rằng nước không thể một ngày không vua được, mà vua Quang Toản nhà Tây Sơn thì họ nhất định không công nhận là ông vua chính thức của nước Việt Nam. Vì vậy trong khi chưa tìm được một người trong hoàng tộc để tôn lên ngôi hoàng đế, đảng Tiêu Sơn tạm phải coi như vua Chiêu Thống hãy còn sống, để làm trụ thạch cho công cuộc khởi nghĩa của đảng Phạm Thái tổng dục:

- Tàu lệnh bà, bây giờ sang giờ Mùi rồi, ta phải đi kíp, thì tối nay mới có thể tới Lạng Giang được.

Đào Phùng bàn:

- Lệnh bà nên nghỉ lại Hoàng Mai, sớm mai hãy lên Lạng Giang thì hơn. Như thế lệnh bà đỡ nhọc mệt mà ngựa lại được nghỉ ngơi dưỡng sức.

Ai nấy còn đương suy nghĩ thì Đào Phùng lại nói luôn:

- Tôi xin có thư giới thiệu của Phạm hiền hữu, một nhà ẩn sĩ ở Hoàng Mai tên là Phạm Quảng Văn. Người ấy đậu tiến sĩ về cuối đời Cảnh Hưng, văn chương lỗi lạc, chỉ vì tính cương trực nên không được chúa Sâm trọng dụng. Vả ông ta cũng không thích ra làm quan, bỏ về làng dạy học, lấy sự chơi núi cao, sông rộng, uống rượu, ngâm thơ làm thú. Ngày bà hoàng phi họ Đặng mưu việc phé lập muốn tìm vậy cánh cho Trịnh cán để chống nhau với Trịnh Khải, cũng đã nghĩ đến ông Nghè trẻ tuổi ấy, mà đòi ông ta về triều, vì có ông Ngô thì Nhậm đậu cùng khoa với ông ta tiến cử. Nhưng ông ta không ưa những sự âm mưu ám muội, nên cáo ốm ở lý nhà Hiền hữu nên đến chơi ông ta, vì ông ta không những có văn tài, mà về binh lược, ông ta cũng khá lắm. Khi xưa quận Nhưông đóng binh ở Hải Dương cũng có mời ông ta đến tham nghị. Ông ta tấy Nhưông có tính phản trắc, biết không làm nổi việc lớn nên vừa đến ông ta đã về ngay. Từ đó tới nay, ông ta không nghĩ đến việc nước nữa, cho rằng vận nhà Lê đến thì mất, dầu có tài Trương Lương, Gia Cát cũng không thể cứu vãn nổi, nên đành chịu khoanh tay phục tòng thiên mệnh mà thôi.

Phạm Thái thở dài bảo Đào Phùng:

- Người anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tòng số mệnh? Chỉ biết một ciệc là hành động, hành động cho tới giờ cuối cùng... Tránh sự gian nguy mà mình biết chắc chắn đương đợi mình, để được an nhàn ở một nơi dật lạc, không bận trí đến việc đời, việc nước, hạng ấy người ta cho là bậc ẩn sĩ, nhưng tôi, tôi chỉ cho là phường ích kỷ, ham sống, có đáng kể chi. Thưa hiền hữu, tôi không phục Phạm Quảng Văn một chút nào.

- Nhưng, thưa hiền hữu Quảng Văn rất tự phụ thông phép tu toán Thái át. Ông ta bảo ông ta biết chắc chắn rằng vận nhà Lê hết rồi.

Phạm Thái cả cười đáp:

- Bây giờ giá Triệu Nghiêu Phụ tái sinh bảo tôi như thế, tôi cũng không tin kia mà. Tài lực của đáng anh hùng phải cố đoạt nổi số mệnh. Bằng không thì chết. Mà cái chết như thế còn có nghĩa lý hơn cái chết dần mòn của kẻ ẩn sĩ trong xó tối.

- Những kẻ ẩn sĩ có đợi cái chết già ở nơi nhàn dật đâu? Họ chỉ đợi thời mà thôi Nhị Nương yên lặng đứng nghe từ nãy tới giờ. Bỗng nàng mỉm cười bảo Đào Phùng:

- Bậc hạo hán không bao giờ chịu đợi thời thế.

Phạm Thái và Đào Phùng cất tiếng cười vang:

- Khẳng khái thay lời nói của quý nương!

Nhưng ai nấy ngừng bật, vì vừa thoáng nhìn thấy hai má hoàng phi đầm lệt.

Chưa kịp khỏi duyên cớ thì bà đã lau nước mắt, buồn rầu nói:

- Nếu quả thực vận nhà Lê hết rồi, thì các em nên thôi đi, đừng hành nữa mà mất công vô ích.

Phạm Thái cúi đầu đáp:

- Tàu lệnh bà đòi kẻ tráng sĩ chỉ có một nghĩa là hành động. Còn sự thành, bại cùng sự sống, chết, không nên để trí nghĩ quá.

Nhị Nương cũng nói:

- Vả lại, tàu lệnh bà, phép toán Thái át đã lấy gì làm đúng. Xin lệnh bà cứ vững lòng tin cậy cho.

Hoàng phi cười gượng:

- Chị thực kém em nhiều lắm. Vậy bây giờ ta lên đường thôi chứ?

Phạm Thái ngấm nghĩ một lát rồi nói:

- Tàu lệnh bà, đi Lạng Giang thì không kịp. Mà đến nhà cái ông ẩn sĩ Hoàng Mai thì thực không nên. Vậy Đào hiền hữu ơi, hiền hữu mau sắp cơm nước hầu lệnh bà xơi, mai chúng tôi hãy hộ giá đi sớm.

Đào Phùng vui mừng toan gọi người nhà, nhưng trông ra sân, chàng bỗng giật mình nhớ đến bốn cái xác, Nhị Nương cũng nhìn theo và hiểu ý chàng?

- Không hề gì. Việc bếp nước đã có ngu muội.

Nàng mỉm cười nói tiếp:

- Giết nhà bếp của đại huynh thì cố nhiên phải làm bếp thay chứ. Được cái việc bếp nước em cũng khá thạo. Hỏa đầu quân Nhị Nương đây.

Mọi người cười rộ lên, quên hẳn câu chuyện buồn rầu.

- Nhưng trong khi Nhị Nương này làm cơm thì xin đại huynh cùng hiền đệ chôn cất cho mấy người chết.

Phạm Thái lẩm bẩm:

- Rõ khéo! Một người giết, hai người khác phải chôn!

Hôm ấy mãi sang giờ Thân mới có cơm trưa. ăn xong, mọi người ngồi bàn về hành trình. Đào Phùng đã nhiều lần đi Lạng Sơn nên rất thông thuộc đường lối, vẽ phác ra một bức bản đồ, ghi những nơi có thể nghỉ lại được. Đoạn chàng hỏi Phạm Thái:

- Hiền hữu lên Lạng Sơn phen này đã có chủ định gì chưa?

Phạm Thái đáp:

- Kể thì tôi vâng lời đảng trưởng, hộ giá Hoàng phi đến trấn Lạng Sơn, rồi lại trở về ngay. Nhưng nếu gặp việc quan trọng mà cần ở lại thì tôi cũng ở lại.

Phạm Thái nói thế là vì chưa tin hẳn bụng Đào Phùng, không muốn lộ sự bí mật trong đảng. Kỳ thực chàng lên Lạng Sơn còn có một mục đích khác, khẩn yếu hơn.

Nguyên Phổ Tĩnh thiền sư có một người đồng chí trẻ tuổi, hiện lĩnh chức trấn thủ trấn Lạng Sơn, là Thanh Xuyên hầu Trương Đăng Thu, người làng Thanh Nê, trấn Sơn Nam. Đã nhiều lần Thanh Xuyên hầu cho mang thư về mật xin Phổ Tĩnh cử lên Lạng một người có đại tài để lập một chi đảng ở đó. Phổ Tĩnh ngỏ lời với Phổ Chiêu muốn cất Chiêu đương việc ấy. Vậy nay nhân dịp hộ giá hoàng phi lên Lạng, Phạm Thái sẽ ở luôn đó, nói là để giúp việc sư trưởng chùa Tam Thanh, nhưng kỳ thực để giúp Trương Đăng Thu về việc phục hưng nhà Lê. Trương làm trấn thủ ở một trấn nơi biên thủy khẩn yếu, dưới quyền có tới năm, sáu nghìn binh lính tinh nhuệ. Khi lâm đến đại sự sẽ dụ theo để chiếm cứ ngay lấy trấn làm nơi sào huyệt của đảng, việc ấy thật dễ như trở bàn tay.

Quang Ngọc cũng thấy rõ sự lợi ích ấy, nên hôm đảng viên đảng Tiêu Sơn tụ họp, chàng không đem việc lập chi đảng ở Lạng Sơn ra bàn, sợ nhờ việc ấy tiết lộ ra ngoài đảng thì Trương Đăng Thu sẽ bị hại, hay ít ra cũng bị cách, và như thế, đảng Tiêu Sơn đến có ngàn cũng chẳng làm nên trò trống gì, vì sức mạnh của đảng sau này sẽ trông vào một quân đội lớn như quân đội Lạng Sơn.

## Sấm

Sáng sớm hôm sau, bốn người lên đường, Phạm Thái nhường hoàng phi cưỡi con ngựa trắng giống ngựa thỏ Bắc Kạn, thân nhỏ thấp và bốn chân tuy hơi thô, nhưng rất thẳng và vững. Còn ba con kia sắc tía, bờm dài, đuôi dài, trong khi chạy, cổ cất thẳng và những lúc người cưỡi kim cương đứng lại, thì bốn vó nhỏ thon của nó luôn luôn cuốc xuống đất và mũi nó hục hặc thổi phì hơi. Đó là hạng chiến mã, giống Lạng Sơn kỵ sĩ phải có vẽ tốt, cương cứng mới trị nổi, tay non sẽ bị vật ngã liền.

Song song đi hàng đôi và bước một trên con đường đất đầy cỏ xanh ướt, bốn con ngựa thỉnh thoảng gặp vũng nước đọng ngầm dưới cỏ sau trận mưa tối hôm trước, làm cho nước vọt tung toé lên. Mưa bay đã tạnh hẳn. Nhưng tiết trời mỗi lúc một thêm giá, nhất là gió bắc thổi lại càng mạnh khiến ai nấy chân tay lạnh buốt. Nhị Nương bèn dừng lại ở một cái quán bên đường để uống bát nước chè tươi nóng và mở khăn gói lấy chiếc áo cà sa nâu dày đưa hoàng phi mặc trùm ra ngoài cho đỡ rét.

- Nam mô a di đà Phật! Hẳn nhà chùa đi đường xa.

- Sao cô hàng biết?

- Vì thấy nhà chùa cưỡi ngựa. ở vùng này ít khi có các sư ông cưỡi ngựa đi qua.

Hoàng phi lo lắng nhìn Nhị Nương. Phạm Thái thản nhiên đáp lại cô hàng:

- Phải, bần tăng nay đi ngựa cũng là một sự bất thường. Nguyên Phổ bác thiền sư - vừa nói vừa trở hoàng phi - khi tới Kinh Bắc thì mệt quá, không đi được nữa, may gặp công tử đây - chỉ Nhị Nương - là chỗ bạn tâm giao, công tử liền bỏ tiền ra mua mấy con ngựa để cùng đi cho vui.

- Nam mô a di đà phật! Thật công tử có lòng quý hóa! Nhưng chớ tăng đi tận đâu?

Nghe cô hàng hỏi tỉ mỉ, Phạm Thái đưa mắt liếc Nhị Nương có ý bảo thầm phải coi chừng, vì biết đâu cô hàng ta không là một tay thám tử. Chàng cho rằng nếu đảng Tiêu Sơn biết dùng những hàng cơm, hàng nước làm nơi dọ thám, thì triều đình cũng chẳng đại gì mà không biết dùng. Chàng tin sự phỏng đoán của chàng là đúng, khi thoáng nghe có tiếng bẻ nứa ở trong buồng bên đưa ra. Chàng nghĩ thầm: "Thế nào cũng có thằng ghé mắt nhìn qua bức phen liếp kia?" Tức thì chàng đứng dậy giục giã mọi người lên ngựa, và bảo ai nấy cùng ra roi phóng nước đại, phi về phía Lạng Giang. Mãi khi vượt qua làng Bái một quãng xa và sợ hoàng phi mệt nhọc, chàng mới kìm cương ngựa lại. Nhị Nương hỏi:

- Cớ sao hiền đệ vội vàng như thế?

Phạm Thái vẫn còn ngó lại phía sau:

- Hiền tử không ngờ vực điều gì?

- Ngờ vực thì có ngờ vực, nhưng cần gì phải quá hấp tấp đến thế?

Câu nói bình tĩnh của một người thiếu phụ khiến Phạm Thái lấy làm tự hổ thẹn về cử chỉ của mình. Chàng nói chữa:

- Nhưng mà tể ngựa một lúc trong người cũng thêm ấm được một chút, có phải thế không, tâu lệnh bà?

Hoàng phi mỉm cười an ủi:

- Phải đấy. Nhưng chị đã dặn các em chỉ nên gọi theo đạo hiệu của chị mà thôi Các em nên biết tai vách, mạch rừng, ta phải phòng bị luôn mới được. Vậy từ giờ trở đi bất cứ chỗ đông người, hay ở chỗ vắng, chị là Phổ Bác thiền sư còn công tử thừa công tử tên họ gì tôi quên bằng mất rồi.

Nhị Nương cười lớn, cố làm bộ dạng đàn ông thò tay vào bọc lấy tín bài mà nó i rằng:

- Bạch thiền sư tôi cũng quên bằng mất, để còn phải tra cứu lại mới được.

Rồi nàng cầm tín bài đọc:

- Nguyễn Đức Minh, hăm năm tuổi, người làng Đông Phú, huyện Đông Ngàn... Có thể mà mãi không thuộc.

Mọi người cười rộ.

Có tiếng đâu đó cười theo. Ai nấy kinh ngạc nhìn nhau. Một người tuy đầu râu đã bạc, nhưng còn vẻ tráng kiện, da dẻ hồng hào, cười lùa từ bên sườn đồi đi xuống, gọi:

- Có phải Chiêu đấy không?

Phạm Thái nhìn Nhị Nương, mà trong lòng lo sợ, bất giác thò tay vào bọc rút dao. Người kia nói tiếp luôn?

- Có phải Chiêu Trung... Con quan Bạch Hạc Hầu... đó không?

Phạm Thái nghe giọng lè nhè thì đoán biết rằng ông già say rượu và làm Nhị Nương với ông Chiêu nào đó... Tức khắc chàng tra kiếm vào vỏ, vui mừng đáp lại:

- Dám xin lão trượng cho biết quý tính đại danh để lữ bần tăng được hầu chuyện.

Ông lão như không nghe rõ lời Phạm Thái, cho lừa bước lại gần bên Nhị Nương mà nói rằng:

- Công tử đi chơi đâu với chớ tăng thế?... lại rủ nhau lên Lạng giang nhắm rượu với thịt cây chứ gì! Cho lão phu đánh chén với nhé?

- A di đà phật!

Câu niệm phật của hoàng phi khiến ông già quay lại ngắm nghía, rồi nói:

- Chẳng hạn như sư ông đây vừa trẻ tuổi vừa đẹp trai... đẹp hơn con gái đấy, mà bảo giới được tửu, giới được sắc thì lão phu... xin cam đoan chừa rượu... chừa làm thơ... chừa tuốt... Chớ tăng cùng công tử chắc cho lão già lẩm rồi... Kỳ thực lão mới năm mươi năm tuổi... Đầu lão bạc, râu lão bạc... là vì lão lo buồn nhiều quá lo buồn về việc... việc nước...

Hoàng phi mỉm cười đáp:

- Lão trượng lo buồn việc nước mà rượu cứ chén tì tì được!
- Ấy uống để quên. Nhưng về nhà lão chơi đã. Lão ra đón công tử từ sáng, vì chắc thế nào công tử cũng qua đây.

Nhị Nương lễ phép xuống ngựa đáp:

- Thưa lão trượng, lão trượng nhầm rồi. Tôi có là ông cháu ông ám nào đâu.

Tôi là... là Nguyễn Đức Minh người huyện Đông Ngàn đây mà?

- Thế à? Thế ra công tử không phải ông Chiêu Trung, con quan Bạch Hạc Hầu là bạn đồng khoa với lão phu. Nhưng không sao cứ về chơi đánh chén đã! Lâu nay lão phu không có tri kỷ... uống rượu một mình buồn lắm!

Phạm Thái có vẻ ngấm ngấm. Bổng chàng hỏi ông lão:

- Dám hỏi tôn ông, tôn ông có phải là Phạm tiên sinh đầu tiến sĩ về đời Cảnh Hưng không?

Ông lão dương mắt đăm đăm nhìn Phạm Thái:

- Không, tôi họ Trần, chứ không phải họ Phạm, tuy tôi có đậu tiến sĩ, nhưng thừa chur tăng cùng công tử, cái tiến sĩ ngày nay không quý bằng một bình rượu ngon, hay một cái đùi chó thui vừa chín tới.

Dứt lời, ông lão cất tiếng cười oang oang tỏ cho mọi người biết rằng mình còn khỏe mạnh chẳng kém gì trai trẻ. Rồi ông ta nói tiếp:

- Ý chừng các ngài muốn hỏi thăm ông thầy số tướng thiên văn, địa lý Phạm Quảng Văn người làng Hoàng Mai?

- Vâng.

- Còn tôi đây chỉ là Trần Lý người trấn Sơn Nam.

Ông ta giơ tay trở lên một trái đồi:

- Nhưng không sao, xin mời chur tăng cùng công tử cứ đến chơi, nhà lão phu kia rồi.

- Vậy xin vâng.

Năm người cho ngựa và lừa đi bước một leo lên đồi. Bổng một đứa trẻ nằm ngựa phơi nắng trên lưng trâu vỗ bụng mà hát rằng:

Mặt trời sắp lặn sau đèo

Hỡi người hém củi hãy theo vào rừng.

Đem dao, cùng búa, cùng thừng.

Chặt cây cao nhỏ, xin đừng cây to.

Nhị Nương hỏi Trần Lý:

- Thế nghĩa là gì, dám thưa lão tiên sinh?

Phạm Thái nói:

- Trẻ chăn trâu nó hát nghêu ngao còn tìm hiểu nghĩa làm gì cho mệt trí.

Trần Lý suy nghĩ đọc nhầm lại bốn câu ca vừa lắng tai nghe được:

Mặt trời sắp lặn sau đèo

Hỡi người hém củi hãy theo vào rừng.

Đem dao, cùng búa, cùng thừng.

Chặt cây cao nhỏ, xin đừng cây to.

Bổng ông ta cười phá lên, bảo mọi người:

- Sấm rồi! câu sấm rồi! Thôi lại anh nào trong đám trung thần nhà Lê đặt ra đó thôi Mà biết đâu lại không chính anh Phạm Quảng Văn là tác giả câu hát ấy.

Bấy giờ bốn con ngựa và lừa của chủ nhân đã leo đến một nếp nhà tranh làm ở một nơi đất bằng, rộng độ hai sào, chung quanh trông thông cùng dương liễu, Trần Lý xuống lừa mời:

- Rước chur tăng với công tử vào chơi...

Rồi quay sang tiểu đồng:

- Chú Thiện! pha nước uống nhé?

Một câu bé đầu đội trái đào, chừng mười bốn, mười lăm tuổi chạy ra, chắp tay nói:

- Thưa thầy, có ông tú Mỹ Cầu đánh cá ở đầm Phan Trì được hai con chép lớn, đem đến biếu thầy.

Trần Lý cất tiếng cười ha hả:

- Hay! Hay lắm! Quý khách đến chơi, nhà lại có người cho cá ngon...

Ông quay ra nói với Phạm Thái:

- Cá chép đầm Phan Trì có tiếng là ngon lắm đấy bạch hai sư ông.

Nghiêm nhiên Phạm Thái hỏi lại:

- Nhưng lão tiên sinh có rượu ngon không?

- Rượu ngon thì không thiếu, chỉ lo chư tăng cùng công tử không có sức uống.

Vậy chú Thiện, chú đi tìm cho thầy anh trò nào khéo làm gỏi đến giúp thầy một tay nhé. Chả mấy khi có gỏi tươi như thế này để thết các vị thiền sư. Nhưng đun nước pha trà ngay đã, các quý khách chắc hẳn rét lắm đấy.

Người nào người ấy tìm gốc thông buộc ngựa rồi đi vào trong nhà ngồi nghỉ

- Chú đừng quên lấy thóc cho ngựa các quý khách ăn nhé?

Một lát sau, thiếu đồng bưng nước lên. Bà hoàng phi uống luôn hai chén chè tươi nóng và thơm, thấy trong người ấm áp dễ chịu, mỉm cười nhìn Nhị Nương.

Nhưng Nhị Nương giữ vẻ mặt tự lự, hỏi Trần Lý:

- Thưa lão tiên sinh, tôi vẫn không nghĩ ra được nghĩa huyền bí của câu sấm lúc này?

Trần Lý cười lớn:

- Thì làm gì có sấm, sét kia chứ. Tôi đã bảo họ đặt ra đề xui giục lòng dân mà thôi Họ cố làm cho câu hát lơ mờ, huyền bí, khiến ai đọc đến cũng phải đoán ra một nghĩa riêng. Thí dụ câu hát này chúng ta thử cùng nhau tán lầy một nghĩa mà xem. Câu đầu:

"Mặt trời sắp lặn sau đèo "

Thì ta có thể cho là phương tây. Mặt trời sắp lặn chẳng là phương tây thì còn là gì.

Còn như đèo thì ta có thể cho là núi. Vậy câu đầu tức trở "Tây Sơn ". Hơn nữa, hai chữ "sắp lặn " lại là sắp mất. Tóm lại sáu chữ ấy chỉ nghĩa "nhà Tây Sơn sắp mất ". Kế đến hai câu sau:

"Hỡi người héam củi hãy theo vào rừng

Đem dao cùng búa cùng thùng"

Thì có lẽ chẳng có nghĩa gì, mà chỉ là hai câu đưa đẩy. Nhưng ta có thể tán rằng "người héam củi " đây là trung thần nghĩa sĩ, và "theo vào rừng " là theo nhà Lê.

Và trong chữ Lê cũng có chữ dao. Câu sau rốt:

"Chặt cây cao nhỏ, xin đừng cây to."

Thì hẳn có nghĩa là diệt Tây Sơn. Vì "cao nhỏ " là tiểu, ngọt: hai chữ tiểu, ngọt chắp lại thành chữ Quang, Quang đây không là Quang Trung, Quang Toàn thì các ngài còn bảo Quang gì? Đó là tôi giảng theo ý riêng của tôi. Công tử cùng chư tăng giảng theo một nghĩa khác. Cũng không ai cấm.

Dứt lời, ông ta cười ha hả. Phạm Thái và Nhị Nương phục Trần Lý lắm. Chủ nhân lại nói tiếp:

- Câu sấm ấy kể cũng tầm thường. Mà sấm như thế, một lúc tôi có thể đọc vài chục câu, chẳng hạn:

"Ra đầm đánh cá về xoi,

Béo thời là gỏi, gày tới kho tương "

Cả năm người cùng cất tiếng cười vang. Trần Lý nói:

- Biết đâu tán rộng ra, câu ấy lại không có nghĩa thế. Nhưng kìa ai đến chơi!

Một người chống gậy từ trên đồi đi lên.

Ai nấy nhìn xuống; Phạm Thái hỏi Trần Lý:

- Có phải Phạm Quảng Văn đấy không, thưa lão trượng?

- Không phải.

Vừa nói, ông lão vừa đứng dậy chạy vội ra sân:

- Xin kính chào quan Bạch Hạc Hầu! May mắn cho đệ biết bao, hôm nay lại được đại nhân chiêu cố đến chơi.

Người mới tới tuổi đã cao lắm, vào khoảng gần bảy mươi, đứng lại thở rồi mỉm cười bảo Trần Lý:

- Tôi đến đây xin hiến hữu tha lỗi cho cháu Trung. Sáng nay tôi có chút việc cần phải nhờ đến cháu đi giúp, nên cháu không lại hầu hiến hữu được... Xin để khi khác cháu đến tạ tội.

Bạch Hạc Hầu vái chào nói tiếp:

- Thôi, lại xin cáo từ hiến hữu tôi về.

Trần Lý giữ thế nào cũng không được, đành phải tiễn khách xuống chân đồi, rồi trở lên lác đầu phàn nàn:

- Ông lão thật thà quá! Đi năm sáu dặm đường, trèo hai, ba quả đồi chỉ cốt báo cho mình biết rằng ông Chiêu Trung không đến chơi được.

Hoàng Phi khen:

- Người thủ tín đến thế.

Nhị Nương nói:

- Nhưng bạch sư ông sao không sai người nhà đi?

Trần Lý cười:

- Ấy, Bạch Hạc Hầu vẫn có tính quá cẩn tín như thế đấy. Một lần, chúng tôi ấy anh em hẹn hôm sau lên họp nhau uống rượu làm thơ ở trên ngọn đồi Phúc Long. Chẳng may đêm hôm ấy, mưa như tầm tã, rồi sáng hôm sau vẫn chưa tạnh.

Tưởng chẳng còn ai đến họp nữa, mà tôi cũng không đến. Có ngờ đâu Bạch Hạc Hầu sắm quần chống gậy mà tới nơi.hẹn. Sau về, cụ ốm mất gần nửa tháng, chúng tôi phải cắt nhau đến phục dịch thuốc thang cho cụ.

Phạm Thái phàn nàn:

- Thế thì câu nệ quá nhỉ!

Người nhà bưng mâm gọi lên. Chủ bèn mời khách vào dự tiệc. Riêng chú tiểu giữ lễ không dám ngồi. Trần Lý cười nói:

- Bày vẽ, đời này không nên kể tôn ti trật tự gì nữa! Chỉ có hai hạng người:

Người anh hùng với người... không anh hùng. Vậy thì xin lỗi hai sư ông cứ gì là tiểu mà không phải bực anh hùng.

Phạm Thái quên hẳn mình đang mặc bộ áo cà sa cả tiếng cười vang, nói lớn:

- Kháng khái thay lời của lão anh hùng Trần tiên sinh. Vậy chú Thận, sư ông xá lỗi cho phép chú được hầu rượu lão tiên sinh cùng quý công cử đây.

Rồi năm người cùng ngồi lên giường uống rượu trò chuyện vui vẻ. Nhưng Nhị Nương vẫn không quên đưa mắt ra bảo Phạm Thái phải giữ gìn, chớ nên quá chén.

## Đả lô dài

Xong tiệc rượu Trần Lý say mềm, nằm vật ra ngủ.

Nguyễn Đức Minh liền viết mấy chữ cảm tạ để lại rồi cùng hai sư ông và chú tiểu lên ngựa ra đi, trông về phía Lạng Giang thẳng tiến.

Đến bến Lạng lại phải vào đồn trình viên tuần giang xin phép sang sông. Lần này hàng lý bị khám xét kỹ hơn, và mỗi người phải cung khai lý lịch rành rọt hơn.

Viên tuần giang hỏi vặn mãi về mấy con ngựa; nào những mua ở đâu, mua của ai, giá bao nhiêu tiền, vì sao đi tu mà cũng có tiền mua ngựa, mà cũng biết cưỡi ngựa. Nhị Nương phải hết tài ngôn luận, đem hết giọng phong lưu công tử ra ứng đối mới thoát được. Nàng không quên lờo viên tuần bằng những lời khoác lác, khoe khoang, nói quen thân với quan đại đồ hộ nọ, quan đại đồng lý kia, thường uống rượu làm thơ với quan thị lang này, quan tư vụ khác, khiến viên tuần



giang hơi chột dạ, mà cái ý tưởng muốn đánh thuế của nhà chùa một con ngựa tốt cũng dần dần biến mất trong khối óc làm tiền của ngài.

Vì thế nên chùng chình mãi, bốn người mới sang sông được, và khi đến Lạng Giang thì mặt trời đã xế bóng.

Lạng Giang tuy chỉ là một phủ lý, song vì ở giáp giới miền trung du và thượng du - nhất ở hạt ấy, hai nòi giống lại bắt đầu gặp nhau, - nên xưa nay vẫn là nơi rất trọng yếu, về mặt tuần phòng cũng như về mặt thương mại. Về mặt tuần phòng không những binh lính nhiều gấp đôi những phủ lý khác, mà ngoài số bộ binh và kỵ binh ra, lại có một đội chiến thuyền đóng ở sông Thương nữa.

Còn thương mại thì rất phồn thịnh, vì đó là nơi giao dịch sản vật, hàng hóa của các dân Thổ, Mán và dân Annam.

Vừa bước tới đầu phố Nam môn, bọn Phạm Thái nhận thấy ngay điều đó. Tuy lúc bấy giờ đã về chiều mà người qua lại vẫn còn tấp nập. Những bộ y phục màu chàm luôn luôn xen lẫn với những bộ y phục màu nâu. Chỗ này mấy chục người Thổ ở chợ về đi theo sau một đàn bò bán còn thừa lại. Chỗ kia, những người Annam, từng tốp một, gánh muối ở thuyền lên nơi nhà trọ để sáng hôm sau đem ra chợ bán.

Tiếng cười đùa vui thú, tiếng gọi nhau vào hàng cơm, tiếng cãi cọ om sòm, thực là huyền ảo. Trước một tửu quán, bốn người dừng ngựa. Tò mò đứng ngắm một đám đông.

Ở giữa đám ấy có tiếng thanh la inh ỏi. Bỗng tiếng thanh la ngừng lại, rồi bốn người đứng xem dần ra một chỗ. Bốn người ngồi trên mình ngựa thấy tiến đến gần một người Thổ, thân thể vạm vỡ, cao lớn. Người ấy chấp tay, cúi đầu chào, lễ phép nói bằng tiếng kinh rất sôi:

- Bạch chư tăng, thưa công tử, chúng tôi xin ra đón các ngài vào xem.

Đáp lại câu mời, Nhị Nương thò tay vào bọc, bốc một nắm tiền đồng đưa cho người kia mà truyền rằng:

- Làm trò đi. Hay, ta thưởng thêm sau.

Bọn Thổ có tất cả ba người: hai người đàn ông và một thiếu nữ rất đẹp, luôn luôn ngược mắt ngắm phía nhà sư và mỉm cười một cách rất có ý nghĩa. Thoạt tiên chúng cho con chó làm trò. Con vật theo tiếng hát ê a chui qua những cái vòng tròn bằng mây. Rồi đến lượt con khỉ và con cừu: con khỉ lộn múa trên lưng cừu rất giẻo và nhanh nhẹn. Phạm Thái ý chừng quên bẵng rằng mình là sư, trở người con gái hỏi:

- Còn cô kia không biết làm trò gì?

Cô Thổ nhòen một nụ cười kháu khỉnh, đáp lại:

- Em chỉ biết yêu nhà sư thôi.

Khán giả đứng quây tròn chung quanh, cười vang lên, khiến cặp má Phở Bác thien sư dần dần ửng đỏ. Thấy vậy bọn làm trò cũng cười theo, và nói tiếng Thổ với nhau điều gì.

Bốn người cười ngựa toan quay đi thì bọn kia khẩn khoản mời ở lại xem diễn võ. Họ múa rất đẹp và rất khỏe, khiến Phạm Thái và Nhị Nương phải tấm tắc khen hoài. Đoạn, họ thách khán giả có ai giỏi vào đấu võ với họ. Nếu đánh được họ, họ sẽ hiến hết số tiền thu được. Nhưng trước khi tỉ thí họ hãy xin đi thu tiền đã. Muốn coi đấu võ, công chúng chẳng hà tiện, ném tiền soang soảng vào cái thau mà cô gái Thổ giơ ra. Chẳng bao lâu đã thu được gần nửa chậu tiền đồng.

Song vẫn không ai dám vào độ sức với bọn họ. Có lẽ vì ngắm thân thể hai người đàn ông Thổ lực lưỡng to lớn mà ai nấy sợ hãi chăng? Một người làm trò nói ý chừng để nuốt trôi số tiền vừa thu được:

- Không có ai vào đấu với chúng tôi thì chúng tôi đấu với nhau để các ngài coi vậy Hai người cùng nhau đi một bài quyền. Đoạn, người thiếu nữ đứng chống tay vào hai bên sườn, ngạo nghễ nhìn công chúng, nói:

- Không ai dám đấu võ với hai anh em, nhưng em đây hẳn có tay địch thủ!

Không ai trả lời. Nàng liền đưa mắt nháy Phạm Thái mà hỏi rằng:

- Thế nào, bạch sư ông! Nếu sư ông mà hạ nổi em thì em xin thỉnh nguyện nhận sư ông làm chồng.

Khán giả cười vang. Nhưng họ kinh ngạc xiết bao khi họ thấy nhà sư thông thả xuống ngựa, và khoan thai bước lại gần người con gái. Ai nấy im lặng, chờ xem.

Phạm Thái đưa mắt nhìn chung quanh mình rồi dần từ tiếng bảo người thiếu nữ:

- Bần tăng tiếc rằng sự tu hành bắt buộc các nhà sư không được có vợ. Vậy nếu cô nương bằng lòng nhận điều này thì bần tăng xin thí võ với cô nương ngay...

Mọi người thì thào:

- Ô! bí mật nhỉ! nhà sư mới ngộ nghĩnh làm sao chứ!

Cô gái Thổ không khỏi chột dạ, se sẽ đáp:

- Vâng, điều gì xin sư ông dạy cho biết.

- Là nếu tôi đánh ngã cô nương thì tôi có quyền muốn gả cô cho ai mặc ý.

Cô kia còn do dự thì người anh đã giục: "Cứ nhận lời đi, không thua đâu mà sợ".

Hai người cùng nhau đẩy quyền. Nhưng thiếu nữ địch sao nổi Phạm Thái, chưa được ba hợp đã ngã chổng quèo vì một cái đá móc cửa bên địch.

Những người đứng xem, reo mừng âm ỉ:

- A... a! Nhà sư đắc thắng!... Nhà sư được rồi!... Bạch sư ông gả cô ấy cho tôi nhé?

Cô Thổ xấu hổ lóp ngóp bò dậy ra đứng phía sau con chiên, thở hổn hển.

Nhưng một người trong hai người đàn ông bước lại gần bên nhà sư mà rằng:

- Võ nghệ nhà sư cũng khá đấy!

Phạm Thái mỉm cười:

- Muốn biết khá hay không, nhà ngươi chỉ việc tỉ thí. Bần tăng vẫn còn đủ sức để đấu với nhà ngươi.

Khán giả hò la:

- Ô phải đấy! đấy võ đi!... Hai người đấy võ đi!...

Một cái kiệu khiêng qua. Vị công tử ngồi trong vén màn bảo phu kiệu đứng lại, rồi khi hỏi biết đầu đuôi câu chuyện liền truyền rằng:

- Ta treo giải một nén bạc đấy... Vậy đấu võ đi.

Phạm Thái liếc mắt nhìn gã kia, trong lòng căm tức. Người làm trò cung kính đáp lại:

- Thừa công tử, tối lấy làm tiếc rằng trời tối mất rồi. Kể đấu võ với một người tầm thường thì chỉ trong nháy mắt là xong. Nhưng đối với sư ông đây thì tất phải lâu, ít ra cũng mười, mười lăm hiệp mới phân thắng phụ, mà trời lại tối rồi. Chẳng lẽ đốt đuốc lên mà đánh nhau. Vậy xin công tử đến sáng mai.

Thực ra trời đã nhá nhem tối. Vả Phạm Thái cũng không muốn lĩnh thưởng của gã kia, liền nhận lời đợi đến hôm sau sẽ cùng người làm trò thử sức. Nhị Nương nói đùa:

- Nhưng còn tiểu thư chưa thấy sư ông định phạt ra sao. Nào ai có điểm phúc được cùng cô kết duyên?

Cô làm trò ngược mắt nhìn chàng niên thiếu ngồi trên mình ngựa mỉm cười một nụ cười rất có duyên. Nàng ao ước và định ninh rằng thế nào nhà sư cũng gán mình cho chàng công tử, bạn của nhà sư. Vì thế, nàng tấp tễnh mừng thầm đứng đợi Nhưng Phạm Thái ngẫm nghĩ một lát, rồi nói:

- Hãy chờ đến mai. Bần tăng đấu võ với võ sĩ đây xong đã rồi hãy hay.

Dứt lời chàng mời hoàng phi cùng Nhị Nương vào trong quán nghỉ trọ. Chủ quán ban này cũng đứng xem nhà sư đấu võ, nên tỏ vẻ kính phục lắm vội vàng đi sắp mâm rượu. Trong khi ấy, người đầy tớ và chú tiểu giắt ngựa đi tàu.

Sáng hôm sau vừa thức giấc, Phạm Thái đã vội vã giục hoàng phi và Nhị Nương lên đường. Nhị Nương nhắc truyện đấu võ thì chàng gạt ngay:

- Chúng ta há gì một sự tỉ thí hão huyền mà nhặng bỏ việc lớn đương theo đuổi được chẳng?

Không thấy Nhị Nương đáp lại, chàng nói tiếp luôn:

- Không phải ngu đệ sợ thua mấy thằng bán võ ấy đâu, - mà có thua phỏng đã sao? - nhưng ngu đệ chỉ e mất thời giờ vô ích, trong khi ở Tiêu Sơn đại huynh đang lo lắng về hành trình của chúng ta.

Hoàng phi vẫn muốn mau tới Lạng Sơn để được nghe ngóng tin tức vua Lê ở bên Tàu ra sao, liền phỉnh luôn Phạm Thái một câu:

- Sư ông bàn rất phải. Người anh hùng không hề tức khí sảng, nhất lại không bao giờ để lòng hiếu thắng chiếm đoạt tâm hồn mình đến nỗi làm lỡ cả việc lớn.

Vậy mục đích của ta là đi Lạng Sơn. ĐỘ tài độ sức với bọn thất phu kia làm gì?

Tha hồ cho chúng nó ở lại mà khoe khoang, khoác lác với quần chúng, chúng nó làm giảm giá trị sao được một bậc nhân tài, một vị anh hùng như Phổ Chiêu thiên sư?

Được hoàng phi ca tụng, Phạm Thái sung sướng đỏ cả mặt, và suýt nữa toan phục xuống tạ ơn, nếu không nhớ đến thân thể bọn mình là một bọn tông vong đương ở trong một hàng cơm đồng người lui tới.

Bốn người liền gọi chủ quán tính toán tiền ăn tiền trọ rồi ra đi, mặc cho hấn đứng khúc khích cười chế nhạo.

## Vua Chiêu Thống

Năm hôm sau, bốn người đến Lạng Sơn và theo Phạm Thái đi thẳng đến Kỳ Lừa thăm sư cụ chùa Tam Thanh. Sư cụ đạo hiệu Phổ Mịch thiên sư là bạn đồng chí của Phạm Thái và là một đảng viên trong đảng Tiêu Sơn.

Hàn huyền dăm câu rồi hai người hỏi nhau đến việc đảng. Vô tình không biết có hoàng phi đứng trước mặt Phổ Mịch buột miệng nói:

- Về vùng trấn Bắc như thế cũng có thể hy vọng lắm. Còn ở đây, từ khi cái tin Hoàng đế thăng hà đưa về nước các bật sĩ phu xem chừng đều có ý chán nản...

Thiên sư bỗng ngừng bật vì thấy Phổ Chiêu ra hiệu bảo im ngay. Nhưng đã quá chậm rồi. Hoàng phi nấc lên một tiếng rồi ngã vật xuống đất. Nhị Nương vội nâng dậy đặt lên giường và gọi mãi mới tỉnh. Thấy bà khóc thảm thiết và luôn miệng kêu "Bệ hạ", Phạm Thái lại gần khẽ nói:

- Tàu lệnh bà nên bình tĩnh.

- Ta cần gì. Ta cố sống đến ngày nay là chỉ vì hy vọng mai sau được gặp mặt Hoàng thượng. Nhưng nay Hoàng thượng thăng hà rồi, thì ta chỉ còn một thác mà thôi - Tàu lệnh bà, lệnh bà dạy thế sao được! Vì nào chỉ có một mình Thánh thượng? Còn thái hậu, vâng còn Quốc mẫu, sau này ai người phụng dưỡng ngài?

Và xin lệnh bà tha tội cho, Hoàng thượng mất tuy là một sự đau đớn. Vì Hoàng thượng mất còn tìm được người trong hoàng tộc kế vị, chứ giang sơn mất vào tay người khác, mới là mất hẳn. Vậy xin lệnh bà tĩnh tâm cho, đừng làm náo động lòng thần dân. Nhất lại ở chốn biên thành này, binh lính cùng thám tử của ngụy triều đông như kiến cỏ, nay lệnh bà khóc lóc âm ỹ, nhớ đến tại bọn họ, thì không những một mình lệnh bà bị khổ nhục, mà đảng trung thần phục quốc cũng đều vì lệnh bà mà phải ly tán mất. Xin lệnh bà nghĩ kỹ mà lượng xét cho.

Hoàng phi lau nước mắt ôn tồn đáp lại:

- Đạ tạ thiên sư, không có lời dạy bảo của thiên sư thì suýt nữa tôi đã làm lỡ cả việc lớn.

Bà liền cố gượng khuây nói chuyện với Phổ Mịch, cốt để hỏi về mọi sự đã xảy ra ở bên Tàu. Phổ Mịch sợ hải khép nép:

- Tàu lệnh bà, vì lệnh bà cải trang, bàn tăng không biết, đã xúc phạm tới lệnh bà.

- Điều ấy không hề gì. Vả từ nay tôi thực đã trở nên một người tu hành, một nhà chân tu. Vậy xin sư cụ cứ gọi tôi là Phổ Bác cho tiện.

Dùng thiên trà xong, hoàng phi cố nài Phổ Mịch thuật lại cho biết tình cảnh bọn bày tôi tòng vong ở nước người sau khi Hoàng thượng thăng hà. Phổ Mịch nói:

- Điều ấy, bản tể không được tường. Nghe đâu vua Càn Long đầy mỗi người ở một nơi...

Hoàng phi thương hại phàn nàn:

- Trời ơi! Sao lại còn bị đầy nữa! Tội tình gì mà bị đầy như thế?

- Họ bị đầy ngay khi còn sinh thời Tiên đế, vì vua Càn Long không muốn bọn họ được gần đấng Tiên đế, sợ họ thúc giục Tiên đế xin quân đem về nước lo sự phục hưng.

Hoàng phi thốt ra một câu mắng nhiếc:

- Quân khốn nạn!... Vậy thế thì ta không còn mong gì nhà Thanh giúp binh nữa đây.

Phạm Thái đáp:

- Tâu lệnh bà, ta cũng chẳng nên mong cậy gì ở họ. Trước kia họ cho Tôn Sĩ Nghị mang quân sang ta, tuy miệng nói là cứu giúp, nhưng kỳ thực chỉ cốt chiếm cứ nước Nam mà thôi. Nhà Minh xưa giúp nhà Trần, cái gương xâm lược ấy ta đã quên rồi sao?... Chỉ nên trông vào sức mình là hơn cả...

Phổ Mịch nói tiếp:

- Tâu lệnh bà, Phổ Chiêu thiên sư nói rất phải. Họ chẳng nhân nghĩa gì đâu. Cứ xem cách tàn nhẫn họ xử với một ông vua mất nước với đám bày tôi tòng vong cũng đủ rõ tâm địa họ không ra gì. Ai đòi thừa một ông vua lảng giềng gập bước loạn ly lánh sang nhờ vả mình, mà coi người ta không bằng một viên thượng thư! Bản tể nghe Trần Thiện mô hấn phong cho Tiên đế chức tả lĩnh, ban cho áo mũ quan tam phẩm. Cái tin ấy làm bản tể thâm ruột tím gan. Vua mình nó còn khinh thường như thế không trách các quan đi hộ giá, nó đầy mỗi người một nơi... Việc này chỉ tại thằng Kim Giản xui nên cả. Tâu lệnh bà, chẳng ai ngu như bọn Lê Quỳnh, Phạm Như Hùng, Hoàng Tịch Hiếu không biết cư xử cho phải đường. Thấy nó lãnh đạm với mình thì mình phải hiểu chứ, ai lại để Thánh thượng đi lại cầu cạnh mãi rồi ra quỳ bên đường dâng biểu lên vua Thanh xin binh, nhất lại nhờ tên đô thống Kim Giản đưa vào hầu. Thầy trò chúng nó đã bàn định cùng nhau rồi. Chúng nó sợ bọn Tây Sơn như sợ cọp, còn dám ho he gì nữa mà mong ngóng chúng nó cứu giúp? Vua Thanh có cho thằng Kim Giản ra đồ ngon đồ ngọt, đánh lừa tam tứ phen, nào là chỉ cho đất Thâm Châu, nào là sắp phong làm quốc vương ở đất Tuyên Quang. Chỉ thương hại Nguyễn Văn Quyên vì lòng trung quân mà bị bọn chó má nó ném chết ở trong vườn Viên Minh.

Hoàng phi rơm rớm nước mắt hỏi lại:

- Chắc cao tăng biết nhiều về mọi việc ở bên nước láng giềng. Vậy dám xin cao tăng làm ơn thuật lại cho nghe.

- Tâu lệnh bà, bản tể quả mắt không trông thấy, nhưng tai được nghe Trần Thiện kể lại. Câu chuyện đau lòng lắm, thiết tưởng lệnh bà chẳng nên biết làm gì thêm khó chịu. Chẳng qua nhà Lê ta đến vận suy, nên tình cảnh vua tôi sinh ra như thế Hoàng phi cố giữ nét mặt thản nhiên:

- Xin cao tăng cứ cho biết.

Nhị nương cũng nói:

- Việc đã xảy ra thì có can hệ gì. Đối với người đeo đuôi việc lớn, chỉ có việc hiện tại với tương lai là đáng kể. Vậy xin cao tăng cứ thuật lại hầu lệnh bà nghe rõ đầu đuôi Phổ Mịch ngồi ngẫm nghĩ một lát, như để sưu tầm mọi điều trong trí nhớ, rồi kể rằng:

- Hồi cuối năm ngoái, một hôm bản tể đi tới cửa động Tam Thanh, bỗng gặp một người hành khát, quần áo rách rưới, dờn như đứng chờ ai. Người ấy vái chào bản tể, thì thăm xưng tên là Trần Thiện. Bản tể giắt mình, vì hôm tiền thánh giá vượt biên giới sang Tàu, chính mắt bản tể trông thấy trong bày tôi có ông Trần Thiện. Ngày nay ông ta về nước, chắc có sự biến cố chi đây. Bản tể liền thấp đuốc mời Trần quân vào chơi trong động nói chuyện. Thì ra Trần quân trá hình kẻ hành khát trèo non, vượt suối về nước chỉ để báo tin cho thần dân biết rằng Hoàng thượng đã thăng hà, và đã lập Duy Khang kế nghiệp.

Hoàng Phi ngờ ngác hỏi:

- Duy Khang là ai vậy?

- Tàu lệnh bà, là Lê duy Vượng, con nuôi của đấng Tiên đế.

Hoàng phi có vẻ lo sợ:

- Thế hoàng tử?

- Hoàng tử...

Phổ Mịch ngần ngại đưa mắt nhìn Phạm Thái, Nhị Nương trù trù đáp:

- Tàu lệnh bà, Hoàng tử lên đậu đã qua đời.

Nhị Nương kinh hãi nhìn hoàng phi, chắc thế ngào nghe tin thái tử mất, bà cũng chết ngất đi. Nhưng không, bà vẫn giữ thần nhiên.

Có lẽ sự thống khổ đã đến cực điểm làm cho bà nghẹn ngào không khóc được lên tiếng. Hay lòng căm tức vua tôi nước Tàu lấn át cả sự thống khổ? Cặp mắt mơ mộng xa xăm, bà ngây người, nhắc đi nhắc lại:

- Lên đậu!... Hoàng tử lên đậu! Lên đậu! Mất rồi!

- Tàu lệnh bà, có lẽ phần bực tức bị người Tàu khinh mạn, phần buồn phiền vì hoàng tử qua đời. Nên Hoàng thượng mắc bệnh nặng ngay, rồi qua năm sau, năm Quý sửu, Ngài thăng hà.

Cặp mắt Hoàng phi vẫn mơ mộng xa xăm:

- Ngài thăng hà! Ngài thăng hà!

- Vâng, Ngài thăng hà đã được hơn bốn năm nay.

Hoàng phi rùng mình như có cơn gió lạnh thổi qua tâm hồn. Nhưng bà cố định thần mà hỏi rằng:

- Trần Quân có thuật cho cao tăng nghe cái giờ lâm chung của bệ hạ không?

- Tàu lệnh bà, Trần quân thuật rất tường tận.

"Hôm ấy, Thánh thượng biết rằng sắp qua đời, liền gọi bảo Như Tùng. Lê duy Vượng đi nấu nước thơm để Ngài tắm. Khi đã lau mình mẩy sạch sẽ, Ngài truyền lấy triều phục mặc vào cho Ngài rồi ngài nằm thẳng trên giường, quay mặt về phía Nam, miệng lẩm bẩm khấn khứa rất lâu. Hai người tôi - Trần Thiện với Như Tùng - quỳ ở một bên giường, trong lòng lo sợ, đau đớn..."

Nhị nương hỏi:

- Bạch cụ, còn ai nữa không, hay chỉ có hai người ấy?

- Chỉ có hai người ấy, Những người khác đã bị đày cả đi các nơi. Hoàng ích Hiếu bị đày ra Y lệ, Lê Hân ra Phụng Thiên, Quốc Đống ra Cát Lâm, Việt Triệu, Văn Chương ra Nhiệt Hà.

Hoàng phi thở dài nguyên rủa:

- Cha đời quân Mãn Thanh! Thế rồi sao nữa, bạch cụ?

- Tàu lệnh bà. Thánh thượng vẫn tỉnh lắm. Ngài bảo Trần Thiện lấy giấy bút thảo tờ di chiếu, lập Duy Khang, tức Như Tùng Lê duy Vượng lên kế nghiệp, giữ hương hoả hoàng phủ, phụng thờ đức hoàng thái hậu.

Đọc xong, Thánh thượng cười chua chát nói tiếp: "Hương hoả của trẫm chắc cũng chẳng còn mấy?"

Trong phòng yên lặng, lạnh lẽo. Hai người tôi vẫn quỳ bên giường. Bỗng Thánh thượng nắm lấy tay Trần Thiện mà rằng:

"Các người theo trẫm trên con đường khốn quẫn, cùng trẫm nằm gai, nếm mật mong có ngày lấy lại giang san... Ngờ đâu trẫm gặp phải vận nước, vận nhà chẳng ra gì, đến nỗi không giữ nổi được xã tắc, phiêu bạt quê người... Nay trẫm chết là linh hồn trẫm được yên... Trẫm thương các người không biết còn đeo cái khổ, cái nhục đến đời thừa nào."

Trần Thiện khóc mà tâu rằng:

"Muôn tâu Thánh thượng, vua tôi có ngờ đâu gặp phải bọn quyền gian đánh lừa như thế này để đến nỗi Thánh thượng âu sầu căm tức là long thể mang đau, Hạ thần xin thề rằng, nếu Bệ hạ có mệnh hệ nào, thì kẻ hạ thần xin tận tâm báo được thù này..."

Hoàng thượng cười và an ủi:

"Thôi, không nên trách người ta làm gì, chỉ nên trách mình mà thôi. Và ngày nay, vận mệnh nhà Lê ta đã hết, các người đâu có chống chọi đi nữa có lẽ cũng không ăn thua gì. Ta chỉ ước mong có một điều sau này các người được về nước."

Bấy giờ các người mang hài cốt ta về, phụ táng vào sơn lăng liệt thánh, để tỏ bụng ta; các người nên nhớ kỹ điều ấy, cùng là truyền báo cho các quan ở xa được biết.

Trần Thiện, Như Tùng khóc nức nở vâng mệnh.

Thánh thượng nằm nghỉ một lát, rồi lại nói:

"Khi trẫm bị quân Tây sơn đuổi, kịp bỏ chạy sang đây, đến cửa Nam quan thì thấy lạc mất hoàng phi. Trong mấy năm nay trẫm hằng lo lắng chẳng biết hoàng phi trốn tránh nơi đâu hay đã bị quân giặc hại mất rồi. Nếu sau này về nước, các người còn có gặp Hoàng phi, thì xin vì trẫm trông coi cho tử tế. Trẫm nhờ Trần Thiện trao cho hoàng phi cái nhẫn này, Hoàng phi đeo ở tay chắc lại nhớ đến trẫm, mà biết rằng ở nơi đất khách quê người trẫm không bao giờ quên kẻ chung tình."

Phổ Mịch ngừng kể, xin phép đứng dậy mở hòm lấy ra cái nhẫn vàng trở lưỡng long châu nguyệt đưa nộp Hoàng phi.

- Tâu lệnh bà, cái nhẫn này, Trần Thiện sợ thất lạc đã gửi bàn tăng giữ giúp, nay bàn tăng xin dâng lên lệnh bà.

Hoàng phi ứa nước mắt đỡ lấy vật kỷ niệm của người xưa, đeo vào ngón tay mà lẩm bẫm:

- Bệ hạ! Bệ hạ!

Nhị nương ghé vào tai Hoàng phi nói thầm:

- Tâu lệnh bà, cái nhẫn ấy, xin lệnh bà gói lại cất đi, đeo vào tay như thế, sợ có nguy hiểm.

Hoàng phi khóc nức nở:

- Từ nay ta còn sợ gì nguy hiểm tới thân ta nữa. Ta sống đến nay chỉ mong mỗi có ngày được gặp long nhan, nhưng nay... ta chỉ còn lấy cái thác đền lại ơn tri ngộ của Hoàng thượng.

- Thiết tưởng lệnh bà càng nên giữ gìn quý thể để mai sau, khi rước hài cốt Hoàng thượng về nước, còn được nhìn thấy cùng là trông nom việc mai táng trong sơn lăng liệt thánh.

Hoàng phi vụt tỉnh ngộ:

- Em nói rất phải. Chị đợi đến ngày ấy hãy xuống cửu tuyền hầu Thánh hoàng cũng không muộn.

Rồi quay lại hỏi Phổ Mịch:

- Hoàng thượng thăng hà vào năm nào, ngày nào, giờ nào, bạch cao tăng?

- Tâu lệnh bà, bàn tăng đã biên chép cẩn thận. Thánh thượng thăng hà giữa giờ Dần, ngày mười sáu, tháng mười, năm Quý sửu. Ngài thọ hai mươi tám tuổi.

Hoàng phi lấy bút chép lại ngày tháng vào một mảnh giấy, gấp lại bỏ vào bọc và phàn nàn:

- Chẳng biết mấy năm nay, có ai nhớ ngày húy kỵ Hoàng thượng mà cúng giỗ không?

Phổ Mịch đáp:

- Tâu lệnh bà, thế nào ở bên Bắc Quốc, Duy Khang chẳng đèn nhang thờ phụng Tiên đế. Còn như ở bản sơn môn đây, thì năm năm vẫn nhớ ngày húy, lập đàn cầu nguyện lên vong linh Tiên đế.

- Đa tạ cao tăng, cao tăng đừng quên hoàng tử nhé!

- Xin vâng... Nhưng bây giờ thì rước lệnh bà xơi lương cơm chay cho đỡ đói.

Liên bảo các chú tiểu sắp cơm, trong khi hoàng phi và Nhị nương ngồi sụt sịt thì thầm nói chuyện.

## Thanh xuyên hầu

Thanh Xuyên hầu, Trương Đăng Thụ là một trang thiếu niên tuấn tú, con quan Kiến Xuyên hầu, người làng Thanh Nê, trấn Sơn Nam.

Kiến Xuyên hầu làm thượng thư bộ lễ thời chúa Trịnh Sâm. Khi Sâm mất, Khải và Cán chia ra hai phe đánh cướp nhau ngôi chúa, thì hầu chán nản cáo quan về làng, Trương Đăng Thụ hồi đó đang làm hiệp trấn Lạng Sơn.

Kịp khi Tây Sơn dứt nhà Lê, vua Chiêu Thống qua trấn Lạng sang Tàu, Thụ xin hộ giá tòng vong, nhưng vua truyền ở lại xem xét tình hình trong nước và để sau này làm nội ứng cho quân cứu

quốc ở ngoài đưa vào. Thụ ép lòng nhậm chức cũ, đợi xem Tây Sơn xử trí ra sao. Chàng nghĩ thầm: "Dù có vì thế mà bị hại, thì cũng là một cách báo đền ơn vua".

Triều đình Tây Sơn có rõ điều ấy chẳng? Chỉ biết rằng vua Quang Trung săn sóc đến bọn bầy tôi nhà Lê một cách tha thiết, chu đáo. Ai đi trốn thì tìm về cho làm quan, ai ở chức cũ thì cất nhắc lên chức trên, còn những người nào nhất quyết từ chối không chịu nhận quan tước thì để mặc ý về quê an cư lạc nghiệp, không phiền nhiễu tới. ĐÓ chỉ là một chính sách thu phục nhân tâm, có chi lạ.

Cũng vì thế mà Trương Đăng Thụ đương ở chức hiệp trấn được nhắc lên chức trấn thủ. Nhưng ta đừng vội tưởng đó là sự khoan hồng của nhà Tây Sơn. Trong chính giới, không có cái gì người ta làm vì tình cảm hết, ở đời này hay ở đời Tây sơn cũng vậy. Trước kia, Trương Đăng Thụ còn ở chức hiệp trấn thì tuy dưới quyền quan trấn thủ nhưng bao binh lực chốn biên thuỳ đều ở trong tay mình. Nay được thăng chức trấn thủ tức là bị tước hết binh lực. Vả viên hiệp trấn mới lại là một tướng thân tín của vua Tây Sơn từ Quảng Nam theo vua ra Bắc, và một số đông binh lính mới lại là người đường trong, trung thành với nhà vua, với triều đình Vậy thì quan trấn thủ Trương Đăng Thụ thực chẳng khác một tên tù giam lỏng, tuy vẫn được quan hiệp trấn và các viên liêu thuộc rất tôn trọng.

Trương Đăng Thụ cũng thừa hiểu, nhưng phải vờ trung thành với triều đình mới, dù ngày đêm vẫn lo mưu khởi nghĩa để phục hưng nhà Lê.

Một hôm lòng buồn bực, trí chán nản, Thụ đến thăm cảnh chùa Tam thanh, và nhận thấy sư cụ Phổ Mịch là một bậc cựu thần nhà Lê. Hai người liền đem tâm sự ra kể lể. Lúc bấy giờ sư cụ mới bỏ lòng khinh bỉ Thanh Xuyên hầu, vì trước kia vẫn tưởng làm rằng hầu ham công danh, phú quý, bỏ vua theo giặc.

Nghe sư cụ thành thực tạ lỗi, Thanh Xuyên thở dài mà rằng:

- Sư cụ, - xin cứ xưng hô như thế cho tiện - sư cụ nhờ oan cho Thụ này, thật chẳng có gì là quá đáng. Thời này, ai đã dễ mà tin hẳn được ai? Bậc trung thần nghĩa sĩ, anh hùng khảng khái thì ít, mà đồ siểm nịnh ham danh vụ lợi thì nhiều.

Những hạng siểm nịnh ấy, tôi có trách đâu. Cái chí bình sinh của họ ở chỗ vinh thân phì gia, thì họ cứ việc mà theo cái chí lớn ấy cho kỳ tới mục đích, nào ai cấm đoán, mà nào ai bảo sao... Tôi chỉ trách riêng bọn bầy tôi nhà Lê ngoài miệng leo lẻo những chữ trung quân, ái quốc, phò Lê diệt tặc, mà trong lòng chứa đầy sự ham muốn cho mình, cho vợ con mình. Tôi chẳng cần kể tên bọn họ ra đây, vì chính tôi cũng đương ở một địa vị vừa khả nghi vừa khó xử... Nhưng sư cụ thử nghĩ xem, lúc phò thánh giá, bọn kia nói những gì khảng khái biết bao? Thế mà bây giờ tôi chỉ biết mấy thằng trong đám nghĩa binh xưa đang dựa vào những chức trọng yếu trong triều... Sư cụ đừng ví họ với tôi. Tôi chỉ là một tên tù giam lỏng mà thôi, không có quyền binh gì trong tay. Chứ bọn họ - bọn đồng chí xưa của ta - thì trái hẳn, nay họ chỉ hô một tiếng là đầu chúng ta rụng, họ chỉ vẫy tay một cái là cả một hạt bị tàn phá. Công to của họ đối với triều đình Tây Sơn là đã hoặc dụ hàng, hoặc chém giết hàng trăm hàng nghìn bậc cựu thần nhà Lê. Tôi đây hẳn là cái gai trước mắt bọn họ, họ chỉ chờ dịp bứt đi mà thôi.

Phổ Mịch hết lời an ủi Thụ, rồi đem công việc đảng Tiêu Sơn ra bàn. Thanh Xuyên hầu cả mừng mà rằng:

- Tôi vẫn nghe đất Kinh Bắc có nhiều bậc anh hùng. Bây giờ mới biết rằng một đảng lớn mới thành lập ở đây. Thực là đại phúc cho nhà Lê ta!... Nhưng có phải dư đảng của Nguyễn Đoàn không?

- Không, đảng trưởng đảng Tiêu Sơn là Phổ Tĩnh thiền sư. Nhưng mới có cựu quân sư của Nguyễn Đoàn nhập đảng.

- Phạm Thái phải không, bạch sư cụ?

- Chính Phạm Thái, thế ra ngài biết cũng tường tận lắm nhỉ.

Từ hôm đó thỉnh thoảng Trương Đăng Thụ lại đến thăm cảnh động - chàng không ra luôn, sợ gọi lòng nghi kỵ của viên hiệp trấn. Nhưng sau chàng nghĩ được một diệu kế là vờ ham mê đạo Phật,

mua đủ cách thứ kinh về xem, rồi đoạn sách nào không hiểu, lại thân ra chùa Tam Thanh hỏi sự cụ.

Viên hiệp trấn thấy vậy chỉ cười, cho trấn thủ là người mê tín đạo Phật và không đáng để phòng cẩn mật lắm như triều đình đã có lệnh: "Phải, còn có việc gì, chẳng xem kinh Phật thì làm cái gì?" Viên hiệp trấn lấy làm đắc chí, tâu luôn mấy điệp sớ về triều, kể tình trạng sự thay đổi tâm tính của Thanh xuyên hầu.

Nhưng trong khi ấy Phổ Mịch và Trương Đăng Thụ vẫn được bình tĩnh cùng nhau bàn quốc sự. Rồi nhờ Phổ Mịch giới thiệu, Thụ xin vào đảng Tiêu Sơn và biên thư xin Phổ Tĩnh phái Phạm Thái lên trấn Lạng để cùng hai người lo toan việc lớn.

## Tâm sự

Bấy giờ vào quá giờ Tý. Dãy nhà thấp lẹp xụp mái lợp ngói kiêu tàu nằm ngủ dưới ánh sáng yên lặng của trăng tà. Gần đấy, về phía tây bắc, mấy quả núi đá Kỳ Lừa lù mù lấp lánh trong sương. Đứng bên bờ sông Kỳ Cùng trông sang, cảnh ấy hiện thành một bức tranh thủy mặc Tàu chấm phá trên nền lụa màu vàng ám khói.

Cách xa hẳn dãy phố, bên con đường nhỏ rẽ vào động Tam Thanh, một toà nhà cao rộng hơn, nhưng cùng làm theo một kiểu kiến trúc. Một bức tường xây bằng đá ong, trên ngọn có cắm mảnh sành vỡ, bao bọc nơi dinh cơ ấy, trông như một cái thành quách nhỏ vậy, tuy xung quanh không có hào. Trong vườn nhô lên những đám lá cây thưa nhạt, thấp thoáng trong trăng, khiến cảnh thêm u lặng lẽ kia bớt vẻ buồn tẻ, lạnh lùng.

Đêm đã khuya, thế mà một nhà sư trẻ tuổi còn lần mò đến gõ cổng nơi biệt thự. Sau một hồi chó sủa inh ỏi, có tiếng hỏi ở phía trong:

- Ai! Ai đến khuya thế?

- Tôi.

- Tôi là ai mới được chứ?

- Tôi đây mà! Bàn tăng đây mà!

Tiếng máng đuổi chó, tiếng lách cách mở then rồi cánh cổng từ từ hé. Người bên trong cất tiếng run run, se sẽ hỏi:

- Có phải Phổ Bác thiền sư đấy không?

Người đứng ngoài cũng se sẽ trả lời:

- Phải.

- Trời ơi! Sao đêm hôm khuya khoắc mà lệnh bà lặn lội...

Hoàng phi sợ hãi vừa quay đầu nhìn phía sau lưng vừa thì thầm:

- Im!

- Sao thế, tâu... bạch sư ông?

Hoàng phi bước vội vào:

- Đóng cổng lại đã. Hình như có bóng người theo sau.

Rồi hai người cùng đi vào trong nhà.

Độc giả hẳn đoán biết người vừa ra đón tiếp Hoàng Phi là Nhị nương. Nhưng sao Nhị Nương lại đến ở đây?

Nguyên biệt thự này, quan trấn thủ Thanh Xuyên hầu dựng lên đã dăm năm nay, dùng làm nơi nghỉ mát để thỉnh thoảng đến đọc sách, ngâm thơ, di dưỡng tinh thần những khi nhàn hạ, rảnh việc quan. Nhất từ ngày ngài ham khảo cứu đạo Phật, thì ngài càng năng lui tới nơi đó để được cùng sự cụ Tam Thanh thuyết minh nghĩa màu nhiệm của kinh Phật.

Kỳ thực, lập ra lớp riêng, Trương Đăng Thụ chỉ có một mục đích hưng Lê, hội họp anh em đồng chí để bàn việc lớn chống chọi với Tây Sơn.



Hai tháng trước Hầu có ngỏ lời nhờ Phổ Mịch thiền sư tìm cho một người tin cẩn thông chữ nghĩa để vừa trông nom nhà, vừa biên chép kinh Phật, cùng văn thơ.

Nhân gặp giữa lúc Phạm Thái và Nhị nương phò giá Hoàng phi lên Lạng, sư cụ liền đem Nhị nương ra giới thiệu là một người cháu họ tên gọi Nguyễn Đức Minh.

Thế là đương đóng vai phong lưu công tử, Nhị nương đã đổi ra đóng vai quản gia tại biệt thự quan trấn thủ. Trong khi ấy Phạm Thái ở lại tạm trụ trì một ngôi chùa gần Tam Thanh và Hoàng phi đến trú ở chùa Tiên, có đầy tớ tinh cẩn chùa Thanh Xuyên ăn mặc giả làm tiểu ở trông nam hầu hạ luôn bên mình.

Ham nay chùng có điều khẩn thiết hay nguy kịch muốn ngỏ cùng Nhị nương, Hoàng phi bỏ chùa lần tới đây chẳng? Chính Nhị nương cũng đoán thế nên vừa vào trong phòng, nàng đã lo sợ thì thăm hỏi:

- Tàu lệnh bà, có việc gì quan trọng thế?

- Không, chả có việc gì quan trọng cả, nhưng hôm nay không biết sao, chị nóng ruột quá.

Nhị nương thở dài:

- Lệnh bà làm tôi giật mình kinh hoàng, tưởng đã xảy biến. Mà tôi cũng vậy, tàu lệnh bà, lòng tôi cứ xót như bào, đêm nay không sao nhắm mắt ngủ yên được.

Tôi đương một mình tản bộ ngoài vườn thì nghe có tiếng lệnh bà gọi công.

Hoàng phi buồn rầu nói:

- Em ạ, từ hôm nghe tin hoàng đế thăng hà, hoàng tử qua đời đến nay, chị sinh ra mê sảng luôn. Động nhắm mắt là lại thấy hoàng thượng về đứng bên giường.

Có khi muốn tránh những giấc mơ đau lòng, chị đã thức suốt đêm tụng kinh niệm Phật, cầu cho vong linh thánh thượng cùng hoàng tử.

Nhị nương nghe Hoàng phi nói, chỉ ngậm ngùi thở dài. Rồi nàng hỏi:

- Máy chén thuốc tôi lấy hầu lệnh bà, lệnh bà đã xơi chưa?

- Cám ơn em, chị uống cũng thấy dễ chịu, nhưng sốt ruột thì vẫn còn sốt ruột.

Hôm nay vì chị đứng ngồi không yên về nỗi sốt ruột, nên chị phải vội đến thăm em để nói chuyện cho khuây khỏa.

Nhị nương chợt nghĩ đến con sông Kỳ Cùng:

- Nhưng ai chở thuyền hầu lệnh bà sang ngang?

- Vẫn có anh lái đò của sư Phổ Mịch đở thuyền ở bến. Chị nói sư cụ cho tìm, nên người ấy vội vàng chở ngay. Nhưng còn em, vì có gì mà em cũng băn khoăn không ngủ?

- Tàu lệnh bà, tôi cũng không hiểu vì có gì mà đêm nay tôi lại nóng ruột quá thế. Tôi lo đã xảy ra sự gì bất trắc ở Tiêu sơn, nên có tâm linh báo cho biết như vậy. Tôi muốn một hai hôm nữa về thăm đảng trưởng cùng anh em đồng chí, nhưng lại e lệnh bà ở đây một mình...

Hoàng phi vội đỡ lời:

- Nếu em về thì chị cũng về. Chị ở đây gần Trung quốc là nơi hoàng đế thăng hà, lòng chị đau thương không rút. Vì thế chị cũng muốn về Bắc để được nhất tâm niệm Phật mà quên đau khổ.

Ngừng một lát không thấy Nhị nương đáp lại. Hoàng phi nói tiếp:

- Nhưng chị thấy em cũng khổ sở thì chị lại muốn quên nỗi thống thiết của chị để an ủi em.

Hình như em có điều gì giấu chị?

Nhị nương vẫn ngồi im. Bỗng Hoàng phi nghe thấy nàng nức lên một tiếng.

Bà vội cầm lấy tay nàng, ôn tồn khuyên bảo:

- Chị em ta cùng gặp một cảnh ngộ, tưởng em chẳng nên giấu chị một điều gì.

Đấy em coi, xưa nay có một ý nghĩ gì mà chị không ngỏ cho em biết?

Nhị nương lặng lẽ để bàn tay trong tay Hoàng phi rồi thông thả nói:

- Thưa chị - vì lệnh bà đã cho phép tôi được kêu lệnh bà là chị...

Hoàng phi vui vẻ ngắt lời:

- Phải, chị muốn em gọi chị là chị, như thế vừa thân vừa kín đáo.

- Thừa chị, tâm sự của em, em chưa ngỏ cùng ai. Nhiều khi đêm khuya thanh vắng, gồi một mình em lầy lăm tịt thẹn về những ý nghĩ bất chính của em. Vì, thừa chị những ý nghĩ ấy thật là bất chính. Em xin cứ thực tình để hầu chị nghe:

"Từ ngày em rời bỏ tỉnh Nghệ, mang tấm thân phiêu bạt đi khắp đó đây, em đã tự thề với em rằng em còn sống một ngày nào, thì đời em, em hoàn toàn hiến cho sự báo thù cha, cho sự trả ơn chúa. Cũng vì thế mà em dẫn mình vào nơi nguy hiểm, đi tìm thầy học võ, tìm bạn đồng chí để gây thế lực.

"Thế rồi một đêm em gặp Trần Quang Ngọc, cùng nhau lập đảng Tiêu Sơn".

Hoàng phi kinh ngạc:

- Vậy ra chính em đã cùng Quang Ngọc, sáng lập đảng Tiêu Sơn?

- Vâng, sau khi em cùng chàng giết được tên ác tăng tu hành ở chùa Tiêu Sơn.

Rồi một ngày, đảng một thêm đông, một ngày em một thêm mền phục Quang Ngọc, mền vì nét, phục vì tài. Nhưng xin thú thực với chị rằng ngoài sự mền phục ra, không có gì nữa. Quang Ngọc coi em như một đảng viên khác bên nam giới mà thôi, còn em thì mãi mê man trong cuộc hành động... em không bao giờ để lòng em...

Nhị nương im bật như lầy lăm hổ thẹn về lời thú tội của mình. Hoàng phi thở dài đáp:

- Thế thì em đáng thương lắm. Chị hiểu em rồi. Em ạ, chị em mình muốn khẳng khái, muốn hiến thân cho việc lớn đến bực nào mặc lòng, cũng chẳng bao giờ thoát khỏi được ra ngoài vòng thường tình nhi nữ. Nhưng em ơi, nặng chữ tình thì có phạm tội gì đâu. Mà theo đuổi việc lớn thì sao lại không được có tình?

Nhị nương ngập ngừng:

- Nhưng... thừa chị, Quang Ngọc đã mặc áo cà sa.

- Không em ạ, Quang Ngọc tuy mình mặc áo cà sa, mà vẫn giữ một linh hồn một trang hiệp sĩ. Sống tạm trong tấm áo kẻ tu hành để làm việc lớn không phải hoàn toàn là kẻ tu hành. Đã không phải là kẻ tu hành, thì em có thể mong được mai sau...

Nhị nương bỗng ngồi ngay lại, nói dẫn dắt:

- Tạ ơn chị. Không, thừa chị, không bao giờ ta được nhu nhược. Em xin tự xử làm sao cho xứng đáng lòng tin cậy, lòng quý mến của Quang Ngọc, của đảng trưởng. Thừa chị, em nhất định không bao giờ chịu để ngừ "nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản" lại không đúng nghĩa đối với cả những hạng người theo đuổi việc lớn như Quang Ngọc?

Hoàng phi cảm động khen một câu:

- Em nghĩ rất phải.

## Cái cũ người

Nhị nương nóng ruột, thực không phải vô cớ nếu ta tin có sự viễn truyền tư tưởng.

Mà sao lại không có?

Thực vậy, ở Tiêu Sơn, anh em đồng chí rất mong mỗi Nhị nương, vì gặp nhiều sự nguy biến, và cần phải có tài do thám của Nhị nương để phá sự do thám khốc liệt của triều đình.

Trong mấy tháng trời, nhà ngục thất phủ Từ Sơn không đủ chỗ giam tội nhân, đến nỗi đã phải dựng thêm một nhà nữa. Mà sự bắt bớ và tra tấn vẫn tiến hành, sự canh phòng thì rất cẩn mật. Viên phủ tri đã xin thêm lính trấn về và lại mộ thêm lính dũng nữa. Hình như sau khi quân giặc luôn hai lần náo động phủ đường, viên phủ tri lấy làm căm tức lắm, thề rằng thế nào cũng báo thù lại một cách đích đáng.

"Muốn báo thù phỏng có khó gì? Viên phủ tri vẫn ngẫm nghĩ thăm, rồi lập tức kén những tay tài giỏi, tài về ngôn ngữ giáo quyết, và giỏi đủ cả các môn võ hiểm để phòng thân. Một mặt cho bọn ấy đi khắp các làng, các xóm trong dân quê do thám, một mặt dùng tiền để dụ những học trò nghèo hay chữ mà họ đoán chừng thuộc đảng Lê thần.

Cố nhiên có nhiều kẻ túng dói giả danh là thuộc đảng nọ đảng kia ra tâng công khai man hết điều này điều khác, mục đích chỉ cốt được lĩnh tiền thưởng. Rồi vì thù riêng cũng có, vì người ta xui dục cũng có chúng nó cung khai ra toàn những người hoặc có chút danh vị, hoặc có chút tư bản. Nào người này đã nhiều lần oa trữ Phạm Thái, nào ở nhà kia họ thấy cái áo lụa của bà Hoàng phi. Trí tưởng tượng của họ đem đến cho họ chẳng thiếu gì tang chứng. Nếu xét ra tang chứng ấy không có, thì hẳn là kẻ tàng nặc đã tiêu hủy đi rồi, tội càng nặng. Nhưng tội nặng ấy cũng sẽ được tiêu hủy, nếu tội nhân có đủ trí thông minh trong khi nói chuyện riêng với viên phủ tri hay viên phân suất ở nơi nhà tù.

Thôi thì tiếng kêu khóc của bọn bị tra tấn chẳng ngày nào là không làm rung động lòng dân đối với hai viên quan đã lên đến cực điểm. Đi đâu cũng nghe thấy lời ta thán, thì thầm với nhau, trong khi cặp mắt nhón nhác nhìn trước nhìn xem có ai nấp đâu đó nghe trộm. Phòng bị như thế mà cơ khi cũng không thoát đày. Một lần một người bị bắt lên phủ, vì một câu khí khái hạo nói riêng với vợ ở trong phòng kín. Người ấy kinh ngạc thú nhận, nhưng nhờ về một thứ mà ai cũng có thể đoán ra, người ấy được tha ngay. Sự thám thính có hiệu quả ghê gớm như thế làm cho nhân dân hạt Từ Sơn sinh ra nao núng, ngờ vực. Cha con, anh em, vợ chồng cũng không dám tin nhau nữa.

Kể ra, tuy sự do thám có kết quả mà viên phủ tri cũng chỉ biết bắt giam những người ra mặt hay ngấm ngấm phản đối triều đình Tây Sơn. Còn những người ấy thuộc đảng nào vẫn chẳng sao dò ra được. Cách lập đảng bí mật, tính kín đáo và chí gan liều của các đảng viên làm cho sự tra khảo mất hẳn hiệu nghiệm. Chẳng thế mà chưa một lần nghe đọc đến tên đảng Tiêu Sơn, tuy trong đám tội nhân bị giam có rất nhiều đảng viên: Ba nhà sư bị bắt đương đi phát hịch và đến hơn chục người ở ngoài tăng già.

Giữa thời bất bớ nhộn nhịp ấy, một buổi chiều bốn người lực lưỡng, y phục nai nịt gọn gàng khiêng đến phủ Từ Sơn một cái cũi lớn nhốt một thiếu niên đồng sĩ về mặt tuần tú, thân thể vạm vỡ. Người ấy mặc có một cái quần vải thô; cái khăn nhiễu tam giang đội vụng che không kín hết cái đầu chơm chớm tóc mọc cứng như cỏ ruộng mới cắt. Mình mẩy cời trần và mang đầy những vết thương còn rớm máu.

Thấy bốn người khiêng cái cũi xồng xộc đi vào cầu treo, lính canh cổng giữ lại hỏi:

- Đi đâu?

Bốn người đặt cái cũi xuống đất, nói vào hầu quan có việc rất khẩn cấp.

- Nhưng việc khẩn cấp là việc gì mới được chứ? Mà các chú nhốt con gì ở trong cũi thế?

Thật ra mắt chú lính cũng hơi kèm nhèm, nên đứng đằng xa nhìn thấy vật đen lục đục trong cũi, chú ta đoán già ngay rằng bọn kia đi săn bắn được con hươu nai khiêng đến biểu quan. Không nghe thấy trả lời, người lính lại hỏi:

- Ủ, các chú biểu quan con gì thế?

- Người!

Chú lính kinh hãi:

- Người! Biểu người!

Bấy giờ chú mới lại gần ngấm nghĩa kẻ bị nhốt trong cũi:

- Ấy này! ăn cắp, ăn trộm gì mà các chú đánh người ta máu me thế kia?

- Nhờ cậu vào trình quan cho, rằng chúng tôi khiêng đến nộp quan một tội nhân rất quan trọng.

Chú lính gắt:

- Nhưng người ấy là ai mới được chứ?

- Phạm Thái!

Tức thì mặt người lính tái hẳn đi. Rồi người ấy áp ứng:

- Phạm... Thái. Người bị nhốt trong cũi là Phạm Thái?

Người nọ bảo người kia, nhắc đi nhắc lại hai chữ Phạm Thái. Chỉ trong chốc lát, cái tên ghê gớm ấy truyền ở cửa miệng khắp mọi người trong phủ. Đến nỗi người lính canh cổng chưa kịp vào

trình báo, hai viên phân phủ và phân suất đương người nói chuyện ở công đường đã tắt tả chạy ra cổng:

- Đâu? Phạm Thái đâu?

Ai nấy đứng giãn ra. Người lính lại gần giơ tay trở bọn khiêng cũi mà nói rằng:

- Bẩm ông lớn bốn tên này vừa đem nộp.

Cặp mắt ngờ vực của viên phân phủ đăm đăm nhìn thẳng vào mặt bốn người:

- Chúng mày bắt được Phạm Thái? Bộ chúng mày bắt nổi Phạm Thái?

Một người trong bọn lễ phép lại gần, vái dài, trả lời:

- Bẩm hai ông lớn, Nguyễn công tử chúng tôi sắp đến hầu hai ông lớn. Công tử chúng tôi cho chúng tôi khiêng tội nhân đến nộp trước, rồi xin lại sau.

Đoạn, người ấy thuật rất rành mạch cuộc chiến đấu của Nguyễn công tử với Phạm Thái; Nguyễn công tử ở Sơn Nam, lên ngoạn du trấn Bắc vì nghe tiếng miền Bắc có nhiều thắng cảnh, mà số anh hùng hào kiệt lại rất đông. Công tử là người võ nghệ cao cường, văn chương lỗi lạc, nhưng không hề khinh suất sự thủ thân bao giờ. Vì thế đi đâu cũng có một bọn bốn kẻ đồng sĩ theo liền bên hộ vệ đề phòng sự công kích bất thần.

Buổi trưa hôm nay vừa sang qua bên đò Kim lữ thì gặp một người tự xưng là Phạm Thái đem theo dăm tên bộ hạ ra cản đường đòi tiền mãi lộ. Nghe hai chữ Phạm Thái, Nguyễn công tử chẳng nói chẳng rằng, xuống ngựa rút kiếm xông vào đánh liền. Phạm Thái cũng rút dao ra nghênh địch.

Nghe người khiêng mình kể chuyện, Phạm Thái ở trong cũi luôn mồm lớn tiếng chửi rủa. Đến nổi viên phân suất cáu tiết phải đập mạnh vào cũi mà mắng rằng:

- Im ngay! Tên giặc cỏ!

Rồi quay lại bảo người kia kể nốt câu chuyện.

- Bẩm hai ông lớn, võ nghệ Phạm Thái, người ta ca tụng quả không ngoa.

Công tử chúng tôi phải dùng mưu mới đánh ngã được hắn. Mưu ấy là giả thua để Phạm Thái đuổi theo, rồi bất thành linh quay lại đánh miếng đả đảo.

Một tiếng chửi lớn ở trong cũi bay ra:

- Đồ khốn nạn! Đồ cần trộm! Còn khoe mẽ gì!

Viên phân phủ lại bên cũi ghé mắt nhìn qua khe chắn song. Phân suất vội vàng kêu:

- Ngài đứng xa ra một tý.

Người kể chuyện lễ phép thưa:

- Ông lớn không ngại. Chúng tôi đã trói cẩn thận chân tay hắn rồi.

Quả thật chân tay người bị nhốt đều nặng trĩu những giây thừng. Phân suất ngấm nghĩa, mỉm cười hỏi:

- Khốn nạn! Mình mày bị đầy những vết thương như thế kia có đau không?

Phân phủ trừ trừ:

- Có lẽ hãy để đến mai. Bây giờ gần tối rồi trông không rõ, ta hãy cứ tống cái cũi vào ngục thất đã, như thế chắc chắn hơn.

Quả thực, câu chuyện chiến đấu kể dềnh dàng mất đến quá nửa giờ, nên lúc đó trời đã sập tối. Phân phủ liền cho khiêng cũi Phạm Thái vào ngục. Bốn người nhà Nguyễn công tử cùng xin theo xuống trại ngồi chờ chủ sắp đến.

## Nguyễn công tử

Phân phủ xuống lệnh mở tiệc ăn khao. Một tiếng dạ ran. Tức thì nào cai, nào lính đem trát quan đến làng sở tại bắt lý trưởng đi mua trâu, bò, dê, lợn. Rồi một lát, sau khói rơm thui súc vật bốc lên um cả một góc thành. Tiếng cười reo vang đồng tương như quan quân vừa thắng trận về.

Mà kẻ bắt sống Phạm Thái cũng là đại thắng rồi tuy không phải chính tay mình bắt giặc. Một người quấy nước chọc trời bấy lâu nay, xuất quỷ nhập thần chẳng còn ai dò ra tung tích, thế mà bỗng có người bỏ củi đem nộ, thì phỏng còn tin gì khiến hai tên viên quan và binh lính phủ Từ Sơn mừng hơn nữa! Thôi từ nay tha hồ ngủ kỹ, đương đêm không còn nghe thấy phi báo: Phạm Thái quấy rối vùng nọ, tổng tiền vùng kia.

Vào khoảng cuối giờ Tuất, có tiếng trống báo, rồi tên lính canh cổng vào trình rằng một viên tướng trẻ tuổi cưỡi ngựa đến trước cổng thành tự xưng là Nguyễn Thiêm, người bắt giặc Phạm Thái, và xin ra mắt hai quan. Phân phủ mừng rỡ, truyền lập tức đón công tử vào dự tiệc.

Ngài cùng phân suất thân ra tận cổng nghinh tiếp. Nguyễn Thiêm xuống ngựa vái chào:

- Kính lạy nhị vị đại nhân, Nguyễn Thiêm xin ra mắt nhị vị đại nhân.

Phân phủ và phân suất đáp lễ rồi khẩn khoản mời khách vào công đường dự tiệc Nhưng khách cung kính vội gạt:

- Xin nhị vị đại nhân tha lỗi. Thiêm này chỉ xin đến chào nhị vị đại nhân rồi lại phải đi ngay có việc cần.

Phân suất hấp tấp trả lời:

- Không được, thế nào cũng phải mời công tử dự tiệc. Vâng, ăn mừng hôm nay cho bỏ những buổi lo lắng.

Nguyễn Thiêm nửa giọng mỉa mai, nửa giọng thật thà:

- Có làm gì cái thằng giặc cỏ ấy mà lo lắng.

Rồi làm như mình nói hớ, chữa liền:

- Vớ lại cũng vì nó khéo lẫn lút, chứ nếu không thì thoát thế nào được với hai ngài? Hôm nay vì tôi may mắn cũng có mà vì nó khinh địch cũng có, nên mới tóm được nó đem nộ hai ngài.

Phân suất cười khoái lạc, giọng tự phụ:

- Phải, nó rất tài lẫn lút, nếu không thì thoát sao khỏi tay tôi?

Phân phủ lại ân cần mời mọc hai lần nữa. Nguyễn Thiêm mới chịu nhận lời theo hai người vào trong phủ. Tức thì phân suất ra lệnh cho lính đi bắt phường chèo về hát mừng.

Tiếng dạ ran. Rồi chỉ một lát sau đã thấy hai tên lính dẫn về một gánh hát đông tới hơn hai chục người vừa kếp vừa đào.

Thiêm khen:

- Giỏi nhỉ! Sao chóng thế?

Một tên lính chấp tay lễ phép thưa:

- Bẩm ba ông lớn, chúng con vừa đi được một quãng thì gặp bòn này đương tiến đến phố phủ, định ngủ trọ một đêm để mai đi Kinh Bắc sớm. Chúng con lập tức giải nộ.

Thiêm quay ra hỏi:

- Hát có khá không, anh trùm?

Một người thưa:

- Bẩm ông lớn, chúng con thường hát hầu cụ lớn trấn thủ nghe.

Thiêm mỉm cười:

- Thế thì hẳn là khá. Các chú người ở đâu?

- Bẩm, chúng con toàn người tứ chiến họp nhau lại thành phường. Riêng con, người làng Phù Lưu nhưng đi phiêu bạt kiếm ăn đã có hơn mười năm nay.

- Phù Lưu, người làng Phù Lưu thì hẳn hát khá.

Phân phủ nói:

- Thôi, anh em bảo nhau xuống trại ăn uống, rồi còn đóng trò chứ. Ái chà! Làm gì mà lảm nhảm thế? Những sáu cái.

Nguyễn Thiêm đỡ lời:

- Thưa ngài, bọn này chừng hát được, mà để thường nhiều xiêm áo lắm đấy.

Bấy giờ tiệc rượu đã bày ra linh đình ở công đường. Ngoài sân trước, hai hàng chiếu giải dọc, cổ bàn có gần trăm mâm. Phân phủ mời Nguyễn Thiêm vào ngồi bàn giữa. Khách, chủ nhường mãi nhau chỗ chính tọa. Về sau phân suất phải đứng lên vì phân phủ mời họ:

- Có bữa tiệc hôm nay là nhờ ở tài của công tử. Công tử chẳng nên từ chối để làm phiền lòng quan lớn tôi.

Nguyễn Thiêm nể lời hai người mới chịu ngồi xuống mà nói nhún rằng:

- Tôi tài hèn, trí thiển. Lại còn ít tuổi mà được hai ngài quá hậu đãi, chẳng biết sau này có đền được cái ơn tri ngộ cho xứng đáng không. Vậy xin nâng chén rượu nồng chúc hai ngài trường thọ.

Phân phủ và phân suất cũng nâng chén rượu chúc oang oang, hình như ai nấy đều vui mừng rằng trừ được Phạm Thái tức là trừ được mối lo cho tất cả mọi người, cho nhân dân cũng như cho quan quân, nhất là cho quan quân.

Rượu uống được dăm tuần, Nguyễn Thiêm đầu hơi lão đảo say, đứng dậy nói trong khi yếm ẩm nên có cuộc vui. Phân phủ tưởng chàng nhắc đến hát chèo liền gạt:

- Xin tan tiệc hãy hát chứ?

Nguyễn Thiêm cười ha hả:

- Không, thừa nhệ vị đại nhân, không, không phải hát chèo. Ngày xưa các bậc đế vương, công khanh khi dự yến đều có âm nhạc. Nhưng thiết tưởng âm nhạc không phải thứ để bậc anh hùng tiêu khiển. Tôi xin hiến cái trò chơi này thú hơn, vui hơn, mà mạnh mẽ hơn.

Nguyễn Thiêm ngừng lại để cười một dịp nữa, rồi nói tiếp:

- Thứ trò chơi ấy đại khái như thế này: đóng một cái cọc ở giữa sân, rọi một người vào cọc, rồi mỗi lần uống cạn chén rượu lại đánh một tiếng trống cái, lại cầm dao sắc sẻo một miếng thịt... người.

- Sẻo thịt người bị trói?

- Chứ còn thịt ai? Bây giờ chỉ còn việc kiếm một người để trói vào cọc. Người ấy tôi xin hiến...

Ai nấy lắng tai nghe. Nguyễn Thiêm đưa mắt nhìn một vòng rồi đồng dạc tiếp luôn:

- Người ấy là Phạm Thái.

Mọi người vỗ tay hò reo:

- Bắt Phạm Thái trói vào cọc. Bắt Phạm Thái sẻo thịt!

Phân phủ vội đứng dậy bảo quân lính im ngay rồi lớn tiếng nói rằng:

- Thừa công tử, kể từ nhân của công tử thì công tử có quyền xin điều ấy thực.

Song tội nhân lại là tội nhân của triều đình, nên ta phải nộp triều đình đã, sau này hết hấn vào hình phạt tù giam sẻo hay hình phạt gì nữa, cũng là tùy ở triều đình, bọn ta có phải là nhà pháp luật đâu, mà sân công đường bản nha có phải là nơi pháp đình đâu?

ông khách lặng thinh, có ý ngồi suy nghĩ và không được hài lòng.

Phân suất tính tình nông nổi, hấp tấp nói:

- Đại nhân nói rất hợp ý tôi. Và lại ta còn phải nộp tội nhân về triều để lĩnh thưởng chứ. Việc này đâu phải là một việc tầm thường. Bắt được Phạm Thái há phải một việc dễ dàng mà phần thưởng há lại không xứng đáng sao? ít ra là đại nhân thăng đến chức trấn thủ mà tôi đây nhảy đến chức hiệp trấn. ấy là chưa kể vàng bạc, vóc nhiều hoàng đế ban cho đấy. Vậy thì ta khờ dại gì mà giết Phạm Thái đi để mua vui trong chốc lát, cái vui vô ích thay!

Phân suất nói trúng ngay vào ý nghĩ của phân phủ. Nhưng kẻ võ biên vô học kia không biết sửa sang lời nói cho có văn vẻ, khiến phân phủ lấy làm ngượng về nỗi ông bạn đồng thành quá lỗ mãng và thật thà.

Liên chữa thẹn cho ông ta và cả cho mình nữa:

- Thừa công tử, công tử chưa biết tính quan phân suất đấy. Chỉ được cái hay nói đùa... Ý nghĩ một đằng lại nói đi một nẻo để pha trò cho vui. Chứ công tử còn lạ gì anh em chúng tôi, làm việc chỉ biết hết bổn phận, trên vì vua, dưới vì dân, còn ngoài ra có cần một thứ gì nữa đâu?

Nguyễn Thiêm cười cười nói nói:

- Vâng, vâng đại nhân dạy rất phải. Vậy xin theo ý nhệ vị đại nhân hãy để cho Phạm Thái sống thêm ít ngày, tuy tôi vẫn thích cái hình phạt tù giam sẻo.

Phân phủ rùng mình nhìn ông khách lạ, yên trí rằng ông ta hẳn là một tay tử thù của Phạm Thái.

Tiệc kéo dài đến mãi giờ Hợi. Lúc đó từ quan đến lính, ai ai cũng say mềm.

Chỉ trừ bọn phường chèo sợ có giọng rượu, hát không được, nên xin ăn cơm riêng ở dưới trại.

Chờ khi các mâm bàn dọn dẹp xong xuôi, anh trùm phường lên xin hát. Quan truyền lấy liếp quay buồng trò ngay ở sân công đường. Một lát sau tiếng trống chầu, tiếng trống hát nổi lên. Nhưng trong bọn lính có nhiều kẻ đã say quá đã tìm một xó kín nằm vật ra ngáy như bò. Còn anh nào cố đứng lại xem thì cũng ngủ gà ngủ vịt, đầu gật như mấy cái máy chày giã gạo.

Rồi đến lượt phân phủ. Nhờ phân suất ngồi lại tiếp khách hộ, ngài xin đi nằm một lát. Ông khách vui vẻ mời ngài tự tiện. Mà sao chàng vẫn khỏe khoắn và tỉnh táo như thế! Phân suất cố mở to cặp mắt lim dim ra để nhìn chàng giờ trống tay vục trống chầu, lòng tự nhủ thầm: "không trách nó bắt nổi Phạm Thái! Càng uống, càng thức, nó càng tỉnh!"

Trong lúc ai nấy đương mơ mơ màng màng, bỗng một tiếng pháo nổ. Tức thì chàng công tử cầm chầu vọt dùi trống, lanh lẹ rút kiếm thí cho phân suất một nhát.

Tiếng hét ầm ĩ vang thành. Nhưng đó không phải tiếng của các tướng chèo nữa. Những tướng giả ấy đã trở nên thực cả: cũng thực những binh khí họ cầm trong tay khi ra múa may dưới sân khấu.

Họ vừa chém giết bọn binh lính đương mê ngủ, vừa tiến về phía chổng phủ mà bốn chàng khiêng cũi cùng chủ tướng của họ, tức người bị nhốt trong cũi, đã mở toang từ bao giờ.

## Tướng ấy là ai?

Lần này là lần thứ hai, phủ Từ Sơn trở nên một bãi chiến trường. Mà hai lần, quan quân đều mắc mưu bên nghịch và bị thiệt hại. Lần trước Đào Phùng lừa cho phân suất kéo binh đi xa, rồi đến phủ cướp lại bà hoàng phi họ Nguyễn, mưu ấy kẻ cũng đã cao. Nhưng lần này, viên tướng trẻ tuổi kia táo tợn hơn nhiều, dám tự rạch mình máu, tự nhốt vào cũi sai quân khiêng nộp phủ, rồi đang đêm phá ngục thoát cứu hết thầy tù nhân ra, cả người trong đảng lẫn người không thuộc đảng mình.

Viên tướng ấy là ai?

Phạm Thái thật đó chẳng? Nhưng Phạm Thái là người biết thận trọng, làm việc gì cũng cân nhắc phần thắng, phần bại từng ly từng tí. Dẫu lúc phải quyết liệt thì chẳng ai quyết liệt bằng chàng, nhưng không khi nào không cần làm liều mà chàng lại làm liều.

Tự nhốt vào cũi cho người khiêng nộp quan hẳn là một sự làm liều, tuy đó là một thủ đoạn phi thường mà Nguyễn Nhạc đã dùng để cướp thành Qui Nhơn.

Mà liều thực. Nếu lúc giải đến cổng phủ, viên phân suất nghe nói đó là Phạm Thái, liền nổi cơn giận nóng nảy lên, cầm kiếm sĩa cho một ngọn qua then cũi thì còn gì là đời kẻ bị nhốt ở trong? Rồi lại đến khi viên tướng tự xưng là Nguyễn Thiêm, chừng muốn tỏ bụng trung thành của mình đối với triều đình và lòng thù oán của mình đối với Phạm Thái đứng dậy bàn đem sẻo tù nhân để làm cuộc vui trong yến tiệc. Nếu lúc bấy giờ phân phủ hay phân suất uống quá vài chén rượu đến nổi mất hết lương tri mà nghe theo lời bàn ghê gớm ấy, thì cái thân thể anh chàng can đảm chẳng đã tan tành thịt nát, máu rơi rồi ư?

Lại nữa, trong phủ có rất nhiều binh lính, khí giới, và sự canh phòng rất là nghiêm mật, biết khi ra tay, vài chục người của hai viên tướng trẻ tuổi có chống nổi với mấy trăm quân của viên phân suất chẳng? Tin ở lòng tự phụ của viên phân suất, tin ở tính thích uống rượu của binh lính? Nhưng một ông tướng cầm quân không được tinh phỏng như thế bao giờ.

Ấy là còn chưa kể điều này: Là nếu viên phân phủ có tính đa nghi, khi thấy bắt được bọn phường chèo ở giữa đường một cách không được tự nhiên, liền lừa vào tròng rồi giết sạch đi...

Những sự có thể xảy ra được đã không xảy ra nên cái mưu kế mạo hiểm kia đã thành công. Nhưng một người như Phạm Thái hay Trần Quang Ngọc vẫn không bao giờ dám dùng vì nếu mưu bại lộ thì chẳng những mình bị thiệt mạng mà đảng mình cũng đến tan. Nhưng tướng trẻ tuổi kia đã dám dùng vì tướng ấy là Lê Báo.

Duyên do có thể này:

Trong đảng Tiêu Sơn xưa nay có việc dự định gì to tát muốn đem ra trình bày cùng các đảng viên, thì bao giờ đảng trưởng Trần Quan Ngọc cũng bàn trước với Phạm Thái, vì Phạm Thái là người mưu cơ, chiến lược. Không những thế, những khi phải đi xa, Quang Ngọc còn thường giao công việc ở nhà cho Phạm Thái trông coi nữa.

Đến như Lê Báo thì đảng trưởng chẳng dám phó thác cho những việc quan trọng bao giờ, vì biết chàng có tính nóng nảy và hay cậy sức, cậy tài, ưa phỉnh ưa nịnh.

Lần này Phạm Thái đã cùng Nhị nương đi Lạng Sơn hộ giá Hoàng phi. ở nhà, trong bọn các tướng lãnh, Lê Báo và Trịnh Trực là những người mà đảng trưởng có thể tin nhiệm hơn hết. Lê Báo thì tuy nóng nảy, nhưng rất trung thành, còn Trịnh Trực thì thẳng thắn, can đảm, lại có nhiều mưu lược.

Vì thế, trong khi đảng gặp nhiều nỗi khó khăn, Quang Ngọc cần phải giả danh đi quyên giáo để mộ thêm nhân tài các trấn lân cận, chàng liền giao cho hai người kia tạm thay mình làm giám đốc đảng Tiêu Sơn. Chàng muốn phó thác việc nặng nề ấy cho một mình Trịnh Trực thôi, nhưng sợ méch lòng Lê Báo, nên chàng để hờ Lê Báo vào địa vị đó mà ân cần dặn rằng:

- Nếu hiền đệ có thực bụng yêu đảng, thương ngu huynh thì phải ghi chép ba điều này. Một là chừa hẳn uống rượu trong khi ngu huynh đi vắng. Hai là không việc gì được tự tiện, một ly một tý cũng phải bàn với Trịnh Trực. Ba là bất cứ việc lớn, nhờ gì định làm cũng phải chờ huynh về đã, còn những việc bất thần xảy ra đã có Trịnh Trực định liệu.

Lê Báo vui vẻ vâng lời. Nhưng trong lòng căm tức Phở T nh đã đặt mình vào một địa vị quan trọng mà không giao trong tay mình một tí quyền lực gì.

Tuy thế, chàng vẫn cố theo được những lời dặn của đảng trưởng trong gần nửa tháng. Một hôm, tiết xuân đậm ấm, chàng rủ Trịnh Trực đi chơi rừng Sặt. Đến đấy, hai chàng gặp một người bạn đồng chí ra khẩn khoản mời về chơi nhà. Thì ra, - đó là mưu Lê Báo - họ đã sắp định sẵn từ trước: Một mâm nhắm và mấy nậm rượu đương đợi hai người đến chiếu cố.

Tất nhiên là Lê Báo vờ từ chối, nói không những tu hành phải giới tửu mà lại đã có lời dặn của đảng trưởng khi ra đi. Nhưng về sau nể lời mời mọc ân cần của chủ nhân, chàng thàm bảo Trịnh Trực:

- Thôi, nhận lời cho ông ấy bằng lòng. Chúng ta uống ít vậy.

Uống ít nghĩa là chẳng bao lâu ba nậm rượu cốc đã cạn ráo. Bấy giờ Lê Báo mới dùng hết lời khảng khái nói chọc tức Trịnh Trực:

- Chỉ có ba anh em mình đây, tôi nói vụng đảng trưởng, chứ đảng trưởng thực không tin một tí nào. Như tôi thì bản tính nóng nảy đã đành, đến như Trịnh đại huynh thì văn võ khiêm toàn, mưu kế sâu sắc, thế mà lúc ra đi, đảng trưởng lại không kể vào đâu, bất bất cứ việc gì đều phải chờ đảng trưởng về mới được làm.

Như thế phỏng còn coi Trịnh đại huynh ra sao nữa.

Trước Trịnh Trực còn hết sức bình vực Quang Ngọc. Nhưng sau bị hai người cùng ủa nhau nói khích mình và công kích đảng trưởng nên chàng cũng hơi thấy siêu lòng tự phụ. Chàng phàn nàn:

- Kể đảng trưởng thì giỏi thực, nhưng anh em mình há phải bọn võ phu vô mưu cả đâu!

Được thế, Lê Báo càng nói hùn vào:

- Vâng, nhất là đại huynh.

Rồi chẳng bao lâu, khi chủ nhân đã rót ở hũ ra đến nậm rượu thứ mười, ba người đồng ý thi thố một việc phi thường. Trịnh Trực nói:



- Tức thật. Họ bắt bớ nhiều quá. Nhà ngục phủ Từ đã chật hết chỗ giam tù nhân Vẫn biết trong số ấy chỉ có hơn một chục người đảng ta, mà những người ấy cũng không bao giờ chịu cung khai ra kẻ khác, nhưng giá có mưu kế gì phá được ngục thì một là cứu thoát các đảng viên hai là thêm thanh thế cho đảng bí mật của ta ở vùng này, ba nữa là làm cho bên địch nao núng kinh hãi chúng ta.

Ai nấy khen phải. Rồi người nọ bàn thế này, người kia bàn thế khác, rút cuộc chưa có cách nào ổn thỏa. Lê Báo nguyên đã có mưu riêng của mình, nhưng mãi sau cùng mới chịu đem ra bàn. Là cái mưu tự nhốt mình vào cũi, rồi cho khiêng đến nộp phân phủ. Trịnh Trục như trông; thấy sự nguy hiểm, song một phần bị men rượu làm cho chóng mặt, một phần bị những lời tăng bốc của Lê Báo làm cho quá hời lòng, nên chàng chẳng chịu suy xét kỹ càng nữa. Vả Lê Báo lại khẳng khái hai ba lần bảo chàng:

- Dù tôi có chết nữa, âu cũng là một cái chết xứng đáng: chết vì đảng, vì vua.

Khi Trịnh Trục đã thuận theo mưu kế, Lê Báo chỉ việc hô lên một tiếng, tức thì bốn người khiêng một cái cũi ở buồng bên đi ra.

Lê Báo chẳng nói chẳng rằng, đứng dậy cởi phăng áo ra, rồi chưa ai kịp ngăn cản, chàng cầm dao tự chém vào lưng, vào vai mấy nhát. Máu chảy đỏ cả người.

Đoạn, chàng đưa tay cho bọn quân dùng thừng trói lại bỏ cũi.

Chàng lại dặn dò cặn kẽ mọi điều để bọn khiêng cũi trình với phân phủ. Điều cần nhất là nhớ kỹ rằng kẻ bị nhốt không phải là Lê Báo mà là Phạm Thái. Chàng thích chí cười ha hả, ngồi trong cũi nói ra một câu khôi hài:

"Lê Báo thì chúng nó sợ quái gì, vì chúng nó biết Lê Báo là thằng nào. Còn cái tên Phạm Thái thì khắp vùng này từ quan đến dân chẳng ai lạ, mà chẳng có ai là không kinh hãi".

Khiêng Báo đi được một lúc lâu. Trịnh Trục mới tỉnh hẳn rượu và hiểu thấu hết mọi nỗi nguy hiểm của một hành vi quá ngỗ nghịch. Nhưng đã quá tiến rồi, lùi sao kịp nữa! Bấy giờ chàng vội đi tìm mấy chục đồng sĩ trong đảng để đóng những vai kếp và đào mà ta đã thấy trong hồi trên. Vì Nguyễn công tử hay Nguyễn Thiêm chính là Trịnh Trục.

## Mưu mô

Trong lầu Tiêu Lĩnh, Lê Báo và Trịnh Trục còn ngồi uống rượu, tuy lúc bấy giờ đã vào khoảng gần nửa đêm. Hai người nghe chừng đề đã say lắm, say chán nản, buồn tẻ, ủ rũ chứ không phải say vui về âm ỉ như mọi khi.

Bỗng Trịnh Trục như thức giấc, tỉnh cơn mê, thở dài hỏi bạn:

- Đại huynh nghĩ sao?

Lê Báo cũng thở dài, hỏi lại:

- Không biết hôm nào đảng trưởng mới chịu về cho?

- Hừ! Có gặp những lúc nguy biến như thế này mới biết bọn mình còn kém đảng trưởng xa. Mình không thể nào còn bình tĩnh, sáng suốt mà nghĩ tìm mưu kế được Lê Báo đáp lại bằng một tiếng khà, sau một tợp rượu suông.

Vậy một sự nguy biến đã xảy ra?

Đó là sự lung bắt các thiền sư bị tình nghi trong hạt và giam chặt ngục thất phủ Từ Sơn.

Trước kia, tuy cách tổ chức của đảng Tiêu Sơn rất bí mật và viên phân phủ cũng đã hơi ngờ vực bọn thầy tu, thường vẫn cho thám tử đến do thám các chùa chiền. Từ hôm xảy ra truyện cướp nhà sư ở tửu quán ngoài phố, phân phủ lại càng ngờ lắm, bởi về sau chẳng biết tung tích nhà sư bị cướp mang đi ra sao mà cũng chẳng thấy chùa chiền nào làm đơn kêu ca về việc ấy hết.

Nhưng sau hôm ngục thất bị phá, phân phủ không còn nghi hoặc nữa, quả quyết rằng có nhiều tăng già nhúng tay vào việc nước. Những có khiến phân phủ tin chắc như thế, phân phủ còn giữ bí mật, sợ hơi tiết lộ ra bên địch biết mà phòng bị, làm cản trở sự tra cứu đương tiến hành.

Vì vậy, ngay sáng hôm sau, trong khi binh lính mai táng những người chết, và chữa chạy những người bị thương, thì phân phủ một mặt làm tờ bẩm lên quan trấn thủ chịu nhận tội về sự thất thổ đã xảy ra và xin khoan thứ cho y đái tội lập công. Y cam đoan rằng chỉ trong vòng nửa tháng là y sẽ tìm ra được manh mối việc cướp phá và hơn nữa, sẽ bắt hết được đảng viên của mấy đảng bí mật trong hạt.

Một mặt y cho các đội cơ dẫn quân đến các chùa khám xét, và ra lệnh dù có hay không có vết tích hay tang chứng gì khả nghi cũng bắt các nhà sư về phủ giam tạm để tiện sự tra vấn.

Cho đó là một việc rất quan trọng, nên khi nhận được tờ trình, hai quan trấn thủ và hiệp trấn Kinh Bắc tức tốc tới phủ Từ Sơn xem tình thế ra sao. Hiệp trấn nhất định xin huyền chức phân phủ, một phần vì đã làm cho phân suất, người nhà mình, bị hại, một phần vì bấy nay ngài vẫn dành chức phân phủ Từ Sơn cho một viên phân tri đã khấn trước với ngài. Nhưng trấn thủ sau khi nghe mấy lời mật bẩm của phân phủ, liền bằng lòng tạm để y ở lại trị nhậm trong thời hạn một tháng, hết hạn ấy, nếu không lập được công, quan trên sẽ định liệu. Còn chức phân suất thì trước khi triều đình bổ người đến nhậm, trấn thủ tạm cho một viên chánh quản có giá trị ở trấn li về quyền.

Những tin tức ấy Lê Báo và Trịnh Trực biết được là nhờ sự thám thính của một đảng viên đảng Tiêu Sơn hiện làm đội hầu trà trong phủ.

- Vậy đại huynh định xử trí ra sao?

Nghe câu hỏi của Lê Báo, Trịnh Trực giật mình.

- Xử trí ra sao à? Chỉ có một cách là ám sát phân phủ Nguyễn Túc.

Lê Báo vui mừng:

- Phải, ngoài sự ám sát ra, để không còn cách nào.

- Người khác về thay chắc không theo đuổi công cuộc đương tiến hành của Nguyễn Túc nữa.

Lê Báo chau mày như suy nghĩ lung lăm:

- Nhưng vẫn không hiểu tại sao hẳn biết có tăng già dúng tay vào việc này.

Giữa lúc ấy có tiếng chó sủa. Kế tiếp tiếng gọi cổng. Trịnh Trực lo sợ bảo Lê Báo:

- Có lẽ họ đến bắt chúng mình chẳng?

Chàng vội tắt phụt ngọn sáo. Lê Báo mạnh bạo rút kiếm nhắm nhắm cầm ở tay. quả quyết kháng cự không chịu để ai bắt trời.

Lát sau, một người tay cầm cây sáo ở trong chùa đi lên lầu Tiêu Lĩnh. Té ra người ấy là Quang Ngọc. Lê Báo và Trịnh Trực vui sướng cùng kêu:

- Kia Phở Tĩnh thiền sư!

Quang Ngọc ôn tồn hỏi:

- Thế nào, Nguyễn Thiêm với Phạm Thái vẫn chưa bị bắt?

Lê Báo cười:

- Sao hiền huynh biết?

Quang Ngọc không trả lời, quay ra trách Trịnh Trực:

- Lê hiền đệ tính nóng nảy hấp tấp đã đành, nhưng Trịnh quân sao nở để xảy ra sự tai hại như thế?

Lê Báo vội cãi:

- Phá ngục thất không tổn một mạng đảng viên mà cứu nổi hết tù nhân ra thoát, sao gọi là một sự tai hại được?

Quang Ngọc cười gằn:

- Cứu được hơn mười đảng viên thì hàng chục, có lẽ rồi hàng trăm đảng viên khác kế tiếp nhau vào ngục, như thế không phải là một sự tai hại hay sao? Nhưng thôi, việc đã xảy ra, phàn nàn cũng vô ích. Tôi chỉ trách tôi quá tin hai ông, tưởng hai ông biết vâng theo thượng lệnh.

Lê Báo thấy Quang Ngọc giận dữ, thì lo lắng sợ hãi đứng im. Quang Ngọc đi đi lại lại trong lầu, có vẻ cau có khó chịu:

- Các ông phải biết, nếu việc ấy nên làm thì tôi đã làm rồi, có chờ đều đến các ông? Mà các ông khờ khạo đến thế là cùng, bày mưu kế trẻ con đến thế là cùng.

Các ông tưởng các ông khôn ngoan, nhưng các ông phải suy xét kỹ càng đã chứ.

Nhốt một người đầu trọc vận quần áo nâu vào cũi, thì ai còn không biết người ấy là một nhà sư, dù là một nhà sư say rượu bú bự đi nữa. Bây giờ người ta đi lòng các chùa chiền để bắt bớ chư tăng về giam, các ông đã hiểu vì sao chưa?

Lê Báo và Trịnh Trục vẫn đứng im thin thít, vừa kinh hãi, vừa kính phục tài xét đoán của Quang Ngọc.

- Các ông đã hiểu vì sao chưa? Cũng may mà người ta còn nể tôi, chưa đến chùa Tiêu Sơn đấy, nhưng rồi thế nào người ta cũng đến. Lúc bấy giờ ông Phạm Thái giả hiệu kia giấu sao được cái lưng đầy nhát dao chém? Mục đích người ta lòng các chùa chiền là chỉ để tìm ra nhà sư bị thương ấy mà thôi, các ông đã rõ chưa? Tang chứng rành rành, lúc ấy còn cãi làm sao được, thế là... cả lũ vào ngục, thế tan đảng.

Lê Báo mướt mồ hôi xup xuống lạy, xin chịu tội. Quang Ngọc vội đỡ dậy:

- Ông đứng lên nghe tôi nói nốt. Vì đã hết đầu... Trong bọn phường chèo nhiều kép hát có cái đầu trọc, điều ấy đã dĩ nhiên rồi, tôi không cần nói tôi chỉ nói ngay cái giọng hát ê a như đọc kinh, đọc kệ của họ... Trời ơi! giấu sao nổi cái tai thành thạo của Nguyễn Túc. Cũng may mà hắn say rượu đấy, chứ không thì chưa biết đâu... Nhưng bao nhiêu sự lầm lỡ cuối cùng... Ừ, tôi xin hỏi ông Trịnh, ông giết phân suất làm gì? ông có cần giết hắn không? Để hắn, thì hắn chỉ bàn ngang, chẳng giúp ích gì cho phân phủ. Nhưng giết hắn thì thế nào không có người giỏi hơn về thay. Người đáng giết, các ông không giết, lại đi giết kẻ không nên giết.

Trịnh Trục phục xuống khóc, xin chịu tội rồi hỏi mưu kế để đối phó lại.

Quang Ngọc cười chua chát:

- Mời ông đứng lên cho, ông nên để dành nước mắt mà khóc đảng...

Chàng vẫn đi đi lại lại và như nói một mình:

- Hừ! Mưu kế!... Mưu kế!... Mưu kế gì?

Lê Báo bàn - Hay mai hiền huynh họp đảng viên...

Quang Ngọc ngắt lời:

- Họp tập? Lê hiền đệ phải biết cho rằng, đêm hôm nay ngu huynh về chùa khuya, vị tất đã không có thám tử báo Nguyễn Túc rồi, chứ đừng nói họp tập vội.

Chỉ còn cách này, ta hãy thử xem...

Chàng liền bảo Trịnh Trục đi lấy bút, rồi viết một thư như dưới:

*Kính bẩm quan trấn thủ trấn Kinh Bắc*

*Bấy lâu nay trong hạt Từ Sơn, giặc giã quấy nhiễu giết hại nhân dân là chỉ vì viên phân phủ quá tham tàn, một mặt ăn lễ, dung túng quân gian, một mặt bắt bớ tra khảo những người lương thiện có chút tài sản. Viên phân phủ ấy còn ở lại trị nhậm phủ Từ Sơn ngày nào thì mối loạn còn khó lòng dẹp yên được. Quang lớn không tin lời tố giác của chúng tôi, xin về tra xét, sẽ rõ thực hư.*

## Bại lộ

Quang Ngọc vừa chớp mắt thì tiếng ngựa hí và tiếng người gọi ầm ĩ ở cổng chùa làm thức choàng dậy. Vội mở rương lấy ra một gói lớn, rồi lên chùa.

Chú Mộc hấp tấp chạy theo:

- Bạch thầy, nguy biến đến nơi!

Chàng ghé vào tai chú dặn nhỏ mấy câu, đoạn mở cửa nách lên ra chùa biến mất...

Chú tiểu ung dung ra cổng hỏi:

- Đêm hôm, ai dám đến phá cổng chùa?

- Mở ngay!

Chú tiểu vẫn dõng dạc, không chút sợ hãi:

- À, chúng mày là quân cướp, phải không? Nhưng dù chúng mày là quân cướp tàn ác đi nữa, chúng mày cũng phải kiêng nể trời phật chứ!

Tiếng phá cổng đáp lại những lời thuyết đạo đức suông. Nhưng cổng chùa vững chãi quá, phá không chuyển. Chú tiểu vẫn thét mắng:

- Ừ cho chúng mày không kính nể trời phật, cho chúng mày coi thường tăng già yếu đuối, không chống cự nổi chúng mày đi nữa, nhưng đây gần phủ, chúng mày lại không biết đại danh của quan lớn phân phủ à?... Ngài không bao giờ dung túng bọn chúng mày đâu... Ngài rất công minh. Tiếng ở ngoài quát:

- Mở cổng mau! Quan đây!

- á chà quan! Tôi đã biết các quan cướp?

Rồi Mộc cùng các chú tiểu khác la thất thanh:

- Trời ơi! Cướp! cướp! làng nước ơi! cướp!

Tiếng ở ngoài quát càng to:

- Mở cổng mau để quan lớn vào khám chùa. Bằng không quan đốt chùa ngay lập tức bây giờ.

- Làng nước ơi! cướp! Cướp phá chùa! ới làng ơi! cướp đốt chùa!

Ở ngoài tiếng quát tháo vẫn đi liền với tiếng phá cổng thành thành. Bỗng chú Mộc vờ sợ hãi bảo mọi người:

- Im ngay! Hình như quan đến thực, các chú ạ?

Tiếng phía ngoài:

- Mở cổng mau. Quan lớn phủ đến khám xét chùa.

Tức thì chú Mộc mở cổng và nằm phục xuống đất lạy mà nói rằng:

- Bẩm quan lớn đến vấn cảnh chùa sớm quá, nên chúng con không biết, dám phạm đến quan lớn, xin quan lớn tha chết cho.

Một đoàn kỵ binh theo phân phủ và quyền phân suất rầm rộ kéo vào trong sân.

Còn đến một trăm bộ binh gươm, dáo tủa tua đứng canh ở ngoài cổng và chung quanh chùa.

Lúc bấy giờ chừng vào khoảng cuối giờ Dần. Hàng chục bó đuốc lớn chiếu ánh lửa, sáng trưng khắp quả đồi. Dầu một con chuột ở trong chùa cũng không chạy thoát ra ngoài, mà người ta không trông thấy được.

Gà ở trong chùa, làm lửa đuốc với lửa trời tưởng đã bình minh, thi nhau cất tiếng gáy. Và chó ở các làng lân cận nghe tiếng kêu âm ỉ, sủa ran cả một vùng.

Chú Mộc toan chạy lại mở cửa chùa trên, bị ngay một anh cai giữ lại. Phân phủ thét mắng:

- Mày định đi bảo thầy mày phải không!

Chú tiểu quỳ xuống lạy van:

- Bẩm quan lớn, sự cụ, sự ông con cùng đi vắng.

Phân phủ hô lính:

- Khám xét thực kỹ!

Rồi quay lại hỏi chú Mộc:

- Sự cụ mày đi vắng từ bao giờ?

- Bẩm, đã nửa tháng nay.

- Đi đâu?

- Bẩm ông lớn, cụ con đi khuyến hóa nay đây mai đó con biết sao được.

Quả thực, quân lính lục lọi từ lúc đó cho tới lúc sáng rõ vẫn không thấy vết tích sự cụ và sự ông đâu. Phân phủ căm tức nghĩ thầm:

- Thì vừa tra khảo mấy thằng tiểu, chúng nó đều khai hiện có Phạm Thái ở trong chùa!

Liên hỏi:

- Sự cụ mày là Phạm Thái, phải không?

Mộc ngơ ngác!

- Bẩm, con không biết Phạm Thái là ai. Sự cụ con là Phổ Tĩnh thiền sư cơ ạ.

Phân phủ mỉm cười:

- Còn sư ông mày là Lê Báo?

Chú tiểu càng kinh ngạc:

- Bẩm Lê Báo? Tên gì mà dữ dội thế? Sư ông con là Phổ Mịch thiền sư, người rất hiền lành, mộ đạo.

- Được! Tao đã có cách dạy mày nói thực. Lính đầu! Trói cổ điệu cả chúng nó về phủ.

Tức thì lính dạ ran. Nháy mắt, ba chú tiểu đã bị gông xiềng và giải về phủ.

Phân phủ lưu lại trong chùa vài chục lính với một viên đội để ngày đêm canh phòng, vì chắc thế nào bọn Phạm Thái cũng lần mò về.

## Đường hầm

Đường hầm ấy nguyên xưa kia là nơi chứa các mộc bản để in kinh Phật, Tiêu Sơn là chùa chính ở vùng Từ Sơn Đông Ngàn, và bậc thiền sư trụ trì ở đó nhiều khi là sư tổ, nên vẫn phải in kinh sách phát đi những chùa ở các nơi khác cho chư tăng, ni, môn sinh của sư tổ. Vì thế các đồ đạc dùng về việc ấn loát rất bề bộn, cần phải có một nơi kín để chứa cho khỏi mất mát, và được có thứ tự.

Đến thời Phổ Tĩnh thiền sư thứ nhất, - vì Phổ Tĩnh thứ hai hiện trụ trì ở chùa Tiêu Sơn chỉ là Trần Quang Ngọc, mạo nhận đạo hiệu thiền sư bị giết - thì cái hầm chứa ấy bỗng không có nữa. Những mộc bản khuân để ngổn ngang đầy một gian nhà tổ. Còn cái hầm kia, người ta đồn rằng nhà sư đã lấp đi rồi, hoặc còn thì cũng chẳng ai biết cửa vào hầm ở chỗ nào...

Đã một đạo các thiện nam tín nữ quanh vùng kháo nhau rằng trong chùa Tiêu Sơn có con yêu tinh cao tay và dữ tợn ghê gớm lắm. Họ nói thường những đêm trăng suông nó hiện lên đi vợ vẫn trong sân chùa, lượn vòng mấy cây tháp rồi biến mất. Người ta nói thêm rằng con yêu tinh ấy có phép biến hoá thần thông, muốn đổi hình gì tự khắc thành hình ấy. Có khi người ta thấy nó khoác áo cà sa như một vị chân tu vừa đi vừa lằn tràn hạt. Có khi nó hoá ra một người con gái hoặc khóc hoặc cười, hoặc đùa bỡn nhảy múa quanh hàng tháp rồi tan vào trong sương mù.

Lại có khi nó hoá làm một cặp vợ chồng âu yếm nhau dưới ánh trăng nữa.

Lời đồn đến tai sư cụ Phổ Tĩnh (người trụ trì chùa Tiêu Sơn trước thời Quang Ngọc). Chẳng được, sư cụ phải bày đặt lập đàn bắt ma, vì cụ vừa là một thiền sư đắc đạo lại vừa là một pháp sư cao tay.

Quả thực, bằng đi một đạo con yêu tinh thôi không dám đến chùa quấy nhiễu.

Nhưng nó không đến chùa chứ nhà dân gian thì nó vẫn qua lại như xưa. Hễ đâu có gái đẹp là tất có bóng nó. Cô nào nó thích vừa thì nó hăm hiếp rồi cho tiền. Một điều lạ, tiền của nó chẳng phải tiền giấy, mà chính là tiền đồng đúc ở kho nhà vua.

Nhưng cô nào chẳng may bị nó yêu mến thực tình, thì thế nào cũng bị nó mang đi biết tầm mắt tích.

Vậy nó mang đi đâu?

Nó mang vào cái hầm nói trên kia. Vì cái hầm ấy không những chưa lấp mà Phổ Tĩnh (vẫn không phải Quang Ngọc), còn phá sâu vào đồi, dùng làm nơi bí mật chứa gái của ngài. Với mục đích phóng dật và tích cách kiêu xa như thế, cái hầm sơ sài chật hẹp đã sửa chữa thành rộng rãi, mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Hầm có hai cửa. Một cửa mở ngay giữa bệ thờ Phật. Mà chính cái bệ ấy cũng là một cái buồng. Đứng ngoài trông - dấu mắt tinh đến đâu đi nữa - thì đó chỉ là một cái bệ gạch xây đặc. Nhưng khi đã lách qua, một cái khe hẹp ở giữa maột cái cột gạch và cái bệ kia, khi đã lấy chìa khóa riêng lùa vào một kẽ vôi thì tự khắc mở được cái cánh cửa nhỏ, làm lẩn trong cột bệ.

Vào trong buồng chỉ việc nhắc lên mấy viên gạch lát bát tràng là trông thấy lối xuống hầm.

Một cửa nữa là chính cửa một cây tháp. Cây tháp ấy chỉ là một cây tháp giả, nhưng ở trong chùa và ở khắp vùng, người ta đều cho rằng đó là tháp một vị sư tổ tu hành đắc đạo, đã thăng Nát bàn bằng cách thiêu hóa. Hai cánh cửa gỗ lim có khóa sắt lớn, giữ gìn hài cốt sư tổ để khỏi bị ai xúc phạm tới cái nội cung bí mật của ngài.

Chắc có người tưởng rằng cái phòng hầm ấy hẳn tối và bí hơi. Trái lại, nó có rất nhiều cửa sổ, vì trong sân sau chùa theo mặt đồi thoải chạy ngược lên có rất nhiều tháp. Mà đến một phần ba số tháp ấy chỉ là những cửa sổ dẫn không khí và ánh sáng vào hầm.

Quang Ngọc kể tiếp vị ác tăng kia đến trụ trì chùa Tiêu Sơn, kể tiếp một cách quá võ đoán như ta đã biết.

Nhưng mãi mấy tháng sau, nhờ về một sư tình cờ chàng mới tìm ra được cái hầm bí mật. Hôm ấy Quang Ngọc mới mua được hai con chó tốt để giữ chùa. Một con vừa ra sân sau là chạy đến ghé mũi ngửi một cây tháp, rồi chồm vào đó mà sủa om xòm. Trước Quang Ngọc còn sủa đổi đi, vì tuy chàng không phải là một bậc chân tu, nhưng chàng không thể đứng nhìn co chó láo xược xúc phạm tới linh hồn một vị sư tổ.

Về sau thấy con vật sủa mãi không thôi, chàng sinh nghi và tò mò đến ấn cánh cửa tháp, ghé mắt nhìn qua khe hở. Nhưng trong tối quá... Bỗng phảng phất có mùi hôi tanh đánh và mũi chàng.

Quang Ngọc càng ngờ lắm, lấy dao nhựa phá cửa tháp ra xem. Thò đầu nhìn vào nền tháp, chàng thấy có mấy viên gạch lát bị ai bầy đặt chồng lên nhau, ở bên một cái 1641 sâu thẳm, như cái giếng khơi.

Đó là lối xuống hầm. Hôm lão ác tăng ở hầm chui ra, đương loay hoay lát lại gạch thì chợt nghe thấy tiếng ngựa của Quang Ngọc ở tam quan. Lão ta vội vàng ra ngoài khoá cánh cửa tháp lại, định khi trở về sẽ xếp nốt. Nhưng vừa cùng Nhị nương tới chùa thì lão bị ngay Quang Ngọc giết. Vì thế mà nay tình cờ Quang Ngọc nhìn thấy lối xuống hầm.

Sau khi đã nhấc hết gạch lát lên, Quang Ngọc thấy một con đường thoải thành bậc. Nhưng vừa chui vào đi được hai, ba bước, chàng giật mình kinh hãi lùi lại Mùi hôi thối ở dưới xông lên ghê tởm quá.

Chàng liền quay về chùa lấy một bó hương lớn, và một cây sáp. rồi đốt hương, thắp sáp đi bừa xuống. Nhiều lần cái hơi chết xô đuổi chàng lên, nhưng chàng đã quả quyết khám phá sự bí mật nên dầu sao cũng tiến bước.

May thay đi hết con đường hẹp, chàng vào trong buồng rộng, và ở đó nhờ được có nhiều cây tháp giả ở trên mặt đất thông hơi và chiếu sáng, nên chàng thấy dễ thở hơn một chút.

Rồi Quang Ngọc dong sáp soi khắp nơi. Đến một cái giường tre, chàng kinh hoàng trừng mắt nhìn. Chàng nhận thấy mùi hôi thối chính ở đó bốc ra.

Ánh sáng cây tháp lờ mờ lung lay chiếu vào đồng vải nâu rách tươm, và nhão như búng. Thấy động, một đàn chuột ở trong đồng vải chạy ra. Chàng cố bịt mũi đứng nhận kỹ thì đồng vải mủm đó là một thân người bị trói, chết đã lâu ngày và bị chuột cùng các côn trùng ăn rỗng hết thịt.

Hoàng hồn, Quang Ngọc trở lên ngay. Rồi suốt ngày hôm ấy, chàng cùng Nhị nương chôn cho người chết và tẩy uế gian hầm. Hai người giữ rất kín những điều vừa thấy, và đã định tâm dùng cái hầm ấy, không phải để chứa gái như vị ác tăng kia, nhưng để làm những việc bí mật trong đảng.

Nhị nương bảo Quang Ngọc:

- Thừa hiền huynh, rõ tội nghiệp cho người con gái bị chết oan. Có ngờ đâu chỉ vì hiền huynh giết chết lão ác tăng mà người ấy bị chôn sống trong hầm.

Quang Ngọc cười đáp:

- Hiền muội nghĩ lẫn thẩn quá. Nó đã đưa vào hầm bí mật của nó thì đời nào nó còn cho ra để làm lộ tội ác của nó. Đấy, hiền muội coi, lúc nó ở hầm ra, nó đã cẩn thận trói kỹ tinh nhân của nó lại. Vậy người con gái đó khi nào nó không ưng nữa, thì nó chỉ có một cách đối phó là giết đi. Biết đâu những cây tháp kia lại không chứa bằng gio xương phụ nữ, bọn tinh nhân một thời gian ngăn ngui của nó.

Nhị nương rùng mình ghê sợ.

Ngay từ hôm ấy, Quang Ngọc, Nhị nương và những đảng viên quan trọng xuất lực sửa sang cái hầm cho kiên cố và bí mật hơn nữa.

## Ma hiện hồn

Chẳng cần phải nói, độc giả cũng biết Quang Ngọc, Lê Báo và Trịnh Trục trốn vào trong hầm ấy. Vì hấp tấp quá, không ai nghĩ đến mang theo lương thực, nên suốt một ngày không có gì vào bụng, ba người đói meo nằm ngủ một giấc dài.

Mở mắt ra không thấy Lê Báo đâu, Quang Ngọc lo lắng bỏ đi tìm. Có lẽ lúc đó đã sang giờ Tuất, vì trong sân yên lặng tiếng dế kêu ran, và xa xa tiếng chó sủa đêm...

Đến chỗ cửa vào chùa, Quang Ngọc thấy Lê Báo đang đứng áp tai vào tường nghe ngóng.

Chàng quay ra thăm bảo Quang Ngọc:

- Không ra được, chúng nó còn thức. Đương tỵ họp nhau đánh bạc ở ngay chùa trên.

Quang Ngọc cũng lắng tai nghe, thì rõ ràng có tiếng tiền trình đụng thành đĩa bát.

- Hay ngủ để ra phía cửa tha ma vào làng mua các thức ăn mang về đây.

- Được, để khuya hơn tí nữa, chúng ta cùng đi. Phải cẩn thận, quanh chùa đều có lính canh giữ cả đấy.

Lê Báo chau mày tỏ vẻ căm tức, nắm tay gơ về phía trong chùa, đe dọa bọn lính, mồm làu nhàu mấy câu nguyền rủa.

Khai hai người quay về chỗ cũ, thấy Trịnh Trục đương ngồi bó gối, khóc rưng rức Lê Báo chau mày lặng thinh đứng ngắm, và Quang Ngọc mỉm một nụ cười chua chát hỏi mỉm:

- Công tử còn khóc được ư?

Rồi chàng phàn nàn như nói một mình:

- Bây giờ ta càng thấy lỗi ta quá nặng. Ta tưởng giao phó công việc, khi ta đi vắng nhà, cho một viên tướng có đủ trí dũng, ai ngờ ta chỉ đem việc lớn đưa trẻ.

Một bậc thượng tướng, trong khi hành sự, có thể sa vào chỗ lầm lỡ bị thất bại, rồi ngồi khóc thì chỉ là một đứa trẻ con... phải một đứa trẻ con.

Quang Ngọc nhắc lại hai, ba lần câu "một đứa trẻ con". Trông chàng vẫn bình tĩnh, nhưng khi chàng đã có giọng mỉa mai như thế, là chàng tức giận lắm đấy.

Lúc bấy giờ, vô phúc có kẻ nào gặp chàng, không may cho một đảng viên nào cãi lý với chàng: chàng sẽ trở nên một con sư tử dữ tợn hay một con rắn đầy nọc độc, tàn nhẫn, ác nghiệt.

Ý chừng Lê Báo biết vậy nên chỉ đứng im thin thít, không dám chêm một câu.

Và Trịnh Trục sợ hãi thôi khóc, quỳ xuống đất, rút thanh kiếm đeo bên sườn, ha tt nâng lên dâng đảng trưởng, rồi vươn cổ ra mà nói rằng:

- Kính lạy đại huynh, - ngu đệ không dám dùng những chữ đảng trưởng đảng viên nữa - ngu đệ chỉ còn có cái chết để báo đến ơn sâu.

Quang Ngọc đỡ lấy thanh kiếm, ném mạnh lên giường, rồi cười nhạt, đi đi lại lại, vừa nói dần từng tiếng:

- Chết! Hừ! Chết! Ngày xưa đời Trần, Trần Bình Trọng chết vì nước. Đó là một cái chết. Trần Bình Trọng thua trận Đà Mạc bị Thoát Hoan bắt được. Bị bắt thì tìm cách tháo thân để đánh nữa, đánh mãi cho đến khi được, hay chết. Mà không có cách gì tháo thân thì chết ngay. Đời làm tướng chỉ có ba kết quả: được trận, thua trận, chết trận. Nào có gì lạ lùng mà nói những câu to tát: "Tao thà làm quý nước Nam, chứ không theo làm vương đất Bắc." Rõ cũng lời thôi! Cái chết đó, tôi liệt vào hạng chết rất thường của ông tướng biết tự trọng, cái chết của kẻ thua không chịu khuất phục kẻ được mình. Nhưng cái chết mà Trịnh công tử xin tôi ban cho có giống cái chết ấy không?

"Hơn một trăm năm sau, Bình Định Vương, tức đáng Thái tổ nhà Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn để đánh đuổi quân Minh đương chiếm đất nước ta. Một lần, vua bị khốn ở Chí Linh, khó lòng phá vòng vây mà trốn thoát được. Bấy giờ có ông Lê Lai theo gương Kỷ Tín chịu chết thay vua Hán Cao, liều thân vì nước, xin nhà vua cởi áo ngự bào ra cho mình mặc, rồi cưỡi ngựa ra trận đánh nhau với quân giặc. Quân Minh tưởng đó là Bình Định vương thật, xúm nhau vây đánh giết đi, rồi yên tâm rằng trừ xong vương, rút cả quân về Tây Đô. Đó là một cái chết anh hùng, mãnh liệt, có

xuy xét, có lui tới, không có ý nghĩa kiêu sức, khoa trương, tự phụ, vì nó là cái chết không có không xong. Ví dãi thay những hành vi kín đáo, nhún nhường, xả kỷ, dù hành vi ấy là sự bại trận, sự thắng trận, hay chỉ là cái chết. Nhưng cái chết mà Trịnh công tử xin tôi ban cho có giống cái chết của Kỷ Tín, của Lê Lai không?"

Quang Ngọc ngừng lại cười, cười to đến nỗi Trịnh Trực phải sợ hãi, lo rằng người ở trên mặt đất có thể nghe rõ. Trịnh Trực buồn rầu lóp ngóp đứng dậy. Thì Quang Ngọc lại nói luôn:

- Hay Trịnh công tử muốn theo gương Hưng Đạo đại vương. À! Công tử muốn chết như đức Trần Quốc Tuấn. Trời ơi! To tát thay cái chết vì nước, vì vua! Vua Nhân Tôn nhà Trần nghe tin Hưng Đạo Vương bại trận chạy về Vạn Kiếp, liền ngự thuyền xuống Hải Đông, rồi vời vương đến bàn rằng: "Thế giặc to, mà mình chống với nó thì dân bị tàn hại, hay là trăm chịu ra hàng để cứu muôn dân?" Hưng Đạo quỳ xuống rút kiếm dâng vua Nhân Tôn rồi vươn cổ ra mà nói rằng: "Bệ hạ nói câu ấy thật nhân đức, nhưng còn đất nước thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hết chém đầu tôi đã, rồi hãy hàng."

Quang Ngọc cười gằn:

- Cử chỉ của Trịnh công tử đối với đảng trưởng thực giống cử chỉ của Hưng Đạo Vương đối với đức Nhân Tôn, chỉ khác một chút là người xưa dùng cái chết để khuyến khích can gián vua, còn Trịnh công tử thì dùng nói vì nhu nhược, vì nhút nhát, vì sợ chết. Cái chết hèn nhát đến đâu! Cái chết ấy khác gì tự tử?

Nghĩ một lát, Quang Ngọc lại nói:

- Ủ, thì tôi nhận công tử chết đấy. Nhưng trước khi chết, công tử hãy thi thố một việc phi thường gì đã nào! Chẳng hạn bây giờ công tử thử nghĩ cách cứu đảng xem. Làm thế nào cho đảng không những không bị tan nát, mà còn đương suy hao thịnh được?

Quang Ngọc ngưng bật vì nghe có tiếng chân chạy nện thình thịch ở sau lưng.

Quay lại, thấy Lê Báo mặt nhợt nhạt, hai mắt tròn xoe nhớn nhác. Quang Ngọc hỏi:

- Cái gì thế?

Trịnh Trực run lập cập, nói không ra hơi:

- Họ phá đường hầm?

Lê Báo cố định thần, thuật lại việc vừa xảy ra. Chàng đến lối cửa tha ma nghe ngóng để chờ tin lên ra ngoài, đi tìm kiếm thức ăn...

Nguyên cửa ấy Quang Ngọc xây ẩn vào trong một cái mộ giả, dùng để đảng viên trốn thoát ra ngoài chùa khi nào bị vây (cái cửa tháp của Phổ Tĩnh chỉ đưa từ hầm ra đến vườn chùa mà thôi.)

Lê Báo vừa nâng cái nắp mộ lên ghé mắt nhìn ra thì nghe thấy mấy người lính canh ở gần đấy chạy tán loạn và kêu la inh ỏi: "Ma! Ma hiện hồn!".

Quang Ngọc đứng ngấm nghĩ tìm hiểu.

Bỗng một người đầu trùm cái khăn vải trắng dài chấm gót chân tiến đến gần, Trịnh Trực chạy lại giương mắt nhìn thanh kiếm. Lê Báo rút dao đứng chặn trước mặt đảng trưởng. Ai nấy yên lặng.

Quang Ngọc dăm dăm ngấm ngấm, phì cười, giang tay cản hai người lại:

- Ta không tin có ma. Mà nếu ma biết đường vào hầm thì cũng là ma quen, can chi phải sợ.

Rồi chàng trợn mắt nhìn thẳng vào người lạ mặt và ôn tồn hỏi:

- Người là ai? Vào đây làm gì?

Người mới đến, vẫn giữ vải che kín mặt, yên lặng đặt xuống giường một gói lớn, rồi thông thả mở ra: Trong có đến năm sáu nắm cơm cùng là giò chả, gà luộc, muối vừng. Ba người vẫn kính ngạc đứng nhìn. Nhưng Lê Báo bụng đương đói như cào người thấy mùi chả rán và mùi muối vừng rang thơm phức, liền thì thầm bảo hai bạn:

- Thì ta cứ ăn đã. ăn xong hãy hay.

Trịnh Trực vội gạt:

- Chết, không nên hấp tấp thế ? Nhớ quân thù bỏ thuốc độc vào món ăn đem xuống hầm để hại bọn mình.



Một tiếng cười ở trong mấn đưa ra đáp lại câu ngờ vực.

Quang Ngọc vẫn chăm chú ngắm nhìn người vừa tới. Chàng tiến lên một bước, người ấy lùi một bước, chàng lùi thì người ấy lại tiến lên. ánh sấp lò mờ lung lay chiếu loang loáng vào cái mấn dài, màu trắng càng làm tăng vẻ bí mật của người lạ lùng kia.

Hai người yên lặng đứng nhìn nhau: Bỗng một tiếng cười thê. Rồi cái mấn trắng tung ra. Quang Ngọc và Lê Báo vui mừng cùng kêu:

- Nhị nương!

Nhị nương ung dung rút con dao lớn đeo ở sườn ra thái giò, chả và nói:

- Xin mời ba hiền hữu chiếu cố.

Quang Ngọc không giấu nổi sự sung sướng, âu yếm đứng mỉm cười nhìn Nhị nương. Từ ngày hai người hộ giá Hoàng phi lên Lạng đến nay đã hơn hai tháng, ngày ngày chàng vẫn áy náy mong đợi tin tức, nhất là tin Nhị nương. Khi ở gần nhau chàng không cảm thấy chàng yêu, nhưng khi xa nhau chàng mới rõ hết nỗi hổ tâm của kẻ thương nhớ, dù có công việc đặng luôn luôn chiếm đoạt ý nghĩ của chàng. Nhị nương lại là một viên tướng rất có giá trị, giúp chàng được nhiều việc trong những lúc khó khăn nên sự lầm lỡ của Trịnh Trục và Lê Báo lại làm cho chàng hiểu rõ rằng thiếu Nhị nương thực như thiếu mất cánh tay phải.

- Thừa hiền tỷ, còn Phạm huynh đâu?

Câu hỏi của Lê Báo vụt nhất Quang Ngọc nhớ tới Phạm Thái, mà mãi vui được gặp mặt Nhị nương chàng quên bẵng. Bấy giờ chàng mới kịp hỏi thăm. Nhị nương nói cho mọi người biết rằng Phạm Thái còn tạm lưu lại trên Lạng để giúp việc Thanh Xuyên hầu cùng Phổ Mịch thiền sư chỉ một mình nàng đã đưa Hoàng phi về, vì Lạng sơn không phải là nơi ẩn thân: ở chốn biên thủy, sự canh phòng khám xét cẩn mật lắm, nếu lưu lại lâu ngày, thế nào tung tích Hoàng phi cũng bị bại lộ.

- Nhưng sao hiền muội lại biết ngu huynh cùng Trịnh công tử, Lê hiền đệ bị nhốt trong hầm này mà đem thực phẩm vào?

Nhị nương kể:

- Ngu muội vừa đưa Hoàng phi đến chùa Liên đài thì được tin ở vùng này các chùa đương bị sưu sách dữ lắm, mà chùa Liên đài lại chưa bị khám xét vì có tờ lý trưởng bẩm lên phủ rằng Phổ Chiêu đi vắng đã mấy tháng nay. Ngu muội sợ nếu để Hoàng phi ở đó trụ trì thay Phổ Chiêu như lời Phạm Thái dặn, người ta lại tưởng Phổ Chiêu đã về mà tới dò xét chẳng, nên đã đưa Hoàng phi đến ẩn ở nhà một bậc Lê thần rất có thể tin cậy được.

Lê Báo nghe Nhị nương kể dè dặt mà bụng thì đói đến cực điểm rồi, liền cúi kính gất:

- Trưởng huynh hỏi hiền tỷ làm thế nào mà vào được đây, sao hiền tỷ nói dài dòng văn tự thế?

Nhị nương chẳng lạ gì tính nết Lê Báo, nên mỉm cười dấu dụ:

- Nhưng hãy mời công tử cùng hiền huynh, hiền đệ xơi cơm đã.

Quang Ngọc nóng ruột muốn nghe nốt truyện liền dục:

- Thì hiền muội cứ kể đi, chúng tôi chưa đói đâu mà.

- Không, mấy nắm cơm cùng các thức ăn mà chưa hết, thì ngu muội không kể nữa.

Dứt lời, Nhị nương chấp tay đứng im, dù ai hỏi cũng mặc. Lê Báo đưa mắt nhìn nàng, tỏ lòng cảm ơn.

- Ừ thì ăn, nào mời Trịnh, Lê nhị vị.

Lê Báo sung sướng đáp:

- Vâng, ăn là phải lắm rồi!

Chỉ một thoáng, những nắm cơm và các món ăn biến hết vào trong bụng ba người, rồi ai nấy ra chum uống nước mưa vì Quang Ngọc biết khoản nước là cần, nên bao giờ cũng trữ sẵn ở trong hầm.

Đoạn, Lê Báo thở ra khoan khoái bảo Nhị nương:

- Bây giờ thì xin hiền tỷ cứ việc kể, kể suốt đêm cũng được.

Quang Ngọc cười:

- Ăn qua loa thế mà Lê hiền đệ no được ư? Vậy hiền muội cũng nên thuật hết câu chuyện vào hầm cho chúng tôi nghe tiêu cơm.

- Xin vâng. Ban nãy ngu muội nói đã tạm gửi Hoàng phi ở nhà một người cẩn tín. Thế rồi ngu muội tức tốc về đây. Lúc bấy giờ đã gần sáng. Thấy lửa đuốc rực trời, ngu muội kinh hoảng dừng lại không dám tiến vào chùa nữa, vì biết rằng đằng ta đương gặp biến. Vừa nghe tin các chùa bị khám xét, mà lại thấy trong chùa Tiêu Sơn có binh mã rộn ràng thì còn ngờ sao được nữa.

Lê Báo hỏi:

- Hiền tỷ ngờ gì thế?

- Nghĩa là chắc rằng đằng đương gặp biến. Tức thì ngu muội đến nhà các đảng viên ở quanh vùng báo tin cho biết, rồi chờ sáng rõ thay mặc một bộ quần áo giải quê, - vì lúc ấy ngu muội vẫn còn đóng vai công tử như khi rời trấn Kinh Bắc để dẫn Hoàng phi lên Lạng Sơn. Bộ quần áo ấy hiện ngu muội đương mặc đây.

Ba người ngấm nghĩa Nhị nương. Quang Ngọc khen:

- Rõ ràng một cô gái Lim.

- Chứ sao! Phải không ông hiền huynh? Khi mình cần làm hạng người nào, khi mình cần theo nghề gì, thì ngôn ngữ cử chỉ cho chí ý phục của mình phải hết là hạng người theo nghề ấy. Vậy hiền huynh thử trông xem ngu muội có hết một cô gái quê xinh xắn, láu lỉnh bán hàng trâu nước cho các cậu cai cơ, cai lệ không?

Quang Ngọc mỉm cười gật gù:

- Hết lắm!

Rồi chàng quay lại bảo Trịnh Trục:

- Công tử đã thấy chưa? Chứ khi người ta nhốt tù hờ vào cũi, người ta chọn anh đầu trọc, thì người ta phải bảo ngay rằng người ấy là sư, chứ người ta không để mập mờ... Tôi chỉ tiếc rằng hồi ấy không có Nhị nương hay Phạm Thái ở nhà.

Lê Báo lấy làm xấu hổ với Nhị nương, hần học đáp lại:

- Lỗi ở ngu đệ. Đại huynh muốn mắng thì mắng vào mặt ngu đệ có hơn không, sao lại cứ nói bóng nói gió.

Quang Ngọc yên lặng, cái yên lặng tức giận, khinh bỉ. Thấy Nhị nương cũng đứng im, chàng ôn tồn hỏi:

- Thế rồi sao nữa, thưa hiền muội?

- Thế rồi ngu muội quây gánh trâu nước, quà bánh qua cổng chùa Tiêu Sơn lên giọng uốn éo rao lớn: "Có ai ăn trâu ngon, uống nước nóng, xơi quà, xơi bánh không?" Chẳng đợi ngu muội rao đến hai lần, một cậu lính ra gọi: "Vào đây!" Thôi tha hồ các cậu liếc, cùng buông những câu bỡn cợt là lời. Ngu muội tuy đáp chuyện họ nhưng vẫn để mắt tìm thầy đội. Làm quen thân được với một thầy đội còn bằng mấy mươi cậu cai, cậu lính. Nhưng may cho ngu muội thầy đội đi chơi vắng, giao cho bác cai nhất ở lại trông coi, mà bác cai nhất lại là người có tuổi, rất đứng đắn

"Ngu muội nghe chùng cái kể mỹ nhân chẳng có công hiệu gì lại quây gánh đi Và có làm quen với thầy cai cũng chẳng ăn thua, vì các cửa chùa trên họ đều khóa bằng khóa sắt nặng, cùng là gián niêm phong cẩn mật lắm, khó lòng lọt vào được.

"Ngu muội quay ra đằng sau nhà chùa, thì ở hai góc trông ra bãi tha ma họ đã dựng xong hai cái lều tre, trong ấy đều có lính giữ.

"Suốt một ngày ngu muội ngồi tìm kế để đem thực phẩm vào hầm, vì ngu muội đoán rằng hiền huynh cùng hiền đệ chỉ ẩn ở trong hầm mà vội vàng hấp tấp thì ai nghĩ đến đem thức ăn..."

Quang Ngọc ngắt lời:

- Có, ngu huynh có nghĩ đến nên ngu huynh đã đem theo một gói oản chuỗi đây Lê Báo chau mày hỏi:

- Thực à?

- Lại chẳng thực. Nhưng tôi muốn để hai ngài làm quen với cái đói thêm một đêm nữa. ĐÓ cũng là một cách trừng phạt.

Nhị nương cười rồi kể tiếp:

- Mãi tối, bóng trăng suông lơ mờ mới nhắc ngu muội đến làm ma.

Lê Báo trợn mắt tròn xoe:

- Ô, giỏi nhỉ! Thế ra lúc binh lính chạy tán loạn kêu "ma hiện hồn", là lúc hiền tử đội cái mấn trắng này vào đầu làm ma nạt họ...

- Chính thế! Rồi nhân lúc họ kinh hoàng, quanh ra sau cái bia lớn, lần đến cửa bí mật chui vào hầm. Có thể thôi. Bây giờ thì họ đương đốt đuốc tìm ma. Nhưng đã là ma thì còn ai tìm thấy?

Quang Ngọc buồn rầu thờ dài:

- Chỉ sợ chẳng bao lâu, anh em ta hoá ma thực cả thôi.

## Việc lớn

Đêm đã khuya. Phạm Thái đương ngồi nói chuyện với Phổ Mịch thiền sư ở động Tam Thanh thì có một tên lính cẩn tin hầu trong dinh quan trấn thủ ra tìm chàng vào hội kiến với Thanh Xuyên Hầu. Biết rằng có việc khẩn cấp, chàng vội vàng đi ngay.

Ra đến bờ sông Kỳ Cùng, chàng gặp Thanh Xuyên Hầu cũng vừa tới. Hai người vừa cùng nhau đi đến biệt thự... Trương Đăng Thụ thì thầm bảo Phạm Thái:

- Câu truyện kín không tiện ở trong dinh.

Phạm Thái lo lắng đoán chừng đã xảy ra việc gì quan trọng cho đảng Tiêu Sơn Tới biệt thự, Trương Đăng Thụ giờ kinh Phật ra chất vấn Phạm Thái, làm thế cốt để che mắt bọn lính theo hầu, mà trong đó chàng đoán chắc có thám tử của hiệp trấn Phan Đình Hồng.

Mãi gần sáng, khi bọn người nhà mỗi mệt đi ngủ cả. Trương mới đem câu truyện tâm sự ra giải bày. Chàng hỏi Phạm Thái:

- Trong triều có biến, tiên sinh đã biết chưa? Phạm Thái kinh ngạc hỏi lại:

- Biến! Thừa đại nhân, việc gì thế? - Bọn Bùi Đắc Tuyên bị giết cả rồi.

Phạm Thái không giấu nổi lòng sung sướng phá lên cười.

- Se sẽ chứ, tiên sinh. Tiên sinh nên nhớ rằng trong bọn lính theo hầu, thế nào cũng có một vài tên thám tử của Phan Đình Hồng.

- Nhưng xin đại nhân cho biết đầu đuôi câu truyện.

- Đây, xin tiên sinh đọc thư này thì hiểu ngay.

Vừa nói vừa thò tay vào bọc lấy ra một tờ giấy hoa tiên đưa cho Phạm Thái.

Bức thư ấy của Trần Quang Diệu và đại khái nói triều đình đương gặp buổi đại loạn: Võ Văn Dũng lập mưu bắt trảm hà cha con Thái Quang Diệu đem quân chống cự với Dũng thì Hoàng đế đã giảng hoà hai bên và cất Diệu lên chức thiếu phó. Nhưng sau lại nghe lời Dũng đem pha trước hết binh quyền của Diệu. Nay Diệu muốn kết bè đảng ở ngoài biên giới, nhân Thanh Xuyên Hầu là bạn thân của va, va khuyên nên đem quân về hỏi tội bọn lộng quyền.

Đọc xong bức thư, Phạm Thái hỏi:

- Bây giờ đại nhân định liệu ra sao?

- Ấy, tôi cũng chỉ cốt hỏi tiên sinh điều ấy.

Phạm Thái mỉm cười:

- Đại nhân hẳn đã đọc truyện Tam Quốc Chí. Vậy chắc đại nhân nhớ đoạn Gia Cát Lượng mượn quân Đông Ngô đánh phá Tào Tháo ở Xích Bích rồi nghiễm nhiên chiếm lấy Kinh Châu!

- Tôi cũng nghĩ đến mưu ấy. Song Đông Ngô hiện không có quân. Mà ở ngoài biên thủy này quyền binh ở cả trong tay Phan Đình Hồng là tôi thân tính của Quang Toàn, khó lòng dụ nó về cánh với mình được.

- Ô hay, mình có dụ nó về cánh với mình để đánh đổ triều đình, để làm phản đâu!

- Vẫn biết thế, vẫn biết sau này mới nhờ sức gió mà bẻ măng, nhưng cũng phải dò xem bụng dạ nó ra sao đã chứ.

Hai người bàn bạc với nhau suốt đêm. Kế hoạch định như thế này: Trương Đăng Thụ sẽ đem châu truyện giết thái sư nói với Phan Đình Hồng cố làm sao cho Hồng yên trí rằng Võ Văn Dũng

có lòng phản trắc muốn đoạt ngôi nhà Tây Sơn. Khi nghe chừng Hồng đã thuận theo cánh với mình rồi, thì liền cùng va cát quân về triều hỏi tội kẻ gian thần. Qua trấn Kinh Bắc, hơn nghìn đảng viên đảng Tiêu Sơn sẽ nhập bọn nói là tổng quân, nhưng kỳ thực để về triều vận động chiếm lấy những chức trọng yếu mà mưu đánh đổ nhà Tây Sơn. Công việc tuy to tát, kho khăn, nhưng tưởng cũng không phải không thể làm nổi, vì triều đình Tây Sơn đương gặp đại biến: ở bên trong thì các tướng tá lừa dối nhau ghen ghét nhau, chém giết lẫn nhau; ở bên ngoài thì thế lực Nguyễn ánh mỗi một ngày thêm bành trướng.

Sáng hôm sau Trương Đăng Thụ sang chơi bên dinh hiệp trấn. Phan Đình Hồng hết lòng trọng đãi, xữ rõ ra kẻ dưới đối với người trên. Thụ đem truyện tâm huyết ra bàn, thì Hồng vui mừng theo ngay, hẹn nhau ngay hôm ấy sửa sang quân bị, và mộ thêm binh lính để có thể chỉ trong dăm hôm là khởi sự được.

Trương Đăng Thụ cho tìm Phạm Thái đến bàn lại việc lớn. Hai người đang hí hửng mừng thầm thì Thụ lên cơn đau bụng kịch liệt.

Thấy mặt trấn thủ đỏ bừng, cặp mắt như tiết, Phạm Thái kinh hãi trần trần nhìn hỏi:

- Quan hiệp trấn có mời đại nhân xơi nước?
- Có, nhưng tôi uống muối một chén con.

Phạm Thái lắc đầu, và tuy giục người nhà đi tìm thầy thuốc, chàng vẫn biết chắc rằng không cứu chữa được nữa.

Quả thực, chỉ trong một lát là Trương Đăng Thụ nằm vật ra, hét lên một tiếng:

"Nó giết tôi!". Rồi tắt nghỉ.

Nàng Long Cơ ❖ vợ lẽ Thanh Xuyên Hầu nghe tiếng kêu. ở trong buồng chạy ra.

Thấy chồng nằm trên sập, mắt mở to, mồm há hốc, nàng tưởng là chồng tức giận điều gì. Nhưng lay mãi, gọi mãi vẫn không thấy chồng động đậy. Phạm Thái bảo nàng:

- Quan trấn thủ ngộ gió độc qua đời một cách bất ngờ quá, không thể nào cứu chữa kịp. Xin phu nhân lo tang ma đi thôi.

Thực ra, ngấm mặt người chết, chàng hiểu ngay là có kẻ đầu độc. Thứ thuốc độc ấy người Thổ dùng nhựa cây luyện thành thứ bột trắng chỉ gảy một chút vào chén nước đủ hại một mạng người.

Nguyên Phan Đình Hồng cũng nhận được một lá thư như Trương Đăng Thụ, thư của Võ Văn Dũng.

Dũng là quan thầy va, người đã cất nhắc va lên chức hiệp trấn và giao cho va cái trọng trách kiểm chế Trương Đăng thụ. Trong thư Dũng dặn Hồng để ý dò xét hành động của Thụ, và nhất là cho lính đi thám thính xem Thụ có nhận được thư từ trong triều gửi tới không, thám thính để biết vậy thôi, chứ không cần phải bắt lấy bức thư mà làm lộ mất cơ mưu. Quả nhiên bao nhiêu điều Dũng dự đoán đều xảy ra cả. Thụ có nhận được thư mà thư ấy thì Dũng chắc là của Trần Quang Diệu gửi lên.

Bất Trương Đăng Thụ giải về triều, nếu Thụ quả thực theo Trần Quang Diệu, là một việc rất dễ dàng, vì bao nhiêu binh quyền ở cả trong tay quan hiệp trấn.

Nhưng bức thư của Dũng dặn cận kề mọi điều nên làm để che mắt cánh cừu địch.

Những điều nên làm ấy, Hồng đã làm xong một cách nhẹ nhàng lặng lẽ, kín đáo Ngay buổi chiều được tin quan trấn thủ mất, Hồng tới viếng, khóc rất thảm thiết, đến nỗi Long Cơ ❖ phải cảm động vì tấm lòng thương bạn của quan hiệp trấn.

Chàng còn tỏ lòng thương xót cách khác nữa: là làm ma rất linh đình, sức các viên phân tri, tri châu và tổng, lý phải đến phục dịch vào mọi việc, dựng rạp dựng trạm, mổ trâu, mổ bò. Nhân dân ai ai cũng ca tụng tấm lòng tốt của quan hiệp trấn và khen ngợi đám ma to nhất từ xưa đến nay ở trấn Lạng Sơn.

Riêng Phạm Thái là căm tức kẻ giết người và nếu chàng không trót nhận lời cùng tang gia đưa linh cữu Thanh Xuyên Hầu về nguyên quán Thanh Nê, thì chàng đã liều chết đến dinh hiệp trấn tặng Hồng một mũi kiếm để báo thù cho người bạn đã bị hại một cách hèn nhát.

Linh cữu của Thanh Xuyên Hầu quàng tạm ở chùa Tam Thanh để chờ ngày rước về xuôi Long Cơ ❖ lặn ra đất than khóc, còn Phạm Thái thì ngày ngày chàng đến quỳ ở bên quan tài, lâm râm khấn khứa, người ta tưởng chàng tụng niệm cho linh hồng người chết được siêu linh tịnh độ. Kỳ thực chàng chỉ thề với vong hồn kẻ khuất rằng thế nào chàng cũng trả được thù cho một người đồng đảng, cho bạn đồng chí.

## Chùa Non Nước

Trong dòng sông Phong Doanh, chiếc thuyền bông xuôi rất mau, nhẹ nhàng như bay trên mặt nước. trời vừa rạng đông. Một buổi sớm thu mát mẻ, êm đềm, dễ gợi cảm hứng.

Trương Quỳnh Như ngồi ngắm ánh vàng nhảy lộn ở mũi thuyền, rồi mỉm cười bảo mẫu đương nằm nghỉ trong khoang:

- Dám bắm mẫu thân, xin mời mẫu thân ra xem cảnh nên thơ lắm.

Kiến Xuyên phu nhân cau mày mắng con:

- Mẹ không muốn bạ lúc nào con cũng ngâm nga đề vịnh như thế. Trai cung kiếm văn chương, gái khuê phòng thiêu dệt, trời đã chia hẳn công việc hai bên ra rồi, sao cứ muốn trái luật trời?

- Dạ bắm mẫu thân, con có dám lười biếng công việc tầm tang, phùng xuyên bao giờ đâu? Nhưng ngoài công việc làm ăn, cũng xin phép mẹ cho con được học tập văn thơ ngắm cảnh vịnh đề một vài câu.

Kiến Xuyên phu nhân là một bậc mệnh phụ nghiêm khắc. Chồng bà một nhà đại văn hào đậu tiến sĩ về đời Lê mạt, chỉ thích có ba thứ: đánh cờ, uống rượu, làm thơ Phú quý công danh hầu coi như mây bay, như gió thoảng, như bóng ngựa trắng qua cửa sổ. Nhất từ ngày hầu cáo lão quy điền, thì hầu lại càng rửng rưng với đời lắm, công việc sinh nhai hầu phó mặc vợ con săn sóc.

Khi nhà Lê bị Nguyễn Huệ diệt, hầu chỉ cười, cái cười tuy đau đớn nhưng ngụ rất nhiều ý nghĩa khinh đời. Hầu cho sự mất nước là một sự d~ nhiên, thế nào cũng xảy ra, chẳng chóng thì chầy: vì hầu thấy vua Lê hèn yếu, chúa Sâm kiêu căng. Đã hai ba lần, vì lòng yêu vua, thương nước, hầu đem kế hoạch hưng bang ra bàn với Sâm, song không những Sâm không nghe theo, mà còn quở mắng hầu và dọa giáng chức hầu. Hầu liền dâng sớ xin cáo lão hồi hưu, tuy hầu mới ngoài năm mươi tuổi. Lúc đó, Thanh Xuyên hầu đã thi đậu tiến sĩ và thụ chức hàn lâm biên tu ở bộ Lại. Về quê, hầu đi ngao du sơn thủy. Bao nhiêu ngọn núi ở vùng Sơn Nam theo dọc con sông Đáy đều có in vết bàn chân của hầu.

Nàng Quỳnh Như, con gái yêu của hầu, hầu bắt theo nghiên bút, cầm thi.

Nàng bắm tính thông minh lại được hầu ra công dạy dỗ, nên năm nay mới mười sáu tuổi mà đã có tài nhả ngọc phun châu, cầm ca đủ điệu.

Nhân gặp tiết thu trong sáng, hầu khuyên phu nhân đưa con gái đi ngoạn cảnh chùa Non Nước.

Hầu thường nói: "Làm một trăm bài thơ, không bằng ngắm một cảnh non xinh, nước đẹp".

Phu nhân chỉ thích việc làm ăn, đã toan từ chối, nhưng nể lời hầu, nên cũng sắm sửa vàng hương lễ vật thuê thuyền cùng con gái đi cho hầu bằng lòng. Vả nghe tiếng chùa Non Nước linh thiêng, phu nhân cũng muốn thừa dịp tới đó cầu sức khỏe cho gia đình. Quỳnh Như thì chỉ nghĩ đến ngắm cảnh làm thơ. Vì thế, kèm với lễ phẩm, nàng đã đem theo bút mực và một tập giấy hoa tiên.

Thuyền nhỏ sào vào giờ Dần, cuối giờ Thìn đã tới chùa.

Từ dưới mặt sông ngược nhìn lên, quả núi Dục Thúy tròn trĩnh, xinh xắn như hòn non bộ lớn đặt trong cái bể cạn dài. Tức cảnh, Quỳnh Như xầm bút thảo phóng một bài thơ Đường luật:

Non nước xinh xinh cảnh nước non,

Bên dòng bích thủy đá chon von.

Như cô thiế cu nữ nghiêng soi bóng,

Mím miệng tươi cười nét thắm son.

Thấy con húi hoái viết, Kiến Xuyên phu nhân gắt:

- Đến nơi rồi. Sắp sửa vàng hương lên lễ, còn thơ thẩn mãi à?

Quỳnh Như vâng lời, cùng mẹ theo bậc đá bước lên chùa. Khi làm lễ xong, nàng đưa mẹ đi xem di tích của cổ nhân: Nào chỗ cụ Trương Hán Siêu ngồi câu, nào chỗ cụ ngồi uống rượu, đánh cờ, nhất nhất nàng giảng nghĩa rành rọt cho mẹ nghe, vì đã được thân phụ dẫn giải.

Thấy có nhiều bài thơ hoặc viết hoặc khắc trên đá, Quỳnh Như cũng gọi thị tỳ đưa bút mực đề một bài:

Văn chùa Non nước

(Điện Tân giang nguyệt)

Trèo lên Dục Thủy thăm chiền:

Non xanh nước biếc cảnh tiên dưới trần.

Thướt tha mây trắng một làn,

Như bông bốn phía cánh màu bạch sa.

Chim hót véo von chào khách.

CỔ thơm hớn hờ mừng ai,

Gió thu rung động mấy cành mai.

Khêu gọi hồn thơ lai láng,

Cầm bút lạm đề trên thạch tảng,

Một bài cổ tích cảm hoài,

Nào người chiếcn sĩ, kẻ văn tài.

Khôn hỏi Nước Non đâu tá?

Thanh Nê thôn nữ

Trương Quỳnh Như lạm đề

Đề xong thơ, Quỳnh Như buồn rầu man mác, tưởng nhớ người xưa. Những bài văn non nét của bọn văn sĩ có ý khinh mạn bậc ẩn sĩ đời Trần càng thêm gợi lòng cảm tức. Nàng toan thảo luôn một bài nữa để vì cổ nhân mắng bọn hậu sinh vô lễ, thì Kiến Xuyên phu nhân giục nàng xuống thuyền để trở lại nhà. Nàng bùi ngùi rời cảnh đẹp đi theo phu nhân.

Đến chân núi, gặp một trong phong lưu công tử chấp tay vái chào, phu nhân đáp lễ vấn an:

- Phu nhân với công tử vẫn được mạnh?

- Dám bẩm phu nhân chúng tôi xin đa tạ phu nhân ban lời hỏi thăm, mẫu thân chúng tôi với chúng tôi nhờ ơn trời vẫn được bình yên.

Người đó là Trịnh Nhị, con một của một viên phân tri đã qua đời, nhà giàu có nhất vùng Kiến Xương, Ý Yên mà ai ai cũng gọi là "Thạch Sùng đời nay".

Chàng ta dục dịch từ lâu muốn hỏi Trương Quỳnh Như, nên tuy đã ngoài hai mươi tuổi, mà chàng vẫn chưa có vợ. Biết rằng Kiến Xuyên hầu không ưng mình, chàng hết sức lấy lòng Kiến Xuyên phu nhân, biểu hết thức này, thức khác.

Hôm nay được tin phu nhân và Quỳnh Như đến ngoạn cảnh Dục Thúy, chàng thuê ngay một chiếc thuyền lớn và bốn tay thuyền thủ lực lưỡng ra sức chèo cho kịp gặp mặt người chàng nhớ thầm yêu trộm.

Chàng phục sức cực kỳ sang trọng: Dầm vòng khăn nhiễu tam giang mới nâng cái búi tóc cao cài lược đôi môi; tấm áo gấm lam phủ ngoài mớ áo nhiễu kỳ cầu và chiếc quần lụa màu ngà bông chấm mũi đôi hài Phú Xuân thêu kim tuyến. Theo sau bọn đầy tớ xách điếu cấp tráp theo hầu rộ rỡ. Chàng biết sự phong lưu đài các dễ cảm động lòng các bà mẹ có con gái kén chồng. Chàng lại không quên sai hai tên tiểu đồng mang nghiên bút và một tập giấy hoa tiên đi liền bên, vì chàng chắc rằng muốn được Quỳnh Như lưu ý tới, chàng phải đóng vai thi hào ngoạn cảnh, ngắm núi, vịnh sông.

Gặp Trịnh Nhị, Quỳnh Như lạnh lùng quay đi, ngược mắt trông ngọn Dục Thủy. Kiến Xuyên phu nhân vồn vã nói:

- Mời công tử lên nhà lễ Phật.
- Dám bẩm phu nhân, nay gặp tiết thu mát mẻ chúng con đến đây chỉ cốt viếng nơi ẩn dật của Trương, một nhà chí sĩ đời xưa.

Chàng đưa mắt liếc trộm Quỳnh Như, trong lòng láy làm tự phụ. Nhưng Quỳnh Như vẫn thản nhiên như không biết chàng đứng đó.

Muốn Trương phu nhân và Trương tiểu thư phải để ý tới mình, Trương Nhị cầm một tờ hoa tiên lăm nhăm đọc. Quả nhiên Trương phu nhân hỏi:

- Công tử làm thơ?
- Bẩm phu nhân, vâng.
- Công tử đọc cho tôi nghe với nào.

Chẳng để nài đến hai lần, Trịnh Nhị đáp liền:

- Xin vâng. Đây là bài thơ đề núi Dục Thủy theo điệu liên hoàn. Kể thơ sinh này làm khi thuyền vừa đáo chân núi.

Chàng háng dạng để lấy giọng ngâm nga:

Khen ai khéo tạc đúc nên cồn  
Đứng vữngphô bày cảnh nước non  
Cây cỏ xanh rì in dấu đá  
Nước non lóng lánh dáng chưa mòn.  
Nước non lóng lánh dáng chưa mòn,  
Thế giới riêng bầu cồn còn con  
Vang động gió khua cầm thú vắng,  
Thiên nhiên tằm vẽ đẹp xinh tròn.

Quỳnh Như quay đi, mồm mỉm cười. Trương phu nhân khen láy khen để. Phu nhân vẫn có ý muốn kén chọn Trịnh Nhị làm rể, nên trước mặt con gái, phu nhân mới tăng bốc chàng lên như thế:

- Công tử tả rõ hết núi Dục Thủy, phải không con?
- Bẩm hết lắm. Nhưng giá Vịnh một hòn non bộ thì càng hết hơn.

Trịnh Nhị đồ bưng mặt, vái chào toan bước lên núi, Trương phu nhân còn giữ lại khăn khăn xin chàng bài thơ. Chẳng được, chàng trao cho phu nhân tờ giấy hoa tiên, chào một lần nữa rồi im ỉm quay đi.

Quỳnh Như cùng mẹ xuống thuyền, Trương phu nhân mắng con:

- Sao thơ Trịnh công tử vịnh núi Dục Thủy mà lại hỗn xược dám bảo thơ vịnh hòn non bộ?
- Dám bẩm mẫu thân, quả là thơ đề non bộ. Mẫu thân thử đọc lại mà xem.

Như câu: "Thế giới riêng bầu cồn còn con," thì còn có thể vịnh vừa non bộ, vừa chùa Non Nước được. Đến câu "Vang động gió khua cầm thú vắng", thì rõ ràng vịnh hòn non bộ, hòn núi giả chứ không thể vịnh một quả núi thực được. Vậy dám bẩm mẫu thân, chắc Trịnh công tử học thuộc lòng hay chép sẵn từ nhà bài thơ cũ của ông đồ, ông cống nào đó rồi nhận bừa là tác phẩm của mình. Vả bài thơ cũng chẳng hay hóm gì.

Trương phu nhân chau mày lườm con:

- Mà chỉ được mỗi một cái nét kklıêu căng, tự phụ là hơn người. Trịnh công tử là một bậc văn nhân lỗi bậc thời nay, mà bì sao kịp. Mà có giỏi thử vịnh một bài xem nào?
- Thưa mẫu thân con phận gái đâu dám sánh tài trai. Nhưng mẫu thân đã truyền, con cũng xin lĩnh ý.

Nàng ngồi trong khoang thuyền nghĩ một lát, rồi vừa viết vừa đọc:

Núi Dục Thủy

Trơ trơ chính thạch bóng Vân sang,  
Hỏi núi chờ ai, đã mấy sương?  
Uốn réo bên sườn dòng nước biếc.  
Phát tuôn cửa động ngọn chùa hai,  
Mây trôi phảng phất hồn Lê, Trịnh,  
Đá khắc lờ mờ dấu Phạm, Trương.  
Cũng muốn bẻ dâu bàn truyện cũ,  
Nào ai xứng với khách đời trang?

Trương phu nhân mỉm cười chua chát:

- Đã biết mà, mày kêu căng lắm! Mày tự hỏi xem tài đức mày được là bao mà dám bảo không xứng đáng!

Quỳnh Như nghe mẹ mắng, bẽn lẽn cúi đầu.

## Bi ai

Thuyền đi một lúc, đến chỗ ngã ba. Hai chiếc bồng lớn từ phía sông Đáy rẽ vào, và muốn lên trước. Bỗng đưa sang tiếng khóc ò ò, Quỳnh Như lắng tai nghe rồi nói với mẹ:

- Bẩm mẫu thân, có ai khóc ở thuyền bên.

Trương phu nhân đáp:

- Các bác lái chèo thua bạc, hết cả tiền rồi vợ chồng đánh nhau cãi nhau chứ gì - Bẩm mẫu thân, có lẽ không phải, vì tiếng khóc ai oán lắm, nghe như vợ khóc chồng.

Nàng liền cùng bọn thị tỳ ra mũi thuyền nhìn sang. Một nhà sư trẻ trai, nét mặt sáng sủa, thông minh, đứng đằng lái, hai mắt đăm đăm ngó thẳng vào mặt Quỳnh Như. Một ả thị tỳ cười khành khách chào mĩa mai:

- Nam vô a di đà phật!

Nhưng mắt nhà sư vẫn không rời Quỳnh Như khiến nàng tức giận quay vào khoang thuyền.

Bọn thị tỳ bảo nhau:

- Sư mô quý gì mà nhìn người ta sòng sọc.

Rồi một ả cất tiếng mắng:

- Này người kia không được hỗn với tiểu thư.

Nhà sư mỉm cười hỏi lại:

- Tiểu thư là chủ các em đấy à?

Bọn thị tỳ phá lên cười:

- Rõ khéo, ai là em nhà sư đấy?

Tiếng Trương phu nhân ở trong khoang thét:

- Vào cả trong này! Chúng mày làm như bọn nữ tặc thế à?

Nhà sư hỏi:

- Ai đấy?

- Không được vô lễ, phu nhân là bà lớn Lễ bộ thượng thư Kiến Xuyên hầu đó.

Nhà sư kinh ngạc:

- Trương phu nhân phải không?

- Phải.

- Mà tiểu thư là Trương Quỳnh Như?

Mấy người thị tỳ lại khúc khích cười:

- Phải nhưng sư ông hỏi làm gì mới được chứ?

- Chết chữa! thế mà tôi vô ý không biết. Tôi phải sang hầu ngay phu nhân.

- Không được hỗn!



Chẳng thèm đáp lại, nhà sư một mặt bảo thủy thủ lái sạt vào thuyền Trương phu nhân, một mặt gọi một ả thị tỳ ở thuyền có người khóc:

- Vào bảm phu nhân...

Nhưng nàng Long Cơ - vì chính người ấy là Long Cơ - đã chạy ra đằng lái, lo lắng, sợ hãi hỏi dồn:

- A di đà phật! Bạch sư ông cái gì thế, ai thế?

- Thừa phu nhân, thuyền đi sau liền kia là thuyền lệnh cô, Trương lão mẫu.

Long Cơ nàng hoảng hốt:

- Thế à, bạch sư ông?

Quỳnh Như cũng vừa trông thấy Long Cơ.

- Ai như hiền tâu!

Long Cơ òa lên khóc:

- Cô Quỳnh Như ơi?... anh... mất rồi.

Quỳnh Như rú lên:

- Trời ơi!... Anh... Tôi...

Nàng không nói được dứt câu, nằm lăn xuống ván thuyền ôm mặt khóc nức nở. Trương phu nhân bước ra hỏi:

- Cái gì thế, con?

- Mẫu thân ơi... anh con... chết...

Phu nhân cũng òa lên khóc nức. Lời than vãn, kêu gào, kể lể rất thảm thiết.

Một lúc lâu, khi sự thống khổ đã theo dòng lệ nhẹ bớt vài phần, Trương phu nhân bảo ghé sát thuyền bảo thuyền Long Cơ để nàng bước sang, rồi cố nén lòng đau đớn, hỏi nàng về bệnh trạng, và lúc lâm chung của Thanh Xuyên hầu. Long Cơ cứ sự thực kể lại đầu đuôi.

Nghe xong, Quỳnh Như ngấm nghĩ lắm bảm:

- Trời ơi! Trường huynh bị đầu độc mất rồi!

- Sao con biết?

- Bảm mẫu thân, không bị đầu độc thì sao đương khỏe mạnh lại chết mau thế được?

Nàng vừ an ủi vừa trăn trăn nhìn thẳng vào cặp mắt Long Cơ, như để tìm ra sự bí mật. Nhưng thấy nét mặt chị dâu đầy vẻ thành thực thì nàng hết ngờ vực ngay.

Bỗng nàng nhìn sang chiếc thuyền bên đã cắm sào đứng lại!

- Nhà sư nào thế, thừa hiền tâu?

- Đó là sư ông chùa Tam Thanh, bạn thân của lệnh huynh, đạo hiệu Phổ Chiêu thiền sư.

- Lúc trường huynh qua đời, nhà sư có ở đấy không?

- Có giữa lúc lệnh huynh ngồi tiếp chuyện sư ông thì lặn ra kêu đau bụng, rồi chỉ một lát là tắt nghỉ.

Quỳnh Như liếc mắt đăm đăm nhìn nhà sư đương buồn rầu ngồi bó gối ở đằng lái thuyền. Nàng thì thầm hỏi Long Cơ:

- Thừa hiền tâu, hiền tâu có ngờ vực gì hấn ta không?

Long Cơ vội đáp:

- Không, sư ông là bạn thân, bạn đồng chí của Thanh Xuyên hầu.

Trương phu nhân sụt sùi hỏi:

- Linh cửu để ở đâu?

Long Cơ liền dẫn phu nhân và Quỳnh Như bước sang thuyền mình.

Chiếc quan tài bọc quách phủ vải trắng đặt trên sập sao ở khoang trong. Sáp thấp sáng trưng, khói hương nghi ngút. Lại một lần tiếng khóc vang thuyền, người khóc con, kẻ khóc chồng, khóc anh.

Quỳnh Như bỗng nín bật, lấy khăn lau nước mắt, bảo Trương phu nhân:

- Bảm mẫu thân, trường huynh con mất rồi thì không có cách gì làm cho sống lại được nữa.

Nhưng nếu trường huynh bị đầu độc, mà điều ấy con ngờ lắm, thì bổn phận người sống phải trả

thù cho người chết. Vậy con xin phép mẫu thân cho tìm sư ông ssang đây để hỏi mấy câu về cái chết khả nghi này.

Trương phu nhân vẫn còn nức nở khóc, nhưng cũng theo ý con cho mời nhà sư trẻ tuổi đến hỏi chuyện.

Phạm Thái theo mấy ả thị tỳ bước sang thuyền Long Cơ. Quỳnh Như hỏi thẳng ngay đến chuyện đầu độc. Chàng nghe mà sửng sốt giật mình, nhìn nàng tỏ lòng vừa kính phục, vừa kính hãi. Cái chết bí mật của Thanh Xuyên hầu, chàng vẫn tưởng ngoài kẻ thủ hạ với chàng ra không còn ai dám ngờ vực mây may, vì mưu kế kẻ kia rất kín đáo. Đến như Long Cơ ♦ trông thấy triệu chứng rành rành của cái chết phi thường ấy mà cũng vẫn tưởng chồng mình ngộ gió độc. Chàng nghĩ thầm:

"Thế mà người thiếu nữ này vừa nghe tin báo anh chết đã đoán ngay được rằng anh mình bị đầu độc. ầu cũng là một căn quắc anh hùng đây." Thấy Quỳnh Như dương mắt trân trân đợi câu trả lời, Phạm Thái liếc mắt nhìn bọn thị tỳ, rồi thản nhiên hỏi lại nàng:

- Chắc hẳn tiểu thư biết làm thơ?

Quỳnh Như chau mày cự:

- Không phải chỗ, không phải lúc để sư ông nói phiếm!

- Không, thưa tiểu thư, kẻ tu hành đâu dám nói phiếm, bao giờ cũng thận trọng ngôn ngữ lắm. Bần tăng chỉ xin hỏi tiểu thư một điều: "Tiểu thư có biết làm thơ không?" nếu có thì cùng cụ lớn đi vấn cảnh chùa Non Nước, thế nào tiểu thư chẳng đem theo giấy, bút, mực.

Trương phu nhân tuy trong lòng đau đớn mà cũng không giữ được, mỉm một nụ cười:

- Sư ông quả đoán không sai. Chừng sư ông muốn mượn bút mực làm một bài thơ viếng bạn.

- Bẩm cụ lớn có thể.

Khi thị nữ mang bút giấy ra, Phạm Thái viết má câu chữ nho đại ý nói: "Tiểu thư đoán có lẽ đúng. Chính tôi cũng ngờ Thanh Xuyên hầu bị kẻ thù ngầm hại. Nhưng xin tiểu thư giữ kín cho. Việc này không phải là việc tầm thường. Để lộ ra không những một người bị hại, mà còn liên lụy đến nhiều người khác nữa. Vậy xin tiểu thư cứ tạm coi cái chết của Thanh Xuyên hầu là một cái chết tự nhiên như nghìn, vạn cái chết khác. Nếu quả tiểu thư cảm thương tôn huynh chết, muốn báo thù cho tôn huynh thì rồi tôi xin đem hết sức bình sinh ra giúp tiểu thư một tay vì chính tôi đây cũng đã thề ở trước linh sàng bạn rằng không bao giờ dám quên ơn tri ngộ, mà để kẻ giết bạn được an nhàn hưởng phú quý".

Nhà sư kính cẩn trao tờ giấy hoa tiên cho Quỳnh Như. Nàng xem xong gấp lại, thông thả đến châm vào ngọn lửa cây sập thờ. Trương phu nhân sửng sốt hỏi:

- Sao con lại đốt bài thơ của sư ông?

- Bẩm mẫu thân, sư ông làm thơ viếng trường huynh thì phải đốt bài thơ đi, trường huynh mới đọc được, mới nhận được tự dạng của sư ông chứ.

Phạm Thái ngấm cữ chỉ Quỳnh Như càng kính phục lắm. Chàng nghĩ thầm: "người này mưu cơ có lẽ chẳng kém gì Nhị nương, mà về nhan sắc lại còn có phần hơn".

## Kiến Xuyên hầu

Kiến Xuyên hầu bận khoản sót ruột đã một tháng ròng. Nhưng hôm ấy hầu càng bận khoản sót ruột hơn, đến nỗi hầu lo rằng đã xảy ra tai nạn cho vợ chồng và con gái đi chơi vấn cảnh chùa. ầu đó cũng là sự liên lạc của lulong tâm hồn cùng một huyết thống, hay nói theo cổ nhân, có tâm linh báo cho ta biết mọi sự can hệ đến những người thân yêu ở nơi xa vắng.

Hầu lấy bộ Đường thi ra đọc cho quên nỗi buồn vợ vắng, nhưng không sao bình tĩnh mà hiểu được cái hay của những bài thơ cổ.

Đọc được vài trang, hầu lại xếp sách vào ngăn tủ, đứng dậy ra vườn cảnh ngắm hoa.

Sau dãy lan can xây theo hình chữ thọ triện, những bông hoa phù dung kếp và đơn về chiều đã ngả màu thắm lại, từ màu hồng phớt cho đến màu đỏ xẫm. Trong lòng phiến muện, hầu nhìn màu hoa như có nhuộm máu đào. Dưới dàn thiên lý lá xanh già rủ qua những mắt cáo của phen nứa, mấy hàng chậu sứ men lam và hàng thống Bát Tràng màu đen, đặt trên những bộ đôn cùng một kiểu. Trong chậu, trông thống trông các thứ cây uốn thành hình con giống: nào cây dành dành, uốn kiểu "lão bạng sinh cầu", cây đơn kiểu "phượng hoàng vu phi", nào cây nẻ, kiểu "hạc qui quá hải", cây sanh kiểu "hạc lập kê quần". Những cây cảnh ấy cùng hòn núi giả bày trong cái bể cạn lớn đều do chính tay hầu đã sửa nắn và xếp nên. Vì thế, nên ngày hai buổi, sáng chiều, hầu ra ngắm nghía không bao giờ chán mắt, mỗi lúc lại tìm ra cái đẹp thanh thú, mới mẻ của nó. Nhưng hôm nay hầu chẳng buồn ngắm tới vật gì hết, đi trong vườn cảnh mà trí để cả ở đâu đâu.

Sang đầu giờ Dậu có tin báo thuyền phu nhân và tiểu thư đã về. Rồi lại tiếp luôn có tên người nhà về bẩm với hầu rằng thuyền phu nhân cùng hai chiếc thuyền nữa đã đậu ở bến. Hầu giật mình kinh hoảng hỏi dồn:

- Với hai chiếc thuyền nữa? Trên thuyền ấy có những ai?

Chỉ một lát sau, tiếng khóc đã âm ỉ từ cổng đưa vào. Rồi Long Cơ vận đại tang đến trước mặt hầu sụp xuống lạy và nức nở:

- Trình cụ lớn, quan lớn con thất lộc rồi.

Kiến Xuyên hầu mặt tái dần, phải vịn vào cột dàn hoa cho khỏi ngã. Nhưng trấn tĩnh ngay được và ôn tồn hỏi Long Cơ:

- Chồng con... thất lộc?

- Dạ.

Hầu thở dài, tháo mực kính ra lau:

- Thảo nào một tháng nay thấy sốt ruột quá.

Rồi hầu vào buồng đóng cửa cài then, lên giường ngủ để không ai biết rằng mình khóc con và khỏi trông thấy gia quyến kêu gào than vãn.

Sáng hôm sau hầu vừa thức giấc, tiếng kinh kệ đã lọt vào tai. Hầu bước ra nhà ngoài: Trước cái linh cữu phủ vải trắng, một nhà sư trẻ tuổi, ngồi gõ mõ tụng niệm, Hầu hỏi người nhà:

- Sư ông nghe giọng thanh nhã, chắc không phải người ở vùng này.

Người nhà đáp:

- Bẩm cụ lớn, sư ông theo linh cữu trấn thủ từ Lạng Sơn về hôm qua.

Kiến Xuyên hầu ngồi xuống tràng kỷ nghe nhà sư tụng niệm.

Ít lâu nay hầu rất chăm xem kinh Phật và hiểu thấu triết lý cao siêu của một đạo giáo đã an ủi lòng chán nản của nhà chí sĩ sống vào giữa lúc giao thời.

Hầu thường đi ngao du, tìm đến thăm những nơi danh lam thắng cảnh, rồi ở đó, nếu gặp những nhà sư chân tu, cùng họ đàm đạo về ý nghĩa kinh Phật.

Một lẽ nữa khiến hầu yêu Phật giáo: Hầu muốn ngắm ngòm, lặng lẽ phản đối nhà Tây Sơn. Từ ngày vua Nguyễn Huệ xuống sắc chỉ bắt phá hết các chùa nhỏ ở các làng, chỉ để lại mỗi hạt một vài ngôi có tiếng, thì hầuBồng thấy hầu càng yêu đạo Phật lắm, yêu một đạo giáo hình như đã bị nhà Tây Sơn ruồn ghét.

Phạm Thái cúng Phật xong đứng dậy chắp tay chào Kiến Xuyên, vì chàng đã biết hầu đợi từ nãy. Kiến Xuyên đáp lễ, rồi mời chàng ngồi.

Nghe một lão quan hỏi đến việc tu hành, đến các kinh bản một cách chu đáo rành mạch, Phạm Thái lấy làm lo sợ, vì bấy lâu ẩn nấp dưới bóng tử bì, chàng đã kịp có thì giờ khảo cứu đến sách Phật đâu. Chẳng qua, chàng chỉ học thuộc mấy câu kinh kệ nhì nhằng để ê a che mắt thế gian, cùng là sửa sang cái điệu bộ hiền lành kính cẩn để ra vẻ một nhà chân tu mà thôi.

Đời chàng là đời hoạt động của một tráng sĩ, mà tu đối với chàng chỉ có nghĩa là tập luyện tính tình cho khảng khái, chí khí cho cứng cáp, gân cốt cho mạnh mẽ.

Nát bàn của chàng là trả được thù cho cha, cho vua, cho các bạn đồng chí bị giết.

Có một lúc nào tâm trí chàng được thư thái mà xem tới sự tích Phật tổ, mà tìm hiểu cái nghĩa vu khoát của những chữ: "hư vô, tĩnh tọa".

Nay gặp Kiến Xuyên hầu mà chàng đoán chắc là một người hiểu tinh tường đạo Phật, nếu chàng không tìm cách giấu cái dốt của mình đi, e chẳng khỏi bị hầu khinh bỉ. Điều ấy chàng không muốn có, từ khi vui nảy một ý tưởng rất kỳ dị trong tâm trí chàng.

Chàng liền xoay câu truyện từ chỗ đạo giáo ra chỗ văn thơ. Chàng đã được Thanh Xuyên cho hay tính tình và tư tưởng của cha. Chàng biết rằng Kiến Xuyên rất chuộng Đường thi và thích thú ngắm hoa vịnh nguyệt. Chàng liền hỏi:

- Bẩm cụ lớn, bản tăng thường được quan trấn đọc cho nghe thi văn của cụ lớn Thực là lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

Kiến Xuyên quên bẵng ngay sự đau đớn, vui cười bảo Phạm Thái:

- Sư ông tính, về trí sĩ như tôi đây thì ngoài cầm, kỳ, thi, tửu ra, còn có cái thú gì nữa? Nhưng nghe chừng sư ông cũng con nhà nho giáo thì phải.

Phạm Thái biết thế nào Kiến Xuyên cũng hỏi đến gia sự nên đã xếp sẵn câu truyện từ trước.

- Dạ dám bẩm cụ lớn, nhà bản tăng quả đời đời theo nho giáo. Gặp thời loạn lạc cha mẹ lại sa sút, nên cho bản tăng xuất gia ăn mày cửa Phật ngay khi mới lên mười tuổi. Nhờ ơn sư tổ dạy bảo bản tăng cũng biết ít nhiều chữ nghĩa.

Kiến Xuyên mỉm cười, gật gù ngâm nga:

"Vút bút nghiên theo việc đao cung,"

Rồi nói tiếp:

- Tôi chẳng biết sư ông vốn có giòng hào kiệt không, nhưng gặp thời loạn mà quẳng bút nghiên theo kinh kệ thì hơi tầm thường. Nhưng mỗi người có một nghiệp riêng theo như kinh Phật, phải không sư ông?

Phạm Thái kính cẩn, vờ khúm núm sợ hãi:

- Dạ, nghiệp của bản tăng là gõ mõ, thấp hương, tụng kinh niệm Phật.

- Còn nghiệp của lão phu là làm thơ, phải không?

Kiến Xuyên cười đau đớn nói tiếp:

- Sư ông là bạn đồng chí của con trai lão phu thì hẳn sư ông cũng biết tài văn võ của nó đến bậc nào. Lão phu chỉ tiếc giữa việc lớn...

Kiến Xuyên hầu ngừng lại, gọi người nhà pha nước, rồi nói lảng ngay sang việc khác hình như câu truyện tâm sự không tiện đem ra bàn với một người chưa quen thân.

Về phần Phạm Thái, chàng cũng rất thận trọng lời nói, giữ gìn ý tứ, vì chàng biết tâm địa Kiến Xuyên hầu ra sao, chẳng rõ hầu còn trung thành với nhà Lê hay hầu đã đổi bụng, theo Tây Sơn như nhiều vị quan già khác. Cứ lời Thanh Xuyên thì đã hai, ba lần Nguyễn Huệ triệu hầu ra tham chính, nhưng hầu lấy nê già yếu xin ở nhà dưỡng lão.

Có một điều Phạm Thái hơi lấy làm lạ, là Kiến Xuyên hầu có mỗi một con trai. Nay người con ấy qua đời một cách đột ngột, sao hầu không tỏ lòng thống khổ, và nét mặt lại giữ được thản nhiên như thế. Há phải hầu không thương con? Hay hầu đã có cháu nối giõi tông đường rồi, nên hầu không lo ngại nữa. Phạm Thái muốn dò ý ông qua già, liền hỏi:

- Bẩm cụ lớn, quan trấn thủ Thanh Xuyên hầu thực là một người lỗi lạc, thất lộc đi thì nhân dân thiệt mất một vị minh quan, triều đình thiệt mất một bậc lương tướng ở chốn biên thùy.

Hầu cười nhạt đáp:

- Trời này làm gì có minh quan, lương tướng? Vả gần bốn mươi chết là vừa lắm rồi. Sống giai như lão phu chỉ thêm nhục.

Phạm Thái nghe câu trả lời, trong lòng hớn hở mừng thầm, nhưng còn vờ không hiểu:

- Bẩm cụ lớn, bản tăng thiết tưởng nhà cụ lớn phú quý tột bậc, có điều chi mà cụ lớn phải buồn rầu, phần uất. Quan trấn thủ không may qua đời, thì mấy cậu cháu giai kia sau này làm gì không nối được nghiệp nhà mà quan cao, chức trọng.

Kiến Xuyên vẫn cười nhạt:

- Hừ! nghiệp nhà hừ! hừ quan cao, chức trọng thì làm gì?

Rồi hầu nhìn thẳng vào mặt Phạm Thái:

- Có lẽ đi tu như sư ông cũng hay.

Nhà sư nhún nhường:

- Bầm cụ lớn cũng là một sự bất đắc dĩ. Bàn tăng vẫn biết "vô quân, thần, phụ, tử..."

Kiến Xuyên hầu ngắt lời:

- Quân thần nào có ra quân thần! Còn phụ tử... Đó sư ông coi: có hợp thì có tan, phải rời bỏ người mình yêu.

Hầu nghẹn ngào không nói được dứt câu, tiếng khóc nỉ non ở buồng bên đưa ra càng làm cho hầu đau đớn. Hầu nâng chén nước, yên lặng mời nhà sư, rồi uống một hơi cạn như muốn nuốt hết sự thống khổ xuống can tràng.

## Long Cơ

Xong việc tang ma của bạn đồng chí, Phạm Thái đã toan xin phép Kiến Xuyên hầu để trở lại nhà, vì chàng đương sốt ruột về công việc đảng Tiêu Sơn, mà bấy lâu chàng không nhận được tin tức. Bỗng xảy ra một việc đau lòng.

Sáng sớm hôm ấy chàng ra viếng mộ bạn một lần cuối cùng.

Xa xa chàng đã trông thấy từ mờ bốc lên một làn khói biếc lẩn trong sương buổi sáng thu. Chàng nghĩ thầm: "Minh tưởng vào giờ này thì chưa ai ra viếng mộ, thế mà trước mình đã có người đến rồi".

Chàng định quay về, nhưng dăm dăm nhìn quanh mờ, chàng vẫn không thấy bóng một ai: "Có lẽ người đến viếng đã đi rồi? Nhưng người ấy là ai? Chẳng lẽ Long Cơ lại ra sớm thế?" Phạm Thái liền tiến đến gần. Chàng thoáng nghe tiếng rên khừ khừ se se.

Bỗng chàng giật mình. Cách mộ độ hai ngũ, dưới một cành dương liễu, chàng thấy treo lủng lẳng, lác lác cái xác một người đàn bà vận tang phục. Dưới chân một đồng gạch đỏ ngổn ngang. Chàng hiểu ngay là người kia vừa tự ả.

Vội vàng chàng trèo thẳng lên cây cởi cái giầy lưng người kia cùng để thất cổ.

Thân người đàn bà rơi phịch xuống đất. Phạm Thái nhìn lại thì là Long Cơ. Chàng liền hô hoán gọi những người qua đường, và nhờ một người về bẩm với Kiến Xuyên hầu cùng phu nhân.

Ai nấy đang xúm nhau lại gọi hồn Long Cơ lại tỉnh, thì gia quyến Kiến Xuyên hầu vừa đến. Trương phu nhân khóc oà:

- Trời ơi! Mất con, lại mất luôn cả dâu. Gặp tình cảnh này thì già sống sao được, trời hỡi trời!

Quỳnh Như đặt tay lên Long Cơ bảo mẹ:

- Bầm mẫu thân, chưa thất vọng đâu, còn thoi thóp, mà chân tay chưa lạnh.

Ngàng liền vừa lay mạnh vừa gọi. Quả một lát sau, Long Cơ thở ra một hơi thật dài, rồi duỗi thẳng chân tay, một lúc nữa, cặp mắt nàng đã động đậy, lim dim.

Kiến Xuyên hầu sung sướng bảo Phạm Thái:

- Sư ông đã đưa giúp linh cứu con lão từ Lạng Sơn về đây, nay sư ông lại cứu sống được con dâu lão, ơn ấy không bao giờ lão quên.

Quỳnh Như đưa mắt nhìn Phạm Thái thấy chàng có vẻ lấm liệt oai phong của một bậc hiệp sĩ. Nàng tự nhủ thầm: "Ta quyết người này không phải là sư!"

Phạm Thái cũng liếc trộm Quỳnh Như, ngẫm nghĩ "Sao một tuyệt thế giai nhân như kia lại không ở trong đảng Tiêu Sơn?"

Giữa lúc ấy Long Cơ mắt tròn tròn nhìn thẳng, ngờ ngác không biết mình dương ở cõi dương hay cõi âm. Rồi nàng lại nhắm nghiền mắt lại, miệng ú ớ nói mê, tâm thần thiêm thiếp.

Trương phu nhân hỏi thăm Phổ Chiêu:

- Bạch sư ông, liệu có việc gì không?
- Dám bẩm phu nhân, bần tăng chắc rằng không hề gì!

Sư ông xin phu nhân truyền bọn thị tỳ đem võng đưa Long Cơ về nhà.

Hôm sau Long Cơ tỉnh hẳn, rồi nhờ về thuốc thang chữa chạy tằm bổ nên chỉ trong vòng ba bốn buổi lại lành mạnh như thường.

Nhưng suốt ngày ấy sang ngày khác nàng chỉ khóc không chịu ăn thứ gì, khăng khăng đòi tuần tiết theo chồng. Kiến Xuyên hầu phải giảng giải mãi nàng mới vâng lời, tạm nguôi phiền muộn và bỏ hẳn được cái chí quyên sinh.

Từ đó bất kỳ mưa nắng, ngày ngày nàng ra mộ chồng nằm phủ phục kể lễ tình xưa. Kiến Xuyên thấy vậy đem lòng thương xót và chuân lời nàng xin, truyền gọi thợ đến làm ngay một ngôi nghĩa lư bên mã, để nàng một mình ra đó thủ tiết cùng chồng.

Cách ít lâu, Quỳnh Như đến thăm chị dâu thấy trên vách trắng có đề hai bài thơ, nét chữ tươi như hoa đào, già giặn như cành mai cổ. Nàng đứng đọc nhắm:

Cuốn cuộn xe mây hp duỗi dong,  
Dễ mà theo hỏi chốn hành tông,  
Khêu sầu chín khúc chùng giây sắt,  
Diễn thảm năm canh quạnh giọt đồng,  
Niên đảo mơ màng hồi thú cổ  
Sinh tiêu nghe lắng tiếng thiên chung,  
Huyền thương ví chẳng thù hồng phấn,  
Chi hép trần hoàn trả chưa xong!  
Gió thu hiu hắt, khóm phương tùng,  
Thổi rụng hàng châu ngoạ mà hồng,  
Cỏ biếc chẳng treo hiền Sở trướng,  
Trúc vàng thù điếm giọt Ngu cung,  
Họa kè cổ trủng đeo tình nặng,  
Trăng rạn cô lư sáng tiết trong.  
Dệt gấm Thanh nê, câu nhất tiếu,  
Thêu nền Thúy ái chữa tam tông.

Đọc xong, Quỳnh Như nhìn giòng chữ lạc khoản hỏi:

- Đây chị, Phổ Chiêu thiên sư là ai vậy?

Long Cơ đáp:

- Là nhà sư trẻ tuổi tiền tổng linh cứu tôn huynh về đây bữa nọ.

Quỳnh Như mỉm mỉm cười:

- Chị xin thơ người ta đấy à?

Long Cơ lo lắng nhìn em chồng:

- Không, thưa cô, hôm qua Phổ Chiêu đến quỳ bên mộ khấn khứa. Thấy tôi ra, nhà sư đứng dậy nói lại từ biệt linh hồn bạn một lần cuối cùng để mai đi Kinh Bắc.

Rồi Phổ Chiêu xin đề tặng một bài thơ kỷ niệm. Tôi bảo người nhà lấy giấy bút, nhưng nhà sư không viết vào giấy, mà lại viết ngay bên vách luôn một lúc hai bài thơ nôm ấy.

Quỳnh Như vẫn mỉm mỉm cười đọc đi đọc lại mãi hai bài thơ. Nàng lẩm bẩm nói một mình:

- Đã biết mà, có sai đâu. Người này không phải là sư.

Long Cơ kinh ngạc:

- Cô bảo gì?

- Tôi bảo Phổ Chiêu không phải là sư, hay ít ra cũng không phải là một nhà chân tu. Là một nhà thi sĩ thì còn có lý.

Long Cơ chau mày ngẫm nghĩ - Sao cô ngờ vực oan cho kẻ tu hành như thế? Trong đám thiên tăng cũng có người giỏi văn thi chứ.

Quỳnh Như cười:

- Giỏi văn thi đến đâu đi nữa, một nhà sư chân tu cũng không có những lời tình tứ như hai câu: "Gió thu hiu hắt khóm phương tùng, thổi rụng hàng châu ngọc má hồng". Sao mà chữ "ngọc" nó lảng lơ thế, chị có thấy không? Nhưng hay chữ thì hay thật!

Quỳnh Như vốn là con nuông của Kiến Xuyên hầu. Hầu thương yêu nàng hơn cả con trai và cho nàng còn thông minh hơn anh nàng nhiều, tuy anh nàng đã đậu tới tiến sĩ. Hôm ấy nàng đem câu truyện bí mật thuật với cha: nào khi gặp lần thứ nhất ở trên thuyền, nhà sư dùng cách bút đàm bảo cho nàng hay rằng Thanh Xuyên bị kẻ thù đầu độc, nào cử chỉ ngôn ngữ của một nhà sư giống cử chỉ, ngôn ngữ một võ sĩ. Nàng nói tiếp:

- Nhất là lúc này con ra nghĩa lữ thăm chị trấn thủ con, được đọc hai bài thơ của sư ông đề trên vách thì con không còn ngờ vực gì nữa. Chắc chắn là nhà sư kia là một tay quốc sự phạm ẩn thân trong bộ áo cà sa.

Rồi nàng đọc lại hai bài thơ cho cha nghe. Kiến Xuyên hầu ngẫm nghĩ nói:

- Ủ, hay chữ! Nhưng có điều gì tỏ ra rằng hai bài thơ kia của một quốc sự phạm đâu?

Bổng Hầu mỉm cười nhìn con gái yêu. Hầu vẫn khen thầm nhà sư có vẻ mặt tuấn tú của bậc văn nhân và tấm thân tráng kiện của hàng đồng tướng. Nay nghe lời, hầu lại biết nhà sư có tài ngâm vịnh siêu thế nữa. Tự nhiên hầu lại nghĩ đến việc nhân duyên của con gái, nếu quả thật kẻ có văn tài kia chỉ đội lốt nhà sư để lánh nạn.

Thấy cha nhìn mình một cách tò mò, Quỳnh Như đỏ bừng mặt khép nép thưa:

- Dám bẩm phụ thân, con trình phụ thân điều ấy chỉ vì con sợ rằng nếu không đề phòng trước, biết đâu người kia lại không gieo họa cho nhà ta. Vâng, biết đâu người ta không có chân trong một đảng phản nghịch nào đó.

Con nghe phụ thân nói ở hạt Kinh Bắc có nhiều đảng Lê thần đương ngấm ngầm phản đối triều đình. Thế mà nhà sư lại là người hạt Kinh Bắc, nên con e ngại lắm.

Kiến Xuyên hầu gật gù suy nghĩ:

- Được, để cha xem.

## Thử tài

Ngày chiều hôm ấy, Kiến Xuyên hầu truyền làm một bữa tiệc thật long trọng rồi cho mời Phạm Thái đến dự.

Thấy đầy một mâm lớn sơn hào, hải vị, lại thêm một chốc rượu đặt trên cái giá sơn son thiếp vàng, Phạm Thái kính cẩn chấp tay tạ:

- Bẩm tướng công, bần tăng đã xuất gia tu hành đâu dám nghĩ đến ăn mặn.

Kiến Xuyên cười khà:

- Bày vẽ! Vả ăn chay quanh năm, ném thử một bữa cơm mặn cũng chẳng tội gì.

- Dám bẩm tướng công, bần tăng giới tửu đã quen...

- Giới tửu thì thật đáng tiếc, nhất sư ông lại có tài ngâm vịnh phi thường.

Phạm Thái nhún nhường:

- Bẩm tướng công, bần tăng chỉ học có kinh phật.

- Dù thế nào mặc lòng, sư ông cũng chẳng nên bỏ bữa tiệc tiễn hành của lão gia. Nhân hôm nọ sư ông ngỏ lời muốn về Kinh Bắc, nên hôm nay lão gia mới có chén rượu nhạt để trước là cảm tạ sư ông đã hộ tống linh cữu con trai lão gia, lại cứu con dâu lão thoát chết, sau là để tiễn biệt một người bạn thiếu niên.

Phạm Thái kính cẩn:

- Bẩm tướng công, chúng tôi đâu dám.

Kiến Xuyên hầu bỗng cười phá lên hỏi:

- Sư ông hẳn thuộc sự tích Phật tổ?

Phạm Thái giật mình, vì tưởng Kiến Xuyên hầu đoán biết cái lực lượng Phật học của mình. Nhưng Kiến Xuyên nói tiếp luôn:

- Hẳn sư ông đã đọc truyện người tiều phu bán được một con lợn rừng, nhân có Phật tổ qua đường liền rước ngài về nhà khoản đãi. Ngài tuy đau yếu phải kiêng thịt, - vì nếu không kiêng thì tất phải nguy đến tính mệnh - nhưng ngài không nỡ làm bữa tiệc của người tiều phu, bèn nhận lời đến dự. Cũng vì bữa tiệc lợn rừng ấy mà Phật tổ tịch Nát bàn. Vậy sao bữa tiệc của lão gia thết sư ông lại ế được, phải không sư ông? Dù sư ông có vì ăn mặn mà chịu thiệt không được lên Nát bàn đi nữa thiết tưởng sư ông cũng chẳng nên từ chối.

Phạm Thái mỉm cười xin nhận lời. Rồi chủ khách vào tiệc.

Lúc mới uống dấm chén rượu, Phạm Thái còn giữ được tự nhiên, chuyện trò ôn tồn vui vẻ. Nhưng khi đã quá số vài chục chén rồi, thì chàng quên hẳn rằng mình đương ngồi đối diện với một lão quan. Thấy chàng li bì chẳng nói chẳng rằng mà nốc rượu như nốc nước vối, Kiến Xuyên hầu nói đùa:

- Trông sư ông như ông Di Lặc.

Di Lặc đương để ý đến cái rèm che cửa buồng gian bên và nghĩ thầm: "Không gió mà chánh rèm động đây thì hẳn có người đứng trong ghé mắt nhòm ra. Người ấy là ai? Hà tất ta còn phải hỏi".

Vì thế Di Lặc tỉnh hẳn: Men rượu chỉ đủ làm cho chàng hết "li" (cái đức tính của chàng khi quá chén, và trở nên một người nói chuyện rất có duyên).

Thấy nhà sư đặng trí, luôn luôn đưa mắt về phía cửa buồng bên, Kiến Xuyên hầu hỏi:

- Sư ông nhìn gì vậy?

Phạm Thái luống cuống. May sao ở ngay vách bức bàn gần đấy có treo tờ tranh lớn vẽ một người tổ nữ. Chàng liền vịn ngay vào đó để chữa thẹn:

- Dám bẩm tướng công, xin tướng công tha lỗi bần tăng mãi ngắm bức tranh; tinh thần nét bút, càng nhìn càng tươi. Dám bẩm tướng công ai là tác giả bức danh họa này?

Trương công cười:

- Sư ông quá khen. Tôi coi nét vẽ còn non nớt lắm, mà còn non nớt cũng phải, vì họa sĩ chỉ là một người con gái mười sáu tuổi.

Phạm Thái kinh ngạc hỏi lại:

- Bẩm tướng công, vậy ra...

Thấy chàng ngập ngừng, Kiến Xuyên đỡ lời:

- Phải, tranh ấy chính tay tiện nữ Quỳnh Như phát họa.

Phạm Thái khen, có lẽ cốt để Quỳnh Như đứng sau bức rèm nghe rõ:

- Đại tài kỳ nữ!

Trương công lại cười:

- Sư ông quá tán tụng. Nhưng lão gia nghe đồn sư ông có tài thất bộ thành thi, vậy sư ông đề một bài thơ Đường luật vinh người mỹ nữ trong tranh xem nào.

Phạm Thái chấp tay lễ phép:

- Bẩm tướng công, bần tăng đâu dám múa rìu qua mắt thợ. Nhưng tướng công đã truyền bần tăng cũng xin đánh bạo vâng lời, có kém chỗ nào, xin tướng công phủ chính cho. Vả bức tranh



còn thừa nhiều khoảng trống quá. Bài thơ của bản tặng có dở đi nữa cũng được cái công dụng giúp cho bức tranh đỡ trống trải.

- Thi sĩ nhúng nhường quá!  
Hầu liền gọi người nhà lấy bút mực.

Phạm Thái ngồi ngắm kỹ bức tranh và ngắm nghĩ một lát rồi quả quyết đứng dậy viết một mạch xong tám câu thơ chữ Hán sau này:

Thanh xuân toả liễu lãnh tiêu phòng,  
Cầm trục đình châm ngại điểm trang.  
Thanh rạn đổ liên phi bất lục,  
Đạm bi tạn cúc thái sơ hoàng.  
Tình si dị tổ liêm biên nguyệt,  
Mộng xúc tăng liêu trường đỉnh sương.  
Tranh Khúc cưỡng hâu sâu mỗi bận,  
Oanh ca nhật vĩnh các tiêu hương.

Đề xong thơ, Phạm Thái lại ngồi vào tiệc rượu ngâm lại một lượt rồi hỏi Kiến Xuyên hầu:

- Bẩm tướng công, bản tặng chữ nghĩa còn kém...

Nhưng Kiến Xuyên ngắt lời:

- Thiên tài! Thiên tài! thực là Lý Bạch tái thế.

Hầu lại gần bức tranh dương mực kính đọc đi đọc lại mãi. Bỗng hầu kêu:

- Trời ơi! dễ thường sư ông... Phải rồi, Oanh, tranh, tình, thanh, xuân... Giỏi thực, giỏi thực! Đại tài, đại tài!

Rồi đọc đảo ngược bài thơ chữ thành một bài thơ nôm, lời văn chải chuốt và tự nhiên:

Hương tiêu gát vắng nhật ca oanh,  
Bận mỗi sâu khêu gượng khúc tranh,  
Sương đỉnh tường gieo tường dục mộng, Nguyệt bên rèm tỏ dễ si tình,  
Vàng thừa thốt, cúc tan hơi đạm,  
Lụcphátphơ, sen độ rạn thanh,  
Trang điể hm ngại chăm dưng trục gấm,  
Phòng tiêu lạnh lẽo khóa xuân xanh.

Hầu quay vào tiệc rót chén rượu đầu, mời Phạm Thái mà rằng:

- Xin tặng thi hào một chén rượu.

Phạm Thái giơ hai tay kính cẩn đỡ lấy, vái đáp:

- Tướng công ban thưởng, bản tặng xin bái lĩnh xin chúc tướng công thiên tuế.

- Nhưng ngày tôi hỏi: sao sư ông không để ba chữ "hỏi văn cách" để người đọc hiểu ngay.

Phạm Thái khiêm nhượng:

- Dám bẩm tướng công, có lẽ ngẫu nhiên mà được thế. Nhưng bản tặng cũng xin vâng theo tôn ý.

Rồi chàng đứng dậy cầm bút đề vào bên bài thơ ba chữ "hỏi văn cách" thực nhỏ Kiến Xuyên hầu bảo chàng đọc lại một lượt. Chàng vâng lời cất giọng sang sảng bình văn. Đến câu "nguyệt bên rèm tỏ dễ si tình" thì không biết ngẫu nhiên hay định ý, chàng dăm dăm nhìn cái rèm rung động che cửa buồng bên.

Phạm Thái bình xong, Kiến Xuyên hầu lại rót một chén rượu đầy nữa:

- Đây là mừng riêng nhà bình văn tốt giọng.

Thực ra Phạm Thái đã cố sửa sang cho giọng mình lên bổng xuống trầm, có nhịp nhàng tình tứ. Không một lần nào sư ông đọc kệ hay bằng thế.

Phạm Thái vội đỡ chén nói:

- Chết! Tướng công quá yêu, làm bản tăng tự thẹn, vì tài mọn của bản tăng không được xứng đáng với tấm lòng lân tài của tướng công.

Kiến Xuyên cười phá lên:

- Hay! Sư ông không nhắc đến chữ lân tài, thì suýt nữa lão gia quên bằng rằng sư ông là một bậc đại tài.

Phạm Thái cho câu nói có ý riếu, lặng thinh cúi mặt, nhưng Trương công nói tiếp ngay:

- Phải, tôi hỏi, sao thiền sư không ra tiến thân để trị dân giúp nước?

Rồi muốn dò ý Phạm Thái, Trương công nhìn thẳng vào mắt chàng, trù trừ nói:

- Hay là thế này... lão gia tiến cử... thiền sư lên triều đình.

Phạm Thái lạnh lùng:

- Xin đa tạ tướng công, bản tăng đã xuất gia tu hành, đâu còn dám mơ màng quan cao, chức trọng. Và miếng đỉnh chung thời này...

Phạm Thái tuy say, nhưng còn đủ tỉnh để giữ gìn lời nói, nên ngừng ngay được Kiến Xuyên hỏi dồn:

- Miếng đỉnh chung sao kia, thiền sư? Thiền sư nói miếng đỉnh chung thời này là có ý gì?

Phạm Thái kính cẩn:

- Xin tướng công đại xá cho, chúng tôi say, có khi nói mà không biết nói gì.

Kiến Xuyên lại cười to:

- Còn gì sượng bằng lúc say mềm nói chuyện mà không biết mình nói gì. Vậy xin mời thiền sư cùng lão gia uống cho thật say mềm đã rồi hãy nói chuyện.

Dứt lời, hầu giốc cạn nậm rượu vào chén mình rồi mở chóa, thân cầm gáo và phễu triết đầy nậm, dù Phạm Thái đứng lên xin để chàng làm giúp, hầu cũng không nghe:

- Tráng sĩ cứ để mặc lão gia.

Phạm Thái giật mình nhìn Trương công:

- Thôi tướng công say rồi. Có tráng sĩ nào ngồi hầu rượu tướng công đâu?

Kiến Xuyên đầu lắc lư, tay run lấy bầy đặt nậm xuống bàn.

- Ở mà có lẽ lão gia say thực. Lão gia nhìn thiền sư ra hẳn một tráng sĩ, nét mặt đầy dũng cảm, chí khí.

Men rượu mỗi lúc một làm cho truyện thêm hăng hái. Đến nhá nhem tối, khi chóa rượu đã cạn quá nửa, thì không còn ai tưởng đến giữ gìn nữa, bao lời tâm quyết về thời thế đem giốc hết ra mâm rượu.

Rồi ánh sáng mấy ngọn sáp le lói chiếu vào hai cái đầu gục lên hai góc bàn, một cái bạc phơ và một cái tóc đen mới mọc lờm chờm.

## Rượu tiễn chưa tàn

Nửa đêm Phạm Thái thức giấc, thấy mình nằm ngay ở sập rượu. Mâm và các thức đã cất hết cả rồi, chỉ còn trơ cây sáp cháy trên cái đài làm theo hình hoa sen và lá sen.

Phạm Thái ngồi vỗ trán nghĩ mãi mới nhớ ra rằng buổi chiều có ngồi uống rượu với Kiến Xuyên hầu. Chàng cũng chỉ nhớ thế thôi, còn mọi sự xảy ra trong bữa tiệc, chàng quên hết.

Bỗng chàng nhắc trông thấy bức tranh treo trên vách cạnh bàn, liền cầm đài sáp ghé gần lại xem. Đọc bại vịnh mỹ nữ, chàng vụt nhớ đến truyện đề thi và hơn nữa, đến bức rèm rung động trước cửa buồng bên. Ngẫu nhiên, chàng quay lại nhìn: Cánh cửa buồng đóng chặt, mà hai cánh rèm the màu xanh đã mắc lên đôi móc bạc.

Phạm Thái mỉm cười, chống tay vào cằm ngồi mơ màng tưởng tới những truyện Liêu Trai đầy tiên cô và yêu quái. Chàng dăm dăm nhìn về phía buồng ngâm lại bài thơ nôm, và ao ước hão huyền rằng đến câu "Nguyệt bên rèm tỏ để si tình", thì tự nhiên cánh cửa buồng sẽ mở tung ra để đón mời chàng vào.

Tiếng gà gáy nửa đêm làm chàng giật mình. Chàng sợ mướt mồ hôi, đưa tay lên vuốt vợ xoa đầu. Lúc bấy giờ chàng mới kịp nhớ ra rằng mình là sư, và hơn nữa là đảng viên, một đảng Lê thần. Chàng lấy làm tự thẹn và tự giật mình: "Chẳng lẽ nào mình lại thế được." Rồi dần dần, trí chàng trở nên sáng suốt. Chàng cố ôn lại những lời bàn với Kiến Xuyên hầu trong bữa tiệc. Chàng nghĩ thầm: "Chẳng biết mình có vô ý để tiết lộ những điều bí mật của đảng không?" Chàng lo lắng và hồi hận vô cùng. Nhắc thấy một tờ giấy hoa tiên màu xanh lá mạ, gấp trong gói xếp và để thò ra một nửa, hình như cốt để chàng lưu ý đến. Chàng rút ra xem, thì đó là một bài thơ thất ngôn bát cú. Liền ghé vào ánh sáng cây sập, lẩm nhẩm đọc:

Véo von bên liễu liễu cng hoàng oanh,  
Khuyên khắc đừng quên chí chiếu n tranh.  
Giữa lúc nước nhà đang hoạn nạn,  
phải khi tráng sĩ vướng tơ tình?  
Sông trôi đất Bắc in giòng đỏ,  
Núi đứng trời Nam nhuộm vẻ thanh.  
Khúc khái hoàn ca rồi mạnh mẽ,  
Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh.

Phạm Thái sung sướng mỉm cười:

- Bài thơ họa không có lạc khoản, nhưng còn ai vào đây nữa? Kín đáo và tinh tứ, mà lẩm liệt biết bao, tuy viết vội, nên lời thơ không được chuốt.

Chàng tưởng tượng ra một cảnh lặng lẽ, khi mâm rượu bưng đi rồi, Trương Quỳnh Như từ khuê phòng rón rén bước ra.

Bức vẽ dần dần hoạt động. Phạm Thái mơ màng thấy một thiếu nữ mặt trắng như ngà, giơ bàn tay xinh xắn vén cánh rèm the ngó nhìn quanh phòng một lượt. Rồi hai bàn chân nhỏ nhắn trong đôi hài con phượng nhẹ nhàng khoan thai đặt trên nền gạch Bát tràng to bản, một bước một ngừng vì sợ chàng nghe tiếng động giật mình thức dậy.

Thiếu nữ lại gần sập ngắm chàng say mềm nằm gục đầu vào gói xếp, rồi thong thả bước lên sập, đứng đọc bài thơ đề trên tranh, vừa mỉm cười, Phạm Thái như còn ngửi thấy mùi hương phảng phất trong phòng và nghĩ thầm vợ vẫn: "Biết đâu cô Quỳnh Như không lay mình dậy, như vì mình say quá, không hay".

Chàng lắc đầu nghĩ tiếp: "Không, chắc không thể thế được!"

Giấc mơ tỉnh của Phạm Thái vẫn đi. Chàng thấy Quỳnh Như quay về phòng khuê lấy bút mực để họa bài thơ của chàng, rồi lại như lần trước, rón rén bước ra nhà ngoài khế đặt tờ giấy hoa tiên vào trong gói xếp.

Một tiếng gà gáy làm tan giấc mộng. Chàng cầm bài thơ đọc lại một lượt: "Nàng khuyên ta nên đi Kinh Bắc để dẫn thân vào nơi nguy hiểm: Sông trôi đất Bắc in dòng đỏ. Sao nàng biết ta... biết chí lớn của ta? Thôi, chỉ vì trong khi ta quá chén, ta thốt hết tâm sự ra với Kiến Xuyên hầu. Nàng đứng nấp sau bức rèm đã nghe rõ câu chuyện."

Chàng sung sướng thì thầm:

- Thực ta đoán không sai, nàng quả là một bức cân quắc anh hùng. Nàng khuyên ta làm việc lớn, rong ruổi bước đường gió bụi, chờ lúc hát khúc khái hoàn trở về Nàng ước hẹn cùng ta. ầu yếm biết bao?... Phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh.

Một bức tranh khác kế tiếp hiện ra: Bức tranh náo động vẽ một bãi chiến trường: Cả một thời kỳ theo Nguyễn Đoàn, thời kỳ đầy nguy hiểm, gian lao.

Chàng cười con ngựa tía phi trong đám áo, gươm, tên, đạn, coi cái chết nhẹ như chiếc lông hồng. Cái chí nguyện bình sinh của chàng là được da ngựa bọc thân chôn trên cồn cát trắng. Ngẫu nhiên, chàng ngâm khế mấy câu thơ trong truyện Trinh phụ của bà Thị Diễm.

Chàng trẻ tuổi vỏ hn giòng hào hệt,  
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Thành liền mong tiến bộ rỗng,  
Thước gươm thề quyết chẳng dong giặc trời.  
Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa,  
Giao Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.  
Đã nhà đeo bức ch iểun bào...

Phạm Thái cười chua chát, ngừng lại "mình làm gì có chiến bào chỉ có tấm áo cà sa. Còn nhà thì chẳng còn nhà đâu mà đã, họa chẳng đã cô Quỳnh Như... Nhưng chẳng hay cô có... đưa chàng lòng dằng dặc buồn không?"  
Chàng ngẫm nghĩ một lát rồi quả quyết đứng dậy, dáng bộ hùng dũng. "Phải đi, phải đi ngay!"  
Tiếng gà gáy ran nghe như tiếng giục quân.

Quên hẳn rằng mình đương ở đâu, Phạm Thái cất tiếng ca đồng dặc:  
Bóng cờ tiể nng trống xa xa.  
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

Nghiên mực và quản bút vẫn còn để trên một tủ trè. Chàng tìm giấy không thấy, liền xé nửa mảnh hoa tiên không có chữ và viết mấy câu sau này:  
"Xin kính chào tướng công cùng phu nhân.  
Vì có việc khẩn cấp phải hấp tấp ra đi, nên không hp báí biệt, xin tướng công cùng phu nhân tha tội.  
Phổ Chiêu thiên sư báí bút."

Chàng đã toan thêm một câu chào cô Quỳnh Như và nàng Long Cơ, nhưng nghĩ kỹ thấy không tiện, chàng lại thôi.

Ra sân chàng ngửa mặt nhìn trời: Trời đầy sao lấp lánh, nên chàng trông cũng rõ lối đi Chàng sung sướng nghĩ đến anh em đồng chí nhất là Trần Quang ngọc, Lê Báo, Nhị nương mà chàng xa cách đã bao lâu, không biết tin tức ra sao. Chàng coi như vừa thoát được tai nạn gớm ghê hơn cả những tai nạn trong rừng gươm máu! "Trời ơi, mình mà chìm đắm vào bể tình, thì bao giờ báo đền được ơn vua, trả thù cho nhà, cho đảng?"  
Đến cổng, chàng đã tưởng cổng đóng, và phải trèo qua để vượt ra ngoài.  
Nhưng lạ thay, cánh cửa hé mở. Chàng vừa ra khỏi, quay đầu nhìn lại thì chẳng hiểu ai đã đóng sập lại rồi, hình như để bảo cho chàng hay rằng đừng do dự nữa.

Chàng còn bỡ ngỡ chưa biết tiến về phương nào. Bỗng bên bờ tre trong bóng tối có tiếng lạt sạt. Chàng định thần trở mắt nhìn kỹ, thấy một con ngựa, thảng yên cương đứng ngoạm lá tre. Giữa lúc ấy, một người ở trong nếp nhà tranh bên đường chạy ra hỏi:

- Có phải sư ông Phổ Chiêu đó không?

Phạm Thái kinh ngạc hỏi lại:

- Ai biết bàn tăng thế?

- Chúng tôi chờ thiên sư ở đây từ giờ Hợi, để dâng thiên sư con ngựa này, với cái roi này.

Người lạ mặt vừa nói vừa đưa cho Phạm Thái một cái tay nải nâu:

- Xin mời thiên sư khoác khăn gói vào vai, lên ngựa đi ngay cho, kéo trời sắp sáng rồi. Thiên sư không cần sang đò, cứ rêu bờ sông bên này đi chừng tờ mờ sáng thì ra tới đại lộ.

Phạm Thái càng kinh ngạc:

- Nhưng tôn ông là ai?

- Thiên sư không cần hỏi điều ấy. Mời thiên sư lên ngựa ngay đi cho.

Phạm Thái theo lời, khoác tay nải, nhảy phất lên yên, nói:

- Đa tạ tôn ông, tôn ông đã muốn giữ bí mật không cho bản tăng rõ tung tích thì bản tăng cũng chẳng biết làm thế nào, chỉ xin cầu Phật tổ phù hộ cho tôn ông mà thôi.
- Dứt lời, chàng ra roi, Vẳng theo sau lưng câu dặn với:
- Không cần phải trả lại ngựa. Các thứ nhu dụng đã có đủ cả trong gói.

Phạm Thái rẽ ngựa qua cánh đồng khô vừa gặt hái xong, còn lờm chờm những chân rạ, và theo ven bờ sông, trông phía Tây Nam thẳng tiến. Nắn tay nải, thấy có nhiều vật rắn và nặng, chàng đoán chắc đó là những nén bạc.

## Cảnh điều tàn

Hai trấn Sơn Nam Hạ, Sơn Nam Thượng, Phạm Thái đi qua đều yên tĩnh. Ở đó tuy bọn Lê thần cũng bắt phục và ngấm ngấm phản đối triều đình Tây Sơn, nhưng không lập thành đảng, thành hội như ở hai trấn Hải Dương và Kinh Bắc.

Vì thế, sự canh phòng đỡ nghiêm ngặt và ở các bến đò, sự hỏi tin bài cũng không đến nỗi ráo riết như trên miền Bắc: quý hồ những người qua sông đưa trình là đủ rồi, viên tuần giang không mấy khi bắt cạ chỉ cùng là hỏi vặn lai lịch cận kề.

Nhưng bắt đầu từ sông Hồng Hà thì sự qua lại đã khó khăn và Phạm Thái đã phải phòng bị cẩn thận. Tuy kẻ xuất gia được miễn tín bài, Phạm Thái cũng cố tìm lánh những đả lộ và không qua Bắc Thành. Chàng đi ngược mãi lên bến đò Trèm mới thuê thuyền sang ngang.

Dòng đã bốn hôm đường trường, Phạm Thái về tới hạt Từ Sơn. Chàng toan đi thẳng đến chùa Tiêu Sơn, vì chàng nóng lòng muốn gặp mặt Quang Ngọc ngay.

Nhưng khi xuống ngựa vào một cái quán nhỏ bên đường uống bát nước chè nóng giải khát, chàng được nghe bà hàng thuật câu truyện "ma hiện hồn tại chùa Tiêu Sơn," nên sợ hãi không dám tiến nữa.

Chàng cố giữ nét mặt thản nhiên. Một người bộ hành nhai trầu bồm bồm vừa hỏi người kể truyện:

- Thế bây giờ lính còn canh giữ chùa ấy không?
- Không... Nhưng ý chừng ông ở vùng Nam mới lên, hay ông...

Bà hàng toan nói đùa: "Hay ông là thám tử của triều đình" - thời ấy, nhất ở hạt Kinh Bắc, bọn thám tử của nhà Tây Sơn đông nhan nhản - nhưng ngừng ngay lại, lo lắng nhìn mọi người.

- Không, tôi ở Thăng Long mới tới.

Phạm Thái vờ phá lên cười, hỏi:

- Ngày nay làm gì còn Thăng Long?

Bấy giờ người hỏi chuyện mới kịp để ý đến nhà sư:

- Ấy tôi quen mồm rồi đấy, vả gọi là Bắc thành tôi cứ e lẫn với thành Kinh Bắc. Sư ông người vùng này?
- Không, tôi người vùng Nam.

Người đàn bà bán hàng nhanh nhẩu và muốn nói hết những điều mình biết, tuy đã định ninh rằng nhất định giữ gìn mồm miệng:

- Bạch sư ông, sư ông tu hành ở Nam thì sao không cứ ở Nam, lên đây làm gì? Ở đây các nhà sư bị bắt bớ, đòi hỏi khổ sở lắm... Rõ đã xuất gia tu hành mà chẳng được an thân - Đòi hỏi ở đâu? Mà đòi hỏi về việc gì vậy, bà hàng?

- Ấy chỉ câu truyện ma chùa Tiêu Sơn mà thôi thôi thế đấy. Quan phủ ngài không tin có ma, ngài nhất định cho rằng những con ma ấy chính là các nhà sư tu ở chùa Tiêu Sơn. Nam vô a di đà Phật! Vì ngài thấy từ ngày có ma hiện hồn thì sư cụ, sư ông chùa Tiêu Sơn biến mất...

Phạm Thái hoảng hốt:

- Biến mất?
- Vâng, bạch sư ông, biến mất. Mà nam vô a di đà Phật, chùa Tiêu Sơn làm gì nên tội nên vạ. Bà hàng ngừng lại, đưa mắt nhìn nhác nhìn quanh. Người Bắc thành mỉm cười:

- Bà cứ kể, chúng tôi đây không phải thám tử, thám tiếc gì đâu.  
Bà hàng còn ngần ngại, nhưng cái tính bép xép hay nói những điều mình biết bao giờ cũng thẳng  
nổi lòng lo sợ.

- Bạch sư ông, chẳng hay chùa Tiêu Sơn đã làm nên tội vạ gì, mà bị quan quân đem binh lính về  
triệt hạ. Lũy tre bị chặt hẳn nhụi, tường thờ bị phá, hào thờ bị lấp Đến những cây tháp dựng  
xương các sư tổ cũng bị phá đổ. Người ta đồn rằng quan phủ làm thế để trừ tiết giống ma quỷ,  
yêu quái. Nhưng trừ ma tà thì sao không đón thầy bùa, thầy phù thủy, mà lại phá chùa như thế,  
phải không bạch sư ông? CỒ nhẽ phép vua phép nước cũng linh thiêng lắm, sư ông ạ, từ hôm  
phá phách như thế, giống yêu quái bỏ đi hẳn. Không dám bén mảng tới chùa nữa.

Bà hàng hạ giọng se sẽ nói tiếp:

- Mà người ta lại đồn rằng chùa Tiêu Sơn là sào huyệt của một đảng cướp ghê gớm lắm.

Phạm Thái phá lên cười!

- Nam vô a di đà Phật!

- Vâng, tôi thấy bác cai Đán cũng nói thế. Hình như những cây Tháp trong chùa toàn là tháp giả  
để chứa vàng bạc, châu báu cướp được trong dân gian.

Nhưng điều ấy tôi không tin. Kỳ dăng sao năm ngoái, tôi về Tiêu Sơn lễ Phật có gặp sư cụ PHỔ  
Tĩnh. Lạ trời lạ tổ, ngài phúc đức, hiền lành lắm. Khi nào ngài lại Phạm Thái ngắt lời:

- Vậy bây giờ ngài ở đâu? Chắc ngài sợ hãi đi trốn tránh, đi lánh nạn.

Phạm Thái không giữ nổi một tiếng thờ dài. Người Bắc thành quay lại hỏi chàng:

- Hẳn thiền sư có biết sư cụ chùa Tiêu Sơn?

Phạm Thái hơi luống cuống:

- Không... bàn tăng... biết tiếng... mà thôi... Nhưng rồi ra sao, bà hàng?

- Bạch sư ông, tôi cũng chỉ biết có thế. Sư ông muốn biết rõ thêm thì xin lại điếm xem giấy yết thị.

- Điếm ở đâu thế?

- Cách đây một thôi ngắn. Bắt đầu từ đây cho tới sông Cầu, cứ một quãng lại có điếm canh.

Người Bắc thành nghe nói vội vàng trả tiền trâu nước, rồi đứng dậy rủ Phạm Thái:

- Hay ta cùng đến xem đi?

Phạm Thái ngần ngại. Bà hàng cũng gạt:

- Sư ông chẳng nên lại làm gì. Tôi thấy nhiều nhà sư bị đưa đến phủ tra hỏi rày rà lắm.

Bà ta chép miệng nói tiếp:

- Vua với quan trên biết đây là đâu, chẳng qua họ cứ bày vẽ ra để hạch sách... chứ đời thừa nào  
lại đi bắt bớ kẻ tu hành như thế.

Người Bắc thành cũng bảo Phạm Thái:

- Bà ta nói thế mà phải! Ngay, gian chưa biết đâu, hãy bị tra hỏi lời thôi đã.

Mà tra hỏi với tra tấn thường hay đi liền nhau, sư ông nên giữ gìn thì vẫn hơn.

Chàng ta lấy làm tự phụ rằng tìm được một ý hay vuốt ria cười ha hả ra dáng thích chí lắm:

- Vậy sư ông ngồi đây một lát nhé?

- Vâng, cũng được. Ngựa của bàn tăng, tôn ông cứ lấy mà dùng.

- Ngựa của thiền sư đây à?Ồ! Thế thì càng hay lắm.

Chàng nhẩy phất lên yên, ra roi phóng nước đại. Bà hàng nhìn Phạm Thái hỏi:

- Sư ông quen biết ông ta?

- Không.

- Vậy sao ông lại cho người ta mượn ngựa? Nhỡ người ta không trở lại thì sao? Thời loạn lạc  
trộm cướp như rươi, sao sư ông quá tin người thế?

- Kẻ tu hành không dám ngờ ai hết.

Thực ra Phạm Thái liếc mắt ngắm nghía người bộ hành, biết chàng ta là bực phong lưu công tử,  
y phục chải chuốt và chững chạc, cái khăn nhiễu tam giang, cái áo lương La-cả, cái quần vóc  
trắng ngà làm tôn hẳn vẻ mặt tuấn tú và giáng điệu đài các của một văn nhân lạnh lợi chốn cố đô.

Vả Phạm Thái cho rằng con ngựa kia chàng đã dùng được việc rồi thì dẫu người ta có lấy mất cũng chẳng hề gì. Cưỡi nó có lẽ một thiền sư càng làm cho người ta ngờ vực.

Cái ý nghĩ ngờ vực khiến chàng hơi chột dạ. Chàng thì thầm: "Ừ, mà nhớ nó dùng ngựa của mình đi báo phủ..." Chàng toan rời hàng nước rẽ vào một làng gần đó trốn tránh thì đã nghe tiếng ngựa phi. Chàng thò cổ ra nhìn, lo lắng. Nhưng người Bắc thành đã kìm cương, cười nói:

- Con ngựa của thiền sư tốt quá. Ý chừng thiền sư cũng thích chơi ngựa.  
- Nam vô a di đà Phật! Bàn tăng có thích một thứ gì đâu. Con ngựa ấy nguyên một người ở xã Thanh Nê đã bố thí cho kẻ tu hành.

Người kia vuốt ve con ngựa.

- Tốt lắm. Con ngựa này thật giống ngựa Lạng Sơn: chân nhỏ, bờm dày, ức nở. Thực là ngựa trện, một ngày chạy trăm dặm không biết mỏi.

Phạm Thái hỏi tới bản chỉ thị, thì người kia thò tay vào bọc rút ra một tờ giấy rộng và cuộn tròn, đầy những dấu ấn kiểm đồ chói:

- Đây, thiền sư đọc.

Phạm Thái đỡ lấy xem thì đó là một tờ yết thị bằng chữ nôm như sau này:

"Chùa Tiêu Sơn là một nơi sào huyệt của một đảng cướp lớn. Quan trên đã khám phá ra được. Hiện nay tên đầu đảng cướp là Phạm Thái đội đạo hiệu Phổ T nh thiền sư cùng tên tướng của nó là Lê Báo đội hiệu Phổ Mịch còn lẫn lút trốn tránh. Hai tên ấy, dân vùng Tiêu Sơn nhiều người biết mặt. Vậy yết thị cho ai nấy rõ. Kẻ nào tàng nặc hai tên ấy tức có đồng phạm. Kẻ nào biết hai tên ấy ở đâu mà không báo quan ngay để chúng trốn thoát bị phạt ba mươi trượng. Còn kẻ nào bắt được hai tên ấy đem nộp, dù sống dù chết, được triều đình thưởng tiền từ một nghìn quan trở lên, mà triều đình lại còn ban phẩm hàm cho nữa.

Nay yết thị

Từ Sơn phủ phân tri

Niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ sáu

Tháng mười ngày..."

Dưới có bản tranh phác họa diện mạo hai nhà sư. Nét bút vụng về và bức vẽ không giống làm cho Phạm Thái phải bật cười.

Người Bắc thành cũng cười, hỏi:

- Thiền sư đọc xong rồi?

- Vâng, nhưng sao tiên sinh lại dám bóc tờ yết thị?

- Ấy, tôi thấy trong điểm chẳng có một ai, liền bóc lấy cho chóng việc, chứ chép thì bao giờ xong, nhất tờ yết thị lại viết bằng chữ nôm.

Mắt người ấy vẫn không rời con ngựa.

- Đẹp thực!

- Ngài thích?

- Còn phải hỏi!

- Vậy bàn tăng để lại hầu ngài đấy.

Người kia vui vẻ đáp:

- Thực nhé? Thôi thế này. Sáng hôm nay tôi cũng cười ngựa sang đây. Khi đến quán Yên Viên, nó giờ chúng không chỉ phi nữa, ra roi thế nào cũng làm thỉnh Tôi tức mình để lại cho người lái buôn ngựa, lấy có bốn mươi quan. Vậy bốn mươi quan ấy tôi xin nộp thiền sư.

Phạm Thái đáp:

- Bao nhiêu cũng được.

- Thế thì còn gì bằng. Vậy xin thiền sư cùng đi Yên viên chơi. Rồi sáng mai ta cùng về Thăng Long... Ta cùng đi Bắc thành một thể thiền sư tính sao?

Phạm Thái vui mừng nhận lời ngay, vì chàng đương chưa biết đi đâu.

## Quán Bạch Phượng

Đã mấy hôm nay trong khắp các phố Bắc thành bày ra một cảnh rất náo nhiệt.

Vì kỳ thi tuyển cống sinh sắp sửa bắt đầu nên hàng nghìn sĩ tử Bắc Hà vác lều chiếu từ các trấn xa gần kéo nhau về, lăm le tên chiếm bảng vàng rồng mây gặp hội.

Ở các cửa ô, từng bọn thí sinh áo lương khăn nhiều, đầu đội nón sơn, chân dận dép da trâu, xúm xít đọc tờ chiếu chỉ dán trên thành tường. Tờ chiếu ấy viết bằng chữ nôm như sau này:

Sự kén chọn nhân tài rất có quan hệ đến sự thịnh hưng của một nước.

Từ khi Trẫm lên nối ngôi trời trị dân, không một lúc nào Trẫm sao nhãng điều ấy Trẫm mong mỗi tìm bậc hiền sĩ giúp nước như người làm ruộng mong mỗi trời mưa giữa thời hạn hán.

Vì thế theo gương Tiên đế, nay Trẫm mở kỳ thi cống sĩ để các sĩ tử trong nước có dịp cùng nhau thi thố tài năng.

Trẫm lại nghĩ một nơi để đỗ không đủ chỗ cho sĩ tử khắp nước đến hội họp. Vả những kẻ ngoài Bắc hà phải lặn lội vào hnh đô, e đường xá xa xôi, nhất là đối với những người nghèo khó, phải lo kiếm tiền lộ phí để đi thi.

Bởi những lẽ trên, Trẫm đặt kỳ thi cống sĩ ở ba nơi, một là hnh đô, một là Quy Nhơn, một là Bắc thành. Như thế người hạt nào được thi ở hạt nấy, thực là giản tiện. Rồi kẻ nào đậu cống sĩ sang năm vào Kinh đô dự kỳ thi bác sĩ.

Ở trường thi Bắc thành việc kén chọn nhân tài, Trẫm giao cho đại tự đồ Nguyễn Văn Danh cùng với Thị Trung Ngự Sử Ngô Thi Nhậm được tùy nghi.

Khâm thử Niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ sáu.

Bên cạnh tờ chiếu chỉ lại có một tờ yết thị cũng bằng chữ nôm của hội đồng chấm thi như dưới:

Thừa lệnh Hoàng đế, quan chánh chủ khảo yết thị cho các thí sinh biết rằng:

Có ba kỳ thi:

Kỳ đệ nhất: một bài giải nghĩa cùng bàn luận một câu tục ngữ hay ca dao viết bằng chữ nôm.

Kỳ đệ nhị: một bài luận Nam sử cũng bằng chữ nôm.

Kỳ đệ tam: một bài thơ chữ nôm, hoặc chữ Hán, một bài phú chữ nôm hoặc chữ Hán.

Đúng giờ Dần, các thí sinh đã phải có mặt ở trường thi, ai nấy phải mang theo lều chiếu cùng là bút mực giấy vở.

Kẻ nào gian trá sẽ bị tội nặng.

Nay yết thị

Quan chánh chủ khảo:

Ngô Thi Trung Ngự sử đại thân

Ở cửa ô Ưu nghĩa, khi đọc xong tờ chiếu chỉ và tờ yết thị, một bọn học trò đủ các tuổi, từ mười tám đến ngoài năm mươi, đưa mắt nhìn nhau tỏ vẻ hoặc kinh ngạc, hoặc chế riếu. Một người đã đứng tuổi nói:

- Năm xưa, đức Tiên đế mở khoa thi. Tôi phải lặn lội vào tận Phú Xuân, thế mà tôi còn bỏ không thi, nữa là năm nay ở ngay Bắc thành.

Một thầy khoá đùa bốn hỏi:

- Sao vậy?

- Tôi học đạo thánh hiền, dày công đèn sách, nấu sử sôi kinh, lại thêm làm những bài nôm na mách qué hay sao?

Dứt lời đồng đồ vút giấy bút xuống đất, giận dữ quay đi thẳng, khiến mọi người phá lên cười.

Rồi họ xôn xao bàn tán. Kẻ phàn nàn chưa họ Nam Sử, kẻ lo ngại quên mặt chữ Nôm. Lại có kẻ hỏi:

- Không biết làm phú nôm thì làm sao?

Một người đáp:

- Khó gì! lại hàng sách mua lấy một quyển phú nôm, văn sách nôm của cụ Le Quý Đôn mà xem. Nhân tiện học lại chữ nôm một thể.

Một người nữa mỉa mai:



- Thi với cử! Chán ngắt! Văn nôm thì là phải nặng mùi, tờ yết thị dán ở cửa ô Ưu Nghĩa, phố hàng Mắm thực là đặc nghị.

Một thí sinh có tuổi vừa nhìn trước nhìn sau, vừa bảo người kia:

- Liệu giữ mồm miệng!

Rồi, từng tốp kéo đi các ngã.

Một bọn năm người rủ nhau ra chơi đèn Ngọc Sơn. Nhưng vừa qua cầu Sầm Công và rẽ sang phố hàng Bạc, các thầy khoá gặp một thiếu nữ gương mặt sáng sủa đứng ở hè phố dương mắt nhìn và mỉm mỉm cười tình. Một người trong bọn bảo anh em:

- Nghe nói con gái, Bắc thành ghê gớm lắm kia đấy! Chớ có trêu vào. Nên lảng xa ra là thượng sách.

Nhưng người thiếu nữ nào có để cho các thầy lảng xa! Nàng tiến đến gần hỏi:

- Thưa các thầy, em coi như các thầy đang đi tìm nhà trọ?

- Có thể. Chùng cô là chủ hàng cơm?

- Thưa các thầy không. Em người Kinh Bắc, nhân gặp kỳ thi, về đây bán hàng trà nước.

Một thí sinh trẻ tuổi đã bạo, phá lên cười ha hả:

- Chùng để kén chồng, để tuyển phu?

- Thưa không ạ, em chỉ bán hàng để kiếm ăn. Em nghèo lắm, thuê một gian xép ở ỉu quán kia. Chủ tửu quán bảo hễ em đón được năm người khách trọ thì họ cho em ở nhờ không lấy tiền thuê. Vì thế em gặp năm thầy em mừng quá. Vậy xin năm thầy thương em nghèo mà đến đây ở trọ giùm.

- Đây là đâu?

- Thưa năm thầy, quán Bạch Phượng ở phố Cầu Gỗ.

Năm người đưa mắt nhìn nhau. Rồi người trẻ tuổi nói:

- Được, cô cứ về trước đi lát nữa chúng tôi đến.

- Tiện đường, em xin đưa các thầy về một thể.

- Nhưng lều, chiếu, tráp, nải, chúng tôi gửi cả đàng kia.

- Các thầy không ngại, để ở đâu rồi em xin đến lấy sau.

Chẳng dưng được, năm thầy khoá phải theo cô kia rẽ sang phố hàng Đào rồi đến phố Cầu Gỗ.

Từ quán Bạch Phượng dựng ngay cạnh cái lạch nhỏ thông liền hồ Hoàn Kiếm với cái hồ nhỏ hàng Bạc. Trên lạch cái cầu hồ bắt ngang, (vì thế mà người ta đặt tên là Cầu gỗ). Đó là một nếp nhà gạch khá rộng, có gác, tuy gác ấy thấp và không có cửa sổ trông ra phía đường, chỉ giống như cái mái chông của một kiểu nhà hai mái, dốc sây thành bậc.

Từ quán ấy nguyên trước là nhà một người buôn lợn, khá giàu. Một hôm vợ lẽ chủ nhân đứng cửa ngắm phố. Bỗng hai viên vệ binh qua đó thấy nàng có chút nhan sắc, bèn thả lời trêu ghẹo. Cô vợ lẽ vốn người quê trấn Hải Dương mới theo chồng đến ở Bắc thành, nên chưa rõ oai oác các ông vệ binh xứ Nghệ. Nàng giở hết giọng chua ngoa tục bần ra đáp lại lời ngọt ngào của hai thầy vệ. Người chồng nghe tiếng ầm ĩ ở cửa chạy ra, thấy hai ông lính thì giật mình kinh hãi, nhưng đã quá muộn rồi. Chiều hôm ấy, gần một trăm vệ binh kéo đến nhà người buôn lợn phá phách, bắt hết lợn làm thịt. May mà vợ chồng con cái chủ nhà biết trước đã đi trốn tránh. Rồi sau họ dọn luôn đi ở nơi khác.

Nhưng nào bọn vệ binh đã thôi đâu. Chiều chiều họ còn kéo nhau đi lợn qua cái nhà bỏ hoang để thị uy. Kẻ cười khoái chí, kẻ thét bô bô:

- Đã biết tay chúng ông chưa?

Một người khác lại tiếp:

- Phải biết! Ai bảo trêu vào lính nà vua! Trêu vào lính quan tổng trấn!

Hôm đầu cũng có người lảng giềng thương tình ra xin các thầy vệ cho gia đình bác buôn lợn. Nhưng người khéo hững việc ấy bị một quả đấm nên thân. Từ đó không ai dám hé môi nói nữa lời, mặc cho nếp nhà kia bị khóa trái không người ở.

Vì ai dại mà đến thuê một cái nhà nguy hiểm như thế, nhất là khắp phố Cầu gỗ đều đã nghe rõ lời dọa nạt của các ông mãnh, lính hầu quan tổng trấn:

"Đưa nào có giỏi cứ đến đây mà ở!"

Hai tháng rông, nhà người buôn lợn vẫn đóng cửa im ỉm. Bỗng một hôm có người khách lạ đến thuê. Hai bên hàng phố khúc khích cười khi nghe người ấy hỏi thăm xem chủ nhà ở đâu. Họ thi nhau thuật lại những chuyện chẳng lành đã xảy ra, rồi khuyên người kia chớ nên trêu vào lính quan trấn thủ. Nhưng người khách lạ không tỏ vẻ mặt cảm động mảy may, hỏi đi hỏi lại chỗ ở của chủ nhà để đến thuê, và nói nếu chủ nhà bán rẻ thì mua đứt.

Thấy vậy một người lảng giềng nguyên có họ với bác buôn lợn mừng rỡ, đứng ra nhận bán cho người khác lạ lấy nghìn quan tiền, rồi làm văn tự liền lấy chữ ký của chủ nhà. Người khách chừng là một tay đại phú, vì trả ngay một lúc năm mươi nén bạc, mà cũng chẳng cần phải có hộ trưởng ký nhận cùng áp triện.

Ngay mấy hôm sau nhà người buôn lợn đã trở nên một hàng cơm, ngoài cửa treo một giải cờ dài nhuộm đỏ có viết bốn chữ lớn "Bạch Phượng tửu quán".

Từ hôm khánh thành tửu quán, suốt phố người nào cũng ngó tới cái hà ghê gớm kia, mà bọn lính quan tổng trấn đã ra lệnh không cho ai được phép ở. Ngó tới để xem cuộc xung đột dữ dội đến bậc nào.

Quả nhiên cách đó vài ngày, năm người vệ binh đi qua phố Cầu gỗ. Thấy cái nhà bị cấm đã nghiễm nhiên trở nên một tửu quán, họ thì thầm bảo nhau:

- Thằng cha nào mà già gan thế?

- Ta thử vào xem sao.

Năm cậu vệ vừa bước chân qua ngưỡng cửa thì chủ quán ở trong nhà đã bước vội ra chấp tay lễ phép chào, rồi vồn vã hỏi:

- Thưa các thầy, có phải các thầy là vệ binh trong dinh quan tổng trấn không?

Một người lính xưng xộ đáp:

- Phải, anh muốn nói vệ binh của quan tổng trấn điều gì?

Chủ quán lại vái dài một cái nữa, rồi mừng rỡ cuống quýt:

- Ô, thế thì may cho chúng tôi quá, chúng tôi đang sắp sửa vào trong dinh mời các thầy ra chúng kiến cho bữa tiệc khánh thành tửu quán, thì các thầy lại quá bộ đến thăm. Thực là hân hạnh cho chúng tôi quá. Chúng tôi chẳng nói giấu gì các thầy, trước kia chúng tôi là vệ binh trong hai năm ở dinh quan trấn thủ Lạng Sơn.

Chỗ đồng nghiệp...

Rồi trong khi mấy người lính còn ngơ ngác nhìn nhau chưa biết xử trí ra sao, thì chủ quán đã cất tiếng gọi:

- Em Hai!

Có tiếng dạ trong trẻo, rồi một người con gái rất xinh xắn, nhanh nhẹn, y phục gọn ghẽ, từ nhà trong chạy vội ra.

- Thưa anh, anh bảo gì em?

Mấy cậu vệ trở mắt nhìn, tấm tắc khen thắm.

- Có các thầy cai ở trong dinh quan tổng trấn ra chơi, vậy em sắp rượu mời các thầy xơi. Dứt lời, chủ quán chạy xuống bếp bảo làm nhắm, để một mình cô em gái đứng tiếp chuyện với các cậu vệ. Giữ thể diện với một cô thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp, các cậu cảm tạ và nhất định từ chối không nhận lời dự tiệc một cách quá đường đột.

Nhưng các cậu làm thân ngay với chủ quán, người đã được diễm phúc có một cô em gái rất dễ thương. Và chẳng bao lâu, hết thấy bọn vệ binh trong dinh quan tổng trấn, từ đội, cai cho đến lính, không còn ai thèm nhớ đến câu chuyện phá phách và thù oán nữa.

Thế là Bạch Phượng từ quán bắt đầu vào thời kỳ thịnh đạt ngay. Nay gặp kỳ thi công sĩ, khách trọ đến càng đông, đông như trong động Hương Tích gặp ngày chảy hội vậy.

## Cô hang trầu nước

- Thừa năm thầy đến nơi rồi.

Một ông trẻ tuổi nhất và láu lỉnh nhất trong bọn, mím một nụ cười tình đáp lại:

- Thừa cô em, chúng tôi cũng biết là đến nơi rồi, vì chúng tôi đã trông thấy lá cờ đỏ "Bạch Phượng từ quán" đương phe phất đón chào chúng tôi kia.

Người thiếu nữ quay lại về mặt rất ngây thơ?

- Ô! Thầy cũng biết chứ?

Cả năm thầy khoá cùng cất tiếng cười ha ha:

- Cô em ngộ nghĩnh tẹo? Đi thi công sĩ mà lại không biết chữ!

- Ô nhỉ! Nhưng em cứ tưởng là thi chữ nôm kia chứ?

- Cả chữ Hán nữa.

- Cả chữ Hán nữa? Thì ra Nôm Hán toàn tài!

Mọi người lại phá lên cười. Một thí sinh thì thào bảo bạn:

- Con bé hay hay nhỉ?

Con bé hay hay đã đưa các thầy vào hàng và cất tiếng gọi:

- Ông quán ơi, có khác trọ.

Tức thì chạy ra một người cao lớn, lực lưỡng, vận quần áo nâu, chân đi giầy da trâu, đầu mọc lởm chởm chít chéo cái khăn lụa màu hoa tiên. Người ấy hớn hờ:

- Kính chào chư hiền. Xin mời chư hiền vào nghỉ trong nhà. Quán chúng tôi được tiếp chư hiền thực là hân hạnh, hân hạnh cho quán chúng tôi lắm.

Thiếu nữ bảo chủ quán:

- Tôi đón hộ ông đủ số năm ngài khách trọ rồi đấy. Vậy tiền thuê cửa hàng trầu nước, ông liệu chằm chước cho.

Nhưng không để ý đến thiếu nữ, chủ quán cuống quýt, săn sóc chung quanh năm người khách quý vì cứ liếc trông diện mạo sáng sủa và y phục chững chạc, chủ quán cũng đoán biết rằng bọn kia là con nhà thể phệ:

- Thừa chư tôn ông, chư tôn ông chừng người Kinh Bắc?

Thật ra, chủ quán rất thông minh, thoát nghe má mẩu truyện của năm thầy khóa đã biết các thầy vùng bể, như vờ hỏi chệch đi, làm ra mình ngớ ngẩn thực thà không lưu tâm đến một việc gì hết. ở thời loạn, ở thời vua tôi không thực bụng yêu nhau, thì sự ngờ nghếch ngây thơ là một nét rất tốt, vì ít ra nó cũng tránh cho mình được sự ngờ vực của bọn thám tử. Phải, biết đâu trong năm thầy lại không có một thầy là thân nhân của quan tổng trấn Võ Văn Dũng. Khắp Bắc thành còn nao núng về câu truyện xử tử một người học trò, vì người ấy trong lúc ngà ngà hơi men đã đọc cho bạn nghe bài thơ cảm khoái, có giọng mỉa mai bọn tôi triều đình Tây Sơn là một bầy con nít, năm cha, ba mẹ. Việc ấy chắc chủ quán chưa quên, nên nay gặp mấy ông khóa trẻ tuổi kia, chàng giả vờ đóng vai đàn độn. Nhưng một người trong bọn nghe câu hỏi thẳng thắn trả lời ngay:

- Không, chúng tôi sinh trưởng ở vùng Sơn Nam hạ cả. Tôi người Xuân Trường.

- Thừa chư tôn, có ai người phủ Kiến Xương không?

- Có, tôi, Người vừa trả lời tức là thầy trẻ tuổi đã có chiều muốn lợi là với cô hàng trầu nước.

- Vậy chắc tôn ông có biết tiếng quan Thanh Xuyên hầu?

Chủ quán hơi cuống:

- À! Tôi biết tiếng... vì ngài là trấn thủ Lạng Sơn.

Rồi lảng sang chuyện khác, chàng cất tiếng gọi:

- Bớ từu bảo?

Mấy thầy khóa khúc khích bấm nhau, thì thầm:

- Chà! Lão quán này có lẽ là một tay văn sĩ chẳng? Gọi người hầu rượu là tửu bảo, tửu biếc cẩn thận.

Nghe gọi, một người trẻ tuổi chạy ra. Gương mặt chàng sáng sủa, điệu bộ chàng nhanh nhẹn, khiến ai thoạt trông cũng thấy chàng khác bọn hầu hạ trong các tửu quán xưa nay:

- Dạ, bác truyền con làm việc gì?

- Anh đi sắp rượu ngay hầu năm ông cống xơi nhé.

Một người khách cười:

- Chúng tôi đã thi đâu mà ông đã vội tôn chúng tôi lên cống sĩ, bác sĩ?

- Thừa chư tôn, chư tôn đã thi thế nào cũng đậu. Trước sau có khác gì?

Cô hàng trà nước quay lại nhìn các thí sinh và mỉm cười rất có duyên:

- Xin mời chư vị hãy lại xơi chén nước chè nóng cho ấm bụng đã.

Một thầy khóa gật, cười tinh đáp lại:

- Phải đấy, chư tôn huynh ạ. Chúng ta chẳng nên để cô hàng mong đợi. Phải không, ông quán?

Chủ quán cười nịnh:

- Vâng. Nghe đâu cô hàng cũng là một nữ thi sĩ ở vùng Kinh Bắc mới tới kia đấy. Có thể hầu chuyện văn thơ chư tôn được.

Cô hàng chau mày:

- Ông cứ chế riếu làm gì thế? Chúng tôi nữ nhi nan hóa dám đâu học thói múa diu qua mắt thợ.

Khách văn nhân đưa mắt nhìn nhau, có ý gờm gờm, thì cô hàng lại nói tiếp:

- Thừa chư quý vị, ban nãy chư quý vị nói gửi lều chiếu cùng hành lý ở đâu để em xin đi lấy về.

- Thôi chớ dám phiền cô.

Chủ quán đứng lên đỡ lời:

- Để tôi sai người đi ngay. Xin chư tôn cho vài chữ. Vậy ở đâu ạ?

Một thí sinh đáp:

- Ở nhà ông cử Lan, phố... à cửa ô Ưu Nghĩa.

Cô hàng thấy ông đồ tránh cái tên phố hàng Mắm thì quay đi mỉm cười.

Còn chủ quán vô tình nói luôn:

- À, ông cử Lan ở phố hàng Mắm, tôi biết. Vậy xin cho cánh thiếp, tôi bảo người nhà đi ngay.

Trong khi các thầy khoa ngồi ở phản hàng nước viết thiếp, thì chủ quán mang đến một quyển sổ lớn mà rằng:

- Chúng tôi có một điều muốn thưa cùng chư tôn. Ít lâu nay vì có quân gian phi lẫn quất trong thành làm điều phi pháp, nên đối với việc tuần phòng, quan tổng trấn rất nghiêm ngặt. Ngài có ra lệnh rằng các tửu quán đều phải có một bạ nhật ký để khách viển phương đến trọ khai tên, tuổi, quê quán vào đấy... Chúng tôi cũng biết làm như thế là phạm đến danh dự của chư tôn, nhưng chư tôn cũng lượng xét cho, nếu chúng tôi không tuân thượng lệnh thì tất phải tội với triều đình...

Thấy chủ quán nói năng lễ phép, một người vội ngắt lời:

- Có gì mà phạm tới danh dự chúng tôi được. Giữ trật tự ở một nơi đô hội rộng rãi, đông đúc như Bắc thành thì cố nhiên phải cẩn mật.

Vừa nói vừa đỡ lấy quyển bạ để viết. Tên tuổi năm người là:

Nguyễn Thanh, hai mươi ba tuổi, Nguyễn Ban, hai mươi một tuổi, hai anh em, người làng Hành Thiện, phủ Xuân Trường; Đỗ đắc Thắng hai mươi hai tuổi, Đỗ đắc Tiến, hai mươi tuổi, cũng hai anh em, người làng La Ngạn, phủ Nghĩa Hưng. Còn người thứ năm là Trịnh Nhị, hai mươi một tuổi, người xã Thanh Nê, phủ Kiến Xương.

Xong việc sổ sách, chủ quán xin thiếp đi lấy hành lý, rồi kính cẩn vái chào, để năm nhà văn ngồi lại mà lả lơi trên gẹo cô hàng trà nước. Trịnh Nhị con nhà giàu sang, vốn đã thạo khoa tán gái, nhập cuộc ngay bằng một câu khoe khoang với cô hàng:

- Cụ lớn tôi cứ bắt tôi phải đưa vài ba tên tiểu đồng đi cấp tráp, xách điếu theo hầu, nhưng tôi ưa giản dị, nên chỉ đem có một đũa vác liều chiếu. Vả đi đến đâu là nhà ở đấy, phải không cô hàng?

Cô hàng mỉm cười:

- Vâng tôn ông dạy rất phải.

Trịnh Nhị thích chí cười hé hé, nói tiếp:

- Lúc đã vừa ý thì lọ là phải có kẻ hầu, người hạ, thêm bận chân!

- Vậy anh người nhà của tôn ông ý chừng ở đằng cửa ô Ưu nghĩa?

- Phải, nó nhận được thiệp của tôi thế nào cũng theo bác chủ quán, mang hành lý lại đây Đàng ấy là chỗ bà con. Nhưng tôi đã nói, đối với nam nhi, đối với thi nhân mặc khách như anh em chúng tôi, thì mình ở đâu là nhà mình đó, phải không quý nương? Như gian hàng nhỏ của cô nương đây tuy hẹp, nhưng lúc chúng tôi thích thì tức là lâu đài nguy nga của chúng tôi đó. Vì khách làng văn như chúng tôi, sự nguy nga không ở cửa cao, nhà rộng, mà chỉ ở một chén rượu nồng, một câu thơ hay, một lời nói có duyên, một bông hoa thơm hé nở.

Vừa nói chàng vừa liếc cô hàng một cách rất tinh tứ, khiến bốn người bạn phải lấy làm khó chịu, vì họ chỉ sợ sẽ mắc lõm với cô hàng có cặp mắt long lanh, sắc sảo và cái miệng luôn luôn nở một nụ cười bí mật.

Quả họ đoán không sai: cô hàng rót năm chén nước chè mạn sen thơm ngát đặt trong cái khay khảm, rồi bưng lại sập mà nói rằng:

- Chả mấy khi tề điểm lại được chu hiền chiếu minh, thực đại hạnh, đại hạnh.

Nay nhân hàng vừa mở, vậy tiện nữ xinh Trịnh công tử ra ân ban cho một đôi câu đối treo cửa.

Trịnh Nhị vui sướng:

- Sao quý nương biết tên tôi, mà lại gọi tôi là công tử?

- Dạ, ban nãy tiện nữ có trộm nhìn cánh thiệp của công tử.

Nguyễn Thanh vốn biết sức học kém cỏi của Trịnh Nhị và sợ lỡ chàng giở hết cái dốt của chàng ra, thì thực cả bọn bị xấy lây với cô hàng, nên đỡ lời ngay:

- Làm câu đối là một việc rất tầm thường quý nương chẳng cần phiền đến tài cao của Trịnh đại huynh xin để tôi cáng đáng.

Ở hai cái cột có treo sẵn đôi liễn con phượng chưa viết chữ. Cô hàng bắc ghế lấy xuống mà nói rằng:

- Thừa chư tôn, ban nãy Trịnh công tử đã làm xong một vế rồi, chỉ còn một vế nữa thôi.

Trịnh Nhị hoảng hốt:

- Xong một vế? Tôi làm xong một vế rồi?

- Vâng, vế ấy tiện nữ đã ghi vào mảnh giấy, đây xin trình chư tôn.

Đỗ Đắc Thắng đỡ lấy tờ giấy hao tiên của cô hàng trong có hàng chữ thật tốt:

"Một chén rượu nồng, một câu thơ hay, một lời nói có duyên, một bông hoa thơm hé nở".

Nghe bạn đọc, Trịnh Nhị vỗ tay cười, tự phụ:

- Vế câu đối của tôi.

- Vâng, của công tử. Cho hay các văn nhân thi sĩ có đại tài vẫn thế, làm văn làm thơ mà không biết rằng mình làm văn, làm thơ.

Năm người cùng lo lắng, ngẫm nghĩ Cô hàng lại nói tiếp:

- Thừa chư tôn, kể về câu đối ấy mà treo ở trà điểm của tiện nữ thì cũng xứng đáng Nhưng tiện nữ xin phép Trịnh công tử đổi hai chữ cho được đúng hơn vì ban nãy, chẳng qua công tử buột miệng mà nói thành văn, chứ công tử có kịp suy nghĩ tới tiện nữ đâu.

Nói đến đây, cô hàng đưa một cái liếc mắt rất kín đáo.

- Đổi hai chữ nào, quý nương?

- Thừa công tử, hai chữ "rượu nồng" ra hai chữ "trà đượm".

Rồi nàng lại đọc:

"Một chén trà đượm, một câu thơ hay, một lời nói có duyên, một bông hoa thơm hé nở".

Cả năm ông công tử tương lai cùng tấm tắc khen:

- Hay! Hay lắm! "Một chén trà đượm, một câu thơ hay, một lời nói có duyên, một bông hoa hé nở", câu ấy thực đáng treo ở cửa hàng trà nước của một cô nữ văn sĩ.

Cô hàng bẽn lẽn cuối đầu. Nhưng cô hiểu rằng không nên làm cho các thầy khóa thất vọng. Cô bèn nói té tát để chữa thẹn cho các thầy:

- Thừa chừ tôn, trong thơ, đối chọi là một sự tầm thường, những bậc tài lỗi lạc không thèm để ý tới. Trịnh công tử cho một vẻ như thế cũng đủ nghĩa lắm rồi. Đủ nghĩa thì thôi, còn tìm một vẻ nữa làm gì. Vậy xin Trịnh công tử hạ cố cho tiện nữ được ngắm tài của Vương hi Chi tiên sinh đời nay.

Nghe cô hàng nói, các thầy mướn mò hôi, Khóa Nguyễn Thanh lại phải đảm nhận việc viết liễn, vì chàng biết rằng chữ Trịnh Nhị xấu như gà bới. Vả bốn ông khóa nghe đầu đều ỷ vào lưng Trịnh Nhị mà chơi bời phung phí, nên phải luôn chống đỡ, che chở cho chàng.

Viết xong về câu đối với giòng lạc khoản "Trịnh Nhị, Thanh Nê mặc khác đề, Nguyễn Thanh chùng biết cô hàng là gái chẳng vừa, liền bấm bàn bẻ cáo lui vào trong quán nghỉ ngơi.

Cô hàng khúc khích cười, treo đôi liễn lên cột lăm lăm nói:

- Một bên đã có chữ. Còn một bên... hãy để đấy.

## Chủ quán

Đêm hôm ấy, khi các khác trọ đều đã yên giấc, khi trống, mõ và chiêng, kiểng ở trong thành đã điểm canh ba, chủ quán mới nghĩ đến đi ngủ. Chàng ôm sổ sách lên gác, một từng thấp đến nỗi một người tầm thước có thể đứng giơ tay lên với chạm mái được.

Vấn tưởng chàng đem sổ sách lên để tính toán các món chi tiêu trong một ngày. Nhưng không, chàng vút bẻ bộn hết cả giấy má trên mặt một cái rương lớn, bên cạnh cây đèn dầu lạc, ngọn cháy lù mù, rồi cúi xuống một góc phòng khẽ lật ván lên kéo ra một tờ giấy lớn bôi vải và cuộn tròn. Chẳng biết nghĩ sao chàng lại đẩy ván lại, rồi rón rén bước xuống nhà.

Trong các buồng, khách trọ đông ních, tiếng ngáy đủ giọng cao thấp.

Chủ quán soát lại một lượt, từ phòng khách đặc biệt dành riêng cho các thí sinh giàu có, sang trọng, trong số đó có bọn Trịnh Nhị, cho chí những phòng trống trải ở nhà ngang, nơi trọ của các chú lái gồng gánh thúng mẹt. Chàng lăm lăm:

- Được lắm! Ngủ yên cả rồi.

Chàng liền trở lên gác ngoài, đóng cửa cài then cẩn mật, rồi lại lật ván lấy tờ giấy lớn bôi vải ban nãy, mở rộng ra: đó là bức bản đồ Bắc thành, và các phố, các cửa ô, các ao chuôm. Chàng di ngón tay trở xuống cửa tây, rồi đưa đi theo con đường nhỏ qua mấy thửa ruộng tới đền thờ đức Tản Viên dựng trên gò Nùng sơn.

Ngẫm nghĩ một lát, chàng lại lắc đầu, đưa ngón tay trở đi từ trại binh thẳng đường qua Võ miếu xuống cửa Nam Văn miếu. Chàng mỉm cười dừng lại đó rồi đi ngang sang phía đông tới trường thi. Cặp môi chàng mỉm một nụ cười đắc thắng:

- Chỉ năm trăm cũng đủ chán!

Có tiếng gõ cửa khe khẽ, kín đáo. Chủ quán vội cuộn bản đồ lại cất vào chỗ cũ, rồi lên giường nằm im thin thít. Lại có tiếng gõ, hai tiếng đi liền nhau, kế tiếp ba tiếng nữa. Chủ quán mỉm cười sung sướng dậy mở cửa gác hỏi sẽ:

- Ai?

- Ngu muội.

- Trời ơi! Hiền muội! thế nào, công việc?

Một thiếu nữ bước vội vào phòng. Đóng cửa cài then xong, nàng đáp:

- Hy vọng.

Thiếu nữ là cô hàng trà nước buổi sáng, và chính là Nhị nương. Còn chủ quán tức là Trần Quang Ngọc.

Trần Quang Ngọc và mấy người đồng đảng bị vây ở trong hàm chùa Tiêu Sơn.

Tuy viên phân phủ chưa tìm ra được cái hầm bí mật ấy, nhưng cũng đoán chắc rằng bọn nghịch chỉ lẫn quất đầu đây mà thôi. Vì thế, y ra lệnh cho quân lính ngày đêm phải vây bọc thực cẩn mật lấy các ngách, các lối quanh chùa.

Nhờ mưu Nhị nương giả làm ma, bọn quân khiếp sợ. Nhưng ngay đêm hôm nàng đem lương thực vào hầm, nhân quân canh đứng náo động tâm hồn. Quang Ngọc cùng các bạn đồng chí trốn thoát ra ngoài. Vì chàng cho rằng mưu kia tuy lừa được bọn lính ngu dốt, mê tín, nhưng trái lại sẽ giúp cho sự dò xét của viên phân phủ nhiều lắm.

Quả thực, sáng hôm sau phân phủ Nguyễn Túc được tin báo có ma hiện hồn ở sân sau chùa Tiêu Sơn, bèn tức tốc cưỡi ngựa đến nơi xem xét. Theo lời phác tả của tên lính canh, Túc đi quanh hai, ba vòng ngôi mộ, mà tên kia cho rằng con ma biến vào đó. Bọn nha lại theo phân phủ bàn nên tìm thầy phù thủy cao tay để lên đàn trừ tà. Nhưng Túc chỉ mỉm cười đứng ngẫm nghĩ rồi thông thả bảo quân lính đi lấy cuốc, thuổng đào ngôi mộ...

Vì thế mà sự bí mật bị khám phá vì viên phân phủ đoán chắc rằng Phở Tĩnh thiền sư, chủ cái hầm kia tức chỉ là Phạm Thái.

Nửa tháng sau, Quang Ngọc đã trở nên chủ nhân quán Bạch Phượng rồi chàng đem tiền - vì thế lực kim tiền bao giờ cũng mạnh - chạy cho Lê Báo được trụ trì chùa Liên Phái. Còn Trịnh Trực thì nhân chưa ai được tung tích, Quang Ngọc lưu lại Kinh Bắc để tìm kiếm thêm đảng viên trong vùng ấy sau này có dịp tốt, chàng sẽ quay về hạt Từ Sơn lập lại đảng.

Chính giữa lúc Quang Ngọc đương miên man đến các cách lập lại đảng, có lẽ to gấp mấy lần trước, thì nghe có tiếng gõ cửa rồi thấy Nhị nương bước vào phòng báo cho chàng biết rằng việc đảng rất hy vọng, chàng hỏi lại:

- Hiền muội có hy vọng, là hy vọng về phương diện nào, về phương diện võ hay văn?

Nhị nương mỉm cười:

- Về cả hai phương diện.

Về mặt Quang Ngọc vẫn thản nhiên:

- Nói qua cho ngu huynh nghe nào.

- Mưu kế rất giản dị. Hôm bắt đầu kỳ để nhất, các thí sinh sẽ rầy loạn phá trường thi.

- Chắc?

- Chắc. Không kể hơn trăm đảng viên ở các trấn về dự thí, ngu muội đã dụ được vài trăm thầy khóa nữa rồi.

- Cả năm chú ban sáng?

- Chính. Hôm ra xem đầu bài chữ nôm, bọn họ sẽ la hét ầm lên rằng nhất định không làm bài nôm na mách qué... Thế là hàng nghìn người a dua theo rồi ủa nhau phá trường thi bắt giữ các khảo quan lại. Tất nhiên quan tổng trấn cho quân lính ra đàn áp Bọn quân lính ấy đã là quân lính ta.

- Cửa ta?

- Vâng, cửa ta. Nghĩa là viên quân cơ đã phát thệ theo...

- Theo đảng ta?

- Không... theo ngu muội.

Quang Ngọc trân trân nhìn mm, rồi mỉm một nụ cười kính phục:

- Nhưng phải giữ bí mật lắm đấy! Hiền muội nên nhớ việc phá Từ Sơn.

- Việc này mà bại lộ thì chỉ một mình ngu muội chịu tội, vì những người làm việc dưới lệnh ngu muội chỉ biết có ngu muội.

Quang Ngọc ngược mắt ngắm Nhị nương, thấy cặp mắt nàng long lanh sắc sảo lạ lùng:

- Vẫn biết thế, vẫn biết rằng chúng ta đã đổi hẳn chiến lược, chia nhau ra ai làm việc nấy, chỉ riêng chịu trách nhiệm đối với đảng. Nhưng mất một viên thượng tướng như hiền muội, thì thực đảng cũng đến siêu.

- Hiền huynh cứ dạy quá lời làm gì thế.

- Lúc hiền muội vào ngu huynh đương xem lại bản đồ Bắc thành.
  - Bản đồ của Vệ Tăng họa?
  - Phải, đây, hiền muội thử xem lại...
- Quang Ngọc toan lấy bản đồ thì Nhị nương gạt đi mà rằng:
- Không cần ngu muội nhắm mắt cũng đi được khắp nội thành ngoại ô.
- Dứt lời, nàng đứng dậy nói:
- Thôi, mời hiền huynh đi nghỉ, chẳng khuya rồi.

Quang Ngọc giữ lại:

- Ấ, một tin mừng. Quý tháng này tăng nhiều lắm. Riêng tửu quán đã thu được gần nghìn quan.
- Thế à! Một tin mừng nữa.
- Tin gì?

Nhị nương ghé lại gần nói thầm:

- Phạm Thái hiện ở Bắc thành.

Quang Ngọc vui mừng:

- Ở đâu?
- Ngu muội chưa gặp. Nhưng mai xin đi tìm.

## Hành hình

Chung quan pháp trường, người ta đứng xem rất đông. Họ đến ngay từ đầu giờ Dần để nhận chỗ.

Vì xử tử mấy người phản quốc quan trọng - một viên quan và bốn viên đội - nên pháp trường không lập ở trong thành, mà dựng ngay ở trước cửa chùa Liên Trì trông ra hồ Hoàn Kiếm. Quang tổng trấn muốn nhân dân khắp Bắc thành đều được mục kích mấy cái đầu phản quốc rơi dưới lưỡi gươm nặng của viên đao phủ.

Trong bọn đến xem, hai người nói chuyện:

- Sắc đẹp giết người!
- Thế con bé bán hàng nước hôm nay có bị hành hình không?
- Nó trốn thoát rồi còn đâu. Ngay khi chưa bại lộ câu chuyện làm phản, chủ quán Bạch Phương đã làm đơn vào dinh quan phân tri sở tại kiện ả kia về tội lừa đảo Nghe đâu cô ả ở trọ hơn một tháng, mà chẳng trả được một đồng một chữ.

Rồi một đêm bỏ trốn biệt.

- Thế quan không tróc nã ư?
- Chắc có chứ, nhưng vị tất nó còn lẫn lút trong Bắc thành.

Ở một chỗ khác, năm, sáu người học trò khúc khích cười, thì thầm bảo nhau:

- Sao ngày nay mà hãy còn những đứa cuồng xuẩn như thế nhỉ?
- Đại huynh bảo thế nào là cuồng xuẩn?
- Nghe theo một đứa con gái, một con hàng nước, để toan phục hưng nhà Lê, đại huynh bảo chẳng gọi là cuồng xuẩn còn gọi là gì?

Một người thứ ba cười ha hả:

- Ý chừng chúng nó muốn bắt chước bọn Trịnh Kiểm đòi xửa xửa chứ gì?
- Nghe đâu con bé hàng nước ghé góm lắm kia đấy. Đại huynh đã lại Quảng Minh đường đọc tờ chiếu chỉ chưa?
- Chưa. Có gì lạ vậy?
- Trong chiếu chỉ có nhiều câu mạt sát bọn Lê thần. Chừng con bé hàng nước cũng thuộc bọn ấy. Một người thì thầm bàn chen:



- Dễ yêu tinh đấy, các bạn ạ. Các bạn có nhớ truyện con rắn hiện thành người đẹp bán chiếu gon ở phường Khán Xuân không? Nó xuống họa thơ với cụ Nguyễn Trãi, rồi được cụ kén làm nàng hầu. Về sau nó lại hiện nguyên hình rắn, đương đêm cắn chết hoàng thượng.

Một người từ nãy vẫn yên lặng, giữ vẻ mặt bực tức, bỗng thở dài phàn nàn:

- Một lũ khốn nạn! Chúng nó làm mình hụt cống sĩ khoa này. Mình bao công đèn sách, những tưởng được chiếm bảng vàng. Ngờ đâu chúng nó làm phản để triều đình bãi khoa thi. Chư đại huynh tính như thế thì có uổng không, như thế thì có tức chết được không?

- Nhưng đại huynh đã chắc đâu chiếm bảng vàng?

Mọi người cười phá lên, khiến mấy chú lính mặc áo nâu, đội nón son vác dáo đứng giữ trật tự ở hàng đầu phải quay lại quát:

- Khế mồm chứ! Quan sắp đến đấy!

Những mẫu chuyện riêng kia đủ tỏ rằng Bắc thành vừa suýt có biến. Cuộc biến loạn ấy, hoàn toàn là công trình của Nhị nương.

Tối hôm từ biệt Quang Ngọc ở Bạch Phụng, nàng cải nam trang đi tìm Phạm Thái, vì buổi sáng vào đền Ngọc Sơn, nàng đã để ý tới một bài thơ của một văn nhân đến văn cảnh. Bài thơ ấy chỉ là một bài thơ đề vịnh, nhưng đối với đảng viên đảng Tiêu Sơn lại là một dấu hiệu để báo cho nhau biết mà đi tìm nhau. Tức thì Nhị nương họa lại nguyên vẹn. Trong bài họa, nàng không cần lời thơ hay, nàng chỉ cốt chen được câu: "Phụng trắng soi bên dịp mộc hều."

Câu thơ ấy ai chẳng cho là tả đền Ngọc Sơn đứng bên cầu Thê Húc. "Nhưng Phạm Thái tất hiểu. Phải, làm gì mà không hiểu, vì ta ký tên là nàng Hai".

Nhị nương vui sướng đọc lại câu thơ.

Nhưng suốt ngày vẫn không thấy Phạm Thái đến quán Bạch Phụng. Nhị nương dò rằng chàng chưa trở lại Ngọc Sơn. Vì thế, đêm ấy, chàng cải nam trang la cà trong các tửu điểm để tìm Phạm Thái. Trước hết, nàng đến một hàng thịt cày ở phố hàng Hòm. Nàng chắc rằng anh chàng Lỗ Trí Thâm kia đã về Bắc thành thì khi nào lại chịu kiêng khem cái thú nhắm rượu chả chó.

Ở đó không gặp Phạm Thái, nàng lại đến các hàng cơm chứa trọ phố Thọ Nhuộm gần tràng thi, vì nàng chắc Phạm Thái chỉ quanh quẩn ở khu ấy. Và biết đâu Phạm Thái không đội tên để đi thi. Mãi gần sáng, Nhị nương mới trở về quán Bạch Phụng nhủ, mà Phạm Thái, nàng vẫn chưa biết tin tức ra sao. Cuối giờ Mão, nàng thức dậy. Dậy không phải để bán hàng. Nàng vừa nghĩ ra một cách nữa để tìm kiếm Phạm Thái: là sắm sửa vàng hương đi lễ các chùa. Vì nàng đoán chắc rằng nếu Phạm Thái không có trong các tửu quán, thì chỉ ẩn núp ở chùa nào đó.

Quả không sai. Khi đến cổng chùa Trấn Quốc, và nhận được tính cách Phạm Thái trong một bài thơ vịnh Tây Hồ, Nhị nương vui mừng tiến vào chùa và gặp chàng đương ngồi nói chuyện với sư cụ. Nàng cố giữ mặt thản nhiên, đi qua hành lang lên chùa trên.

Một lát sau, Phạm Thái theo lên tháp hương, vì ngày ấy là ngày thường, nên chú tiểu xin phép đi chơi phố, và nhân tiện mua các thức ăn.

Hai người kể qua loa cho nhau biết tình thế và công việc của đảng. Rồi Nhị nương hẹn Phạm Thái tối hôm ấy lại quán Bạch Phụng phố Cầu gỗ bàn việc lớn.

Công việc vây phá trường thi và xui giục quân lính dấy loạn tiến hành càng mau khi đã có Phạm Thái giúp Nhị nương một tay.

Bỗng xảy ra một việc chẳng ngờ, đến nỗi vỡ lở: Một người trong bọn đứng đầu việc gây ra bỏ thi đến lễ đền Ngọc Sơn xin quẻ thẻ. Chẳng may cho Nhị nương, quẻ thẻ ấy rất xấu. Người kia sinh ra nghi ngại, lo lắng. Đọc đi đọc lại quẻ thẻ, người ấy nhận thấy một câu thơ có nghĩa ẩn hiện rằng nếu đi phát giác việc làm phản với quan trên, thì thế nào cũng được hưởng phú quý.

Thế là thầy khóa sinh lòng tráo trở. Và tráo trở lại có lợi lắm cơ: Mười năm đèn sách, mà ra thi vị tất đã ăn thua, đằng này chỉ nói một câu là nhảy một bước tới cao quan.

Kể ra, thầy khóa cũng rất siêu lòng vì cô hàng tràu nước xinh đẹp, nhất lại được cô ta tặng bốc luôn luôn, và luôn luôn hứa những lời đường mật.

Nhị nương cũng ngờ rằng nhan sắc, và đức hạnh mình có lẽ khó đánh đổ được lòng ham muốn công danh của những anh đồ đã thề sống chết với cái chí xuất chinh. Nhưng nàng cho rằng dầu việc có thất bại thì nàng cũng chỉ đến đi trốn tránh một nơi, mà nếu chẳng trốn thoát thì lấy cái chết đền ơn đảng là cùng. Vì việc làm phản này, nàng riêng chịu trách nhiệm. Phạm Thái có giúp nàng cũng chỉ đứng ngoài cuộc mà thôi.

Tối hôm ấy, anh khóa phủ kia lần mò vào dinh quan tổng trấn xin nói riêng với ngài một câu truyện rất quan trọng. Tức thì ngay giờ sau, viên quản và bốn viên đội định làm phản bị bỏ ngục một cách rất yên lặng, bí mật.

Nhưng dù bí mật đến đâu cũng có thám tử ra báo với Nhị nương.

Sáng sớm hôm sau, chủ quán Bạch Phượng làm đơn thân mang đến huyện sở tại kiện cô hàng nước vô danh đã bỏ trốn đi mà chưa trả tiền trọ, tiền ăn. Giữa lúc ấy, viên phân tri Thọ Xương đương sắp binh lính để ra khám quán Bạch Phượng và bắt bỏ ngục cô hàng nước.

Nhị nương phỏng đoán không sai. Quang Ngọc và Phạm Thái không bị ngờ vực, khi nàng đã trốn thoát ra ngoài ô. Chỉ riêng các thầy khóa đang hí hửng lên ông cống là bị thất vọng, vì ngay trưa hôm ấy, có yết thị bãi thi cống sĩ và truyền cho các thí sinh nội nhật ai ở đâu phải về đó.

Năm hôm sau, viên quản và bốn viên đội làm phản bị điệu ra pháp trường xử tử.

Cho hay trò đời vẫn thế, con người chỉ thích có sự biến đổi để mà xem. Sự biến đổi ấy, họ coi như một tấn tuồng làm cho họ vui mắt, vui tai trong chốc lát. Chẳng rứa mà trong số người đứng chờ xem hành hình, mấy ông đồ bàn tán nói trên kia lại vui sướng được? Ấy là họ thuộc phái phản đối lối thi cử của nhà Tây Sơn đấy.

Người Bắc thành ở gần vua chúa lâu đời đã hầu hoàn toàn có tính cách phục tòng, nên khi bọn binh lính quát mắng thì họ im ngay.

Một lát sau, tiếng loa, tiếng trống lớn, trống con từ phía đền Ngọc Sơn tiến đến. Rồi quan tổng trấn Võ Văn Dũng rời võng điều bước xuống. Đi dưới bốn cái lọng xanh. Bốn vệ binh cầm bốn thanh kiếm trần đi dàn trước mặt.

Quan tổng trấn tính nóng như lửa và rất ưa sự mau chóng. Vì thế, ngài vừa ngồi xuống xập là chiêm trống nổi lên ngay.

Trong khoảnh khắc, năm cái đầu rơi trên chiếu cạp điều. Máu chảy lai láng, chiếu như nhuộm phẩm hồng. Rồi người ta bỏ năm cái đầu lâu vào năm cái giỏ tre và treo lên cành cây ở bên tháp Báo Thiên. Người đi xem vui cười bàn tán trên đường về.

## Thầy tướng số

Chung quan pháp trường, người ta đứng xem rất đông. Họ đến ngay từ đầu giờ Dần để nhận chỗ.

Vì xử tử mấy người phản quốc quan trọng - một viên quan và bốn viên đội - nên pháp trường không lập ở trong thành, mà dựng ngay ở trước cửa chùa Liên Trì trông ra hồ Hoàn Kiếm. Quan tổng trấn muốn nhân dân khắp Bắc thành đều được mục kích mấy cái đầu phản quốc rơi dưới lưỡi gươm nặng của viên đao phủ.

Trong bọn đến xem, hai người nói chuyện:

- Sắc đẹp giết người!

- Thế con bé bán hàng nước hôm nay có bị hành hình không?

- Nó trốn thoát rồi còn đâu. Ngay khi chưa bại lộ câu chuyện làm phản, chủ quán Bạch Phượng đã làm đơn vào dinh quan phân tri sở tại kiện ả kia về tội lừa đảo Nghe đâu cô ả ở trọ hơn một tháng, mà chẳng trả được một đồng một chữ.

Rồi một đêm bỏ trốn biệt.

- Thế quan không tróc nã ư?

- Chắc có chứ, nhưng vị tất nó còn lẫn lút trong Bắc thành.

Ở một chỗ khác, năm, sáu người học trò khúc khích cười, thì thăm bảo nhau:

- Sao ngày nay mà hầy còn những đũa cuồng xuẩn như thế nhỉ?
  - Đại huynh bảo thế nào là cuồng xuẩn?
  - Nghe theo một đũa con gái, một con hàng nước, để toan phục hưng nhà Lê, đại huynh bảo chẳng gọi là cuồng xuẩn còn gọi là gì?
- Một người thứ ba cười ha hả:
- Ý chừng chúng nó muốn bắt chước bọn Trịnh Kiểm đòi xưa chứ gì?
  - Nghe đâu con bé hàng nước ghé gớm lắm kia đấy. Đại huynh đã lại Quảng Minh đường đọc tờ chiếu chỉ chưa?
  - Chưa. Có gì lạ vậy?
  - Trong chiếu chỉ có nhiều câu mạt sát bọn Lê thần. Chừng con bé hàng nước cũng thuộc bọn ấy.
- Một người thì thầm bàn chen:
- Dễ yêu tinh đấy, các bạn ạ. Các bạn có nhớ truyện con rắn hiện thành người đẹp bán chiếu gon ở phường khán Xuân không? Nó xuống hoạ thơ với cụ Nguyễn Trãi, rồi được cụ kén làm nàng hầu. Về sau nó lại hiện nguyên hình rắn, đương đêm cắn chết hoàng thượng.
- Một người từ nãy vẫn yên lặng, giữ vẻ mặt bực tức, bỗng thở dài phàn nàn:
- Một lũ khốn nạn! Chúng nó làm mình hụt cồng sĩ khoa này. Mình bao công đèn sách, những tưởng được chiếm bảng vàng. Ngờ đâu chúng nó làm phản để triều đình bãi khoa thi. Chư đại huynh tính như thế thì có ủng không, như thế thì có tức chết được không?
  - Nhưng đại huynh đã chắc đâu chiếm bảng vàng?
- Mọi người cười phá lên, khiến mấy chú lính mặc áo nâu, đội nón son vác dáo đứng giữ trật tự ở hàng đầu phải quay lại quát:
- Khế mồm chứ! Quan sắp đến đấy!
- Những mẩu chuyện riêng kia đủ tỏ rằng Bắc thành vừa suýt có biến. Cuộc biến loạn ấy, hoàn toàn là công trình của Nhị nương.

Tối hôm từ biệt Quang Ngọc ở Bạch Phượng, nàng cái nam trang đi tìm Phạm Thái, vì buổi sáng vào đền Ngọc Sơn, nàng đã để ý tới một bài thơ của một văn nhân đến văn cảnh. Bài thơ ấy chỉ là một bài thơ đề vịnh, nhưng đối với đảng viên đảng Tiêu Sơn lại là một dấu hiệu để báo cho nhau biết mà đi tìm nhau. Tức thì Nhị nương hoạ lại nguyên vận. Trong bài hoạ, nàng không cần lời thơ hay, nàng chỉ cốt chen được câu: "Phượng trắng soi bên dịp mộc hều."

Câu thơ ấy ai chẳng cho là tả đền Ngọc sơn đứng bên cầu Thê Húc. "Nhưng Phạm Thái tất hiểu. Phải, làm gì mà không hiểu, vì ta ký tên là nàng Hai".

Nhị nương vui sướng đọc lại câu thơ.

Nhưng suốt ngày vẫn không thấy Phạm Thái đến quán Bạch Phượng. Nhị nương dò rằng chàng chưa trở lại Ngọc Sơn. Vì thế, đêm ấy, chàng cái nam trang la cà trong các tửu điểm để tìm Phạm Thái. Trước hết, nàng đến một hàng thịt cây ở phố hàng Hòm. Nàng chắc rằng anh chàng Lỗ Trí Thâm kia đã về Bắc thành thì khi nào lại chịu kiêng khem cái thú nhắm rượu chả chó.

Ở đó không gặp Phạm Thái, nàng lại đến các hàng cơm chứa trọ phố Thọ Nhuộm gần tràng thi, vì nàng chắc Phạm Thái chỉ quanh quẩn ở khu ấy. Vả biết đâu Phạm Thái không đội tên để đi thi.

Mãi gần sáng, Nhị nương mới trở về quán Bạch Phượng nhủ, mà Phạm Thái, nàng vẫn chưa biết tin tức ra sao. Cuối giờ Mão, nàng thức dậy. Dậy không phải để bán hàng. Nàng vừa nghĩ ra một cách nữa để tìm kiếm Phạm Thái: là sắm sửa vàng hương đi lễ các chùa. Vì nàng đoán chắc rằng nếu Phạm Thái không có trong các tửu quán, thì chỉ ẩn núp ở chùa nào đó.

Quả không sai. Khi đến cổng chùa Trấn Quốc, và nhận được tính cách Phạm Thái trong một bài thơ vịnh Tây Hồ, Nhị nương vui mừng tiến vào chùa và gặp chàng đương ngồi nói chuyện với sư cụ. Nàng cố giữ mặt thản nhiên, đi qua hành lang lên chùa trên.

Một lát sau, Phạm Thái theo lên tháp hương, vì ngày ấy là ngày thường, nên chú tiểu xin phép đi chơi phố, và nhân tiện mua các thức ăn.

Hai người kể qua loa cho nhau biết tình thế và công việc của đảng. Rồi Nhị nương hẹn Phạm Thái tối hôm ấy lại quán Bạch Phượng phố Cầu gỗ bàn việc lớn.

Công việc vây phá trường thi và xui giục quân lính dấy loạn tiến hành càng mau khi đã có Phạm Thái giúp Nhị nương một tay.

Bỗng xảy ra một việc chẳng ngờ, đến nỗi vỡ lở: Một người trong bọn đứng đầu việc gây ra bỏ thi đến lễ đền Ngọc Sơn xin quẻ thẻ. Chẳng may cho Nhị nương, quẻ thẻ ấy rất xấu. Người kia sinh ra nghi ngại, lo lắng. Đọc đi đọc lại quẻ thẻ, người ấy nhận thấy một câu thơ có nghĩa ẩn hiện rằng nếu đi phát giác việc làm phản với quan trên, thì thế nào cũng được hưởng phú quý.

Thế là thầy khóa sinh lòng tráo trở. Vả tráo trở lại có lợi lắm cơ: Mười năm đèn sách, mà ra thi vị tất đã ăn thua, đằng này chỉ nói một câu là nhảy một bước tới cao quan.

Kể ra, thầy khóa cũng rất siêu lòng vì cô hàng trầu nước xinh đẹp, nhất lại được cô ta tặng bốc luôn luôn, và luôn luôn hứa những lời đường mật.

Nhị nương cũng ngờ rằng nhan sắc, và đức hạnh mình có lẽ khó đánh đổ được lòng ham muốn công danh của những anh đồ đã thề sống chết với cái chí xuất chinh. Nhưng nàng cho rằng dẫu việc có thất bại thì nàng cũng chỉ đến đi trốn tránh một nơi, mà nếu chẳng trốn thoát thì lấy cái chết đền ơn đảng là cùng. Vì việc làm phản này, nàng riêng chịu trách nhiệm. Phạm Thái có giúp nàng cũng chỉ đứng ngoài cuộc mà thôi.

Tối hôm ấy, anh khóa phản phúc kia lần mò vào dinh quan tổng trấn xin nói riêng với ngài một câu truyện rất quan trọng. Tức thì ngay giờ sau, viên quản và bốn viên đội định làm phản bị bỏ ngục một cách rất yên lặng, bí mật.

Nhưng dù bí mật đến đâu cũng có thám tử ra báo với Nhị nương.

Sáng sớm hôm sau, chủ quán Bạch Phượng làm đơn thân mang đến huyện sở tại kiện cô hàng nước vô danh đã bỏ trốn đi mà chưa trả tiền trọ, tiền ăn. Giữa lúc ấy, viên phân tri Thọ Xương đương sắp binh lính để ra khám quán Bạch Phượng và bắt bỏ ngục cô hàng nước.

Nhị nương phỏng đoán không sai. Quang Ngọc và Phạm Thái không bị ngờ vực, khi nàng đã trốn thoát ra ngoài ô. Chỉ riêng các thầy khóa đang hí hửng lên ông cống là bị thất vọng, vì ngay trưa hôm ấy, có yết thị bãi thi cống sĩ và truyền cho các thí sinh nội nhật ai ở đâu phải về đó.

Năm hôm sau, viên quản và bốn viên đội làm phản bị điệu ra pháp trường xử tử.

Cho hay trò đời vẫn thế, con người chỉ thích có sự biến đổi để mà xem. Sự biến đổi ấy, họ coi như một tấn tuồng làm cho họ vui mắt, vui tai trong chốc lát. Chẳng rứa mà trong số người đứng chờ xem hành hình, mấy ông đồ bàn tán nói trên kia lại vui sướng được? Ấy là họ thuộc phái phản đối lối thi cử của nhà Tây Sơn đấy.

Người Bắc thành ở gần vua chúa lâu đời đã hầu hoàn toàn có tính cách phục tòng, nên khi bọn binh lính quát mắng thì họ im ngay.

Một lát sau, tiếng loa, tiếng trống lớn, trống con từ phía đền Ngọc Sơn tiến đến. Rồi quan tổng trấn Võ Văn Dũng rời võng điều bước xuống. Đi dưới bốn cái lọng xanh. Bốn vệ binh cầm bốn thanh kiếm trần đi dàn trước mặt.

Quan tổng trấn tính nóng như lửa và rất ưa sự mau chóng. Vì thế, ngài vừa ngồi xuống xập là chiêm trống nổi lên ngay.

Trong khoảnh khắc, năm cái đầu rơi trên chiếu cạp điều. Máu chảy lai láng, chiếu như nhuộm phẩm hồng. Rồi người ta bỏ năm cái đầu lâu vào năm cái giỏ tre và treo lên cành cây ở bên tháp Báo Thiên. Người đi xem vui cười bàn tán trên đường về.

## Tìm bạn đồng chí

Đã ba tháng trời rông rã, Phạm Thái đi quyên giáo trong hai trấn Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ. Lúc đi bộ, chàng rong ruổi khắp vùng Chương Đức, thăm núi Tử Trầm cùng động Long Tiên. Khi đi thủy chàng cùng tiểu đồng lên đênh con thuyền trên giòng sông Đáy, qua bao nhiêu danh lam thắng cảnh từ Thanh Oai, Ứng Hoà cho tới Lý Nhân, Ý Yên, Phong Doanh. Không một ngọn núi

đá nào ở hai bên vệ sông mà chàng không trèo, không một cái động nào mà chàng không vào xem. Khi hứng trí chàng đề thơ ngâm vịnh, khi gặp tri kỷ chàng lưu ở lại chơi dăm ba ngày.

Là vì, ngoài mục đích quyên giáo, chàng còn có mục đích khác: đi ngoạn cảnh để di dưỡng tính tình, chờ dịp lại tận tụy theo đuổi việc lớn, nhưng nhất là đi chu du thiên hạ để tìm nhân tài, tìm bạn đồng chí mà gây dựng chi đảng Tiêu Sơn ở hai trấn Sơn Nam.

Nghe nói ở chùa Thiên Trù, gần động Hương Tích có Bảo Giám thiền sư là một nhà đại văn hào về thời Lê, Mạc, chàng liền đến thăm. Hai người bàn đạo lý, văn chương lấy làm hợp ý nhau lắm. Nhân Phạm Thái thuật chuyện biến loạn suýt xảy ra ở Bắc thành vào dịp kỳ thi cống sĩ, Bảo Giám thờ dài nói:

- Tôi xem thiên văn biết vận nhà Lê đã hết. Mệnh trời đã định như thế, kéo sao lại được nữa mà toan việc nọ kia? Cứ ngấm chòm sao Bắc đẩu mấy năm nay ánh sáng lờ mờ, thì đủ biết nhân tài không ở miền Bắc. Còn sao Nam cực thì sáng rực lên, có lẽ ở trong Nam sắp có sự lạ.

Phạm Thái nghe Bảo Giám khinh miệt người miền Bắc, thì không bằng lòng.

Nhưng chàng rất mừng thầm rằng thiền sư tỏ ý còn thương tiếc nhà Lê. Muốn biết rõ tâm tính thiền sư đối với thời cục, Phạm Thái nói khích một câu:

- Cao tăng nghĩ cũng phải. Nhà Lê ngày nay đã như cái nhà đổ nát, ai còn dại gì mà chui đầu vào để mái nhà sụp cho chết uổng mạng. Còn nhà Nguyễn thì như toà lâu đài nguy nga, đồ sộ, ai lại không muốn ở. Và người xuẩn ngốc đứng đầu việc toan khởi loạn ở Bắc thành chỉ là một người đàn bà, một cô hàng trầu nước tầm thường chứ bậc chí sĩ trong nước phải lấy nhân làm quý, bạo động có ích gì?

Bảo Giám kinh ngạc hỏi:

- Một cô hàng trầu nước?

- Vâng, một cô hàng nước ở phố Cầu gỗ.

- Thế bây giờ cô ta đâu?

- Bàn tăng cũng không rõ cô ta trốn đi đâu, nhưng nghe đồn cô ta rất đẹp và rất thông minh.

Bảo Giám lẩm bẩm:

- Thảo nào sao Chức nữ sáng trội lên, lại muốn thiên gần bộ phận Ngân hà. Một kỳ nữ thực!

Phạm Thái biết rằng Bảo Giám tuy có tiếng làm một nhà chí sĩ ẩn dật nhưng kỳ thực chỉ là một lão hủ nho, mê tín các khoa thiên văn địa lý không đâu. Chàng liền từ biệt ra đi.

Qua miền Kim Bảng, thấy nước non hùng vĩ, chàng lên bộ đạo chơi ngắm cảnh Đền rẫy núi tục truyền là núi Con Voi, chàng cảm hứng đề một bài thơ lên vách đá:

Núi con voi

Tạo hóa khen thay khéo vẽ vờ,

Dạm nên một rặng núi Con Voi.

Tới châu diện thẳm quỳ khom gối,

Nằm ngấm doanh thanh vắt vẻo vôi.

Cây biể mc dưới trên che tán rợp,

Mây vàng cao thấp thẳng bành ngời.

Cửa mây búa tuyết đầu dầu vậy,

Xương đá lòng rêu vẫn hẳn hoi.

Vừa đề dứt bài, chàng nghe có tiếng cười khúc khích sau lưng. Chàng quay lại: Một văn nhân mặt đỏ gay, đầu đội nón sơn, chân vận giày vải chện, đứng sững, trân trân nhìn chàng:

- Sư mô quý gì mà văn thơ tục tũ!

Phạm Thái mặt tái đi, toan cho chàng kia một bài học vỡ, nhưng chợt nhận thấy hắn say rượu bí tỉ, nên lại thôi. Chàng mỉm cười hỏi lại:

- Ý chừng tôn ông là văn sĩ?

Văn nhân vẫn cười:

- Sao thiền sư biết?

- Chẳng là văn sĩ mà ngôn ngữ cử chỉ lại quá nhã nhặn đến thế?

Người kia càng cười to, rồi ứng khẩu đọc:

Nhà văn này với sư ông,  
Lỗi mắng nghe đâu cũng một tuồng,  
Bá ngọc thằng nào mà nói dối:  
Mồm ha hãn chẳng nốc cà, tương.

Phạm Thái nghiêm nét mặt lại:

- Nam vô a di đà phật! Ông này say rượu lắm rồi.

- Say gì mà say. Mới uống hết non nửa bình. Hay thế này: mời sư ông lại xơi rượu với bỉ nhô cho vui. Bỉ nhô đương chén bỗng thoáng thấy bóng cái nón sư, nên vội vàng leo xuống, ngờ đâu gặp ngay một văn sĩ thiên sư... Bạch thiên sư, đạo hiệu thiên sư là gì xin cho biết, để bỉ nhô được xưng hô.

- Thừa tôn ông bần tăng đạo hiệu Mộng Vân.

- Cao tăng trụ trì chùa nào?

- Thừa tôn ông, tại chùa Trấn Quốc.

- Ở Tây hồ?

Chàng đọc luôn:

"Em ở Tây HỒ bán chiếu son.

"Chồng còn chưa có, hỏi chi con?"

Rồi nói tiếp:

- Ở miền ấy chừng nhiều gái đẹp?

- A di đà phật! Sao tôn ông biết?

- Vì cái tên Tây hồ đẹp lắm. Và cứ một điều cao tăng tu ở đấy, đủ tỏ rằng lời phỏng đoán của bỉ nhô không sai.

- A di đà phật! Tôn ông nên giữ gìn lời nói hơn một chút.

Văn nhân cười phá lên:

- Xin lỗi cao tăng. Nhưng cao tăng có giữ gìn lời thơ đâu? Cao tăng thử đọc lại bài thơ đề trên vách đá mà xem.

Thấy nhà sư bẽ lẽn ngượng nghịu, chàng nói tiếp, chữa thẹn hộ:

- Thôi, bỉ nhô cũng biết thiên sư chỉ là một nhà văn hào thời nay, vì chẳng ưng nhà Tây Sơn, nên tạm mặc áo cà sa lánh cuộc đời phiền toái. Vậy thì thiên sư còn ngần ngại gì mà chẳng nhận lời bỉ nhô lên kia, đôi ta cùng nhau uống rượu, ngâm thơ.

Dứt lời, chàng cầm tay Phạm Thái dắt lên sườn non, và ngâm vang núi:

Đánh ba chén rượu, khoan tay giắc,

Ngâm một câu thơ, vỡ bụng cười.

Cho quách người đời danh với lợi.

Núi sông ta giữ để ta chơi.

Phạm Thái không giữ nổi vẻ trang nghiêm nữa, cũng phá lên cười:

- Tôn ông văn chương mãi tiệp lắm. Xuất khẩu là thành thi.

- Ấy cũng đọc lếu đọc láo cho có thơ. Chẳng lẽ có từu lại không có thơ.

Hai người vừa leo giốc vừa nói chuyện. Một lát tới một nơi bằng phẳng rộng hơn một gian nhà dựa vào bên sườn núi dưới bóng mát một cây tùng già cổ.

Phạm Thái hỏi:

- Tôn ông có một mình?

- Với cao tăng nữa là hai. Vậy xin mời cao tăng chiếu cố.

Trên tầng đá, một bình rượu lớn và một cái chén vại đặt bên cạnh một tàu lá chuối đầy thịt nướng. Thấy Phạm Thái trừ trừ nhìn tiệc rượu, vẫn nhân cười nói tiếp:

- Xin mời thiên sư cứ chiếu cố cho. Đó là thịt lợn, chứ không phải thịt cày đâu mà thiên sư e sợ.

Phạm Thái cũng cười đáp:

- Thịt gì chả là thịt. Nhưng trước khi nhận lời tôn ông, xin tôn ông cho biết quý tính cao danh.

- Thừa cao tăng, tên bỉ nhò thì hà tất thiên sư phải biết. Gặp nhau, chén một bữa rượu, rồi kẻ ở người đi nhớ nhau làm gì thêm bận lòng. Nhưng thiên sư đã yêu mà hỏi, thì bỉ nhò cũng xin thưa: bỉ nhò họ Phạm tên Lư - Lư là cửa chứ không phải Lư là lừa, xin thiên sư chớ lẫn biểu hiệu Thanh Sơn.

- Tôn ông họ Phạm thì ra cũng...

Phạm Thái bỗng ngừng bật nói lảng:

- Vậy xin cất chén rượu chúc Phạm Thanh Sơn tiên sinh vạn phúc.

- Có mỗi một chiếc chén! Thôi ta uống chung.

Một lát sau Phạm Thái chán nản ra đi bỏ Phạm Lư say bứ nằm ngủ trên tầng đá. Chàng cau có lẩm bẩm nói một mình:

- Hay vận nhà Lê đến lúc cùng rồi, nên ta chỉ gặp toàn hạng mê tín với hạng điên cuồng. Hay trấn Sơn Nam không có nhân tài?

Nửa tháng sau chàng lại chán nản hơn, khi chàng đã dựa tiếng quyền giáo đến thăm các làng nổi tiếng văn vật nhất vùng. Ở đó cũng toàn một loại hủ nhò, toàn một phường ham phú quý. Đem nhà Lê ra nói với họ, họ chẳng hề cảm động. Khi xưa ông cha họ có ăn lộc nhà Lê bao giờ? Họ chỉ biết có chúa Trịnh. Khi chúa Trịnh mất ngôi báu thì họ cũng có thương tiếc. Nhưng ngày nay vắng nhà Trịnh đã có nhà Nguyễn. Còn vua Lê, cái ông bụi mù, cái ông tượng nát ấy, họ có kể chi?

Buồn rầu, chàng quay về Thanh Nê, chàng chợt nghĩ: rông rã hơn ba tháng trời, đi gần khắp hạt Sơn Nam, chàng chưa tìm được một bậc chí sĩ nào có thể khiến chàng kính phục bằng Kiến Xuyên hầu và Trương Quỳnh Như.

## Sơ kính tân trang

Thấy Phạm Thái lại trở về làng, Kiến Xuyên hầu rất vui mừng và đặt tiệc khoản đãi Phạm Thái khẩn thiết tạ tội vì hôm rời Thanh Nê ra đi, chàng vội vàng quá không kịp cáo biệt hầu, để xin phép về thăm quê.

Biết Phạm Thái là một nhà văn lỗi lạc, học thức uyên thâm, Kiến Xuyên hầu ngỡ lời lưu chàng ở lại dạy mấy đứa cháu, con trai và con gái Thanh Xuyên, Phạm Thái nhận lời ngay. Chàng cũng muốn nghỉ cái đời hoạt động ít lâu để nghe ngóng thời cuộc. Chàng nghĩ thầm: "Bây giờ Tây Sơn đang lúc vận hồng, thế mạnh, khó lòng làm gì nổi. Ta đợi biết tin tức chúa Nguyễn Ánh trong Nam đã. Trong ấy mà thắng, ngoài này ta mới bắt đầu hoạt động, cũng chẳng muộn."

Thực ra đó chỉ là một câu nói, một ý nghĩ của kẻ anh hùng đã bắt đầu thoái chí, đã bắt đầu hơi chán nản thời thế. Thường họ tự an ủi như thế. Rồi dần dần họ quên việc lớn, trong chén rượu nồng hay trong lòng một người thiếu nữ. Trời ơi! Cái tuổi ngoài hai mươi, hăng hái thì hăng hái thực. Nhưng đến lúc đã nguội lạnh thì nguội lạnh hơn tro tàn. Lúc bấy giờ họ sẽ đem chữ nghĩa yếm thế vắn vơ ra mà che đậy một tâm hồn hèn yếu.

Hiện bây giờ Phạm Thái cũng chỉ là một ông thầy đồ còn sôi nổi những ý tưởng cao xa.

Một hôm Kiến Xuyên hầu xuống nhà họ củ Phạm Thái ra vườn xem hoa, rồi khế bảo chàng:

- Lão gia nghe nói triều đình đã một đạo lùng bắt các thiên tăng. Sợ có kẻ lưu ý tới công tử chẳng? Chi bằng phá giờ quách.

Kiến Xuyên hầu cả cười. Phạm Thái lễ phép trả lời:

- Bẩm tướng công, văn sinh lại nhập thế cũng không khó khăn gì, chỉ việc bỏ bộ thiên phục ra là xong. Và văn sinh chưa bao giờ đã chính thức xuất thế, chẳng qua chỉ mượn bộ áo cà sa để ẩn núp trốn tránh, điều ấy văn sinh đã nhiều lần thưa cùng tướng công.

Trương công reo lên:

- Công tử nói rất hợp ý lão gia.

Mấy hôm sau, Phạm Thái đã trở nên một ông đồ nho thực hiệu, với tấm áo lương dài, với chiếc khăn nhiễu tam giang chít rất khéo để che cái đầu trọc. Nhân anh em thường đùa bỡn gọi chàng là chiêu lý, chàng liền lấy tên là Phạm Văn Lý. Chàng nghĩ thầm: "Thôi thế này thì không còn ai có thể nhận ra được Phổ Chiêu thiên sư chùa Nghiêm Xá mà cũng chẳng còn ai biết mình là Phạm Thái, một thời để tìm cái chết với thanh kiếm, cây cung ở bãi sa trường."

Chàng lấy làm tự thẹn, nhưng còn tự an ủi gượng: "Nhưng nào ta đã thoái chí! Chẳng qua chỉ nương náu đợi thời. Đợi thời như Trần đại huynh, Nguyễn đại Tỷ."

Có một cơ khiến lòng chàng trở nên uỷ mị mà chàng không dám tự thú nhận. Cơ ấy là nàng Quỳnh Như.

Thực vậy, ngay hôm chàng vừa về tới Thanh Nê, Quỳnh Như đã mật viết cho chàng một bức thư hỏi thăm về công việc chàng đương theo đuổi. Trong phúc thư chàng thuật qua tình thế của đảng và tỏ ý chán nản về việc lập chi đảng ở trấn Sơn Nam mà Quang Ngọc đã phó thác cho chàng. Chàng như trông thấy rõ ràng sự thất bại chắc chắn, vì tiền thì không sẵn, quỹ của đảng lại một ngày một cạn. Và chàng khó lòng mà tìm nổi một bọn đồng chí, như bọn đồng chí của Quang Ngọc khi đảng Tiêu Sơn còn hoành hành trong trấn Kinh Bắc. Vậy chàng đành lòng chờ đợi ít lâu...

Quỳnh Như tin ngay lời chàng. Mà chàng cũng tự tin lắm. Nhưng khôn thay cái dáng điệu mị kiêu thấp thoáng trong hoa và giọng nói du dương vắng vắng chốn phòng khuê nhiều khi làm cho tráng sĩ hoá ra mơ mộng.

Mơ mộng đến nỗi viết nên những bài thơ đầy tình uỷ mị như bài thơ đọc vận sau này:

Chơi hoa nay đã biết danh hoa,

Nhưng nghĩ tình hoa, thẹn với hoa.

Réo rất chiều xuân oanh hót liểu,

Càng thêm ngao ngán khách tìm hoa.

Ý tứ bài thơ trên thực không một chút tâm trạng gì gọi là tâm trạng một nhà sư hay tâm trạng một danh sĩ có chí khí. Đó chỉ hoàn toàn là tâm tình một anh chàng mê gái.

Vả Quỳnh Như chẳng bao lâu cũng không còn là Quỳnh Như buổi đầu nữa, cô Quỳnh Như biểu ngựa và giục tráng sĩ lên đường. Có lẽ xưa kia một là nàng quá lãng mạn, hai là nàng cố làm cho Phạm Thái phải kính phục nàng, Phạm Thái mà nàng đã thương thầm yêu trộm ngay từ hôm được đọc mấy bài thơ tuyệt bút của chàng.

Nhưng ngày nay chân tướng nàng lộ hẳn ra: nàng chỉ là một thiếu nữ con quan, dễ cảm động về cái đẹp, cái hay, vì những lời thơ tình tứ.

Phạm Thái đương chán nản, thất vọng về việc đảng, nghe những câu tán tụng của Trương tiểu thư như những lời an ủi ngọt ngào. Vì thế lại càng cảm cú gọt rửa nên nhiều bài thơ khác...

Và chẳng bao lâu, hai người yêu nhau, say mê nhau thư từ, văn thơ trao đổi xướng họa với nhau.

Lúc ấy, còn đâu là chí phấn đấu, còn đâu là tình khuyến khích!

Một hôm được tin Trương công và Trương phu nhân ra chơi chùa, Phạm Thái lên xuống phòng khuê thăm bạn gái. Thấy Quỳnh Như đang đọc truyện Phan Trần, liền hỏi ý kiến nàng về tác phẩm ấy. Nàng cho rằng truyện Phan Trần văn chương tuyệt tác.



Tức thì, ngay từ hôm ấy Phạm Thái bắt đầu soạn truyện "Sơ kính tâm trang." Thấm thoát có hơn một tháng thiên tiểu thuyết bằng thơ đã viết xong. Phạm Thái dâng tặng khách má hồng.

Cho hay ái tình có sức mạnh đến thế. Xưa kia theo đuổi việc lớn, Phạm Thái chưa làm nhỏ một công trình gì có kết quả mỹ mãn như việc soạn sách này.

Truyện "Sơ kính tâm trang" đã làm cho tên Quỳnh Như bắt hủ. Nhưng nó sẽ mãi mãi răn bảo những bậc anh hùng ái quốc rằng chớ nên tạm bước vào vòng tình ái để cố quên hay an ủi một sự thất bại; ái tình sẽ chiếm lấy cả tâm hồn ta, không nhường cho việc lớn ta đang theo đuổi một chỗ còn con.

Xem truyện "Sơ kính tâm trang", Quỳnh như biết rằng đó chỉ là thiên tình sử của hai người, nên càng cảm động và đọc đi đọc lại mãi đến thuộc lòng. Vì nàng thấy nhân vật t trong truyện toàn là những người hai bên họ Phạm và họ Trương cả: Trạch tung hầu thân phụ tác giả, chỉ mấy nét bút đủ vẽ rõ rệt:

Phạm công nặng sức cần vương,  
Giang sơn một gánh, cương thường hai vai.  
Khôn toan thay đổi cuộc đời,  
Lòng trời là thế, để người cho xong.  
Và đoạn dưới đây chẳng là hình ảnh người yêu còn là hình ảnh ai nữa?  
Căn gan tóc dựng đứng lên,  
Tuốt gươm chém án ngâm thiên ca rằng:  
Làm trai cho thoả chí trai,  
Trong trần ai chớ lụy ai tầm thường,  
Bốn phương hồ chỉ dây vàng,  
Nhảy từng đảo lãng, bắc thang vân cà,  
Tu mi tỏ mặt trượng phu,  
Đơn trung hiế ưu để trả thù non sông,  
Anh hùng ấy mới anh hùng,  
Thân nhân há sá học đồng thiên u niên..

Còn nàng, tác giả quên sao được nàng. Quỳnh Như mỉm cười đọc đoạn văn tả nhan sắc mình, mà tác giả đặt vào miệng tiểu đồng:

Trương công là đáng nghiên đường,  
Vốn giọng ngọc điệp, tên nàng Quỳnh Thư,  
Xuân hoa bực ấy đương vừa,  
Tuổi vừa đôi tám, phong thư lạ lùng.  
Thước tầm phong dạn bằng ông,  
Lam pha mây liễu, mỗ đồng da ngà,  
Chiều cá nhảy, vẽ nhạn sa,  
Mắt long lanh nguyệt, tóc rả rả mây,  
Má hồng môi thắm hây hây,  
Khổ mê thước dục, thức say hái đường,  
Chiền xanh ngọc, vẽ so vàng,  
Ôi hoa vì sắc, ủ hương vì màu.

## Quyển phóng

Hai bên tìm đủ cách để trao đổi thư từ văn thơ với nhau mà Trương công và Trương phu nhân vẫn chưa ngờ vực một tí gì.

Một đôi khi, những hôm mưa gió lớn, sấm chớp đầy trời. Phạm Thái cũng mơ màng tới sự nguy hiểm gian nan của thời oanh liệt, và nhớ tới bọn anh em đồng chí đương mạnh bạo quả quyết theo đuổi việc lớn. Những khi ấy, cái thú ủy mị của tình yêu vị tất đã thắng nổi cái thú xông xáo

theo tìm cái chết. Nhưng than ôi, cái chết thì xa mà tình yêu thì ở ngay bên cạnh, nó dễ dàng, nó an ủi, nó dẫn dụ mình vào cõi mộng.

Phạm Thái sợ nhất những lúc nhớ đến Nhị nương vì tình yêu của nàng đối với trần Quang Ngọc. Chàng mỉm cười, nghĩ thầm để chữa thẹn, tự tha thứ: "Người ta làm đảng trưởng có khác! Ta ví sao được?"

Rồi chàng giật mình kinh hãi, nhằm ôn lại những điều lệ nghiêm khắc của đảng Tiêu Sơn đối với các đảng viên, Phải, bị triều đình Tây Sơn truy nã thì còn có thể trốn tránh được, chứ bị đảng Tiêu Sơn kết án thì chỉ có một việc chờ chết.

Hôm nay Phạm Thái càng lo sợ và toan bỏ đi ngay. Chết, chàng không quản. Nhưng vì một người con gái, mà sao nhãng chí lớn, dù sao nhãng trong một thời kỳ ngắn ngủi, chàng lấy thế làm xấu hổ với lương tâm. Song một ý nghĩ còn giữ chàng lại, khác nào mảnh ván trôi sông giữ người đấm thuyền lên đèn trên mặt nước. Chàng tự nhủ thầm: "Ừ, sao ta không dụ Quỳnh Như vào đảng Tiêu Sơn, như ta vẫn định từ trước?"

Những hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ của Quỳnh Như tỏ ra rằng nàng là một thiếu nữ tài năng phi thường, chẳng kém gì Nhị nương. Chàng còn nhớ tới lời bình phẩm của Nhị nương khi chàng thuật truyện Quỳnh Như cho nghe. Nàng nói: "Đảng ta mà được người ấy thì hay biết bao!" Rồi Nhị nương khuyên chàng nên cám dỗ Quỳnh Như, đưa nàng vào đảng.

Phạm Thái mỉm cười: "Cám dỗ thì ta đã cám dỗ xong rồi. Chỉ còn việc đưa nàng vào đảng. Việc ấy có lẽ khó hơn nhiều. Vì chính ta còn đương mê muội trong vòng tình ái, ta phải làm một bài thơ trường thiên để gửi cho Quỳnh Như mà dụ nàng."

Phạm Thái vui mừng, hăng hái, lấy giấy bút ra viết.

Bọn trò nhỏ kể nghĩa xong đã xuống cả dưới nhà ngang. Chàng rất được bình tĩnh mà nghĩ thơ.

Nhưng chàng vừa mài xong mực, thì đưa thị tỳ lên nhà họ nói mượn cho Quỳnh Như bộ Đường thi. Kỳ thực nó chỉ cốt lên để trao cho Phạm Thái một bức hoa tiên.

Phạm Thái vội vút cả nghiên, cả bút, vội quên cả lời khuyên răn, dễ dàng: chàng chỉ còn trông thấy bức thư và nét bút của Quỳnh Như mà thôi. Chàng đọc đi đọc lại bài thơ viết theo điệu Tây Giang nguyệt rồi tiện bút tiện mực, chàng phúc đáp như sau này:

Ai lên tử các thanh vân,

Hỏi thăm ả Tố, chiều xuân thế nào?

Cầm âm một khúc gởi trao.

Cây lòng vì gió đưa vào xuân cung,

Oanh yến véo von gọi khách,

Cỏ hoa hớn hờ gọi ai,

Gió xuân hay hấy giục đưa người,

Để khiến lòng thơ bối rối.

Thấp thoáng thời oanh dật liễu,

Thung thẳng phấn bướm dôi mai,

Vũ lãng xa diễn biết bao vời!

Khôn hỏi Đào Nguyên đâu cả?

Không hỏi Đào Nguyên đâu cả?

Giòng ngư câu đeo lá tình chi,

May thay một hội tượng kỳ,

Đã bên tình phận lại bề phong lưu,

Câu hảo cầu đợi người thực nữ,

Năm mây phong đôi chữ đồng tâm.

Đón xuân nhắn với tri âm,

Tính tình xin tỏ tiếng cầm này cho,

Rắp hẹn hò, ngồi hoa đứng tuyết,

Lòng còn e khôn biết nói năng.

Bây giờ mượn gió cung Đàng,

Vì duyên đưa mối xích thẳng lại đây.

Thơ rằng:  
 Từ chốn thềm cung trộm dấu hương,  
 Dễ xui tao khách mối sầu vương.  
 Gió thông réo rắt trong đàn oán,  
 Trăng lạnh chênh vênh rạng bóng dương.  
 Nếu đã tình duyên vênh rạng bóng dương.  
 Nếu đã tình duyên dun dủi phận,  
 Thì xin ân ái vẹn nên đường,  
 Phong lưu đội lửa đà ai dễ,  
 Bụi tục chi cho bọn lóa gương?  
 Tục trần chi để lóa gương?  
 Tuyết, mai là tiết, liễu, dương, ấy tình,  
 Khôn hoa vừa mảnh phong thanh,  
 Nức gương kính các, nổi danh tao đàn,  
 Trong tình thú hồng nhan dễ mấy!  
 Chốn phòng trang trộm thấy phong quang.  
 Xui lòng du tử thêm càng,  
 Biết bao giờ vẹn lửa hương ước nguyện?  
 Tâm sự gửi hoa tiên một bức,  
 Từ chương khôn sánh bức hào hoa,  
 Những thi ân ái thế,  
 Tài nương xin hãy xét ta chữ tình,  
 Bóng quế mờ mờ trước óc,  
 Hơi hương hây hây bên thềm.  
 Ngón cầm diu dặt nhấn thấu đêm,  
 Văng vẳng khêu sầu đường điếm!  
 Cảnh tuyết ngoài rèm mới rớm,  
 Chồi mai bên cửa vừa cầm,  
 Vườn đào quạnh quẽ mượn ai tầm,  
 Mấy bức gấm phong im ỉm!  
 Im ỉm gấm phong mấy bức,  
 Điếm một ngày dằng dặc đường niên,  
 Để ai đưa đón cung tiên,  
 Xếp ghế vũ lại, để bên trường tình,  
 Mây phủ vóc hình thương cầu.  
 Nguyệt mờ ám vẻ ngọc thềm.  
 Bóng đèn xanh thắm lọt năm đêm,  
 Dì dũi khắp sầu khôn điếm.  
 Mấy tiếng khẽ thêm luống gầy,  
 Vài phen ngấm mực còn cầm.  
 Tuyết lòng thôn hạnh biết đâu tầm?  
 Chín khúc sầu trường im ỉm.  
 Im ỉm sầu trường chín khúc,  
 Mượn tiêu cầm đỡ lúc tương tư,  
 Cầm sao thấy điệu ngân ngơ,  
 Sầu ai luống để khách thơ thêm càng!

Viết xong, Phạm Thái đọc lại một lượt lấy làm vừa ý lắm. Lúc ấy có lẽ chí lớn đã hoàn toàn biến thành tình yêu.

Rồi chàng ngồi chờ thị tỳ lên để trao thư cho nó đưa xuống phòng thêu. Nhưng chờ mãi đến trưa vẫn không thấy nó lên.

Chàng sốt ruột liền nghĩ ra một cách, tuy hơi nguy hiểm nhưng rất giản dị: là viết phóng son cho hai đứa cháu Quỳnh Như tô. Chàng tự nhủ thầm: "Viết ra hai đoạn như thế, dẫu Trương công có đọc qua cũng chẳng hiểu được." Chàng sung sướng làm theo ý nghĩ rồi chiều hôm ấy, chàng bảo học trò đem phóng xuống cho Quỳnh Như xem.

Quỳnh Như ngồi bên cửa sổ, thêu chiếc rèm màn với chỉ kim tuyến. Đã mấy hôm nay, việc nữ công nàng biếng nhác. Sáng ngày, khung cửi im tiếng, xa không quay, quặng để nhện trắng. Nàng lấy nê mài thêu bức rèm màn tặng cha, nhưng bức rèm màn ấy mới xong được mười mũi chỉ. Nàng những mãi ngắm trời ngắm mây, ngắm hoa, ngắm bướm mà hết thì giờ.

Có khi đương giờ mũi kim, nàng ngừng lại, đứng dậy tìm bút mực và giấy hoa tiên, đề một bài thơ. Vì một con chim khuyển ở đầu cành liễu thướt tha trước gió, hay đôi bướm trắng đuổi nhau lượn vòng quanh bộ núi giả vừa gọi ra trong trí nàng một bài thơ tứ tuyệt, nên nàng vội ghi lên giấy những cảm tưởng dịu dàng với những vần êm ái, những điệu du dương.

Quỳnh Như đề xong thơ, mỉm cười lẩm bẩm: "Cũng khá đấy! Rồi ta nhờ Phạm quân nhuận sắc cho".

Tưởng tới Phạm Thái, nàng không khỏi bối rối. Nàng vẫn tự phụ rằng nàng có con mắt tinh đời, đã đoán biết Phạm Thái không phải là một thiền sư ngay từ khi chàng còn mặc áo cà sa và đeo tràng hạt. Nàng sung sướng tự nhủ thầm: "Tài ấy mà gặp buổi thái bình thì chẳng trạng nguyên cũng thám hoa, bằng nhỡn".

Một cảnh rực rỡ tưng bừng hiện ngay trước mắt tưởng tượng của nàng. Một trang phong lưu công tử vừa lĩnh mũ áo trạng nguyên, cưỡi ngựa vào cung dự yến. Áo màu lam, ngựa sắc trắng, tháp thoáng dưới lầu hồng, trong đám người xung quanh để xem mặt ông tân khoa. Ngồi trên lầu, nàng gieo xuống một quả cầu thêu chỉ ngũ sắc...

Quỳnh Như giật mình tỉnh mộng, vì nàng vừa ném ra vờn cuộn chỉ thêu đương cầm trong tay. Và nàng buông tiếng thở dài chán ngán, nhớ đến cái thân thể kỳ dị bí mật của người nàng yêu: "Ừ, lạ lùng thật! làm quân sư cho một tướng giặc, rồi đi tu, rồi lập đảng. Đời chàng sao mà nhiều gian nguy đến thế!"

Cái bóng ông trạng nguyên cưỡi ngựa bạch đã biến thành hình ảnh một tráng sĩ múa gươm trên lưng con ngựa nhuốm máu hồng phi nước đại ở giữa đám can qua, ở giữa tiếng chiêng, tiếng trống rầm trời, bụi bay mù mịt.

Quỳnh Như lo lắng, sợ hãi, tưởng tượng mình đương cùng người yêu đứng trong vòng tên đạn. Nàng tự thẹn và nhớ lại hôm mới biết Phạm Thái, nàng chỉ mong ước chàng theo đuổi chí lớn, giúp nhà Lê lấy lại giang sơn. Nhưng mấy tháng xa cách Phạm Thái đã làm cho nguội lạnh chí cao xa mà làm bùng bột tình thương nhớ. Bây giờ, nàng chỉ lo có một điều: là phải cùng Phạm Thái biệt ly.

Nàng đương ngồi buồn rầu suy nghĩ thì Trương Đăng Quế, cháu nàng, mang quyển phóng vào khoe:

- Cô ơi! Cô coi chữ cháu tô có tốt không?

Quỳnh Như sung sướng cầm xem, vì nàng vẫn khao khát được ngắm nét bút tươi tắn, mềm mại của Phạm Thái. Nhưng vừa đọc được mấy câu đầu, nàng đã phải mỉm cười:

- Cái anh chàng này mới ngộ nghĩnh chứ! Dạy trẻ viết chữ nôm, mà còn làm thơ nữa.

Má nàng dần dần nóng bừng. Nàng cất tiếng ngâm nga. Giữa lúc ấy, Trương công ở ngoài vườn cảnh đi tới, đưa cho nàng quyển phóng của Ngọc Dung, cháu gái nàng:

- Con tính ông đồ Phạm Lý thế này có dở hơi không? Để ông đồ dạy chúng nó làm thơ nôm!

Quỳnh Như mặt tái đi, nhưng ngàng trán tỉnh ngay được và ôn tồn đáp lại cha:

- Dám bẩm phụ thân, có lẽ chữ nôm cũng cần lắm, Thân phụ không coi mấy khoá trước, triều đình đều dùng chữ nôm để ra thi cống sĩ, bác sĩ. Muốn cháu Quế mai sau trở nên ông Nghè thì phải dạy nó học chữ nôm ngay từ bây giờ.

Kiến Xuyên hầu cười:

- Đành rằng thế, nhưng dạy một thằng bé bảy tuổi tô những câu thơ nôm mà nó không đọc được, thì cũng hơi quá.

Hầu vừa nói, vừa dương mực kính, rồi cầm quyển phóng đọc:  
Trong tình thú hồng nhan dễ mấy!  
Chồn phòng trong trộm thấy phong quan.  
Xui lòng du tử thêm càng,  
Biết bao giờ vẹn lửa hương ước nguyên?

Hầu nói tiếp:

- Đây, con coi, ông đồ họ Phạm, nguyên thiên sư, một là cuồng chữ, hai là...  
Quỳnh Như lo lắng đứng đợi thân phụ nói dứt câu, nhưng Trương công lảng ngay ra truyện khác và hỏi:  
- Con thêu xong cho cha bức rèm màn chưa?  
- Bẩm gần xong rồi ạ.  
- Con thêu mau cho chóng xong đi, nhé?  
Dứt lời, Trương công thông thả lên nhà trên, vờ để quên quyển vở của Ngọc Dung lại bên con gái yêu. Quỳnh Như mở vội ra xem thì ra hai đoạn, hai bài viết tập, ăn khớp nhau mà chấp thành một bài thơ, một bức thơ tình.

## Kén rẻ

Trương công vừa khoan thai bước vừa ngẫm nghĩ đến việc biến sắp xảy ra trong nhà mình. Ông buồn rầu tự nhủ: "nhà ta là một nhà thế phiệt đời đời khoa giáp xuất thân, không thể nào lại chịu để cho kẻ kia làm như nhục được!... Thà giết chết con gái đi còn hơn!"  
Dần dần ông cũng nguôi cơn giận: "Ừ, chẳng lẽ nó theo học đạo thánh hiền, mà lại bậy bạ được!... Ừ, cho dầu thằng kia có định tâm gửi thư trêu ghẹo con ta nữa, những con ta đã thuận đâu?... Phải để ta tra xét đã... Những hạng công tử sính thơ, gặp nguồn cảm hứng thì họ viết ra những câu tình tứ đó thôi, vị tất đã để tặng ai... Ta chẳng thấy có thầy khóa viết thơ gửi lên trời ve vãn con Ngọc hoàng đấy Kiến Xuyên hầu bật cười lên tiếng?  
- "Ồ! Tuổi trẻ!... Ngày xưa, chính ta đây thấy gái đẹp, ta chẳng ngâm vịnh là gì! Chẳng những ngâm vịnh, ta lại còn trêu ghẹo nữa kia..." Hầu vui vẻ nghĩ tiếp:  
- "Vả lại Phạm Thái cũng là một danh sĩ đời nay. Trí thức ấy, học vấn ấy, thực xứng đáng với tài mạo con ta... Được, để ta xem..."

Hầu bước vào trong nhà thì vừa gặp Trương phu nhân tiễn chân một bà khách ra cổng.

Một lát sau, chờ phu nhân trở lại. Trương công cười hỏi:

- Có điều gì vui mừng mà bà hí hửng thế?

Phu nhân cười hỏi lại:

- Đó ông biết việc gì?

- Việc của bà thì tôi còn biết sao được?

Trương phu nhân ghé vào tai chồng thì thầm:

- Ông Phủ Trịnh nhờ mới đến hỏi con Quỳnh Như Cho Cậu Trịnh Nhị.

Trương Công thờ dài không nói gì.

- Sao! Ông không ưng chẳng? ông phải biết ông phủ Trịnh giàu nhất phủ Kiến Xương...

Trương công cười gằn, ngắt lời:

- Thì nhà ta đã nghèo đói đâu mà cần bám vào nhà giàu, mà phải thông gia với nhà giàu?

- Vẫn biết thế, vẫn biết mình chẳng cần nương nhờ ai, nhưng con Quỳnh Như sau này thế nào cũng yên thân đỡ phải vất vả làm lụng.

Trương công gắt:

- Làm gì bà vội vồ lấy người ta thế! Thì hãy để xem thằng Trịnh Nhị học hành ra sao đã nào.  
- Điều đó thì ông chả phải lo. Khoa mới rồi giá đừng xảy ra việc mưu phá trường thi thì nay nó đã ông công rồi...

- Sao bà biết? Ý chừng bà mới bảo thế.

- Sao tôi chả biết! Để ông tưởng gả con lại không kén chắc. Tôi cho người dò la, chẳng những biết sức học của Trịnh Nhị, mà lại còn biết tính nết cậu ấy nữa kia.

Trương công cất đoạn câu truyện:

- Được, rồi biết.

Sáng hôm sau Trương công truyền làm một bữa tiệc thực long trọng rồi cho mời Trịnh Nhị đến dự.

Nhận được thiệp mời Trịnh Nhị hí hửng, vào khoe mẹ (Trịnh phu nhân vừa ở phủ về được mấy hôm để lo việc hỏi vợ cho con).

- Bẩm thân mẫu, việc xong rồi, Trương tướng công gửi thiệp mời con đến dự tiệc Trịnh phu nhân vui mừng:

- Thế à? Nhưng con chắc đâu là xong?

- Sao lại không chắc. Con sang đây sẽ giở hết tài ra, thì thế nào Trương tướng công cũng phải phục mà bằng lòng gả Quỳnh Như cho con.

- Nhưng con cũng nên cẩn thận, mẹ nghe nói Kiến Xuyên hầu học rộng tài cao, mà Quỳnh Như vào thơ lỗi lạc. Không khéo bị cha con họ lấn át thì nhục đấy.

Trịnh Nhị mỉm cười:

- Thân mẫu quá lo xa làm gì thế? Cứ một cái gia tài nhà ta cũng đủ xứng đáng với cái tài mạo của Quỳnh Như rồi. Vả lại tài năng là tài của một người con gái địch sao nổi tài cao, trí rộng của bậc nam nhi như con.

Chàng chấp tay chào mẹ rồi sửa soạn trang sức cực kỳ lịch sự: Tắm khăn nhiễu tam giang mới quần rất khéo làm lộ hẳn cái trán cao, chiếc áo gấm lam thêu kim tuyến thướt tha chấm gót, cái quần lụa ngà mây hồng phớt trộm gần kín đôi hài thêu. Trước khi ra đi, Trịnh Nhị không quên đánh qua một lượt phấn gạo rồi đem các bài thơ cổ đã học thuộc lòng ra đọc một lượt.

Xong rồi, chàng thông dong nhẹ bước tới biệt thự Kiến Xuyên hầu.

Đến cổng, chàng gặp một người y phục nhã nhặn vái chào và lễ phép nói:

- Tướng công tôi mời công tử vào chơi.

Trịnh Nhị trừng mắt nhìn rồi vái chào lại và hỏi:

- Thưa... Thưa ngài, dám xin ngài cho lãn sinh này được biết quý tính cao danh để lãn sinh được hầu truyện.

Phạm Thái vẫn lễ phép đáp:

- Thưa công tử chúng tôi họ Phạm tên Văn Lý, được Trương tướng công tìm đến dạy các cậu các cô con quan cố hiệp trấn Lạng Sơn.

Trịnh Nhị có vẻ kiêu hãnh:

- À! Thầy đồ. Vậy mời thầy đi, lãn sinh xin theo.

Phạm Thái cố nén lòng căm tức, ôn tồn nói:

- Thưa lãn tiên sinh, chúng tôi lấy làm...

Trịnh Nhị chau mày, ngắt lời:

- Thầy đồ mà không biết hai chữ lãn sinh ư? Tôi nhún mình mà tự xưng là lãn sinh, chứ có phải tên hiệu tôi là Lãn sinh đâu.

Phạm Thái vờ giật mình, xin lỗi:

- Chết chửa, chúng tôi vô tình xúc phạm tới công tử, xin công tử đại xá cho.

Vốn chúng tôi có biết tiếng cụ Lãn ông Nguyễn Hữu Huân, nên tưởng công tử cũng lấy mỹ tự Lãn sinh. Vậy xin công tử cho chúng tôi rõ quý hiệu, để chúng tôi được hầu chuyện.

Trịnh Nhị tỏ vẻ khinh bỉ, vờ không nghe rõ, rảo bước đi vào trong nhà, đến trước mặt Trương công và Trương phu nhân, lễ phép chấp tay vái:

- Văn sinh Trịnh Nhị xin cúi đầu lạy trình.

Trương phu nhân vội đứng dậy niềm nở mời chào:

- Mời công tử ngồi chơi.

Rồi phu nhân lắng vào buồng bên để mình Trương công tiếp hai chàng thiếu niên.

Quỳnh Như thấy mẹ vào, liền hỏi:

- Bẩm mẫu thân ai vừa đến chơi, con coi như người gặp ở chùa Non Nước ngày nào.

Trương phu nhân cười máng yêu con:

- Mày nấp nhìn trộm người ta đấy à? Ngày nay chúng mày đáo đẽ quá. Thời thầy mày làm rể, tao nghe nói đến tên ấy đã đi trốn biệt.

Quỳnh Như tái mặt suýt ngất đi: "Thì ra cái người đọc thơ cũ nhận là thơ của mình, cái cậu ám dốc ấy, chính là vị hôn phu của ta đó!"

- Con sao thế?

- Bẩm thân mẫu, con hơi váng đầu. Nhưng không sao!

- Vậy con đi nằm nghỉ.

- Bẩm được, thân mẫu để mặc con.

Rồi nàng tìm vào ngồi trong xó tối bưng mặt khóc thút thít. Nàng vụt nghĩ đến mấy câu thơ trong bài "Cầm tháo" của Phạm Thái:

Im im sâu trường chín khúc,

Mượn tiêu cầm đỡ lúc tương tư,

Cầm sao thấy điệu ngân ngơ,

Sầu ai luống khách thơ thâm cùng.

Nàng lau nước mắt rồi lẩm bẩm nói một mình.

"Hay chàng biết rằng ta sắp về tay người khác... Không, không thể nào thế được, thà ta tự tử cho hết kiếp, chứ bắt ta lấy con người dốt nát, đàn độn ấy thì ta nhất định không nghe".

Nàng lại nghĩ: "Can chi phải khóc lóc, buồn bã. Rõ ta cũng trẻ con! Vớ lại đã có gì gọi là chắc chắn!"

Rồi nàng gượng đi trang điểm, vì nàng sợ nhớ thân phụ vào trông thấy dung nhan tiều tụy mà hiểu thấu lòng nàng chẳng. Đoạn nàng đứng bên cửa buồng nấp sau bức rèm, ghé mắt nhòm ra nhà ngoài.

Lúc bấy giờ vừa bắt đầu vào tiệc. Trương công nâng chén nói:

- Ngày xuân không gì thú bằng uống rượu ngâm thơ. Lão gia nghĩ thế nên có buổi chén xoàng này mời hai thiếu niên thi sĩ đến chơi cùng nhau xướng họa cho lão được quên trong chốc lát cái tuổi già nua yếu đuối.

Trịnh Nhị nghĩ thầm: "Rõ Trương tướng công khéo bày vẽ giờ giọng văn hoa. Thì cứ nói phăng là thử tài chú rể này có xong không. Tài tướng công thì là một mớ tài cổ, ta không lo lắm. Vả dầu ta có kém thì con rể kém bố vợ, lý ấy là thường. Đến như cái anh đồ đạc kia, chẳng qua là một anh hủ nho, có hai chữ lãn sinh còn không thủng nghĩa, nói gì làm thơ phú?"

Không thấy ai trả lời, Trương công nói tiếp:

- Thế nào! Hai công tử nghĩ sao?

Trịnh Nhị mỉm cười vì chàng không hiểu sao Trương công lại gọi thầy đồ kia là công tử. Nhưng Phạm Thái đã đứng dậy chấp tay lễ phép nói:

- Bẩm tướng công, văn sinh học vẫn được mấy nả, mà dám múa diu qua mắt thợ, đánh trống qua cửa nhà sấm...

Trịnh Nhị tiếp:

- Sao mà ông đồ giỏi phương ngôn, tục ngữ thế?

Phạm Thái vờ không nghe rõ câu chế riễu, nói luông:

- Nhưng tướng công đã dạy đến, văn sinh đâu dám từ nan.

Tướng công cười:

- Phạm công tử nhún mình lắm?! Văn tài của công tử, lão gia còn lạ gì?

Trịnh Nhị giật mình: "Chết chưa, thằng này để thường đã xướng họa với Trương công nhiều lần rồi chẳng!"

- Trịnh công tử nghĩ sao?

Trịnh Nhị cũng đứng dậy trả lời:

- Dạ, xin tướng công cứ đề ra cho.

Trương công nâng rượu mời, rồi nói:

- Còn phải tìm đầu đề ở đâu nữa? Ta đương vui chén với nhau, chi bằng lá ngay đề "Ngày xuân uống rượu," mà vịnh một bài Đường luật thất ngôn bát cú.

Phạm Thái còn đương tìm vần thì Trịnh Nhị đã mỉm cười, nói:

- Dám bầm tướng công, làm bằng hán tự có được không?

- Cũng được.

- Vậy, văn sinh xin đọc:

Cầm giang xuân sắc hội thi ngâm,

Ngọc lũy phù vân biến cổ cầm...

Phạm Thái thản nhiên đọc luôn:

Bắc cực triều đình chung bất cải,

Tây sơn khẩu đạo mai tương xâm.

Rồi nói tiếp:

- Bầm tướng công, không ngờ, Đỗ, Trịnh lưỡng thi gia, lời văn lại giống nhau đến thế! Mà lại hợp lắm! Nhất là hai câu dưới.

Trịnh Nhị cãi:

- Bầm tướng công, anh đề này dám hỗn xược trước mặt tướng công. Bắc chúc cổ nhân là một sự thường chứ! Không đọc Lý Bạch, Đỗ Phủ, một thi sĩ đời nay chỉ viết nên những câu vô vị.

- Vâng, công tử dạy rất phải. Đã là văn nhân thì ai không đọc, không thuộc Đường thi. Chẳng nói ai, chứ như bỉ nho đây, giá không thuộc Đường thi, nổi điệu sao được với công tử.

Trương công sợ hai người sinh ra to chuyện, liền nói chữa cho Trịnh Nhị:

- Lão gia coi ra hai công tử cùng đọc rộng, nhớ nhiều. Bài thơ ấy thực lão gia chưa xem qua, thế mà hai công tử đều biết, đủ rõ học vấn hai công tử suýt soát nhau. Thôi tranh biện làm gì vô ích, xin hai công tử cạn chén rồi mỗi người làm một bài thơ nôm chơi.

Trịnh Nhị nhìn Phạm Thái cười nhạt:

- Vậy mời tiên sinh vịnh trước cho, lẫn sinh xin họa theo.

Phạm Thái ngả đầu, ung dung đáp:

- Xin lĩnh ý.

Rồi quay lại Trương công, chàng chấp tay vái:

- Bầm tướng công cho phép.

Trương công vui vẽ:

- Xin công tử cho nghe những lời châu ngọc.

Phạm Thái liền đọc:

Ngày xuân uống rượu

Hơi xuân hây hẩy động rèm dương,

Thổi hợn lẫn tẩn nước rượu vàng.

Rạng rỡ tiên hoa khoe tử sắc,

Nồng nàn thánh tửu tỏa mê hương.

Đầu xanh trước gió lao đao chuyển,

Tóc bạc sau mây lửa tỏa vương,

Có rượu có thơ xuân có mãi,

Một năm ba vạn sáu thiều quang.

Kiến Xuyên hầu vỗ đùi khen:



- Hay! Hay lắm! Có rượu có thơ xuân có mãi. Một năm ba vạn sáu chiều quang! Hay! Đúng lắm. Công tử làm lão gia trẻ hẳn lại.

Hầu cất tiếng cười vang, cặp mắt nheo, mặt hây hây đỏ. Rồi hầu thường Phạm Thái một chén rượu đầy, Phạm Thái tạ ơn, uống một hơi cạn.

Trịnh Nhị tức uất người, nhưng cũng gượng mời Phạm Thái một chén rượu nữa, Phạm Thái mỉm cười nói kháy:

- Thừa công tử, tài làm thơ ngu để chẳng bằng ai, nhưng tài uống rượu thì ít người bì kịp. Công tử ban thường, một chén, chứ đến mười chén, ngu đệ cũng không từ chối?

Chừng để kéo dài thời giờ ra, Trịnh Nhị vịn ngay lấy câu ấy, đứng dậy nói:

- Dám bẩm tướng công, Phạm công tử đã dạy thế, văn sinh xin phép tướng công mừng Phạm công tử đủ mười chén rượu nữa.

Trương công sợ Phạm Thái quá say, liền nói gạt:

- Rượu uống dần ít một mới ngon. Và hai công tử phải tỉnh mà làm thơ, chứ say li bì thì còn sao trông rõ cảnh mà ngâm với vịnh?

Phạm Thái đáp:

- Xin tướng công cứ cho phép văn sinh nhận mười chén rượu mời của Trịnh công tử.

Rồi chàng quay ra bảo Trịnh Nhị:

- Bỉ nho xin uống thật thông thả, để công tử có đủ thời giờ gọt dưa bài thơ họa cho được toàn bích.

Trương công nói:

- Phạm công tử cũng nên đọc lại bài thơ một lượt để Trịnh công tử nhớ kỹ lấy vạn Phạm Thái vâng lời cao giọng ngâm, vì chàng biết thế nào Quỳnh Như cũng nấp đầu đó để nghe. Ngâm xong, chàng ngồi yên, nhấp chén để Trịnh Nhị được bình tĩnh mà nghĩ thơ.

Nhưng khi chén thứ mười đã cạn. Trịnh Nhị vẫn loay hoay chưa tìm được vần.

Chàng đánh trống lảng nói với Kiến Xuyên hầu:

- Bẩm tướng công, cổ nhân dạy: "Xuất đối dị đối đối nan", quả không sai. Đối một câu đối, mà cổ nhân còn cho là khó hơn ra một câu đối, huống nữa lại họa một bài thơ. Kể họa bảy, họa bạ, thế nào xong thôi thì cũng dễ, nhưng họa được một bài nghiêm chỉnh cả từ lẫn ý, mà lại muốn có phần xuất sắc hơn bài xướng đề thì thực là khó khăn quá.

Trương công muốn giữ thể diện cho chàng một chút, gật gù nói:

- Phải lắm, công tử nói phải lắm. Vậy công tử bắt tất phải họa, cứ làm ngay một bài thơ khác, hoặc ngũ ngôn, thất ngôn, tứ tuyệt, hoặc cổ phong hay Đường luật bát cú cũng được.

Giữa lúc ấy một đũa thị tỳ ra, dâng lên Trương công một tờ hoa tiên mà nói rằng:

- Dám bẩm tướng công, có người mạo phép tướng công họa giúp Trịnh công tử một bài.

Trương công chau mày lắm lắm nhắm đọc, rồi cười bảo hai người:

- Lời thơ còn non nớt quá!

Phạm Thái xin được ngâm. Kiến Xuyên hầu liền đưa cho chàng bài thơ họa mà hầu thừa biết là tác phẩm của con gái yêu. Phạm Thái đọc thực to cốt để trên tức Trịnh Nhị.

Ngày xuân uống rượu

(họa nguyên vận)

Rực rỡ trời xuân ánh thái dương,

Xuyên qua chén rượu nhuộm màu vàng.

Hoa xuân hân đáo thắm phong nhụy, Men rượu nồng nàn ngát tỏa hương.

Má phấn say xuân hây ửng đỏ,

Thơ tình thiếu ưu rượu rối vẩn vương,

Tìm vần trong rượu vẫn không thấy,

Chỉ thấy xuân đầy vẻ diễm quang.

- Trời ơi! Hay! Hay quá, hay lẩn át hẳn bài xướng! Hay không tìm được lời mà khen ngợi nữa.

Trương công chữa thẹn cho Trịnh Nhị:

- Công tử khéo chế riếu quá. Thực Trịnh công tử nói không sai, họa vẫn khó hơn xướng. Đấy, hai công tử coi, trong bài họa vẫn nào cũng dùng ép cả: "Vấn vương" nghe sao được? Còn hai chữ "diệm quang" thực chẳng thoát tý nào.

Phạm Thái đã chệnh choáng hơi men, đứng dậy cãi:

- Bẩm tướng công chê bài họa thì văn sinh không phục. bài ấy hay, hay lắm. Câu phá mạnh mẽ biết bao, câu thừa tự nhiên lạ lùng. Hai câu thực tuy không đặc sắc, nhưng cũng chẳng dở. Hai câu luận thì âu yếm quá. Tuy hơi... chưa chát chút đỉnh Còn hai câu kết, trời ơi! Hai câu kết đến Lý Bạch cũng vị tất đã có hai câu kết ấy. Mà xin tướng công nhận cho điều này: Trong mỗi vế, chữ "rượu" đều đối với chữ "xuân", thực hợp với đầu đề "Ngày xuân uống rượu".

Trịnh Nhị tái mặt đi, xừng xô máng Phạm Thái:

- Thầy đồ vô lễ quá! Làm gì mà tướng công không nhận ra được, lại phải nhờ đến thứ thầy. Còn như thầy khen bài thơ họa hay, thì điều ấy chẳng lạ. Nó cũng na ná như bài thơ của thầy nghĩa là rất tầm thường.

Phạm Thái cười khinh bỉ không thèm đáp rồi thì thảm ngâm lại bài thơ. Đoạn chàng rót đầy một chén rượu mà mời rằng:

- Văn sinh, xin phép tướng công, tự thưởng một chén rượu, vì đã có diễm phúc được nghe một bài thơ hay.

Ngôn ngữ cử chỉ của Phạm Thái làm cho Kiến Xuyên hầu càng thấy rõ tình yêu của chàng đối với Quỳnh Như và càng mong ước cho hai người nên vợ, nên chồng. Hầu lại ngảnh nhìn Trịnh Nhị nghĩ thầm:

"Tài nữ mà sánh đôi với thằng ngu độn thì thực ngọc quý để ngâu vầy".

Nhưng Trịnh Nhị đã đứng dậy nói:

- Văn sinh xin đọc, có đoạn nào kém, nhờ tướng công phủ chính cho.

Rồi chàng cất tiếng ngâm ồm ồm:

Ngày xuân uống rượu

Ngày xuân uống rượu ngâm thơ tiên,  
Xuân thắm rượu nồng tỏa hơi men,  
Liều yếu trước thềm tha thướt lá,  
Đào thơ bên cửa thắm màu sen,  
Đưa thoi chim én bay vùn vụt,  
Xòe cánh bướm vàng lượn chập chờn,  
Nhấp chén toan đề bài vịnh cảnh,  
Nhưng còn mãi ngắm buổi xuân thiên.

Chàng vừa đọc dứt bài, bỗng có tiếng cười thê ở buồng bên vọng lại. Trương công cố thản nhiên, gật gù khen lớn để Trịnh Nhị không nghe thấy tiếng cười chế nhạo:

- Hay! Hay! Tuy vẫn không được chính lắm! Nhưng khuyết điểm nhỏ nhặt ấy kể chi?

Phạm Thái cũng khen mát:

- Bẩm vâng, hay thực mà không thất niêm một câu nào.

Trịnh Nhị tưởng hai người khen thành thực đã vội tự phụ:

- Dám bẩm tướng công, văn sinh quả không hay làm thơ nôm. Có thì giờ rảnh, văn sinh chỉ tập làm thơ chữ Hán. Rồi văn sinh xin đem trình Tướng công tập thơ của văn sinh, để tướng công nhân lãm.

- Phải đấy! Bây giờ thì mời hai công tử uống rượu đã, mà xin uống thực say cho.

## Nói chuyện văn chương

Phạm Thái đang ngồi mở quyển Hán để ra câu đối cho học trò nhỏ thì Kiến Xuyên hầu bước tới ôn tồn hỏi:

- Hôm qua công tử uống rượu say thế mà hôm nay cũng dậy sớm được?

Phạm Thái vội vàng đứng lên chấp tay vái dài:

- Bẩm tướng công, hôm qua vẫn sinh quá chén, có làm lỡ điều gì, xin tướng công tha tội cho.

Kiến Xuyên hầu vuốt râu cười ha hả:

- Đã uống thì phải say, say thì phải bỏ sự giữ lễ đi, như thế mới thú chứ.

Hầu lại cười rồi đột ngột hỏi:

- Công tử đã đọc thơ Mộc Lan chưa, nhỉ?

Phạm Thái hơi chột dạ, đứng ngẫm nghĩ tìm hiểu. Thì Kiến Xuyên hầu đã nói tiếp:

- Giá thời nay, người mình cũng viết theo đề ấy thì tất đã đổi lại. Chẳng hạn nói nàng Mộc Lan cải nam trang đi đánh giặc. Khi thắng trận về triều, gặp một ông trạng nguyên trẻ tuổi, liền phải lòng, rồi bỏ cả chiến bào mà mặc áo xiêm, rồi cùng trạng nguyên kết hôn. Viết như thế mới có hậu, phải không công tử?

- Dạ.

Phạm Thái sợ mướt mồ hôi, chân tay run lập cập, chàng nghĩ thầm: "Thôi, chắc Trương công đọc qua truyện "Sơ kính tân trang" của ta rồi. Ta đã dặn Quỳnh Như giữ kín không cho ai xem qua, sao nàng vô ý đến thế để Trương công vớ được Thế này thì còn gì là thể diện, còn gì là danh dự ta nữa?"

Nhưng chàng cũng đánh bạo đáp lại:

- Dám bẩm tướng công, tướng công dạy thế, thực là chu đáo. Nhưng kể bài thơ cổ cũng có nhiều câu khẳng khái.

- Thì vẫn khẳng khái, hùng dũng. Nhưng thời nay làm gì có hạng người khẳng khái, hùng dũng, phải không, công tử? Một bài thơ đầy ý tưởng uỷ mị mới tả được những tâm tình uỷ mị.

Rồi hầu cao giọng ngâm:

Vua ban vàng bạc Mộc Lan từ,

Liền cất Lan lên chức thượng thư,

Nhưng Lan chẳng thích làm quan thượng...

Thấy Kiến Xuyên hầu ngừng lại, Phạm Thái liền bạo dạn hỏi:

- Dám bẩm tướng công, tướng công dịch?

- Phải, lão gia cũng vừa ngẫu nhiên nghĩ mà dịch liêu một đoạn ra quốc âm, nhưng được có ba câu đã thấy cạn giọng... Kể nhà vua cũng nông nổi quá. Mới đem vàng, bạc, cùng chức thượng thư ra thử bụng tráng sĩ thì đã biết đâu rằng tráng sĩ chỉ thích được một con lạc đà để phi về quê thăm nhà? Sao không đem một công chúa diễm lệ ra, xem tráng sĩ có coi công chúa quý hơn con lạc đà không.

Phạm Thái cố lấy giọng tự nhiên đáp lại:

- Bẩm tướng công, thử như thế cũng vô hiệu, vì tráng sĩ chỉ là một thiếu nữ cải nam trang.

- Đành thế, nhưng nhà vua vẫn tưởng Mộc Lan là một nam nhi có dũng cảm.

Đến đây, Kiến Xuyên hầu phá lên cười, nói tiếp:

- Kể ra thời nay bọn nam nhi còn thua Mộc Lan nhiều!

Hầu vờ lờ lời xin lỗi, rồi lại nói:

- Lão già này rõ lắm cảm quá. Đương câu truyện van chương lại nói liên miên đến việc thì thế... À lâu nay công tử có làm được bài thơ nào hay đọc cho lão gia nghe với.

Phạm Thái chưa kịp trả lời, hầu đã khéo nói lảng, hình như cốt để chàng quên câu truyện Mộc Lan đi:

- Hay đại khái như bài thơ của Trịnh công tử hôm qua.

Cả hai cùng cười, Phạm Thái tưởng Kiến Xuyên hầu lên nhà trên đã mừng.

Nhưng hầu chỉ ra đứng ở hiên một lát, rồi lại quay vào hỏi Phạm Thái:

- Công tử hẳn đã đọc truyện Thôi Oanh Oanh?

- Bẩm tướng công, văn sinh mới được đọc bộ Tây Sương ký.

- Cũng được! Tuồng Tây Sương ký còn có phần đặc sắc hơn tiểu thuyết Thôi Oanh Oanh. Vậy công tử cho biết ý kiến về áng văn ấy.

Lần thứ hai Phạm Thái kính hãi, nhưng cố giữ nét mặt thản nhiên:

- Bẩm, văn chương rất hay.

Tướng công như không nghe rõ câu khêu gợi của Phạm Thái nói luôn:

- Bao giờ cũng vậy, loạn thường từ trong nhà loạn ra. Trương quân Thụy không phải là Thôi phu nhân thì gặp sao được Thôi Oanh Oanh. Đã không gặp mặt Thôi Oanh Oanh thì thơ từ xướng họa với nhau sao được? Giá Trương quân Thụy biết tự trọng mà lẳng lẳng bỏ ra đi, thì đâu đến nỗi xuác phạm tới danh tự nhà họ Thôi.

Thấy bọn trò nhỏ đã tề tựu lên học, Trương công mỉm cười gật chào Phạm Thái, rồi thông thả bước xuống thêm nói tiếp:

- Bỏ ra đi, rồi tùy ý, muốn đi hẳn không quay về nữa cũng được, hay muốn nhờ mối lái hỏi Thôi Oanh Oanh làm vợ cũng được.

Sáng sớm hôm sau, Phạm Thái cáo biết Kiến Xuyên hầu, xin phép về quê thăm nhà. Hầu đã thừa biết chàng chẳng còn họ hàng thân thích nào nữa. Song hầu không đã động gì đến điều ấy, cốt để chàng đi ngay.

Hầu vẫn yêu mến chàng và bằng lòng gả Quỳnh Như cho chàng, nhưng hầu muốn tránh hẳn sự hiềm nghi.

Chàng vừa đi được một lát thì mục mỗi nhà họ Trịnh đã sang nói chuyện về việc hôn nhân của Trịnh Nhi.

Trương công và Trương phu nhân hỏi ý kiến nhau. Nghe chồng ngỏ lời muốn gả Quỳnh Như cho Phạm Văn Lý. Trương phu nhân dấy nẩy, nhất định không bằng lòng nhận một anh sư phá giới làm rể.

Kiến Xuyên hầu biết Phạm Thái là con Trạch Trung hầu, nhưng không muốn tiết lộ tung tích của chàng ra với một ai, vì hầu đã rõ chàng đương bị triều đình truy nã. Hầu chỉ mỉm cười bảo phu nhân:

- Bà không ưng Phạm Văn Lý làm rể thì thôi. Nhưng tôi xin bà đừng vội hấp tấp gả hoài gả hủy cho một gã vô học.

Về các việc, mà nhất là việc hôn nhân trong một gia đình, bao giờ ý muốn của bà cũng lấn át ý muốn của ông. Dẫu ngày xưa hay ngày nay cũng thế thôi.

## Khóc Trương Quỳnh Như

Những nếp nhà lợp cói lẳng lẽ dưới sự sàu thăm vừa xảy ra: Cái chết của Trương Quỳnh Như.

Giữa hôm ăn hỏi linh đình, nàng đã nhờ chiếc giầy lụng nhiều đưa hồn về nơi cực lạc Trên thửa vườn cao, song song hai ngôi mộ chưa xây. Đó là nơi yên giấc trăm năm của Thanh Xuyên hầu và Trương Quỳnh Như vậy.

Trời đã gần tối mịt. Đường làng vắng ngắt kẻ vắng lai. Bỗng một kỵ sĩ phi ngựa tới, ghi cương ở bên cây liễu cạnh mồ, rồi nhẩy vội xuống, nằm vật ra đất khóc thảm thiết.

Người ấy là Phạm Thái, cựu quân sư của Nguyễn Đoàn, phó đảng trưởng kiêm chức quân sư của đảng Tiêu Sơn. Người ấy đã bao phen xông pha trong rừng gươm dáo, nay chỉ còn là một kẻ tầm thường không còn một chút nghị lực để phấn đấu.

Vì người ấy yêu.

Nằm khóc một hồi lâu, Phạm Thái ngồi dậy lau nước mắt, mở đũa lấy hương và sáp ra thắp.

Rồi quỳ bên mồ đọc bài điệu văn sau này:

Nương tử ơi! Chướng căn ấy bởi vì đâu? Oan thác bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nộ, thu lâu trăng rằm!

Lại có điều đau đớn thế! Nhà huyền ví có năm có bảy, mà riêng một mình nàng đeo phận bạc, thì lửa nguội, nước voi còn có lẽ. Thương hại thay! Hoa có một cành, tuyết có một quãng, nguyệt có một vàng, mây có một đoá. Thân hiếm hoi chừng ấy, nữ nào lấy đôi mươi năm làm một hếp, mà ngòm ngòm chốn non Bồng nước Nhược, đĩnh gì không đoái đến cỗi phù sinh.

Ví dù hếp mà tiên thù với tục, sao xưa ha vãng mệnh xuống trần chi? Nay đã nguyện thân này cho vẹn hếp thì cũng trọn ba vạn sáu ngàn ngày cho đủ lệ: nợ xuân huyền, kia phu tử góp với trần gian không chút bận, rồi sẽ rong chơi chín suối có gì riêng bổng vội vàng chi?

Ồ! Chữ mệnh hẹp hòi, chữ duyên suồng sã, những như thân gia ấy, tình cảnh ấy ngược xuôi kia cũng ngậm ngùi cho. Huống ta cùng nương tử, tuy chẳng thân kia thích nợ, những tình duyên là chừng ấy, cũng là một chút cương thường: dẫu rằng kẻ đây người đấy, song ân ái bấy lâu nay, đã biết bao nhiêu tâm sự!

Ta hăm hở chí trai hồ thỉ, bởi đợi tình cho nán ná nhân duyên: mình long đong thân gái liễu bờ, vì giận quá ngang tàng tính mệnh.

Cho đến nỗi hoa rơi lá rụng, ngọc nát châu chìm; chua xót cũng vì đâu?

Nay qua nắm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, xùi xụt hai hàng tình lệ, giải bày một bức khóc vãn; đốt xuống tuyền đài, tỏ cùng nương tử.

Đọc xong, Phạm Thái vừa khóc, vừa châm lửa đốt bài điệu vãn.

Rồi chàng lên ngựa đi.

## Trên đường thiên lý

Hai năm sau.

Một hôm trời đông đã về chiều. Trên con đường thiên lý, một thiếu niên tráng sĩ buông lỏng cương thong thả cho ngựa đi về phía Nam.

Về mặt chàng buồn rầu, chán nản. Y phục chàng đầy bụi và bùn.

Đến phố phủ Lý Nhận, chàng dừng ngựa trước cửa một tửu quán, vào đó nghỉ trọ một đêm để mai đi Nam Thành sớm.

Chàng đương ngồi nhắm rượu, đăm đăm suy nghĩ đến những sự biến cố của một đời vô định thì ở ngoài đường có tiếng ngựa hí.

Rồi theo đêm tối, theo luồng gió lạnh và hạt mưa phùn, một trang thiếu niên tuấn tú quăng mạnh mình vào trong quán:

- Sắp rượu mau, bớ chủ quán! Ta vừa đói vừa rét đây!

- Dạ!

Nghe giọng nói trong trẻo của khách mới đến người ngồi uống rượu phải ngừng đầu trông lên, chàng sung sướng cười bảo tửu quán:

- Lấy chén, lấy đĩa bát để công tử cùng ngồi uống rượu với ta cho vui.

Rồi chàng quay ra lễ phép nói với người kia:

- Thưa công tử, công tử cho phép tôi được hầu công tử đêm nay.

Một cái mỉm cười đi theo liền với chữ "đệm" có biết bao nhiêu nghĩa, khiến người mới đến hiểu ngay. Chàng lại gần thì thềm:

- Hiền huynh!

Người kia cũng thì thềm đáp lại:

- Hiền hữu.

Thì ra ngẫu nhiên Quang Ngọc và Nhị nương gặp nhau ở tửu quán bên đường.

Cơm rượu xong, chủ quán thấy hai người thân mật với nhau liền hỏi:

- Thưa hai công tử ngủ riêng giường hay cùng chung một giường?

Nhị nương phá lên cười, đưa mắt liếc Quang Ngọc, rồi đáp:

- Ta không quen ngủ chung với ai bao giờ. Nhưng bác quán cứ đi ngủ trước, để chúng ta bàn luận văn chương, nghe?

- Dạ.

Đêm đã khuya, hai người còn thì thầm nói chuyện. Nhị nương thuật với Quang Ngọc công việc điều tra của nàng về tung tích Phạm Thái: nào chàng mê man say đắm Quỳnh Như, nào Quỳnh Như tự vận vì chàng. Quang Ngọc lộ vẻ căm tức trên nét mặt. Chàng hỏi:

- Vậy bây giờ Phạm Thái ở đâu?

- Thưa hiền huynh, hai năm nay hắn đi biệt tích, chỉ lén về Thanh Nê có hai lần: một lần đọc bài khốc vãn, một lần để nghêu ngao hát bài triệu linh bên mồ người mệnh bạc.

Quang Ngọc cười chua chát:

- Không ngờ Phạm Thái mà trẻ con được đến thế nhỉ!

- Vâng, Phạm Thái cũng trẻ con như văn thơ của hắn.

Nhị nương mở khăn gói lấy đưa cho Quang Ngọc một tập giấy và nói tiếp:

- Đây, tác phẩm của anh chàng mê gái: mà ngu hữu đã sưu tầm được, tuy hãy còn khiếm khuyết nhiều.

Quang Ngọc đọc sơ một lượt, rồi buồn rầu, giận dữ ném tập thơ xuống giường. Nhị nương thờ dãi, hỏi:

- Hiền hữu định sao?

Quang Ngọc hỏi lại:

- Định cái gì?

- Việc đáng.

Quang Ngọc ngồi yên lặng giờ lâu, ngẫm nghĩ:

- Vận chưa gặp! Khó lòng quá!

Rồi chàng báo cho Nhị nương biết rằng Trịnh Trực đã bị hành hình ở Kinh Bắc, Đình Phùng bị bắt giải về Phú Xuân. Từ quán Bạch Phượng cũng đã đóng cửa, vì các bạn đồng chí tan tác cả, để nơi hội họp kia phỏng có ích gì!

- Còn Lê Báo?

- Lê Báo vẫn nương náu ở chùa Yên Tử trấn Hải Dương. Bây giờ hắn thành thực mộ đạo Phật như một nhà chân tu vậy.

- Thế chúng ta?

- Chúng ta chờ đợi dịp để hành động. Hành động là phận sự của chúng ta. Không hành động, thì đời chúng ta không còn có nghĩa gì nữa phải không hiền hữu?

Nhị nương mỉm cười:

- Thưa hiền hữu phải lắm.

Quang Ngọc như mê man nói luôn:

- Hành động! Hành động!

Nhị nương nhìn chàng, buông một tiếng thờ dãi não nuột.

Sáng hôm sau hai người từ biệt nhau: Nhị nương ngược Bắc thành, Quang Ngọc xuôi Nam thành hẹn một ngày kia sẽ hội ngộ.

Nhị nương kim cương ngựa, hỏi với một câu:

- Nhớ không hội ngộ?

- Cũng chẳng sao? Vì linh hồn chúng ta bao giờ cũng ở bên nhau. Một người trong bọn ta làm một việc trái với bổn phận, đã tưởng nghe rõ tiếng thống trách của bạn đã tưởng nhìn thấy cặp mắt nghiêm nghị của bạn. Mà khi ta có việc đáng thi hành ngay, ta đã tưởng trông thấy cái gật

biểu đồng tình của bạn rồi. Vậy thì chúng ta có ở xa nhau đâu? Tình bằng hữu của chúng ta đã thành một sự thiêng liêng.

Nhị nương chấp tay vái.

- Vâng, tình bằng hữu của đôi ta!...

Rồi nàng rẽ cương quay đi.

Qua quãng đường gần một khuỷ sông Đáy, nàng vắng vẳng nghe có ai hát nghêu ngao. Kim cương ngựa nhìn kỹ, nàng thấy ngồi dưới gốc đề bên bờ sông, một anh chàng câu cá, đầu đội nón tre đan, vai khoác áo lá.

Cho ngựa thông thả bước tới gần, nàng dừng lại ngắm nghĩa: người câu cá đưa hồ rượu lên miệng một hơi rồi ngâm:

Sống ở dương gian đánh chén nhà,

Chết về âm phủ cấp kè kè,

Diêm vương phán hỏi rằng: chi đó?

Be!

Nhị nương đoán chắc là Phạm Thái, nhưng vẫn yên lặng ngồi trên mình ngựa để chờ xem anh chàng chán đời kia còn làm những trò gì nữa.

Thì Phạm Thái lại cất giọng ngâm:

Đưa lời cho tới cung mây,

Sau này xin gửi cho dây với cùng,

Túi thơ hồng trách ai se mối,

Đến nửa chừng bỗng mới dẫn ra,

Cắm thay một ả trắng già,

Trêu người chỉ mãi chẳng tha thể này.

Nhị nương giật cương ra roi phi thẳng.

Nghe tiếng động, người câu cá quay lại, cười lớn:

- Mời khách qua đường hãy dừng vó ngựa uống với ta một hớp rượu! Ha ha! *Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu.*

Nghĩ một lát, chàng lại nói:

- Ha ha! *Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ nhân.*

(Hết)